

TS. VŨN THỊ THANH MAI

Hồ Chí Minh



HÀNH TRÌNH TỪ LÀNG SEN ĐẾN BA ĐÌNH (1890 - 1969)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Mã số: $\frac{3K5H6}{CTQG - 2010}$

TS. VĂN THỊ THANH MAI

Hồ
Chí
Minh
HÀNH TRÌNH
TỪ LÀNG SEN
ĐẾN BA ĐÌNH
(1890 - 1969)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2010

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam. Ở Người kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc gắn liền với phẩm chất cao quý của người cộng sản trong thời đại mới. Cuộc đời vĩ đại và tên tuổi của Người đúng như UNESCO đã từng ghi nhận là: "một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của

mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau".

Với hành trình 79 mùa xuân từ làng Sen đến Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức của Người chính là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc, mãi là "tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại" là ánh sáng soi đường để cách mạng Việt Nam vững bước đi lên.

Dựa vào các nguồn tư liệu cùng với kết quả nghiên cứu của những người đi trước, cuốn sách *Hồ Chí Minh - Hành trình từ làng Sen đến Ba Đình (1890 - 1969)* do TS. Văn Thị Thanh Mai biên soạn là một việc làm có ý nghĩa và phục vụ thiết thực cho cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đang được đẩy mạnh trong toàn Đảng và toàn dân ta hiện nay.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2010
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ
QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Sau 40 năm đi xa (1969-2009), cuộc đời hoạt động cách mạng đầy thăng trầm nhưng rất đổi vinh quang và những trước tác của Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam vẫn hiển hiện trong trái tim, khối óc những người con đất Việt, trong lòng nhân dân các dân tộc yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý. Có thể nói rằng: "Những người trên thế giới này, ngay trong một nước cũng như từ nước này sang nước khác, có biết bao nhiêu điều không giống nhau, thậm chí trái ngược nhau về cảnh ngộ sống và lý tưởng sống, về trình độ hiểu biết, về xu hướng chính trị, xã hội hay tôn giáo. Nhưng miễn là không phải bọn áp bức, bóc lột, bọn xâm lược và tay sai của chúng, thì mỗi người đều có thể thấy ở cuộc chiến đấu và cuộc sống của Hồ Chủ tịch những điều mà mình hằng mong mỏi, những giá trị tinh thần mà mình thiết tha, những mục tiêu mà mình khao khát

muôn vươn tới"¹.

Hành trình 79 mùa xuân cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - người con ưu tú nhất của dân tộc Việt, Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông, đất nước ta - từng được công bố rộng rãi trong các ấn phẩm: *Tiểu sử Hồ Chí Minh* (1960), *Hồ Chí Minh tiểu sử* (1970), *Hồ Chí Minh tiểu sử* (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử* (2008), đặc biệt là cuốn *Hồ Chí Minh - Một cuộc đời* của Williams.J.Duke, *Hồ* của Davit Halberstam, v.v., cùng những nhận xét, đánh giá của các nguyên thủ quốc gia, những vị chính khách, các nhà nghiên cứu quốc tế về Hồ Chí Minh. Là người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam và nhân dân các dân tộc bị áp bức, nhằm thực hiện một sự giải phóng hoàn toàn, Hồ Chí Minh là người đứng như tiền sĩ M.Atmét (Modagat Ahmet), Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã khẳng định: "Có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tình hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.95-96.

Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này"¹.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất, nhân dân đói khổ lầm than, được nuôi dưỡng bởi những truyền thống tốt đẹp của một đất nước có hàng ngàn năm văn hiến, Hồ Chí Minh rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Là một người yêu nước, nhưng Hồ Chí Minh đã sớm trở thành một người cộng sản. Trong hành trình vạn dặm, bên ba tìm đường giải phóng dân tộc và nhân loại cần lao, Người đã thấu hiểu, tìm kiếm và đoàn kết những người bị áp bức. Trong trái tim Người có "lòng nhân ái cao cả" của Đức Chúa Giêsu, có tinh thần "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" của Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1789 và ngời sáng phẩm chất đạo đức cách mạng "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư", mình

1. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.37.

vì mọi người của những người cộng sản. Để đạt được khát vọng của cuộc đời mình, Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân ở các thuộc địa đoàn kết lại và đoàn kết với giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở chính quốc, đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng. Với mục tiêu đấu tranh đòi phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột, giải phóng triệt để cho giai cấp vô sản và nhân dân lao động bị áp bức trên toàn thế giới, xây dựng một xã hội mới "dân chủ ngàn lần hơn dân chủ tư sản", Hồ Chí Minh đã trở thành người khởi xướng phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

Đồng hành cùng dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930-1945), trong hai cuộc trường chinh trường kỳ gian khổ, đầy mất mát, hy sinh chống thực dân Pháp (1946-1954) và đế quốc Mỹ xâm lược, đồng thời xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1969), cuối cùng Hồ Chí Minh và cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam do Người lãnh đạo đã thắng lợi. Những thành công đó gắn liền với đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần to lớn vào sự nghiệp xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa

thực dân mới trên hành tinh của chúng ta. Hồ Chí Minh là người đã dành cả cuộc đời mình, gắn bó chặt chẽ cuộc đời mình với lý tưởng cao đẹp: giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội. Người là vị lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì sự nghiệp thống nhất nước nhà, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ.

Đã có rất nhiều những lời ngợi ca, song hàm chứa trong những lời ngợi ca đó, chính là sự khẳng định: Dường như tất cả những gì tốt đẹp của dân tộc trong hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đều sống dậy, hội tụ trong Hồ Chí Minh, nơi tinh hoa của dân tộc được kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao của tư tưởng loài người trong thời đại mới. Cuộc đời Hồ Chí Minh thực sự là một tấm gương đạo đức và nhân cách thanh cao của người chiến sĩ cách mạng, hết lòng tận trung với nước, tận hiếu với dân. Con người "vì nước quên thân, vì dân phục vụ" đã không có một gia đình riêng, "gia đình của Người là Nhân dân, là Đảng và Tổ quốc"¹. Vì vậy,

1, 2, 3. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.130, 41,

"Người được yêu mến, khâm phục và kính trọng trên toàn thế giới"², bởi vì "tuy thuộc nhân dân Việt Nam, Người vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc"³.

Cuộc đời Hồ Chí Minh và đức độ của Người là hiện thân của sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc gắn liền với phẩm chất cao quý của người cộng sản trong thời đại mới, mà biểu hiện rực rỡ nhất là tình đoàn kết quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh không chỉ yêu Tổ quốc và nhân dân mình, Người còn luôn mơ ước, phấn đấu cho một xã hội tốt đẹp, hòa bình và hạnh phúc cho tất cả những người cùng khổ. Vạch đường, chỉ lối, đoàn kết họ, Hồ Chí Minh đã kiên định thực hiện khẩu hiệu nổi tiếng: "*Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!*". Sau khi sang thăm Việt Nam năm 1961, được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp, nhà thơ Ronê Đơ Pêtorô (Haiti) đã viết về Người: "Những ai được biết thế nào là một người thực sự, vẻ đẹp của thế giới ở đâu, sự chiến thắng của chân lý trên trái đất ở đâu, ở đâu có mùa xuân, xin hãy đến thăm cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí

Minh, sự tồn tại điển hình của một anh hùng của thời đại chúng ta". Trái tim Người, cho đến hơi thở cuối cùng, vẫn dành để cống hiến cho mọi người, cho dân tộc và cho nhân loại, vì vậy: "Loài người sẽ mãi mãi nhớ đến nhà yêu nước vĩ đại Hồ Chí Minh, đó là một trong những chiến sĩ vĩ đại nhất đã bảo vệ tự do và phẩm cách con người trong một thế giới đầy lo âu và biến động"¹.

Nêu cao đức hy sinh, sự liêm khiết, tinh thần bất khuất, dũng cảm, Hồ Chí Minh "tượng trưng cho cuộc đấu tranh cách mạng, cho sức mạnh cách mạng của nhân dân"². Mỗi khi nói về Hồ Chí Minh, những người đã từng một lần được gặp gỡ Người, đều có chung một nhận xét: Điểm đặc biệt làm nên một Hồ Chí Minh - người anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, chính là sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với cuộc đời thường vô cùng bình dị, nhân ái và hoà đồng của Người. Hồ Chí Minh không chỉ giản dị trong đời sống, Người còn giản dị trong tác phong,

1. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.III, tr.339.

2. *Báo Người dân tộc* (Tandania), ra ngày 6-9-1969.

trong mỗi lời nói, bài viết và tâm tư tưởng lớn lao trong những trước tác của Người đều toát lên từ những ngôn ngữ ngắn gọn, bình dị đó.

Hồ Chí Minh là vậy, Người thường dùng sự giản dị của ngôn từ để biểu đạt tâm lớn lao của tư tưởng. Vì vậy, tư tưởng của Người hiện hiện được thể hiện trong các tác phẩm nổi tiếng như: *Đường cách mệnh* (1927), *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng (1930), trong những văn kiện của các hội nghị Trung ương Đảng năm 1941, trong *Ngục trung nhật ký* (1942-1943), *Sửa đổi lỗi làm việc* (1947), *Đạo đức cách mạng* (1958), *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969), v.v., cuối cùng là bản *Di chúc* lịch sử và cuộc đời, sự nghiệp, tấm gương đạo đức "quên mình cho hết thảy" của Người trường tồn cùng lịch sử. Hồ Chí Minh, con người và nhân cách vĩ đại đã không chỉ thuộc về hiện tại, Người còn thuộc về tương lai. Sự nghiệp cách mạng mà Người phấn đấu hy sinh là sự nghiệp nhân văn cao cả. Từ Người không chỉ toả ra nền văn hóa của tương lai như Ôxíp Mandenstam từng nhận định từ năm 1923, từ Người còn toả ra và sáng lấp lánh những phẩm cách đẹp đẽ nhất của một con người trong tương lai.

Trong cuốn sách *Tiểu sử Hồ Chí Minh* bằng tiếng Pháp (xuất bản lần đầu năm 1967 và sau đó được dịch ra bằng nhiều thứ tiếng), được coi là một tác phẩm thành công nhất của phương Tây viết về Hồ Chí Minh, Jean Lacouture đã nhận định: "Trong đời tôi, có lẽ chưa gặp một người nào lại tìm mọi cách để tránh đổ máu như ông (tức Hồ Chí Minh - TG)... Tôi nghĩ rằng, ông vừa là một nhà cách mạng vừa là một người yêu chuộng hòa bình". Trong cuốn sách *Hồ Chí Minh - Một cuộc đời*, W. Duiker, cũng từng viết rằng: "Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng có tầm vóc quốc tế. Theo tôi, ông đã xây dựng tư tưởng của mình trên nhiều nền văn hóa và cách ông nhìn nhận thế giới mang tính toàn cầu". Còn Staley Karnow, người gắn với bộ phim nổi tiếng *Việt Nam - Một thiên lịch sử truyền hình*, đã nhấn mạnh rằng: "Hồ Chí Minh là nhân vật quan trọng của thế kỷ XX. Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến tranh dài nhất trong lịch sử nước Mỹ. Lần đầu tiên trong lịch sử, nước Mỹ đã thua trận và chính ông đã tìm cách đánh bại nước Mỹ - đất nước được coi là hùng mạnh nhất thế giới", mở ra một thời kỳ "hậu chiến tranh Việt Nam" trong đời sống chính trị của nước Mỹ.

Với những gì Hồ Chí Minh đã nói, đã làm,

đã cống hiến và để lại trong hành trình từ làng Sen đến Ba Đình (19-5-1890 - 2-9-1969), cuối cùng, có thể nói như nhà sử học Alain Rucio rằng: Giá trị tư tưởng đạo đức và giá trị chính trị trong con người Hồ Chí Minh luôn gắn kết với nhau, vì tất cả đều xoay quanh vấn đề tôn trọng nhân dân, vì nhân dân và Người "không có những mối bận tâm nào khác ngoài bận tâm chăm lo cho nhân dân". Bởi vậy, thế giới dù có đổi thay, nhưng chừng nào con người và ký ức của loài người còn tồn tại, chừng đó vẫn còn hiển hiện chân dung *Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất* của Việt Nam, một trong những vĩ nhân của thế kỷ XX.

Với ý nghĩa đó và tấm lòng kính yêu Chủ tịch Hồ Chí Minh, dựa vào các nguồn tư liệu cùng kết quả nghiên cứu của những người đi trước, tác giả đã biên soạn cuốn sách: ***Hồ Chí Minh - Hành trình từ làng Sen đến Ba Đình (1890-1969)***. Tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc.

TÁC GIẢ

I

TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG (1890 - 1911)

Chủ tịch Hồ Chí Minh, tên thời thơ ấu là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19-5-1890, tại quê mẹ là làng Hoàng Trù (còn gọi là làng Trù), thuộc xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; nên Người mang đậm trong mình dấu ấn truyền thống của vùng đất xứ Nghệ, của nhân dân Kim Liên giàu lòng yêu nước, cần cù trong lao động, tình nghĩa trong cuộc sống và kiên cường, bất khuất trước kẻ thù.

Hoàng Trù - quê ngoại của Nguyễn Sinh Cung - là một trong bảy làng của xã Chung Cự ngày xưa, nằm ven tỉnh lộ số 49 Vinh - Nam Đàn - Thanh Chương - Đô Lương, ở về phía tây, cách thành phố Vinh 13km. Hoàng Trù nằm gần sông Lam giữa một vùng sơn thủy hữu tình. Từ làng Trù, nhìn về phía đông là núi Quyết của thành phố Vinh; phía nam là dãy núi Hồng Lĩnh và núi Thành gần với tên tuổi người anh hùng Nguyễn Biểu; phía tây là núi Hùng Sơn, còn gọi là Rú Đụn, và xa hơn là một màu xanh của dãy Thiên

Nhẫn; phía bắc là dãy núi Đại Huệ. Cảnh núi sông đẹp, nhưng làng Hoàng Trù nghèo, bởi nắng lên là hạn, mưa to mấy ngày là lụt. Dân Hoàng Trù vừa làm ruộng, vừa phải làm nhiều nghề phụ khác, như mộc, rèn, dệt vải,... mà cuộc sống vẫn đầy khó khăn.

Quê nội của Nguyễn Sinh Cung là làng Kim Liên, còn có tên nôm là làng Sen với rất nhiều loại sen trắng, sen hồng luôn tỏa hương làm mát dịu không khí cả một vùng. Kim Liên cách Hoàng Trù 2km, nằm cạnh một quả đồi không cao mà dân làng vẫn quen gọi là núi Chung. Mặc dù là một làng quê nghèo, nhưng Kim Liên là vùng đất có nhiều di tích lịch sử và anh hùng hào kiệt. Từ núi Chung, phóng tầm mắt nhìn về phía tây là Rú Đụn (Hùng Sơn), có thể thấy "cây mọc tựa gươm bay giáo dựng" như một đoàn quân dũng chiến. Phía đông nam núi Chung là núi Lam Thành, nơi Nguyễn Biểu, một sứ thần đời hậu Trần (thế kỷ thứ XV), đứng trước kẻ thù đã "không run sợ, nét mặt vững vàng, lời nói mạnh bạo" làm cho tướng giặc Minh là Trương Phụ phải e ngại. Tấm gương sáng ngời khí tiết của ông còn lưu truyền lại qua sự tích "ăn cổ đầu người". Phía tây nam núi Chung là dãy Thiên Nhẫn (nghìn đỉnh) uốn lượn như "đàn ngựa ruổi quanh". Nơi đây, Lê Lợi, Nguyễn Trãi xây thành Lục Niên trong

thời chống quân xâm lược nhà Minh. Nghĩa quân Lam Sơn đã ghi vào lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc những chiến công hiển hách trên đất Nghệ An. Cách núi Chung khoảng 3km về phía đông là làng Thái Xá (nay thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An), quê tổ của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ. Phía bắc núi Chung là các làng Xuân Hồ, Xuân Liễu, nằm dưới dãy Đại Huệ, nơi tập kết nghĩa binh của Hội văn thân Nghệ - Tĩnh làm lễ tế cờ, mở đầu khởi nghĩa Giáp Tuất (1874) nhằm đánh "cả Triều lẫn Tây". Đây cũng là vùng từng bị giặc Pháp tàn sát, thiêu hủy tan hoang.

Nhiều vô cùng những câu chuyện kể về những di tích lịch sử trong huyện, trong tỉnh, những nơi đã từng chống chọi với các thế lực bành trướng phong kiến phương Bắc và bọn đế quốc phương Tây. Và cậu bé Cung thuở nhỏ mỗi khi ra lò rèn của Cổ Điền chơi, ngoài việc được nghe những câu chuyện trạng tiểu lâm còn ấn tượng mãi những câu chuyện lịch sử về những cuộc khởi nghĩa, những trận đánh ác liệt chống lại kẻ thù. Đó là những sự kiện về phong trào Cần Vương, năm 1885, vua Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết và những người thuộc phái chủ chiến đã mở cuộc

tiền công quyết liệt vào quân đội Pháp ở Huế. Sau khi rút khỏi kinh thành Huế, nhà vua chạy ra Quảng Trị, xuống Chiêu Cần Vương, kêu gọi nhân dân chống Pháp. Hưởng ứng Chiêu Cần Vương, ở làng Sen, Vương Thúc Mậu cũng đứng ra lập đội quân mang tên Chung nghĩa binh (đội nghĩa quân núi Chung) đánh nhau với quân Pháp nhiều trận. Sau bị giặc vây bắt, khí tiết anh hùng của ông lúc tuổi trẻ còn lưu truyền mãi. Con ông là Vương Thúc Quý, nối nghiệp cha, sau cũng hăng hái tham gia phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của Phan Bội Châu.

Đó cũng còn là niềm tự hào của cậu bé Cung khi được biết, ngay trong họ Nguyễn Sinh của mình cũng có người gia nhập nghĩa quân Phan Đình Phùng. Đó là ông Nguyễn Sinh Quyền, một "Chung nghĩa binh" dưới lá cờ Cần Vương của Vương Thúc Mậu. Sau khi cụ Vương Thúc Mậu tử tiết, ông cùng một số bạn chiến đấu vượt sông, lội suối, trèo non vào tận núi Vụ Quang (huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh) gia nhập nghĩa quân Phan Đình Phùng. Khi cuộc khởi nghĩa Hương Khê bị đàn áp, ông bị giặc bắt giải về tận làng Sen xử chém. Khí tiết và tấm lòng yêu nước của ông trước lưỡi gươm của kẻ thù là hình ảnh không

bao giờ phai mờ trong tâm trí của nhân dân làng Sen.

Quê hương làng Sen của Nguyễn Sinh Cung còn có Hoàng Phan Thái, người huyện Nghi Lộc, cách Nam Đàn không xa, thi hương đỗ đầu xứ Nghệ được các nhà nho kính trọng, gọi là "đầu xứ Thái". Nhưng Hoàng Phan Thái không lập thân bằng văn chương trong khi đất nước đang rên xiết dưới ách thống trị tàn bạo của kẻ thù. Nghe tin Tự Đức ký nhượng các tỉnh Nam Bộ cho Pháp, ông vô cùng căm giận. Ông chiêu tập nghĩa binh, tự xưng là "Đông hải Đại tướng quân", quyết chống lại sự đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn.

Không chỉ giàu truyền thống đấu tranh anh dũng chống lại kẻ thù, địa danh Kim Liên còn tự hào là đất văn vật, chốn thi thư. Tuy nghèo và cuộc sống vô cùng lam lũ, vất vả nhưng Kim Liên mang truyền thống hiếu học của xứ Nghệ. Từ năm 1635 đến năm 1918, qua 96 khoa thi hương và thi hội, làng Kim Liên đã có 53 người đỗ đạt¹. Trong làng, nhiều người mở lớp chữ Hán để dạy học trò. Tuy số khoa bảng không nhiều, nhưng nho sĩ ở làng Kim

1. Xem: Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr.14.

Liên khá đông, và Kim Liên trở thành nơi lui tới của các nho sĩ quanh vùng. Đầu thế kỷ XX, đất Nam Đàn có bốn người học giỏi, được gọi là "tứ hổ", và một trong số đó là ông Vương Hữu Lương - người làng Kim Liên. Trong bài văn mừng ông Nguyễn Sinh Huy đỗ Phó bảng, cử nhân Vương Thúc Quý người làng Kim Liên từng tự hào viết rằng: "*Làng ta, đất văn vật, chốn thi thư*".

Cả hai làng Kim Liên và Hoàng Trù còn là đất "hát phường vải" - một sinh hoạt văn hóa dân gian đã có từ lâu đời. Hát phường vải là nguồn vui trong lao động, là dịp để con trai, con gái qua lời thơ tiếng hát mà thử tài ứng đối, thể hiện trí thông minh, hóm hỉnh của mình. Bà Hoàng Thị An, dì của Nguyễn Sinh Cung cũng nổi tiếng một thời về tài đối đáp thông minh trong hát phường vải.

Ông ngoại Nguyễn Sinh Cung là Hoàng Xuân Đường, một nhà nho tuy chỉ đỗ "nhị trường"¹, nhưng dân làng vẫn yêu mến gọi là cụ Tú Đường. Cụ mở lớp dạy chữ Hán ngay tại nhà cho một số con em trong làng.

1. Mỗi khóa thi hương ngày xưa thường có ba, bốn kỳ thi, vượt kỳ thứ nhất mới được vào kỳ thứ hai. Đỗ "nhị trường" là mới đỗ hai kỳ. Người nào đạt "tam trường" được lấy đỗ tú tài, đạt cả bốn trường được lấy đỗ cử nhân.

Bà ngoại Nguyễn Sinh Cung là Nguyễn Thị Kép, làm ruộng và dệt vải để nuôi gia đình. Gốc tích dòng họ của bà theo gia phả họ Hoàng là ở thôn Nội, xã Hoàng Vân, tổng An Lạc, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam, nay là thôn Vân Nội, xã Hồng Tiên, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Phụ thân của Nguyễn Sinh Cung là ông Nguyễn Sinh Sắc, sinh năm 1862¹, quê ở làng Kim Liên cùng thuộc xã Chung Cự, cách Hoàng Trù 2 km (nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), là con vợ thứ của ông Nguyễn Sinh Nhậm và bà Hà Thị Hy, người làng Mậu Tài, xã Chung Cự.

Ông nội của Nguyễn Sinh Cung tên là Nguyễn Sinh Nhậm (còn có tên là Nguyễn Sinh Vượng), thuộc đời thứ mười của họ Nguyễn Sinh. Đó là một con người cao lớn, khỏe mạnh, có học, tính tình vui vẻ, nhân hậu, luôn sẵn sàng giúp đỡ những người gặp khó khăn. Ông lập gia đình sớm, sinh được một người con trai, đặt tên Nguyễn Sinh

1. Trước đây có sách ghi là năm 1863, nhưng các văn bản của triều Nguyễn bổ nhiệm ông, cũng như danh sách trúng tuyển kỳ thi hội năm Thành Thái thứ 13 đều ghi ông sinh năm Nhâm Tuất (1862). Qua nhiều nguồn hồi ký cho biết: ông Nguyễn Sinh Sắc lên ba tuổi (tuổi âm lịch) thì bố là Nguyễn Sinh Vượng mất (7-1864). Từ đó, chúng tôi cho rằng ông Nguyễn Sinh Sắc sinh năm 1862.

Trợ, sau đôi là Nguyễn Sinh Thuyết. Tuy nhiên, khi Trợ đến tuổi thiếu niên thì mẹ mất. Rất lâu sau khi mãn tang vợ, ông Nhậm đã gán bó cuộc đời mình với bà Hà Thị Hy. Hai năm sau, bà Hy sinh con trai. Cậu bé được đặt tên là Nguyễn Sinh Sắc. Nhưng khi Nguyễn Sinh Sắc tròn ba tuổi, bà Hà Thị Hy qua đời và chỉ một năm sau khi bà Hy mất, ông Nguyễn Sinh Nhậm vì không vượt qua nỗi sự đau buồn, nên đã nhuốm bệnh và không lâu thì mất.

Mồ côi cả mẹ lẫn cha, Nguyễn Sinh Sắc sống với gia đình người anh là Nguyễn Sinh Thuyết. Sau hai đại tang liên tiếp, cơ ngơi gia đình càng sa sút, Nguyễn Sinh Sắc đã phải cùng anh chị tham gia công việc đồng áng, làm lụng nuôi nhau. Nhà của anh chị cũng neo người mà công việc nhà nông thì luôn tất bật, nên dù đã 13, 14 tuổi, cậu bé Sắc vẫn không thể đi học. Tuy phải chần trầu, cắt cỏ và bận với nhiều công việc nhà khác, nhưng khi nào Nguyễn Sinh Sắc cũng nghĩ đến việc học. Do không có điều kiện đến lớp, nên cứ mỗi buổi sáng, khi đi qua lớp học của thầy Tú Mậu (tức Vương Thúc Mậu, đỗ Tú tài), Nguyễn Sinh Sắc thường dừng lại một chốc để lắng nghe lời giảng của thầy, hoặc lời kể

bài và dịch nghĩa của học trò.

Ngày ấy, cụ Hoàng Đường hay qua lại thăm bạn là Vương Thúc Mậu ở làng Sen. Vào dịp Tết Mậu Thìn (1878), trên đường qua Kim Liên, cụ thấy một cậu bé đang say sưa đọc sách trên lưng trâu, trong khi các đám trẻ đang mải mê vui đùa. Thương một thiếu niên mồ côi, quý đức tính cần cù, ham học, lại hiểu rõ gia cảnh của Nguyễn Sinh Sắc, cụ Hoàng Đường bèn bàn với người anh Nguyễn Sinh Thuyết xin đem về nuôi, cho ăn học. Lúc đầu anh Thuyết còn phân vân, cuối cùng đã chấp nhận để người em cùng cha khác mẹ với mình về sống tại nhà cụ Hoàng Đường.

Về làng Chùa, Nguyễn Sinh Sắc được gia đình cụ Hoàng Đường chăm sóc chu đáo và được gửi tới làng Đồng Chũr, xã Thịnh Trương (nay là xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) để học thầy Nguyễn Thúc Tựu, là một nhà nho giàu lòng yêu nước và nổi tiếng uyên bác. Nhờ chăm học lại được thầy hết lòng dạy bảo, Nguyễn Sinh Sắc được dân làng trong xã so sánh với Nguyễn Đậ Tài, người học giỏi nổi tiếng ở làng Sen. Nguyễn Sinh Sắc ngày càng được mọi người yêu mến vì anh vừa học giỏi vừa lễ độ, dễ gần. Làng Chùa đối với anh là quê

hương thứ hai và cụ Hoàng Đường là người cha đỡ đầu kính yêu của mình. Gia đình cụ Hoàng Đường cũng vào hạng trung lưu, cụ bà cùng với hai người con gái là Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An làm ruộng và dệt vải. Trong ngôi nhà gỗ, lợp tranh của gia đình cụ, hai gian ngoài được dành làm nơi dạy học của cụ ông. Do có lớp học trong nhà, nên cụ bà và hai cô con gái cũng biết ít chữ nghĩa.

Mấy năm sau, thấy Nguyễn Sinh Sắc say mê học hành, chăm chỉ lao động, cụ Hoàng Đường đã không câu nệ tập tục phong kiến, bàn với cụ bà chọn Nguyễn Sinh Sắc làm con rể. Năm 1883, hai cụ đã cho Nguyễn Sinh Sắc thành hôn với người con gái đầu Hoàng Thị Loan và dựng cho hai vợ chồng một căn nhà nhỏ ba gian ở góc vườn phía tây nhà mình. Đôi vợ chồng trẻ được ở riêng trong ngôi nhà tranh ba gian xinh xắn, bên cạnh gia đình cha mẹ vợ. Ông Nguyễn Sinh Sắc vừa giúp vợ làm ruộng, vừa chăm chỉ học tập. Năm 1884, bà Hoàng Thị Loan đã sinh con gái đầu lòng là Nguyễn Thị Thanh (Nguyễn Thị Bạch Liên), năm 1888 sinh người con thứ hai là

Nguyễn Sinh Khiêm (Nguyễn Tất Đạt)¹. Nguyễn Sinh Cung là con thứ ba trong gia đình, sinh năm 1890², chào đời vào lúc thực dân Pháp đã đặt ách cai trị lên toàn đất nước Việt Nam và lớn lên trong sự yêu thương, chăm sóc của ông bà, cha mẹ, dì An và anh chị cùng với truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước.

Lúc này, phong trào khởi nghĩa chống Pháp theo *Chiếu Cần Vương* của vua Hàm Nghi tuy bị đàn áp, nhưng thực dân Pháp vẫn không dập tắt được tiếng súng kháng chiến của nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Nghệ - Tĩnh và Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế. Ngay ở vùng Nghệ - Tĩnh, nhiều sĩ phu yêu nước vẫn đang ngày đêm trăn trở về con đường cứu dân, cứu nước thoát khỏi vòng nô lệ.

Cũng trong những năm tháng đó, ông

1. Chị và anh của Nguyễn Sinh Cung đều là những người yêu nước và có tham gia phong trào yêu nước. Bà Nguyễn Thị Thanh đã từng nuôi giấu các thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp, bí mật vận động tiếp tế lương thực cho nghĩa quân và tham gia Duy Tân hội. Năm 1918, bà bị thực dân Pháp bắt, đày đi Quảng Ngãi sau đó đưa về quản thúc ở Huế. Còn ông Nguyễn Sinh Khiêm đã từng tham gia biểu tình chống thuế ở Thừa Thiên, sau về quê tham gia phong trào Duy Tân. Năm 1914, ông Nguyễn Sinh Khiêm bị thực dân Pháp bắt, đày đi Nha Trang, rồi đưa về quản thúc ở thôn Phú Lễ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

2. Trong đơn xin vào học Trường Thuộc địa ngày 15-9-1911, Nguyễn Tất Thành khai sinh năm 1892.

Nguyễn Sinh Sắc ngày đêm "dùi mài kinh sử" và dự thi hương lần đầu ở Nghệ An, khoa thi Tân Mão (1891), nhưng chỉ đậu nhị trường. Không nản chí, ông lại cố gắng "dùi mài kinh sử" để chờ khóa thi sau. Vì vậy, ngày đêm ông lao vào việc học. Mọi công việc, đồng áng, nhà cửa, con cái một mình do bà Loan lo liệu. Bà rất vui lòng, chỉ mong chồng toàn tâm, toàn lực tập trung cho việc học để kỳ thi sau đỗ đạt cao hơn và có thể tìm nơi dạy học để có thêm điều kiện dạy dỗ con cái.

Ngày 22-5-1893 (tức ngày 7-4 năm Quý Tỵ), cụ Hoàng Đường lâm bệnh nặng và qua đời. Khi cụ mất đi, ông Nguyễn Sinh Sắc vừa phải thay bố vợ duy trì lớp học, vừa phải ôn luyện chuẩn bị cho kỳ thi hương sắp tới. Tháng 6-1894, ông Nguyễn Sinh Sắc đã đậu cử nhân, kỳ thi hương tại trường thi Nghệ An¹. Kỳ thi này, ở Nghệ An có hơn 2.000 thí sinh dự thi, trong đó có 22 người đậu cử nhân và riêng huyện Nam Đàn có 8 người đậu.

Tin ông Sắc đậu cử nhân lan nhanh về làng Hoàng Trù, ai ai cũng mừng vì kỳ thi này làng mình có người đỗ đạt. Theo truyền thống, trong buổi chào đón các tân khoa, dân làng

1. Trong danh sách khoa thi hương năm Giáp Ngọ, tức năm Thành Thái thứ sáu có ghi Nguyễn Sinh Sắc đậu cử nhân.

định tổ chức lễ ăn mừng thật to chào đón ông tân khoa cử nhân; song vốn tính khiêm nhường, ông Sắc xin bà con không tổ chức ăn mừng mà chỉ làm lễ bái ở nhà thờ. Ông chỉ biếu trầu rượu để báo tin với làng xã và dù đậu cử nhân, ông Nguyễn Sinh Sắc vẫn giữ nếp sống và thái độ cư xử thân mật, gần gũi với bà con trong xóm, ngoài làng.

Sau khi đỗ cử nhân năm 1895, ông Sắc vào Huế thi hội¹ nhưng không đỗ. Quyết chí học hành cho đến nơi đến chốn, ông xin vào học Trường Quốc Tử Giám (là trường dành riêng cho con cái tôn thất và quan lại cao cấp và những cử nhân đã thi hội trúng một kỳ có thể được nhận và học theo chế độ nội trú) lúc bấy giờ đặt ở làng An Ninh Thượng, cách thành phố Huế 7 km về phía tây. Hồi đó, những người ở tỉnh xa vào học Quốc Tử Giám phải khá giả mới có tiền trọ học. Còn những người nghèo thường phải đưa cả gia đình đi theo, để vừa học vừa kiếm sống nuôi nhau. Được tiếp nhận vào trường, cuối năm 1895, ông Sắc trở

1. Dưới thời Nguyễn, thi hương được tổ chức ba năm một lần vào các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu, tại nhiều địa phương như Hà Nội, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên, Bình Định, v.v. để chọn cử nhân và tú tài. Thi hội ba năm một lần vào các năm Sửu, Mùi, Thìn, Tuất được tổ chức tại kinh đô để chọn tiến sĩ và phó bảng.

về làng, đưa vợ và hai con trai cùng vào Huế.

Từ bé, bà Hoàng Thị Loan gắn bó với làng xóm, quê hương, ruộng vườn và nghề canh cửi. Bà không muốn rời xa mẹ, xa nơi "chôn nhau cắt rốn", nhưng vì con đường học hành, thi cử của chồng, bà gửi con gái Nguyễn Thị Thanh ở lại nhờ mẹ mình nuôi và tạm biệt mẹ già, đưa hai con nhỏ vào Huế. Sau 5 năm sống ở quê hương, Nguyễn Sinh Cung cùng anh, theo cha mẹ vào sống ở kinh đô Huế. Từ Vinh vào Huế, đồi núi trập trùng, non xanh nước biếc, phải vất vả nhiều ngày đường, gia đình ông Sắc mới tới được kinh đô. Tới Huế, lúc đầu gia đình ông ở nhờ những người quen. Nhưng sau mấy tháng, ông Sắc tìm thuê được căn nhà trong Thành Nội (nay là số nhà 112, đường Mai Thúc Loan). Đây là nơi cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã cùng cha mẹ và anh trai sống trong những năm tháng đầu tiên khi mới vào Huế.

Ở Huế, bà Hoàng Thị Loan làm nghề dệt vải, còn ông Nguyễn Sinh Sắc, ngoài thời gian đọc sách và làm bài, nhờ quan hệ rộng rãi, lại là người giỏi chữ, nên được nhiều người nhờ dạy kèm con cháu là học trò, hoặc được các gia đình khá giả mời đến dạy chữ cho con cháu họ. Do sự chăm chỉ, thu vén của

hai ông bà mà cảnh nghèo khó buổi ban đầu của cuộc sống gia đình đã được khắc phục dần dần. Trong khi ông Sắc dồn tâm cho việc học hành của mình và dạy thêm cho hai con trai, thì bằng tấm lòng nhân hậu, bằng cả tình yêu thương của người vợ, người mẹ, bà Loan đã góp phần dệt nên cái nền cuộc đời, sự nghiệp của chồng và của những người con, đặc biệt là Nguyễn Sinh Cung. Nhân cách, đức độ và ý chí kiên cường của những người con ông Sắc được nuôi dưỡng bởi những truyền thống ngàn đời của quê hương, đất nước, của vùng quê xứ Nghệ; của ý chí và sự kiên nhẫn của người cha, của tâm hồn, tình cảm người mẹ hiền tần tảo một thời. Được sống trong bầu không khí trong lành đó, từ khi còn nhỏ tuổi, cậu bé Khiêm và cậu bé Cung đã biết nói những điều hay, làm những việc tốt, giàu lòng vị tha, nhân ái, chan hoà trong nghĩa cử đồng bào. Sau này, chính những tiếng hát, lời ru của bà ngoại, của người mẹ, người dì và những tâm tình từ quê nhà đã theo Người suốt chặng đường bôn ba nơi đất khách, quê người. Và Người đã từng kể lại, một đêm khuya vắng ở Xiêm (Thái Lan), nghe người mẹ Việt kiều ru con, nỗi lòng Người trào dâng cảm xúc nhớ về Tổ

quốc: "Xa nhà chốc mấy mươi niên. Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con".

Thời gian gia đình ông Sắc sống ở Huế (1895-1897) cũng là những năm Thừa Thiên Huế liên tiếp xảy ra hạn hán, nạn đói và bệnh dịch tả. Cuộc sống người dân xứ Huế nói chung và cuộc sống của gia đình ông Sắc nói riêng vô cùng khó khăn, vất vả. Đến năm 1898, ông Nguyễn Sinh Sắc dự kỳ thi hội lần thứ hai (khoa Mậu Tuất), song vẫn không đỗ đã làm cho cuộc sống đời thường càng khó khăn, lận đận hơn, ông Sắc không được hưởng học bổng của Trường Quốc Tử Giám nữa. Giữa lúc đó, ông Nguyễn Sinh Sắc được giới thiệu về Dương Nỗ dạy học trong nhà ông Nguyễn Sĩ Độ. Khi ấy, ông mang theo hai con trai là Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung về Dương Nỗ để trực tiếp dạy dỗ, phần để đỡ gánh nặng kinh tế, khó khăn cho gia đình, phần để có thêm điều kiện ôn bài chuẩn bị kỳ thi hội lần thứ ba. Còn bà Loan vẫn ở lại một mình trong ngôi nhà Thành Nội.

Ông Sắc được gia đình ông Độ giao cho một ngôi nhà tranh ba gian hai chái, vách ghép ván để làm lớp học và làm chỗ ở của ông và hai con. Gian giữa đặt án thờ để thờ nhạc mẫu của ông Độ. Phía trước kê một bộ

phản gỗ gỗ là nơi ông Sắc ngồi dạy học, một án thư ông Sắc để sách vở, nghiên mực, bút, tiếp tục ôn bài vở. Lớp học không có bàn ghế, hai bộ phản gỗ kê ở hai gian bên để học trò ngồi học. Góc trong gian bên trái kế gian giữa có kê một giường gỗ gỗ, dát tre là nơi Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Cung thường nằm. Hằng ngày, ông Sắc thường gọi hai anh em Khiêm, Cung dậy sớm ôn bài, quét dọn nhà cửa, sân vườn sạch sẽ ngăn nắp, gọn gàng.

Học trò của ông Sắc lúc bấy giờ có hai lớp (lớp học trò lớn chuẩn bị thi hương và lớp học trò mới vào học vỡ lòng). Nội dung và những bài giảng của ông Sắc bao gồm thơ phú, *Tứ thư*, *Ngũ kinh*. Tại ngôi nhà đơn sơ, mộc mạc này, ông Sắc đã dạy cho Nguyễn Sinh Cung bắt đầu học chữ Hán, tập viết chữ đầu tiên trong cuốn sách Tập đồ hàng tư. Đây là loại sách dùng cho học trò mới bắt đầu học chữ Hán, mỗi trang có bốn hàng chữ to, trang sách in màu đen chữ trắng. Học trò dùng bút lông chấm son đỏ để tập đồ từng nét chữ, phải đồ thế nào để một nét là đúng hình dáng và in vừa khít vào nét trắng. Người cùng thời kể lại, tuy mới tám tuổi, nhưng cậu bé Cung rất thông minh, nhanh nhẹn và có trí nhớ khác thường. Là một cậu bé hiếu động, chẳng mấy khi Cung

chịu ngồi yên. Khi được cha giao các bài học, Nguyễn Sinh Cung chỉ đọc ba bốn lần là thuộc hết¹.

Năm 1900, ông Nguyễn Sinh Sắc được cử đi coi thi ở trường thi hương Thanh Hóa. Đối với ông Sắc, đây là một đặc ân, bởi vì thông thường các nho sĩ mới đậu bằng cử nhân chưa được vào hội đồng giám khảo các khoa thi. Nhưng có lẽ, do ông cử Sắc tính tình cẩn thận và liêm khiết, Tiến sĩ Trần Đình Phong (quê ở Yên Mã, Mã Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An), Phó chủ khảo trường thi Thanh Hóa đã tín nhiệm ông Sắc. Khi đó, ông Sắc đưa cậu Khiêm cùng đi để đỡ đàn ông, còn Nguyễn Sinh Cung thì về sống với mẹ trong nội thành Huế.

Cuối năm 1900, bà Hoàng Thị Loan sinh người con thứ tư, đặt tên Nguyễn Sinh Xin. Trong khi cha và anh đi vắng, Nguyễn Sinh Cung vừa tự học, vừa giúp mẹ chăm sóc bé Xin. Cũng mùa đông năm ấy, sau khi hoàn thành công việc ở trường thi Thanh Hóa, ông Sắc và cậu Khiêm trở về Kim Liên² thăm

1. Theo lời kể của người nhà ông Nguyễn Sĩ Khuyển, có một hôm ông Nguyễn Sinh Sắc đi vắng, Nguyễn Sinh Cung cất sách đi chơi. Bạn bè nhắc Cung học bài thì Nguyễn Sinh Cung đã đọc thuộc lòng một mạch bảy trang sách cho các bạn nghe.

2. Theo Công văn mật số 711 của Chánh Sở Điều tra Trung ương và

những người thân, bà con làng xóm và sửa sang mồ mả cha mẹ (ông Nguyễn Sinh Nhậm và bà Hà Thị Hy) ở Kim Liên, thì ngày 10-2-1901 (ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý) bà Hoàng Thị Loan lâm bệnh nặng và qua đời ở tuổi 33.

Vì mất vào những ngày giáp Tết, nên thi hài bà được bà con lôi phở lạng lẽ đưa xuống thuyền qua cống Thanh Long, theo sông Đông Ba, ra sông Hương, rồi ngược dòng sông Hương về sông An Cựu. Đến gần ngã ba Giàng Xay, thi hài bà được gánh bộ theo đường Ngự Bình và phân mộ bà được đặt trên thềm cao của ngọn núi Tam Tầng, thuộc dãy Ngự Bình, mặt tiền ngoảnh về đỉnh núi Bân. Nguyễn Sinh Cung đón xuân Tân Sửu (1901) trong cảnh mẹ mất, vắng cha và anh, chị. Mới hơn 10 tuổi, Nguyễn Sinh Cung đã phải chứng kiến những giây phút đau thương, mất mát quá lớn, phải vĩnh biệt người mẹ đang, hết mực thương yêu chồng, con và nhân đức; đồng thời phải thay mẹ nuôi em từng ngày chờ bố trở lại Huế, cậu bé Cung phải bē em đi xin sữa. Trong khi đó, ở quê nhà, nhận được tin vợ qua đời, ông Nguyễn Sinh Sắc vô cùng đau đớn, vội vã trở lại Huế, đưa các con

trở về quê. Sau khi lo liệu cho vợ chu đáo và tạm thu xếp tạm ổn cuộc sống cho các con ở quê nhà, nghe lời khích lệ của bà con trong họ, ngoài làng, ông Sắc lại tạm biệt quê hương, vào Huế dự kỳ thi hội năm 1901 (tức Tân Sửu đời Thành Thái thứ 13).

Lần đi thi này ông mang tên mới là Nguyễn Sinh Huy và ông đã đậu Phó bảng, đồng khoa với Tiến sĩ Ngô Đức Kế và Phó bảng Phan Chu Trinh¹. Việc ông Huy đỗ Phó bảng đã đem lại niềm vui lớn cho gia đình, là niềm tự hào của dòng họ Nguyễn Sinh ở làng Kim Liên và đó cũng chính là sự đền đáp công ơn gia đình cụ Hoàng Xuân đã hết lòng nuôi dạy, chăm sóc. Đã lâu lắm tổng Lâm Thịnh mới có một người đỗ phó bảng, dân làng nô nức chuẩn bị trống cờ, võng lọng đi rước Phó bảng Nguyễn Sinh Huy về vinh quy bái tổ, nhưng ông Sắc đã cảm ơn bà con và xin được miễn những nghi lễ.

1. Sách *Quốc triều khoa bảng lục* viết về kỳ thi này có những điều đáng chú ý như sau: Có bốn bài đạt 6 điểm ở môn thi thứ ba (tam trường) của các ông Lê Ngải, Nguyễn Đình Hiến, Hoàng Đại Bình và Nguyễn Sinh Huy. Ông Nguyễn Sinh Huy được Hội đồng Bộ phúc tra “quảng thủ” (lấy nói rộng). Kỳ thi này có chín người trúng “đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân” và 13 người trúng “phó bảng”. Ông Nguyễn Sinh Huy xếp thứ 11 trong số 13 vị phó bảng kỳ thi ấy, trong số đó có ông Phan Chu Trinh, người Quảng Nam.

Theo tập tục địa phương và ý nguyện của bà con dòng họ Nguyễn Sinh, ông Sắc đã vinh quy bái tổ tại làng Sen quê nội. Tuy nhiên, ông Sắc và hai con đã ở lại Hoàng Trù một thời gian, rồi mới trở về Kim Liên. Trong khi chờ ông Sắc trở về, làng Kim Liên đã xuất quỹ công ích mua một ngôi nhà năm gian bằng gỗ, lợp tranh đem về dựng trên đất công, gần giếng Cốc. Ông Nguyễn Sinh Trợ cũng dựng cho em ba gian nhà nhỏ (dùng làm nhà ngang). Làng Sen vui như ngày hội. Từ già đến trẻ, ai cũng tự hào vì lần đầu tiên trong xã có người đậu đại khoa¹. Về làng Sen, ông Phó bảng làm lễ "vào làng" cho hai con trai với tên mới, Nguyễn Sinh Cung là Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Sinh Khiêm là Nguyễn Tất Đạt.

Là quan Phó bảng, nhưng cách sinh hoạt của ông Sắc và anh em Tất Thành và Tất Đạt cũng không có gì khác trước. Mức sống ấy làm cho mọi người trong gia đình ông Sắc gần gũi với dân nghèo trong làng, dù thời ấy, ai cũng quý trọng học vị nhà nho và gọi ông Sắc là quan Phó bảng. Có lần khách đến thăm

1. Tính từ đời vua Lê Trung Hòa (1635), cả thi hương lẫn thi hội gồm 96 khoa, xã Chung Cự có 193 vị đậu cử nhân và tú tài, chỉ có ông Sắc là đậu kỳ thi hội, đại khoa.

nhà, hỏi tên các con, ông Sắc đã nói đùa "anh tên Khom, cu em tên Công, Khom Công mà". Cuộc sống thanh bạch, đạm bạc của gia đình "quan Phó bảng" đúng như những chữ ông viết lên xà nhà: "Vật dĩ quan gia vi ngô phong dạng", nghĩa là đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà ta. Và dù vốn chữ Hán chưa nhiều, song ba người con cũng hiểu được tư tưởng của ông. Lời nói đi đôi với việc làm, ông dạy con không xa rời lao động chân tay, ngày ngày ngoài giờ dạy học, ông cùng các con chăm sóc mảnh vườn để có thêm nguồn sinh sống.

Gần nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy là nhà ông cử nhân Vương Thúc Quý. Thầy Quý đỗ cử nhân nhưng không ra làm quan, mà ở nhà mở trường dạy học và đó là nơi lui tới của các sĩ phu yêu nước trong vùng. Trong số những người lui đến nhà ông, có các ông Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân... là những người yêu nước, có tư tưởng chống Pháp. Cảm phục ý chí của thầy Quý, ông Nguyễn Sinh Sắc quyết định gửi Tất Thành sang học với thầy Vương Thúc Quý. Ông muốn Tất Thành được học chữ của thầy, và quan trọng hơn, đó là học ở thầy tấm lòng yêu nước, thương dân và ý chí căm thù giặc sâu sắc.

Mặc dù sống trong vòng kiểm soát chặt

chẽ của bộ máy thống trị từ làng đến tỉnh, nhưng thầy Quý vẫn dạy cho học trò tư tưởng yêu nước, thương dân và ý chí "làm trai phải giúp ích cho đời". Thầy thường gửi gắm tâm sự yêu nước và lòng căm thù giặc vào những bài giảng cho học trò. Chuyện kể rằng, trên bàn thờ phía trong lớp học nhà thầy Quý thường có khói hương, đèn nến thờ cụ Vương Thúc Mậu. Một lần thắp đèn, dầu sánh ra, thầy Quý liền ra cho học trò một vế đối: *Thắp đèn lên dầu vương ra đổ*. Một học trò lớn tuổi trong lớp xin đối và đối rất chỉnh: *Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn*. Tuy nhiên, khi trò Nguyễn Tất Thành xin đối: *Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường*, thầy Quý đã khen cả hai câu đối, nhưng với câu sau, thầy cho rằng đối thoát hơn, nhiều ý hơn, không gò bó với nghĩa đen của từng từ trong vế đối¹.

Học với thầy Quý, Tất Thành cảm thấy rất thoải mái, dễ hiểu vì thầy không nệ cổ, không bắt học trò nhồi sọ cổ văn theo lối "tâm chương trích cú". Nhiều hôm nhà có khách là những nho sĩ trong vùng, Tất Thành thường được thầy Quý lưu lại giúp đun nước, pha trà, tiếp nước cho những vị khách đặc biệt ấy...

1. Xem: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An: *Bác Hồ thời niên thiếu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.32.

Nhờ đó, Nguyễn Tất Thành được nghe những câu chuyện, sớm thấu hiểu thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất nhà tan.

Trong những người mà ông Sắc thường gặp gỡ có ông Phan Bội Châu, quê ở thôn Đan Nhiệm, tổng Xuân Liễu, huyện Nam Đàn, chỉ cách làng Sen chừng 4 km, được Nguyễn Tất Thành rất kính phục. Mỗi khi ông qua nhà thầy Vương Thúc Quý, nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy ngâm vịnh thơ phú và luận bàn thế sự, ông Sắc rất tâm đắc với ông Phan về tấm lòng yêu nước, và quyết tâm cứu nước, cứu dân. Ngưỡng mộ bậc tiền bối, sau đó, chị Thanh (Bạch Liên) và anh Khiêm (Tất Đạt) đã có những hành động yêu nước theo gương Phan Bội Châu. Còn với Tất Thành, anh đã nghe, đã thuộc nhiều bài thơ ca chứa chan lòng yêu nước, thương dân của ông; bước đầu tiếp thu tư tưởng yêu nước của ông, của các bậc cha chú thông qua mối quan hệ giữa người cha với các sĩ phu trong vùng.

Năm 1902, sau khi ông Phan Bội Châu ra Bắc liên lạc với nghĩa quân của Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế trở về, việc bàn luận kế hoạch cứu nước trong các sĩ phu càng thêm sôi nổi. Đầu năm 1903, ông Nguyễn Sinh Sắc được một số thân sĩ mời lên dạy chữ Hán tại

nhà ông Nguyễn Thế Văn ở làng Võ Liệt (làng Võ Liệt sau này nổi tiếng cho tinh thần cách mạng trong phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh) huyện Thanh Chương. Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành cùng đi với cha để tiếp tục học chữ Hán. Trong thời gian theo cha học ở làng Võ Liệt, Tất Thành lại có dịp được nghe chuyện thời cuộc của các sĩ phu đến đàm đạo với cha mình. Và qua những cuộc tiếp xúc của phụ thân với các thân sĩ vùng Thanh Chương, Tất Thành và Tất Đạt càng hiểu rõ hơn nỗi thống khổ của người dân mất nước, sự trăn trở về con đường cứu nước của các bậc cha anh.

Đầu năm 1904, bà ngoại Nguyễn Tất Thành ốm nặng và qua đời vào ngày 6-4-1904 (tức ngày 28-2 năm Giáp Thìn). Sau kỳ đại tang nhạc mẫu, ông Sắc lại sang huyện Đức Thọ (tỉnh Hà Tĩnh) dạy học thay một người bạn thân đang có việc phải đi vắng (tại nhà ông Nguyễn Bá Uý ở thôn Hạ, xã Chính Trung, tổng Du Đông phủ Đức Thọ, nay là xã Đức Đông, huyện Đức Thọ). Ông đưa Tất Thành cùng đi để kèm cặp. Trong thời gian dạy học, ông Sắc đã tổ chức những buổi bình văn thơ, có lúc kéo dài tận khuya. Nguyễn Tất Thành thường chăm chú lắng nghe các buổi bình thơ đó.

Vốn ham hiểu biết, Nguyễn Tất Thành thường tìm đọc những cuốn sách mà các bậc cha chú thường nhắc tới và luôn được phụ thân dẫn đi thăm các di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh trong vùng. Năm 14 tuổi, Tất Thành thường theo cha đến Quỳnh Đôi, một làng nổi tiếng lắm người học giỏi, đỗ đạt cao và được cha đưa đi một số nơi khác như làng Hậu Luật, xã Trảng Sơn, huyện Yên Thành (nay là xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An). Thời gian này, ông Sắc còn đưa Tất Thành ra tận phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định (nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) gặp gỡ nhiều bạn hữu.

Những chuyến đi này sớm mang lại cho Tất Thành nhiều điều bổ ích và những suy nghĩ về thời cuộc, về thân phận những người dân nô lệ trong cảnh nước mất nhà tan.

Trong khi đó, Phan Bội Châu đã lập Duy Tân hội (1904) và đầu năm 1905, thi hành kế hoạch của Hội, ông vượt trùng dương sang Nhật Bản, khởi xướng phong trào Đông du. Đây cũng là thời kỳ Nhật Bản đang liên tiếp chiến thắng Nga hoàng trong chiến tranh Nga - Nhật, nên có nhiều người Việt Nam đang hướng về người anh Nhật "đồng chủng" da vàng Đông Á, để nhờ cậy vào sự giúp đỡ của họ. Phan Bội Châu tiêu biểu cho xu hướng đó.

Ông đang xúc tiến việc lựa chọn "những thanh niên thông minh ham học, có đức tính chịu kham khổ và kiên quyết không biến đổi" để đưa sang Nhật học. Tuy nhiên, khi Phan Bội Châu cử Nguyễn Thức Canh đến Kim Liên tìm Nguyễn Tất Thành để rủ đi xuất dương du học (phong trào Đông du) thì không gặp¹.

Theo cha đi khắp đó đây, Tất Thành càng thấm thía thân phận cùng khổ của người dân mất nước, thuế khóa vốn đã nặng nề lại còn thêm cảnh đi phu làm đường đầy cực nhọc, bệnh tật và chết chóc khủng khiếp. Sớm thấu hiểu nỗi đau khổ của đồng bào và có chí đánh đuổi kẻ thù để cứu dân, cứu nước, câu hỏi "làm thế nào để cứu nước" cứ nung nấu trong tâm trí Nguyễn Tất Thành.

Tháng 9-1908, thi hành Điều ước Pháp - Nhật ký ngày 10-6-1907 tại Pari, Chính phủ Nhật đã buộc số thanh niên Việt Nam "Đông du" rời khỏi đất Nhật. Tháng 2-1909, Chính phủ Nhật ra lệnh trục xuất nốt Phan Bội Châu và Cường Để. Phong trào Đông du tan rã.

1. Trong cuốn *Hồi ký năm mươi bốn năm hải ngoại* của Trần Trọng Khắc (tức Nguyễn Thức Canh) có đoạn: "Tôi cùng cụ Sào Nam ở chung một thuyền. Chín mươi ngày sau, lúc các đồng chí đã đến họp, bàn bạc xong, cụ lên đường ra Bắc, tôi tới trước nhà cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc rủ anh Nguyễn Sinh Cung đồng đi, nhưng anh Cung đã đi ra Bắc không được gặp".

Trước sự thật đó, Nguyễn Tất Thành càng suy ngẫm và hiểu rằng: không thể dựa vào Nhật để đuổi Pháp, bởi đó chính là kế "đuôi hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

Tháng 9-1905, thực hiện nghị định của Toàn quyền Đông Dương, loại trường Pháp - bản xứ (école franco-indigène) được mở tại Vinh, tỉnh lỵ của Nghệ An, với lớp đầu tiên của bậc tiểu học, thường gọi là lớp curs préparatoire. Tất Thành và Tất Đạt được cha xin theo học lớp dự bị préparatoire, Trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh, cách Kim Liên khoảng 14 km. Chính tại Trường tiểu học Vinh, Tất Thành đã chú ý tìm hiểu ba từ được sơn vào gỗ, gắn ở phía trên bảng đen: "LIBERTÉ, ÉGALITÉ, FRATERNITÉ" (Tự do, Bình đẳng, Bác ái).

Từ thực tiễn cuộc sống, từ sự tìm hiểu nội dung và ý nghĩa câu khẩu hiệu nổi tiếng của Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Tất Thành muốn làm quen với văn minh Pháp, muốn tìm hiểu xem những gì ẩn náu đằng sau những mỹ từ ấy. Tuy nhiên, đến khoảng cuối tháng 4-1906, Tất Thành phải nghỉ học để chuẩn bị theo cha lên đường vào Huế nhận chức.

Sau kỳ thi hai năm, những người đỗ cùng

khóa với Phó bảng Nguyễn Sinh Huy đều đi làm thừa biện từ năm 1903. Vì không muốn đi làm quan, ông Sắc đã một vài lần lấy cớ ốm đau, chịu tang mẹ vợ, v.v. để nán ná ở lại quê nhà. Song không thể trì hoãn thêm, cuối tháng 5-1906, ông phải vào Huế để chờ bổ nhiệm. Ông được nhà vua y duyệt tờ trình của Bộ Lại, bổ nhiệm làm thừa biện Bộ Lễ. Trong tờ trình của Bộ Lại đề ngày 15-4 (nhuận) năm Thành Thái thứ 18 (tức ngày 6-6-1906), có ghi rõ: "Mới đây theo lời bẩm của Phó bảng Nguyễn Sinh Huy (bốn mươi lăm tuổi, người tỉnh Nghệ An) viên này trúng phó bảng kỳ thi hội khoa Tân Sửu năm Thành Thái thứ 13. Lần đó về thăm quê nhà xong việc bị bệnh ở lại quê quán uống thuốc, nay bệnh đã khỏi đến bộ tâu đợi mệnh"¹.

Nhận việc ở Bộ Lễ (chuyên theo dõi về giáo dục, thiên văn, nghi lễ, tế tự), ông Sắc phụ trách "công việc trường ốc", nên thường xuyên có mặt ở Di luân đường (dùng làm giảng đường) của Quốc Tử Giám. Trong những lần tiếp xúc với học trò, ông thường nói: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ", nghĩa là: *Làm quan là nô lệ trong*

1. Theo bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

đám nô lệ, lại càng nô lệ hơn.

Vào Huế lần này, gia đình ông ở tại căn buồng dãy "Thuộc viên", cấp cho ông Nguyễn Sinh Sắc gần cửa thành Đông Ba (Huế). Thu xếp xong nơi ăn chốn ở và công việc của mình, ông Sắc xin cho hai anh em Tất Đạt, Tất Thành vào học lại lớp dự bị ở Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, tỉnh Thừa Thiên Huế, niên khóa 1906-1907 và tiếp đó học lớp sơ đẳng, niên khóa 1907-1908. Trường này nằm trên nền chợ Đông Ba, dạy cả ba thứ chữ: chữ Quốc ngữ, chữ Pháp và chữ Hán. Nhưng lúc ấy, học trò đến lớp đều phải mang cả bút sắt lẫn bút lông và nghiên mực nho vì nhà trường vẫn cho học sinh mỗi tuần mấy giờ học chữ Hán, ngoài chữ Pháp và Quốc ngữ. Càng lên lớp trên, chữ Hán càng thừa dân, chữ Pháp tăng hẳn lên đến mức khi đã vào lớp, học sinh chỉ được dùng tiếng Pháp trong mọi giao tiếp. Càng học, Tất Thành càng chăm chỉ và càng tiên bộ. Ngoài việc học ở nhà trường, Nguyễn Tất Thành còn nhờ người mượn sách ở Lầu tàng thư (nơi lưu trữ sách và các loại văn thư của triều Nguyễn) về đọc. Tất Thành ham đọc sách, biết tranh thủ thời giờ, nên đọc được nhiều loại sách quý.

Về việc học tập của mình, có lần Người nói với đồng chí Vũ Kỳ, thư ký của mình

rằng: Người chỉ học chính thức trên ghế nhà trường hết lớp nhì của bậc tiểu học¹ tại Trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên vào năm 1907-1908 với tên mới là Nguyễn Sinh Côn: niên khóa 1906 - 1907 lớp nhì, và lớp nhất niên khóa 1907 - 1908.

Nguyễn Tất Thành là một học trò ham học, chăm chỉ, thông minh, vì vậy, trong kỳ thi primaire năm 1908, Tất Thành là một trong 10 học trò giỏi nhất lớp của Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba được thi vượt cấp vào lớp đệ nhị, niên học 1908-1909, Ban Trung học hệ thành chung (Diplôme ae fin d'etudes comple'mentaires). Năm học 1908-1909, Tất Thành và Tất Đạt chuyển sang học Trường Quốc học Huế. Trường được thành lập theo đạo dụ ngày 23-10-1896 của vua Thành Thái và nghị định ngày 18-11-1896 do toàn quyền Đông Dương Rút-xô (A.Rousseau) ký. Trong nghị định này ghi rõ: Trường đặt dưới quyền kiểm soát của Khâm sứ Trung Kỳ, được lập ra nhằm mục đích đào tạo một

1. Theo nhật ký của đồng chí Vũ Kỳ - thư ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đối chiếu toàn bộ quá trình, chúng tôi cho rằng Bác Hồ học lớp dự bị (prépatoire) tại Vinh vào năm 1905 - 1906 nhưng chưa học hết năm học. Vào Huế, Bác học lại lớp dự bị và tiếp đó học lớp sơ đẳng (cours élémentaire) tại Trường tiểu học Đông Ba vào các năm học 1906-1907 và 1907-1908).

lớp công chức mới¹. Điều I của nghị định này ghi cụ thể: "Pháp văn sẽ chiếm phần lớn trong chương trình dạy, tuy Hán văn vẫn được chú ý để cho các học sinh vào ngành quan lại có thể dùng đồng thời hai thứ chữ"². Mục đích của trường là nhằm đào tạo những thanh niên bản xứ có trình độ học vấn nhất định và có "hạnh kiểm tốt", trung thành hết mực với "mẫu quốc" để làm việc trong các cơ quan hành chính của chính quyền bảo hộ. Do đó, chương trình và nội dung giảng dạy được biên soạn đặc biệt, không giống với các loại trường khác. Yêu cầu số một về kiến thức là phải nắm vững ngữ pháp tiếng Pháp để làm công việc hành chính. Tuy nhiên, những kiến thức phổ thông khác đều phải đạt yêu cầu nhất định để có thể trở thành những công chức "mẫn cán", phục vụ đắc lực cho "công cuộc khai hóa" của "nước mẹ Đại Pháp" trên xứ sở này.

Theo thư trả lời Công văn số 526 ngày 4-8-1908 của Khâm sứ Trung Kỳ của ông Sukê, Hiệu trưởng Trường Quốc học Huế, ngày 7-8-1908 viết về lai lịch Nguyễn Sinh Côn - tên mới của Nguyễn Tất Thành, như sau:

1, 2. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ hải ngoại (CAOM), ký hiệu RI, tủ GGI, hộp RSA.

"Huế, ngày 7 tháng 8 năm 1908.

Tiếp theo thư số 526 đề ngày 4-8 năm nay của Ngài, tôi hân hạnh báo cho Ngài rõ có thể tiếp nhận vào Trường Quốc học học sinh có tên Nguyễn Sinh Côn người gốc Nghệ An học sinh Trường Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên.

Ký tên: Chouquet".

Có thể nói, những năm tháng Nguyễn Tất Thành học ở Trường Quốc học Huế đã giúp cho anh có điều kiện hiểu rõ bản chất của bọn thực dân với cái gọi là "khai hóa thuộc địa". Những điều thầy dạy ở trường khác xa với cuộc sống, thân phận của người dân mà anh phải chứng kiến hằng ngày. Một bên là sự ăn chơi xa hoa của giai cấp thống trị thực dân và phong kiến, một bên là cuộc sống cùng cực của nhân dân lao động, của kiếp người nô lệ.

Khi Nguyễn Tất Thành vào Trường Quốc học Huế cũng là thời gian Tân thư, Tân văn của Trung Quốc được lưu hành ở nhiều nơi, đặc biệt là trong giới sĩ phu yêu nước. Những loại sách báo đó bắt nguồn từ phong trào duy tân theo xu hướng tư sản. Tiêu biểu cho xu hướng này ở Trung Quốc là Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu. Chính Tân thư, Tân văn đã tác động mạnh mẽ đến nhiều nhà chí sĩ yêu nước Việt Nam. Khác hẳn các sách kinh điển

Nhọ giáo, các loại sách mới này chứa đựng nhiều kiến thức mới về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội và còn giới thiệu về thân thể, sự nghiệp và tác phẩm của những nhà Khai sáng Pháp ở thế kỷ XVIII.

Ngoài việc học tập, những sự kiện chính trị mới mẻ lại đến với Nguyễn Tất Thành trong thời gian này. Ngày 15-8-1906, Phan Chu Trinh gửi một bản điều trần cho Toàn quyền Đông Dương Pôn Bô (Paul Beau) tố cáo chính sách cai trị tàn bạo của Pháp và sự bất lực của quan lại Nam triều, yêu cầu thực hiện những chính sách cải cách dân chủ. Tháng 3-1907, Trường Đông Kinh nghĩa thực được mở ra tại Hà Nội và nhiều tỉnh ở Bắc Kỳ, truyền bá nhiều tư tưởng tiến bộ, cổ động cho phong trào cải cách dân chủ, đã thu hút đông đảo quần chúng. Đông Kinh nghĩa thực hoạt động trong khuôn khổ công khai, hợp pháp, lấy việc vận động duy tân đất nước làm mục đích. Đông Kinh nghĩa thực không chống lại chủ trương bạo động của Phan Bội Châu, hơn thế, còn tích cực vận động cho phong trào Đông du.

Với chủ trương như vậy, Phan Chu Trinh đã cùng các sĩ phu tiến bộ khác như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên làm dấy lên một cuộc vận

động duy tân ở Trung Kỳ, bao gồm nhiều mặt về kinh tế, văn hóa và xã hội. Đông Kinh nghĩa thực và cuộc vận động duy tân ở Trung Kỳ là những phong trào vận động cải cách văn hóa - xã hội đầu tiên ở Việt Nam, có khuynh hướng tư sản ở nước ta vào đầu thế kỷ XX. Cả hai phong trào đó, trực tiếp hay gián tiếp đều hỗ trợ cho cuộc vận động cứu nước của Phan Bội Châu, đồng thời thúc đẩy sự nghiệp cách mạng chung trong toàn quốc. Những phong trào đó là cơ sở cho những cuộc tranh luận sôi nổi trong giới trí thức, học sinh.

Càng tiếp cận với nền văn minh Pháp qua sách vở, Nguyễn Tất Thành càng tò mò muốn tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của Tây Âu, muốn tìm hiểu những điều bí ẩn đằng sau những từ "Tự do - Bình đẳng - Bác ái". Vì vậy, cùng với quá trình được đi, được chứng kiến, được nghe, được đọc từ những cuốn sách quý, những năm tháng được học tập ở Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, ở Trường Quốc học Huế đã đặt nền móng cho những nhận thức và hành động theo chí hướng yêu nước của Nguyễn Tất Thành. Đó cũng là một trong những lý do, luận giải về quyết định rời Tổ quốc, sang phương Tây tìm đường cứu nước, cứu dân của Người sau đó.

Trong khi đó, tháng 4-1908, tại Huế, khi

Tất Thành đang học gần cuối lớp sơ đẳng, thì kinh đô Huế xôn xao, náo động về cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Thừa Thiên Huế. Hưởng ứng phong trào, Tất Thành tham gia cuộc biểu tình và nhận làm phiên dịch. Tuy nhiên, khi dịch Người không thụ động mà linh hoạt chuyển tải nội dung và tinh thần những yêu cầu của người nông dân đối với thực dân Pháp.

Phong trào chống thuế lan rộng ra cả Trung Kỳ. Sau vụ biểu tình ở Thừa Thiên Huế, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đày biệt xứ. Nhân cơ hội này, thực dân Pháp buộc tội và trừ khử các nhà ái quốc Việt Nam, mặc dầu có người không trực tiếp tham gia phong trào chống thuế. Cuộc khủng bố dã man của thực dân Pháp đối với phong trào duy tân và phong trào chống thuế ở Trung Kỳ đã gây ấn tượng sâu sắc đối với Tất Thành. Thực dân Pháp vừa đàn áp xong phong trào chống thuế ở Trung Kỳ tháng trước (5-1908), thì tháng sau chúng lại bị bất ngờ bị mưu đánh úp ở Hà Nội của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, mở đầu bằng vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội vào ngày 27-6-1908. Sau vụ này, thực dân Pháp càng điên cuồng đàn áp, chém giết nhiều người; một số người bị chúng chặt đầu, đem bêu dọc đường. Nhân vụ Hà Thành đầu độc,

thực dân Pháp cố tình ghép tội nặng cho các nhân sĩ ở Trường Đông Kinh nghĩa thực.

Việc Nguyễn Tất Thành tích cực tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân các tỉnh Trung Kỳ đã bị thực dân Pháp đề ý theo dõi. Và quan Thừa biện Bộ Lễ Nguyễn Sinh Sắc cũng bị chúng khiển trách với lý do đã đề cho con trai có những hoạt động bài Pháp¹.

Ngày 5-5-1909, ông Sắc được chọn làm một trong ba phúc khảo ở Bình Định để chấm thi. Sau đó, ông được bổ nhiệm chức đồng phủ, lãnh chức tri huyện Bình Khê. Cuối năm học đó, Nguyễn Tất Thành rời Trường Quốc học Huế, theo cha vào huyện Bình Khê.

Thời gian ở Bình Khê, Nguyễn Tất Thành được gửi học tiếp chương trình lớp nhất (cours supéricur) với thầy giáo Phạm Ngọc Thọ² lúc ấy đang dạy ở Trường tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn theo chương trình lớp cao đẳng (cours supérieu). Hiểu khả năng và chí hướng người con trai thứ của mình, ông Sắc đã tạo điều kiện cho anh tiếp tục học lên với thầy Thọ là bạn chí cốt của mình khi tham gia Ban giám khảo thi Hương. Sau đó, thầy Thọ

1. Theo hồ sơ mật thám Trung Kỳ số A 3780, lập ngày 21-1-1920.

2. Ông Phạm Ngọc Thọ là thân sinh cố Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch, lúc đó là trợ giáo hạng nhì (instituteur auxiliaire 2e classe) của Trường tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn.

làm giúp các thủ tục để anh Thành thi vào Trường Hương Sơ (Quy Nhơn), nhưng dù thi đỗ xuất sắc anh vẫn bị gạt tên khỏi danh sách do trước đó anh có tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Vào tháng 1-1910, Nguyễn Tất Thành được một tin không vui, ông Nguyễn Sinh Sắc bị "triệu hồi" chức tri huyện Bình Khê, bị triều đình gọi "lại kinh hậu cứu" (trở về kinh đô để xem xét sau). Anh Thành trở lại Bình Khê gặp cha và nêu nguyện vọng đi vào Nam. Trước biến cố mới của gia đình, anh không theo cha trở về Huế, và được sự thống nhất của cha, anh Thành đã thực hiện ý định của mình: quyết định đi tiếp vào phía Nam, nhưng trước khi đi xa, Nguyễn Tất Thành đã nán lại nhà ông Phạm Ngọc Thọ một thời gian để chuẩn bị. Ông Phạm Ngọc Thọ vốn kính trọng quan Thừa biện Nguyễn Sinh Sắc và rất mến hai anh em Tất Đạt, Tất Thành. Ngược lại, Tất Thành rất yêu quý Phạm Ngọc Thọ, con trai gia đình nhà ông Thọ. Tuy vốn liếng chữ Pháp của Tất Thành đã khá, nhưng ông vẫn thấy cần bồi dưỡng thêm cho anh. Với sự giúp đỡ của thầy giáo Phạm Ngọc Thọ, Nguyễn Tất Thành hoàn thành chương trình tiểu học vào khoảng tháng 6-1910.

Vào một ngày đầu thu (8-1910), Nguyễn

Tất Thành tạm biệt Quy Nhơn, đi vào Sài Gòn. Trên đường từ Quy Nhơn vào Sài Gòn, anh dừng chân ở Phan Thiết vào đầu tháng 9-1910. Tỉnh Bình Thuận nói chung và thị xã Phan Thiết nói riêng nằm ở cuối miền Trung, là đất giáp ranh giữa Trung Kỳ của nhà vua triều Nguyễn với Nam Kỳ thuộc quyền cai trị trực tiếp của thực dân Pháp. Nhiều sĩ phu yêu nước đã từng lánh nạn ở đây, trong đó có Phan Chu Trinh đã bàn bạc với những người yêu nước kế sách cứu nước, phải khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh. Từ quan điểm của ông, các sĩ phu yêu nước đã lần lượt lập ra Hội Liên Thành, Liên Thành thương quán, Liên Thành thư xã và Trường Dục Thanh, tên gọi của trường đã nói lên mục đích và ý nghĩa giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ của nó.

Sau này, nhớ lại chặng đường ấy, có lần Chủ tịch Hồ Chí Minh kể rằng: nhờ gặp được người có mối quan hệ từ trước với phụ thân (ông Trương Gia Mô và ông Hồ Tá Bang), nên Người được vào dạy học ở Trường Dục Thanh từ tháng 9-1910 đến tháng 2-1911. Theo lời kể của cụ Nguyễn Quý Phẫu, Nguyễn Đăng Lầu, Từ Trường Phùng... vốn là học trò cũ của trường năm 1910, thì thầy Thành có dự hai cái tết ở Phan Thiết, là Tết Trung thu và Tết Nguyên Đán (Tết Trung thu

năm Canh Tuất vào ngày 18-9-1910 và Tết Nguyên Đán năm Tân Hợi vào ngày 30-1-1911) và cả hai thời điểm đó, Nguyễn Tất Thành đều có mặt ở Phan Thiết¹.

Tại Trường Dục Thanh, thầy Thành dạy chữ Quốc ngữ, Hán văn và môn thể dục. Học sinh của trường lúc đông nhất khoảng 60 người. Trong thời gian dạy học ở đây, thầy Thành đã vận dụng phương pháp giảng dạy khoa học, tiến bộ, chủ yếu tập trung vào những vấn đề:

- Giáo dục bằng nhiều hình thức, nhằm khơi dậy lòng yêu nước.

- Vận động việc thực hiện duy tân đất nước.

- Mở mang dân trí và rèn luyện thể lực cho thanh niên.

Thầy Thành giảng bài nhiệt tình, dễ hiểu, những bài khó thầy giảng chậm và kỹ. Giảng xong, thầy có thói quen hỏi lại học trò: Hiểu bài chưa? Và chỉ khi nào tất cả học trò cùng hiểu bài thầy mới thôi giảng. Thầy Thành cũng rất công bằng trong việc sử dụng công điểm, đặc biệt không bao giờ dùng công điểm

1. Theo hồi ức của các ông Nguyễn Quý Phẫu, Nguyễn Đăng Lầu, Từ Trường Phùng, học sinh Trường Dục Thanh năm học 1910-1911, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

đề phật học trò. Những bài giảng văn của thầy trên lớp rất sinh động và trong những lần tổ chức ngoại khóa, thầy thường bình luận thơ văn cho học trò nghe. Thầy từng đưa ra quan điểm "trung, hiếu" trong hai câu thơ của Nguyễn Đình Chiểu: "Trai thời trung hiếu làm đầu. Gái thời tiết hạnh làm câu trao mình" và giải thích theo quan điểm của mình: "Chúng ta đều có tổ tiên; đất nước ta từ ngày có vua Hùng dựng nước, đã gần 4.000 năm, bốn nghìn năm đó là 40 thế kỷ, thế kỷ nào ông bà ta cũng đứng lên chống ngoại xâm nhằm giành độc lập tự do cho đồng bào, cho đất nước. Vậy phận làm trai, trước tiên phải kể đến chữ "trung"; trung là trung với dân, với nước. Nếu trung với vua Duy Tân, vua Quang Trung thì được, chứ trung với những ông vua không thương dân mà ôm chân ngoại bang thì có nên trung hay không? Trung, hiếu với cha mẹ thì phải trung, hiếu với dân với nước, coi việc dân, việc nước như việc của nhà mình và cả trai và gái đều phải lấy trung hiếu làm đầu".

Trong khi dạy học tại Trường Dục Thanh, thầy Thành vẫn tiếp tục học thêm tiếng Pháp. Những lúc các thầy giáo dạy tiếng Pháp bận việc, thầy có nhận dạy một số giờ. Thầy cũng đã sáng tác thơ để dạy tiếng Pháp. Dạy tiếng

Pháp, nhưng tinh thần câu thơ lại nhằm giáo dục cho học trò lòng yêu nước Việt Nam. Đây là một nét sáng tạo khi lên lớp của thầy Thành.

Tuy nhiên, cũng có tài liệu nêu rõ, thầy Thành được giới thiệu vào làm *trợ giáo* môn thể dục tại Trường Dục Thanh, đứng vào dịp nhà trường mới khai giảng. Trường Dục Thanh là trường tư thục được thành lập năm 1907. Thầy giáo Nguyễn Tất Thành được tuyển làm trợ giáo môn thể dục và phụ trách các hoạt động ngoại khóa. Là thầy giáo trẻ tuổi nhất trường (20 tuổi), nên thầy Thành đảm nhiệm môn thể dục, môn học này khá mới mẻ trong các trường học, đặc biệt chưa có trường tư nào đưa môn thể dục vào dạy chính thức. Việc tập thể dục tổ chức hằng ngày và học vào thứ năm hằng tuần. Do điều kiện cơ sở vật chất của trường còn nhiều thiếu thốn, trường chưa có hố nhảy, chưa có đường chạy và các dụng cụ phục vụ cho việc giảng dạy môn thể dục, nên thầy Thành đã khắc phục bằng việc tổ chức cho học trò lao động để làm sân bãi, đào một cái hố để học trò nhảy từ dưới lên (đối với môn nhảy cao). Môn học này cũng được thầy cho điểm như những môn học khác.

Thầy dạy tận tâm, hết lòng thương yêu,

chăm sóc học sinh. Thầy thường phổ biến cho học sinh những thơ ca yêu nước như *Á tề Á ca*, *Bài ca hót tóc*, v.v.. Thầy phụ trách thể dục buổi sáng của nhà trường, chăm lo xây dựng tủ sách, hướng dẫn học sinh thăm động Thiêng Đức, bãi biển Thương Chánh¹ và những xóm lao động nghèo. Bà con gặp thầy ai cũng muốn mời thầy vào nhà chơi, toàn là bà con lao động biển nghèo. Vào nhà nào, thầy cũng hỏi thăm tỉ mỉ về từng bữa ăn, về cuộc sống. Đặc biệt, thầy hỏi thăm cặn kẽ về cách đánh bắt cá, cách luyện tập để đi biển, xác định phương hướng ở ngoài biển. Sau này, khi nhắc đến Bình Thuận, Người có nhắc: "Bà con ngư dân có đãi cơm với món canh chua cá nục".

Dù việc dạy học chỉ là tạm thời, song thầy giáo Nguyễn Tất Thành vẫn đem nhiệt huyết truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước, những suy nghĩ về vận mệnh đất nước và thầy luôn được học trò quý mến. Thầy Thành cũng thường đi thăm phụ huynh học sinh và được các bậc phụ huynh quý trọng. Bà Hồ Tá Bang thường dạy con mình: "Các con ráng mà học

1. Theo hồi ức của các ông Nguyễn Quý Phẫu, Nguyễn Đăng Lầu, Từ Trường Phùng, học sinh Trường Dục Thanh năm học 1910-1911, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

cái đức, cái nết của thầy Thành, thầy tuy ít tuổi nhưng chí cao". Thầy Thành không tách mình với cuộc sống thực tế của địa phương, của xã hội mà đã sống hoà đồng với những người lao động biển nghèo khổ và được nhân dân yêu mến.

Còn về phần mình, ngoài thời gian dạy học, thầy Thành dành thời gian say mê đọc sách ở ngôi nhà Ngọa du sào (có nghĩa là nơi nằm đọc sách mà như được du ngoạn trong thế giới hiểu biết) và những Tân thư, Tân văn do Trung Quốc dịch sang chữ Hán trong khu vườn của gia đình cụ Nguyễn Thông. Chính tại đây, qua Tân thư, Tân văn lần đầu tiên thầy Thành đã có dịp tiếp cận với tư tưởng của Lư Thoa (J.J. Rousseau), Mạnh Đức Tư Cưu (Ch. de Montesquieu), Phục Nhĩ Thái (Fr. Voltaire),... những văn hào và triết gia Pháp đã khởi xướng các thuyết nhân quyền, dân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái¹. Nước Pháp có một nền văn minh lâu đời và khi được đọc những tác phẩm của các nhà triết học Pháp "thế kỷ Ánh sáng", anh Thành thấy toát lên tinh thần phê phán chế độ chuyên chế,

1. *Bác Hồ với Trường Dục Thanh* in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bác Hồ với Thuận Hải, Thuận Hải với Bác Hồ*, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

lòng thiết tha yêu tự do, khát khao đời sống bình đẳng, bác ái của cách mạng Pháp.

Những ngày ở Phan Thiết, Nguyễn Tất Thành đã suy nghĩ về con đường cứu nước của cụ Phan Chu Trinh. Khâm phục lòng yêu nước của Phan Chu Trinh, nhưng Nguyễn Tất Thành chưa hoàn toàn tán thành đường lối của ông. Nghĩ vậy, anh càng thấy yên tâm hơn với con đường mà mình đã chọn: đó là tìm cách ra nước ngoài, xem thế giới làm như thế nào, để rồi trở về cứu giúp đồng bào. Tuy nhiên, trước mắt, với anh vẫn là con đường học hỏi. Và không bỏ lỡ cơ hội, trong thời gian này, thầy Thành thường gần gũi với bà con ngư dân ở bến cá Cồn Chà, hỏi thăm được những kinh nghiệm quý về đi biển, về chống say sóng và cách nhận biết những dấu hiệu của các cơn giông bão ngoài khơi...

Sau mấy tháng dạy học ở Trường Dục Thanh, đầu tháng 2-1911, thầy giáo Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn, thực hiện hoài bão từng nung nấu trong lòng: tìm đường sang Pháp và các nước phương Tây để xem "họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào chúng ta". Từ đây, thầy trò Trường Dục Thanh không còn được nghe tiếng còi tập thể dục của thầy giáo Tất Thành nữa và thầy đã đi xa! Tuy nhiên, trong ký ức học sinh Trường

Dục Thanh, hình ảnh người thầy giáo trẻ, vui vẻ, niềm nở với dáng cao gầy, đôi mắt tinh anh, tóc cắt ngắn, ăn mặc giản dị và có tình thương vô hạn đối với đàn em thân yêu vẫn còn đọng mãi. Còn đối với những người ngư dân Phan Thiết, họ luôn nhớ mãi hình ảnh một người thanh niên luôn lễ độ, hòa nhã với tất cả mọi người.

Để sống và tìm cách đi ra nước ngoài, Nguyễn Tất Thành phải làm nhiều công việc lao động chân tay trên đất Sài Gòn. Nơi anh ở tạm trú tại các chi nhánh của Liên Thành công ty đặt tại Sài Gòn như: nhà số 3, đường Tổng đốc Phương (nay là số 5, đường Châu Văn Liêm), nhà số 128, Khánh Hội, v.v.. Lần đầu tiên vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành thấy thêm những điều mới lạ, nhất là những cảnh ăn chơi xa hoa dành riêng cho người Pháp. Chỉ có tới đây, Nguyễn Tất Thành mới thấy rõ cách tổ chức cai trị, cách bóc lột tinh vi, tàn nhẫn của bọn tư sản Pháp. Đội ngũ những người làm thuê ngày càng đông đảo và có mặt trong tất cả các xưởng máy, xí nghiệp. Nguồn nhân công rẻ mạt người bản xứ, rách rưới, lam lũ, làm đủ các nghề nặng nhọc, kéo xe, bốc vác và sống chui rúc trong những túp nhà lụp xụp, tối tăm chính là nguồn thu béo bở cho bọn tư sản Pháp. Càng thâm nhập vào đời

sống của các tầng lớp quần chúng lao động, anh càng thấy rõ hơn sự đối lập giữa hai cảnh sống của bọn thực dân và những người lao động mất nước.

Sau này, Người kể lại trong cuốn sách *Những mâu thuẫn về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* như sau:

"Lúc bấy giờ, anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc. Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của người nào. Vì:

Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương.

Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến.

Anh thấy rõ và quyết định con đường nên đi. Cụ Phan Bội Châu vào bậc chú bác của anh, cụ Phan Bội Châu muốn đưa anh và một

số thanh niên sang Nhật. Nhưng anh không đi".

Tuy nhiên, khi quyết định ra đi, nghĩ đến cuộc hành trình lên đênh trên biển hàng vạn dặm, Nguyễn Tất Thành không khỏi băn khoăn. Anh nói về quyết định rời Tổ quốc ra nước ngoài và những băn khoăn của mình với một người bạn, đồng thời bày tỏ nguyện vọng khuyên người bạn cùng đi. Anh tâm sự với người bạn rằng, "nếu đi một mình thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như, khi đau ốm,... Anh muốn đi với tôi không? - Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi? - Đây, tiền đây... Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Nguyễn Tất Thành vừa nói vừa giơ hai bàn tay của mình, một cách tự tin và kiên quyết"¹.

Năm 1911, trong số nhiều tàu biển của nước ngoài ra vào bến cảng Sài Gòn có tàu của Pháp, Anh, Nhật, Đức,... trong đó, chiếc tàu lớn của hãng Sácgiơ Rêuyni (Chargeurs Réunis) đậu gần cột cờ Thủ Ngũ, nổi lên dòng chữ Amiran Latusơ Torêvin (Amiral Latouche Tréville), cập bến Sài Gòn ngày 17-5-1911. Đây là một tàu lớn vừa chở hàng vừa

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr.11.

chở khách của hãng Năm Sao đang chuẩn bị rời cảng Sài Gòn đi Mácxây (Marseille) Pháp. Nguyễn Tất Thành đã đến xin việc làm ở tàu Amiran Latusơ Torêvin. Ngày hôm sau, mùng 3-6-1911, Nguyễn Tất Thành với tên là Văn Ba được nhận vào làm phụ bếp trên tàu với đôi bàn tay trắng. Viên thuyền trưởng Lu Êđua Maisen giao cho Văn Ba cọ rửa xoong chảo, bát, đĩa và những việc khác như: nhặt rau, xúc than, cào lò, v.v.. Anh sẽ phải làm việc quần quật suốt ngày. Cuộc đời bôn ba của anh bắt đầu từ đây. Anh sẽ lao động để thực hiện mục tiêu đã định.

Ngày 5-6-1911, tàu Amiran Latusơ Torêvin kéo một hồi còi dài rồi nhổ neo, Nguyễn Tất Thành từ từ rời bến cảng Nhà Rồng, thành phố Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) rời Tổ quốc đi sang Pháp. Ngày 5-6-1911, sau khi nhận việc ở tàu Amiran Latusơ Torêvin, Nguyễn Tất Thành viết thư về cho thầy giáo Hải, dạy tiếng Pháp ở Trường Dục Thanh báo tin mình đã đi ra nước ngoài¹. *Đó là mốc khởi đầu của một con*

1. Theo hồi ức của một số học sinh cũ của Trường Dục Thanh, bức thư đó đã được đọc cho thầy trò của trường nghe trong bữa tiệc tiễn số học sinh ra Huế học. (Hồi ức của các ông Nguyễn Quý Phẫu, Nguyễn Đăng Lầu, Từ Trường Phùng, học sinh trường Dục Thanh năm học 1910-1911, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh và tư liệu của cuộc Hội thảo khoa

đường đi đúng!

*
* *

Như vậy, ngược dòng thời gian, có thể thấy rằng, truyền thống yêu nước của người dân xứ Nghệ, của gia đình là chiếc nôi tốt, sớm nuôi dưỡng tinh thần yêu nước cho Nguyễn Tất Thành. Câu nói của người cha thân yêu: "*Quan trường là nô lệ trong đám nô lệ lại càng nô lệ hơn*" và thực tế "*dân tộc thì bị nô lệ, nhân dân thì bị áp bức*" đã tác động sâu sắc đến người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành. Được trưởng thành nhanh chóng trong thời kỳ phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta liên tiếp nổ ra (cuộc khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa nông dân do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, phong trào Đông du của Phan Bội Châu, phong trào Duy tân của Phan Chu Trinh), đồng thời từng được chứng kiến cảnh thực dân Pháp chém giết người yêu nước, đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta trong những bể máu, Nguyễn Tất

học *Bác Hồ* với *Thuận Hải*, *Thuận Hải* với *Bác Hồ*, tháng 5-1986, lưu tại Viện Hồ Chí Minh).

Thành đã "sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào". Người mong muốn thực hiện khát vọng lớn lao của cuộc đời mình, đó là: "Độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào".

Hơn nữa, cũng từ nhận thức sâu sắc rằng, học là không có giới hạn và "con người có hiểu biết nhiều thì đau nỗi lo nhiều", Nguyễn Tất Thành thấu hiểu hoài bão lớn lao đó không chỉ thực hiện được bằng việc học trong sách vở mà còn phải học từ trong thực tiễn cuộc sống. "Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên nghe được ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy. Nhưng trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của những nhà văn mới, mà cả Rút-xô và Mông-tê-xki-ơ cũng bị cấm. Vậy thì phải làm thế nào bây giờ? Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài"¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.1, tr.477.

Rời nhà trường, rời thành phố Huế, rời Phan Thiết và rời Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành muốn ra nước ngoài, muốn làm quen với văn minh Pháp, muốn xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ "Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Người đã chọn con đường sang phương Tây, nơi sản sinh những tư tưởng lớn, những cuộc cách mạng lớn với mong muốn đến xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, Người sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Về quyết định này, trong một lần trả lời nhà văn Mỹ, Người nói: "Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"¹.

Vượt qua mọi gian truân, bằng ý chí, bằng nghị lực và bằng sức mạnh của tuổi trẻ và bầu nhiệt huyết, Hồ Chí Minh đã quyết chí dấn thân vì nghĩa lớn. Ngày 5-6-1911 - ngày Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh lựa chọn một sự khởi đầu đúng để tìm đường đi cho

1. Nguyễn Ái Quốc: *Bài thăm một chiến sĩ cộng sản*, Báo Ogoniok, số 39, ngày 23-12-1923.

dân tộc đi theo.

II

SỰ HÌNH THÀNH MỘT CHỌN LỰA (1911 - 1920)

Theo hành trình của tàu Amiran Latuso Torêvin, Nguyễn Tất Thành đã dừng chân ở cảng Mácxây, cảng Lơ Havorơ (Le Havre) của Pháp. Những ngày đầu tiên trên đất Pháp, được chứng kiến ở Pháp cũng có những người nghèo như ở Việt Nam, Tất Thành cảm nhận thấy có những người dân Pháp trên đất Pháp tốt và lễ phép hơn những tên thực dân Pháp ở Đông Dương. Ngày 15-9-1911, Nguyễn Tất Thành viết thư gửi Tổng thống Pháp và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp xin học Trường Thuộc địa, với mong muốn trở nên "có ích cho đồng bào tôi" và muốn cho họ được "hưởng những lợi ích của học thức", v.v.. Tuy nhiên, yêu cầu này đã bị từ chối. Thời gian này, Nguyễn Tất Thành đã quay lại Sài Gòn và anh đã viết thư cho Khâm sứ Trung Kỳ nhờ chuyển số tiền 15 đồng cho người cha của mình.

Sau đó, Nguyễn Tất Thành quay trở lại Pháp, nhưng không dừng ở Pháp. Năm 1912,

anh làm thuê cho một chiếc tàu của Hãng Sácgiơ Rêuyni đi vòng quanh châu Phi. Cùng với hành trình của tàu, anh đã có dịp dừng lại ở những bến cảng của một số nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênegan, Rêuyniông... Đến đâu anh cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Một trong những cảnh ấy ở Đaca (Dacar) được Người kể lại trong cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*: "Bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả ca nô xuống vì sóng rất to. Đề liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi..."¹.

Những cảnh tượng đó làm cho Nguyễn Tất Thành đau xót và anh liên tưởng một cách tự nhiên đến số phận của người dân Việt Nam khốn khổ của mình. Họ cũng là nạn nhân của sự tàn ác, vô nhân đạo của bọn thực dân.

1. Xem: Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd.

Những sự việc như vậy diễn ra ở khắp các chặng đường anh đi qua, tạo nên trong anh một môi đồng cảm sâu sắc với số phận người dân các nước ở xứ thuộc địa.

Tiếp tục theo tàu đi qua Máctiních (Trung Mỹ), Urugoay và Áchentina (Nam Mỹ) và dừng lại ở nước Mỹ vào cuối năm 1912. Tại đây, Nguyễn Tất Thành có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng năm 1776. Vừa đi làm thuê để kiếm sống, vừa tìm hiểu đời sống của những người lao động Mỹ, Nguyễn Tất Thành đã đến thăm quận Brúclin (Brooklin) của thành phố Niu Oóc (New York), thăm khu phố hoa lệ nổi tiếng thế giới với những ngôi nhà cao chọc trời ở đây cho đến những ngôi nhà ổ chuột ở khu Háclem (Harlem), v.v., để tìm hiểu đời sống và cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của những người da đen.

Dừng chân ở nước Mỹ không lâu và từ những khảo nghiệm thực tế, Nguyễn Tất Thành đã sớm nhận ra bộ mặt thật của đế quốc Hoa Kỳ. Đằng sau những tuyên ngôn, hiến chương về quyền con người của nền cộng hòa dân chủ, vẫn là những thủ đoạn bóc lột nhân dân lao động rất tàn bạo. Theo anh,

những nội dung về quyền con người, quyền tự do dân chủ từ các văn bản pháp lý đến thực tiễn vẫn còn là những khoảng cách. Cảm thông sâu sắc với đời sống của người dân lao động da đen và rất căm giận bọn phân biệt chủng tộc, hành hình người da đen một cách man rợ, trong bài báo *Hành hình kiểu Linxơ* sau đó của mình, Nguyễn Tất Thành đã thể hiện những suy ngẫm của anh về tội ác này.

Đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo tàu rời Mỹ trở về Lơ Havorơ và đến nước Anh. Để kiếm tiền sinh sống, Nguyễn Tất Thành nhận cào tuyết cho một trường học, rồi làm thợ đốt lò. Công việc hết sức nặng nhọc, nhưng sau mỗi ngày anh đều tranh thủ thời gian học tiếng Anh. Từ Anh, Nguyễn Tất Thành gửi thư và bưu thiếp cho cụ Phan Chu Trinh, lúc này đang ở Pháp, thông báo tình hình sinh hoạt, học tập của mình và hỏi thăm tình hình người thân của Cụ Phan.

Về tình cảm của Nguyễn Tất Thành với Cụ Phan, bà Phan Thị Minh trong phần viết *Tìm hiểu thêm về quan hệ của Bác Hồ với cụ Phan Chu Trinh trong những năm Bác chưa sang Pháp*, phụ lục cuốn sách *Nguyễn Ái Quốc tại Pari 1917-1923* của Thu Trang có viết rằng, đồng chí Phạm Văn Đồng đã từng nói: "Tôi

đã được Bác Hồ nói nhiều về Cụ Phan. Bác cho biết Cụ đã quý và giúp Bác nhiều. Trước khi lên đường đi Pháp đã được Cụ hướng dẫn... Nhận một công việc thời đó cho là thấp kém để dễ qua mắt mật thám, dễ ra đi cũng là theo ý Cụ... Sang Pháp là tiếp xúc ngay với Cụ... Quan hệ giữa Bác với Cụ rất gần gũi, thân thiết như ruột thịt. Đi xa sang Mỹ hay ở Anh, Bác đều viết thư cho Cụ và nhận được thư Cụ phúc đáp đều đặn. Thư viết phải thật vắn tắt vì mật thám theo dõi chặt, nhưng có dịp là tranh thủ đến gặp Cụ để được bàn bạc và dặn dò mọi việc. Đi năm châu bốn biển để mở rộng kiến thức, học nhiều ngoại ngữ, đọc sách nhiều, giao tiếp rộng là những điều Cụ rất tâm đắc và khuyến khích..."¹. Trong những bức thư, Nguyễn Tất Thành cũng bày tỏ và thăm dò ý kiến của Cụ Phan về tình hình thời cuộc. Phần cuối của một trong những bức thư Nguyễn Tất Thành gửi Cụ Phan Chu Trinh, có ký tên "Cuồng Diệt" - thể hiện chí khí và lòng nhiệt huyết của mình.

Cuối năm 1913, sau hai tuần nghỉ việc vì bị cảm, Nguyễn Tất Thành đến làm thuê ở khách sạn Drayton Cóc, đại lộ Drayton, khu

1. Dẫn theo Thu Trang: *Nguyễn Ái Quốc tại Pari 1917-1923*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1989.

Oét Ilinh (Drayton Court, Drayton Av., West Ealing) nằm ở phía tây Luân Đôn. Làm việc ở đây một thời gian, Nguyễn Tất Thành lại chuyển sang làm phụ bếp ở khách sạn Cáoclơtơn (Carlton), phố Hây Makét, là một khách sạn sang nổi tiếng ở Luân Đôn. Nguyễn Tất Thành làm việc dưới sự điều khiển của vua bếp Étcôpphie (Escophier), một người Pháp có tư tưởng tiến bộ. Được giao nhiệm vụ thu dọn và rửa bát đĩa, nồi, chảo, v.v., nhưng trong khi làm việc, để tránh lãng phí, anh Thành thường gói lại những miếng ngon còn thừa, đưa lại cho nhà bếp và nói: ta có thể cho người nghèo những thứ ấy. Được ông Étcôpphie quý mến và giúp đỡ, sau đó, anh Thành chuyển sang chỗ làm bánh với mức lương cao hơn.

Trong thời gian ở Anh, Nguyễn Tất Thành hằng hái tham dự những cuộc diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị và triết học, tham gia *Hội những người lao động hải ngoại* ở Luân Đôn, theo dõi những tin tức của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Tất Thành đọc trên một tờ báo Anh tin về ông Terence MacSwiney, Thị trưởng thành phố Cúc (Cork), nhà đại ái quốc Airolen, đấu tranh chống đế quốc Anh đã bị

bắt. Hành động tuyệt thực, không ăn, không cử động hơn 40 ngày và hy sinh của ông đã làm Nguyễn Tất Thành hết sức xúc động và cảm phục. Anh nói: "Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Cúc sẽ không bao giờ đầu hàng"¹.

Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bước vào giai đoạn cuối, (cuối năm 1917), Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp để có điều kiện trực tiếp hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp. Ở Pari, Nguyễn Tất Thành chuyển qua nhiều chỗ ở, từ một căn buồng trong phố Sarôn (Charonne)... đến nhà số 9, ngõ Côngpoanh (Compoint), quận 17, một trong những khu lao động nghèo nhất của thủ đô nước Pháp.

Thời gian đầu khi tới Pari, chưa có giấy tờ hợp pháp, Nguyễn Tất Thành được các đồng chí trong Ban đón tiếp những người lao động nhập cư của Đảng Xã hội Pháp giúp đỡ. Cuộc sống khi đó của anh gặp nhiều khó khăn, vừa hoạt động chính trị, vừa kiếm sống một cách chật vật. Trong thời gian này, anh Nguyễn làm thuê cho một hiệu ảnh, sau nhận vẽ thuê

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 29.

cho một xưởng "đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa". Tuy cuộc sống vất vả và giữa vòng vây của mật thám Pháp, giữa một mạng lưới chỉ điểm, mật vụ được bủa giăng khắp nơi, nhưng anh vẫn kiên trì, hăng say học tập và hoạt động. Anh Nguyễn thường xuyên gặp gỡ với những người Việt Nam có tư tưởng và khuynh hướng tiến bộ như Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường; đồng thời tìm hiểu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của nước Pháp - "thành trì của phản động thế giới", giúp anh từng bước tham gia vào cuộc đấu tranh của phong trào công nhân và lao động Pháp.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia vào Đảng Xã hội Pháp (trong số những đảng viên tham gia năm 1919, có anh Nguyễn và 79 người Việt Nam khác). Khi được hỏi vì sao vào Đảng, anh trả lời: vì đây là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Sau này, chính Người cũng từng nói: Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, khi Tổng thống Mỹ Uynson (Wilson) công bố Chương trình 14 điểm đầu tháng 1-1918 và những triển vọng về một hội nghị quốc tế hòa bình họp ở Vécxây (Versaille) vào tháng 6-1919, góp phần làm cho đời sống chính trị thế giới

trở nên sôi động hơn. Đó cũng là lúc nhân dân của các quốc gia hy vọng rằng, với những gì Uynson tuyên bố, nhất định quyền dân tộc tự quyết, những yêu cầu về độc lập, tự do của các dân tộc sẽ được thực hiện.

Và cũng như nhiều người, nhiều dân tộc "từng bị mê hoặc bởi những tuyên bố rộng rãi về quyền tự quyết của các dân tộc" của Tổng thống Hoa Kỳ, Nguyễn Ái Quốc đã thay mặt *Hội những người Việt Nam yêu nước* tại Pháp ký tên và gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* được viết bằng tiếng Pháp. Về sự kiện này, trong cuốn sách *Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao* (1999), đồng chí Hồng Hà - Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, đã viết:

"Bà G.Tabui, một nhà báo có tiếng của Pháp, là người đã gặp Nguyễn Ái Quốc năm 1919 và phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946 tại Pari. Chúng tôi đến thăm bà ở nhà số 24, phố Quảng trường Mandép, quận 17, Pari. Tuy tuổi đã cao, bà có nhã ý dùng xe ô tô đưa chúng tôi đến ngôi nhà số 6, phố Đôbinhi. Bước vào căn phòng trang trí theo kiểu cổ, bà kể chuyện:

"Đây là văn phòng của ngài Đại sứ Pháp tại Đức năm 1919, G.Cămbông, cậu ruột của

tôi. Năm đó tôi mới 20 tuổi, làm thư ký cho đại sứ tại ngôi nhà này. Sáng sớm một ngày tháng Giêng năm 1919, có tiếng chuông reo. Tôi ra mở cửa thấy một thanh niên châu Á cầm một cuộn giấy buộc dây đỏ. Anh tự giới thiệu là Nguyễn Ái Quốc. Anh thay mặt những người yêu nước An Nam đến gặp Đại sứ G. Cambong là thành viên Đoàn đại biểu Chính phủ Pháp dự Hội nghị quốc tế về hòa bình đang họp ở Vécxây, gần Pari, nhờ chuyển đến Hội nghị bản yêu sách tám điểm của nhân dân An Nam đòi quyền tự quyết và dân chủ".

Bà G. Tabui cho biết bản yêu sách của Nguyễn Ái Quốc đã được chuyển đến Đoàn đại biểu Chính phủ Pháp. Cục Lưu trữ của Bộ Thuộc địa Pháp ở phố Uđinô, Pari còn giữ hồ sơ về bản yêu sách: "Thư của Nguyễn Ái Quốc gửi các đoàn đại biểu quốc tế dự Hội nghị hòa bình kèm yêu sách tám điểm và công văn của các đoàn, trong đó có Đoàn đại biểu Chính phủ Hoa Kỳ gửi Nguyễn Ái Quốc, báo tin đã nhận được bản yêu sách; bản lưu từ truyền đơn yêu sách do Nguyễn Ái Quốc in 6.000 bản tại nhà máy in Sác-păng-chiê ở phố Gôbolanh; các tờ báo Pháp *Luymanitê* và *Lơ Pôpuyle* đăng toàn

văn yêu sách ký tên Nguyễn Ái Quốc; những bức điện khẩn của Thống đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương gửi về Pháp báo tin truyền đơn yêu sách của Nguyễn Ái Quốc đang được rải nhiều nơi...".

Đây là điểm khởi đầu của một chặng đường đấu tranh cách mạng và điểm khởi đầu đó đã gây chấn động nước Pháp và thế giới. Cũng theo đồng chí Hồng Hà, "đây là hoạt động chính trị đối ngoại đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc với tư cách một người Việt Nam yêu nước. Đây cũng là văn kiện đối ngoại đầu tiên có tiếng vang quốc tế của nhân dân Việt Nam đang đòi độc lập, tự do vào đầu thế kỷ XX. Sáng kiến đối ngoại ấy của Nguyễn Ái Quốc in dấu ấn về một sự kiên trì đấu tranh của Người suốt sáu tháng liền bên lề Hội nghị hòa bình Vécxây". Sau đó, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển thể bản yêu sách qua thể thơ lục bát và song thất lục bát với tên gọi *Việt Nam yêu cầu ca* và một bản chữ Hán là *An Nam nhân dân thỉnh nguyện thư*. Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* được gửi cho tất cả các đoàn đại biểu dự Hội nghị Vécxây. Người đồng thời cũng chuyển bản yêu sách đó cho Gionovie Taburi (Genevieve Tabouis) - vừa là thư ký, vừa là cháu gái của

Trưởng đoàn đại biểu Pháp - Jules Chambon. Ngay sau đó, Người nhận được thư trả lời của Đoàn đại biểu Nicaragua, nhờ chuyển lời cảm ơn về việc bản yêu sách này đã khiến cho một đại biểu của đoàn là ông Samôrô hết sức chú ý, và cùng đó là lá thư của Đoàn đại biểu Hoa Kỳ với lời hứa "sẽ trình thư đó lên Tổng thống", v.v..

Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* ký tên Nguyễn Ái Quốc xuất hiện tại thủ đô Pari của nước Pháp, với những nội dung cơ bản được nêu ra:

"1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;

2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xóa bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;

3. Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*;

4. Tự do *lập hội* và *hội họp*;

5. Tự do *cư trú ở nước ngoài* và tự do xuất dương;

6. Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho

người bản xứ;

7. Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật;

8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ"¹.

Bản yêu sách là tiếng nói đại diện cho một dân tộc đã bị mất tên trên bản đồ thế giới, thực sự chỉ như một tiếng kêu cứu, như một tiếng nói hiện diện của người dân một xứ thuộc địa tại một hội nghị quốc tế. Về thực chất, "yêu sách" cũng chỉ dừng ở sự "đòi hỏi" thực dân Pháp "lông tay" hơn trong cai trị và "không có gì quá đáng", nhưng sự thức tỉnh của những lực địa chưa được gọi là "văn minh" rồi đây cũng hẳn sẽ tìm thấy từ "yêu sách" này "tiếng nói của dân tộc mình".

Tuy nhiên, *Yêu sách của nhân dân An Nam - lời thỉnh cầu của người dân An Nam* đã không được Hội nghị chấp thuận. Nguyên tắc về quyền tự quyết của các dân tộc trong chương trình 14 điểm của Uynson thực chất chỉ là một chiến lược lớn của Hoa Kỳ - một đế quốc mới nổi, nhưng chiến lược này mâu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.435-436.

thuần gay gắt với ý đồ chiến lược của Anh và Pháp (trong việc cai trị tại các thuộc địa). Cho nên, không chỉ người Anh, người Pháp, thậm chí cả người Đức cũng không công nhận và việc yêu cầu xóa bỏ sự "bức chế của Vécxây" ngay khi đó đã trở thành một nội dung quan trọng trong chính sách của Hitle và Nhà nước Đức.

Cùng với việc bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* do Nguyễn Ái Quốc ký tên xuất hiện công khai trong dư luận Pháp và "có ảnh hưởng khá sâu sắc trong các giới Pháp"¹, là việc truyền đơn in bản yêu sách "do sự tháo vát của Việt kiều" và việc phân phát cho Việt kiều trong các cuộc mít tinh, cho những người Việt Nam bị bắt đi lính cho Pháp và cả người Pháp. Điều này khiến cho những người vốn "thờ ơ với chính trị nay cũng phải giác ngộ". Đặc biệt, những truyền đơn này đã được gửi về Đông Dương, chuyển tới đồng bào trong nước. Hơn nữa, khi bản yêu sách được đăng trên báo *Nhân đạo* (L'Humanité), số ra ngày 18-6-1919 với tên gọi *Bản yêu cầu tám điểm*, báo *Dân chúng* (Le Populaire) với tên gọi *Quyền của các dân tộc* và việc thực dân Pháp

1. Thu Trang: *Nguyễn Ái Quốc tại Pari 1917-1923*, Sđd, tr.63.

cũng cho đăng những truyền đơn in bản yêu sách lên báo chí "để chế giễu và yêu cầu đàn áp", v.v., thì *Yêu sách của nhân dân An Nam* và tên gọi Nguyễn Ái Quốc không chỉ có tiếng vang lớn tại thủ đô của nước Pháp thực dân, mà còn có tầm ảnh hưởng đến cả các vùng thuộc địa xa xôi của nước Pháp.

Đi liền cùng với những sự kiện liên quan đến bản yêu sách là những cảnh khám xét, bắt bớ tại các trại lính ở Pháp; là việc Bộ Thuộc địa, chính quyền Pháp tăng cường mua chuộc những tay sai người Việt Nam, trà trộn vào quần chúng Việt kiều, nhằm "dò la, theo dõi, tìm hiểu những hoạt động của Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp. Mật báo ngày 30-1-1920 tại Bộ Thuộc địa Pháp ghi rõ: Theo điều tra về những hành vi của nhiều người An Nam, phản ứng của họ về bản yêu cầu của người Đông Dương, "thì kết quả cho biết linh hồn những người này chính là Nguyễn Ái Quốc".

Tuy nhiên, chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương nói chung và ở Việt Nam nói riêng là một chính quyền bất hợp hiến, cho nên sẽ không có "những giới hạn cho việc thực thi quyền lực" ở nơi đây. Đó chính là cơ sở cho việc cai trị một cách tùy tiện, chuyên

chế của chính quyền thực dân Pháp và hệ lụy của nó chính là sự xâm phạm các quyền và tự do của mỗi con người. Hướng đến mục tiêu đòi lại công lý cho nhân dân Việt Nam, đồng thời bảo vệ các quyền và tự do của con người, bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đã trở thành một tuyên ngôn chống đế quốc chưa từng có trong tiền lệ. Và "quả bom chính trị" này đã đưa Nguyễn Ái Quốc đã trở thành "người phát ngôn có uy tín và đáng tin cậy của dân tộc Việt Nam cũng như của dân tộc các nước thuộc địa và phụ thuộc"¹. Từ thủ đô của nước Pháp thực dân, bản yêu sách và tên gọi Nguyễn Ái Quốc trở thành một niềm tin, một khẩu hiệu đấu tranh cho những "dân tộc nhược tiểu", cho "những thân phận người nô lệ".

Mặc dù không đạt được một yêu cầu nào, song việc gửi bản yêu sách đến một hội nghị quốc tế, hình thức đấu tranh trực diện của Nguyễn Ái Quốc - sự xuất hiện lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc trên vũ đài chính trị, tại sào huyệt của chủ nghĩa thực dân, cùng những nội dung của yêu sách đã đánh thức

1. Mai Văn Bộ: *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr.86.

sự thờ ơ của dư luận đối với vấn đề thuộc địa, chính sách cai trị hà khắc ở thuộc địa của Pháp nói chung và thuộc địa Đông Dương, Việt Nam nói riêng.

Yêu sách của nhân dân An Nam do Nguyễn Ái Quốc ký tên xuất hiện tháng 6-1919 tại Hội nghị hòa bình Vécxây, có thể coi là một cuộc gặp gỡ lịch sử, diễn ra khi nhu cầu bức thiết của đất nước Việt Nam thuộc địa đang trải qua một cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc đứng đầi với một Nguyễn Ái Quốc đầy nhiệt huyết cách mạng, ngày một trưởng thành sau những khảo nghiệm thực tế. Khác và vượt trội hơn những người Việt Nam yêu nước đương thời, Nguyễn Ái Quốc sau những khảo sát lớn lao mang tính thời đại trong hành trình "tìm đường đi cho dân tộc theo đi" đã gắn liền độc lập của dân tộc với quyền tự do của con người. Sớm giương cao ngọn cờ bảo vệ nhân quyền, vì các quyền dân tộc cơ bản của con người, trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, quyền sống của dân tộc và quyền sống của con người thuộc lĩnh vực công pháp quốc tế và luật pháp quốc gia gắn bó với nhau.

Với *Yêu sách của nhân dân An Nam* - văn

kiện mang tính chất chính trị, pháp lý về nội dung và cả hình thức, thể hiện đòi hỏi cấp bách của một dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã từ những tích lũy, tiến đến chiếm lĩnh đỉnh cao tư tưởng về quyền sống, quyền tự do của dân tộc và quyền sống, quyền tự do của con người, trở thành "người đầu tiên trong nền chính trị Việt Nam" nêu chủ trương lập hiến như một nội dung của cách mạng dân chủ. Vì vậy, *Yêu sách của nhân dân An Nam* do Người ký tên năm 1919 "xứng đáng được xem là cương lĩnh lập hiến đầu tiên trong đời sống chính trị Việt Nam"¹. Theo luật gia Vũ Đình Hòe, những yêu sách đó "phản ánh tư tưởng hiến chính của Nguyễn Ái Quốc đã nảy mầm"² và "là một dạng của chế độ hiến chính"³.

Ngắn gọn, súc tích, tập trung vào các nội dung đòi tự do, dân chủ của những người dân thuộc địa với yêu cầu bức thiết cần phải thiết lập một chế độ cai trị bằng các đạo luật ở Việt Nam, chứ không phải bằng các sắc lệnh, bản

1. Nguyễn Đình Lộc: *Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.114.

2, 3. Vũ Đình Hòe: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hoá thông tin và Trung tâm Lưu trữ văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2001, tr. 342, 340.

Yêu sách của nhân dân An Nam đã lần đầu tiên thể hiện một cách đậm nét hai từ "pháp quyền". Như vậy, trong thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết, lý tưởng dân quyền, việc thực thi quyền lực của nhân dân, thực thi tổ chức và điều hành xã hội bằng pháp luật do Nguyễn Ái Quốc trình bày trong văn bản pháp lý nêu trên, đã phản ánh nguyện vọng và yêu cầu về quyền của con người ở thuộc địa (trong đó có Đông Dương thuộc Pháp). Nội dung và ý nghĩa của những yêu cầu chính đáng này xuất phát từ sự tiếp nhận có chọn lọc những thành tựu về quyền con người mà nhân loại đã đạt được trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế từng được ghi trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ năm 1776 và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp năm 1791. Cũng từ đây, *Yêu sách của nhân dân An Nam* cũng "sẽ đi vào lịch sử với tính cách là điểm khởi nguồn của một cương lĩnh lập hiến theo tinh thần dân chủ ngay trong khuôn khổ chế độ thực dân"¹ và Người đã khái quát các điều yêu sách này lên mức luật hiến trong lời

1. Nguyễn Đình Lộc: *Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam, Sđd*, tr.115.

ca của *Việt Nam yêu cầu ca*: "Bây xin hiến pháp ban hành. Trăm đều phải có thần linh pháp quyền".

Thông qua bản yêu sách, có thể thấy tư duy của Nguyễn Ái Quốc về lĩnh vực luật pháp ngay từ thời điểm đó đã rất độc đáo và táo bạo. Trong điều kiện lịch sử khi đó, việc một người Việt Nam của xứ Đông Dương thuộc Pháp đấu tranh đoạt lại ngọn cờ dân tộc tự quyết dựa vào miệng lưỡi của kẻ thù (tuyên bố của Uynson) và từ kẻ thù (thực dân Pháp) là một hành động hiểm có, tài trí, khôn ngoan, mang đậm dấu ấn đầy bản lĩnh và dày dặn kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Nhận định về Nguyễn Ái Quốc và *Yêu sách của nhân dân An Nam*, Daniel Hémerý cho rằng: đối với Nguyễn Ái Quốc, trong khi chờ cho các nguyên tắc về dân tộc tự quyết từ lý tưởng trở thành hiện thực do quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc thuộc địa bị vi phạm tùy tiện, thì sự nhún nhường của Người và những người Việt Nam yêu nước là rất táo bạo, rất triệt để; "vì nó không dừng lại ở việc yêu sách được bình đẳng với nước Pháp mà còn đòi hỏi phải chuyển giao lập tức mô hình dân chủ kiểu phương Tây sang Đông Dương theo hướng độc lập... Đó là một kịch

bản chấm dứt tình trạng thuộc địa trước công thức dân chủ về chính trị rồi độc lập"¹.

Có điều không ảo tưởng, nên ngay sau đó, Nguyễn Ái Quốc đã sớm nhận ra rằng: Chủ nghĩa Uynson mãi mãi chỉ là lời hứa suông, dù nó từng được tán dương rất nhiều. Đó chỉ là một trò bịp bợm và không thể có "độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do, hạnh phúc cho đồng bào tôi" nếu chỉ dừng lại ở thỉnh cầu bọn đế quốc. Muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể "trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình".

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pari từ năm 1919 đã làm cho ảnh hưởng của anh trong giới kiều bào Việt Nam tại Pháp ngày càng tăng. Một báo cáo được gửi đến Bộ Thuộc địa đã từng xác nhận rằng: qua điều tra về hoạt động tuyên truyền trong các giới người An Nam tại Pari về việc ủng hộ bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* thì thấy rõ linh hồn của phong trào này là Nguyễn Ái Quốc, Tổng Thư ký của Hội những người An Nam yêu nước. Thực dân Pháp bắt đầu chú ý hơn tới người có tên Nguyễn Ái Quốc. Tên

1. Daniel Hémerý: *Hồ Chí Minh từ Đông Dương đến Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2004, tr. 29.

mật thám Pháp Pôn Ácnu (Paul Arnoux) chuyên theo dõi người Việt Nam sống ở Pari, tận mắt chứng kiến anh Nguyễn đang phân phát truyền đơn in bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đã thốt lên với các đồng sự tại Bộ Thuộc địa: "Con người thanh niên mảnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt cây chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương"¹. Sự kiện gặp Anbe Xarô (Albert Sarraut) - Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, về lễ độ giả dối, "uy phong lâm liệt" cùng lời hứa "khi nào ông có cần gì, tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông" của tên trùm thực dân, sau đó đã được Người từng kể lại trong cuốn sách *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (với bút danh T.Lan) như sau:

"Thấy Bác vào, ông ta đứng dậy bắt tay và mời ngồi một cách lễ độ giả dối.

Hai người ngồi đối mặt nhau. Một người thì đại biểu của chế độ đế quốc thực dân Pháp đang áp bức bóc lột Việt Nam. Một người là tượng trưng của nhân dân Việt Nam đang bị Pháp đô hộ một cách tàn nhẫn.

Y thì nắm trong tay cả quyền bính kinh tế,

1. Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr.81.

chính trị, quân sự, cảnh sát, toà án, trại giam,... ở các thuộc địa Pháp. Bác là một trong 50 triệu người thuộc địa đang bị bọn thực dân Pháp bắt làm nô lệ. Y có quyền bắt giải Bác về Việt Nam, gán cho tội tuyên truyền cộng sản, rồi đưa lên máy chém (Triều đình Việt Nam đã vâng lệnh Pháp mà xử án Bác vắng mặt). Bác thì chỉ dựa vào lực lượng của chính nghĩa và cảm tình của giai cấp công nhân Pháp, nhất là công nhân Pari.

Hai giai cấp, hai chế độ ngồi đối mặt nhau. Thế nhưng Bác cảm thấy ông ta sợ Bác, vì sợ cách mạng; và đoán biết rằng ông ta cũng cảm thấy Bác không sợ ông ta, vì cách mạng không sợ cái chế độ do ông ta đại biểu. Thượng thư thuộc địa mắt thì nhìn Bác chăm chăm, tay thì vẽ trên bàn, miệng thì nói như phun ra lửa. Y nói đại ý như sau: "Hiện nay có những kẻ ngông cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn Bônsovích ở Nga. Từ Nga họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ hết những dây liên lạc đó! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống đối lại Nhà nước bảo hộ. Nước mẹ Đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn... Nước mẹ Đại Pháp

đủ sức để bẻ gãy họ, như thế này...".

Nói đến đó, y vẽ mặt hầm hầm, hai tay nắm lại và làm như đang bẻ những vật gì rất cứng rắn - những người cách mạng Việt Nam. Bác cứ giữ thái độ ung dung, cứ mỉm cười, để mặc y nói. Cái mỉm cười trước những lời đe dọa làm cho Thượng thư thuộc địa càng bức, càng sợ. Khi ông ta tạm dứt lời, Bác hỏi: "Ngài nói xong rồi chứ?". Là một nhà chính trị cáo già, ông ta đổi giọng và nói một cách ôn tồn: "Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải "thức thời" mới ngoan.Ồ này! Khi nào ông có cần gì tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...". Bác nói: "Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập... Kính ngài ở lại, tôi xin phép về". Trên đường về, ngồi trong xe điện dưới hầm (métorô), Bác cười trong bụng: "Con cáo già thuộc địa đã đoán trúng ý định của mình!"¹.

Không thể ngồi chờ bọn đế quốc rũ lòng thương, không thể đòi được độc lập, tự do

1. T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.14-15.

của Tổ quốc bằng những lời thỉnh cầu, anh Nguyễn học viết báo để tố cáo tội ác của thực dân Pháp. Nguyễn Ái Quốc đã viết bài *Vấn đề bản xứ*¹, đăng trên báo *Nhân đạo*, ngày 2-8-1919 và sau đó là bài *Đông Dương và Triều Tiên* đăng báo *Dân chúng*,... Thông qua các bài báo ấy, người ta thấy được ở Nguyễn Ái Quốc - một người yêu nước tiên bộ đầy nhiệt huyết, căm thù chủ nghĩa thực dân Pháp với khát khao cháy bỏng là giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào khỏi kiếp làm than, đau khổ đang trở thành "linh hồn của Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp".

Giữa lúc đó, Nguyễn Ái Quốc được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được thông qua tại Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản họp năm 1920, đăng trên báo *Nhân đạo*, số ra ngày 16 và ngày 17-7-1920. Đọc văn kiện này, Nguyễn Ái Quốc hiểu rằng, Lênin đã phê phán mọi luận điểm sai lầm của những người đứng đầu Quốc tế thứ hai về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Lênin cũng lên án mạnh mẽ tư tưởng sô vanh, dân tộc hẹp hòi, ích kỷ và nhấn mạnh nhiệm vụ của các đảng

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 6-10.

cộng sản là phải giúp đỡ thật sự phong trào cách mạng của các nước thuộc địa và phụ thuộc, đồng thời kêu gọi sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản các nước tư bản với nhân dân lao động của tất cả các dân tộc để chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến.

Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc xác định rõ con đường cứu nước theo quỹ đạo cách mạng vô sản, và theo Người: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao? Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!". Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"¹.

Tin vào bản *Luận cương* của Lênin, tin vào những gì mà Quốc tế thứ ba sẽ làm cho nhân dân các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc vững bước đi theo con đường cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cũng vào thời gian đó, nội bộ Đảng Xã hội Pháp đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt về việc gia nhập

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.127.

Quốc tế thứ ba, hay ở lại Quốc tế thứ hai, hay cải tổ thành Quốc tế hai rưỡi của phái tả, phái hữu và phái giữa. Quan tâm theo dõi quá trình diễn biến phức tạp tại Đại hội bất thường của Đảng họp ở Pari (4-1919), Đại hội lần thứ XVII (2-1920) họp ở Xtorátbua, Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ: dù gia nhập quốc tế nào, thì vấn đề quan trọng nhất đối với Đảng Xã hội khi đó và với riêng Người vẫn là sự đoàn kết trong Đảng và đoàn kết với các dân tộc thuộc địa.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII (từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920 tại thành phố Tua, Pháp), Đảng Xã hội Pháp đã tranh luận gay gắt về việc gia nhập Quốc tế thứ ba hay ở lại Quốc tế thứ hai; thành lập Đảng Cộng sản, hay giữ nguyên Đảng Xã hội. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội với tư cách là đại biểu chính thức và duy nhất của các nước thuộc địa Đông Dương. Trong lời phát biểu tại phiên họp buổi chiều ngày 26-12-1920, Nguyễn Ái Quốc lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp, vì lợi ích của nó, đã dùng lưỡi lê chinh phục Đông Dương và trong suốt nửa thế kỷ qua, nhân dân Đông Dương không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thê

thăm.

Bằng dẫn chứng từ thực tế, Nguyễn Ái Quốc tố cáo sự tàn bạo của bọn thực dân Pháp ở Đông Dương và cho rằng, nhiệm vụ của Đảng Xã hội là cần phải hoạt động một cách tích cực, thiết thực để ủng hộ những người bản xứ. Đặc biệt, "Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa" và phải đánh giá đúng "tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa". Tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba, Nguyễn Ái Quốc vừa tích cực hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu lý luận. Từ sự quan tâm đến nội dung quan trọng của vấn đề thuộc địa đối với cách mạng vô sản ở chính quốc và việc Đảng Xã hội phải có những hoạt động đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa, v.v., phát biểu và bản tham luận của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp được đặc biệt chú ý hơn khi anh kêu gọi: "Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi!"¹.

Cuối cùng, với những người đồng chí

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr. 23-24.

cách mạng chân chính của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế thứ ba - Quốc tế Cộng sản; trở thành một trong những người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Với sự kiện quan trọng này, một chặng đường hoạt động cách mạng mới, một con đường đấu tranh mới để thực hiện hoài bão giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân thuộc địa của Nguyễn Ái Quốc bắt đầu. Đây là mốc đánh dấu một bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người: *từ một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một người cộng sản*. Sự kiện đặc biệt này được Người viết như sau: Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa¹.

Tựu chung lại, từ năm 1911 đến năm 1920

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.241.

là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc khảo sát, nghiên cứu và hình thành sự lựa chọn về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách nô lệ của bọn thực dân, phong kiến. Trong hành trình bôn ba ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, hoà mình với cuộc sống của những người lao động, bị áp bức tại các thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện chứng kiến cuộc sống lầm than của người dân thuộc địa, nhìn rõ bộ mặt thật của những kẻ bóc lột ở chính quốc và thuộc địa. Từ đó, Người cũng tìm thấy những người bạn đồng minh của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc - đó là nhân dân lao động ở thuộc địa và chính quốc.

Đồng thời, nhận diện rõ bộ mặt thật của kẻ thù, Người kết luận: ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác và vô nhân đạo, ở đâu nhân dân lao động cũng bị áp bức bóc lột rất dã man; các dân tộc thuộc địa đều có một kẻ thù chung là bọn đế quốc thực dân. Vì vậy, năm 1924, trong bài viết *Đoàn kết giai cấp*, Người nhấn mạnh: "Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái

vô sản"¹.

Quyết định lựa chọn và hành động của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Tua là một sự lựa chọn đúng đắn của một người yêu nước chân chính, phù hợp với trào lưu tiến hóa của lịch sử, đồng thời mở ra một con đường đấu tranh mới của người chiến sĩ cộng sản. Vì yêu nước và thương nhân dân, nên "Người sớm đi vào cách mạng và do đó Người đã được vinh dự lớn lao là một trong những người đầu tiên làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc"².

Tiếp đó, trong hành trình đấu tranh để thực hiện khát vọng lớn lao của cuộc đời mình, người cộng sản Nguyễn Ái Quốc đã từ những nội dung trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, đã từ nội dung trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, kiên quyết đấu tranh để thực hiện quyền sống của các dân tộc thuộc địa và các quyền tự do cơ bản của con người. Bắt đầu một chặng đường mới, chặng đường của người chiến sĩ cộng sản quốc tế Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.266.

2. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, Sđd*, t.III, tr.40.

không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho sự giải phóng của dân tộc mình, Người còn đấu tranh cho sự giải phóng của các dân tộc thuộc địa và nhân loại cần lao. Trái tim, khối óc của Người dành cho hết thảy và tất cả sức mạnh của Người đều dành cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Đúng như trong tham luận *Hồ Chí Minh* tại Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1990, Pinô Tagoliatđúcchi Pêrugia từng khẳng định: "Nhà cách mạng vĩ đại Hồ Chí Minh và chắc chắn Người là một trong những người hiếm có của thời đại chúng ta, mà người ta có thể nói rằng: không có Người, lịch sử có thể đã đi theo một con đường khác. Lịch sử đã đặt Người vào đúng chỗ của mình, trong quá trình đó, Người là nhân vật sáng tạo quyết định".

III

HÀNH TRÌNH TỪ NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐẦU TIÊN ĐẾN NGƯỜI CHIẾN SĨ CỘNG SẢN QUỐC TẾ (1920 - 1924)

Từ sau Đại hội Tua và từ khi xác định con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa là con đường cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc đã từng bước đấu tranh cho sự quán triệt tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa và việc xây dựng quan hệ đoàn kết giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh: để sự nghiệp giải phóng dân tộc đi tới thắng lợi, những người cộng sản phương Đông không chỉ nắm vững những nguyên lý, mà còn phải vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình.

Nhận thức được trách nhiệm to lớn của mình, đó là góp phần cùng Đảng Cộng sản Pháp quan tâm hơn nữa đến các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu một thời kỳ hoạt động sôi nổi trên các lĩnh vực, đặc biệt là các diễn đàn, các đại hội quốc tế và trên các phương tiện báo chí. Những hoạt động này nhằm lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân đối

với nhân dân các nước thuộc địa và thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa, hướng họ vào cuộc đấu tranh giành tự do, độc lập.

Đánh giá đúng vị trí và sức mạnh của nhân dân thuộc địa, vai trò của những người cộng sản trong việc tập hợp và tổ chức quần chúng đấu tranh để giành độc lập dân tộc, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến. Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"¹.

Tiếp đó, Nguyễn Ái Quốc đã hoạt động tích cực và mạnh mẽ hơn về lý luận, tư tưởng, tổ chức cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa theo con đường cách mạng vô sản. Không chỉ dừng cảm và tích cực lên án, tố cáo tội ác chủ nghĩa thực dân ở các thuộc địa trên các phương tiện báo chí (*Thư tín quốc tế, Đời sống công nhân, Nhân đạo, Người cùng khổ...*), trên các diễn đàn, các cuộc họp của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 28.

Đảng Cộng sản Pháp, Người còn chỉ rõ *sự thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc với các thuộc địa*. Người từng nói: Họ hoàn toàn không để ý gì đến các thuộc địa. Phê bình sự không triệt để, không kiên quyết của Đảng Cộng sản Pháp trong vấn đề thuộc địa và trong việc không thực hiện một cách tích cực những nghị quyết của Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa, trên chuyên mục *Diễn đàn của các thuộc địa* của báo *Nhân đạo*, Nguyễn Ái Quốc viết: "Những người bị áp bức khôn khổ thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh"¹.

Sau ngày 14-7-1921, Nguyễn Ái Quốc đến ở trong căn phòng rộng 9m², gác 2, nhà số 9, ngõ Côngpoanh, quận 17, Pari. Mặc dù chật hẹp, nhưng nơi đây đã trở thành một trung tâm mới, thu hút những người Việt Nam yêu nước. Sống chủ yếu bằng nghề in phóng ảnh, nhưng do việc làm không ổn định, phần do giá sinh hoạt đắt đỏ, nên cuộc sống của Nguyễn Ái Quốc gặp nhiều khó

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 195.

khăn. Đặc biệt, từ khi thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp ký tên vào bản yêu sách tám điểm, do có sự can thiệp của cơ quan an ninh Pháp đối với những chủ hiệu đã thuê Nguyễn Ái Quốc, nên sự tìm kiếm việc làm của Người càng khó khăn hơn. Cũng tại thủ đô của nước Pháp, để chống lại những đêm mùa đông giá rét, Nguyễn Ái Quốc dùng hơi ấm tỏa ra từ viên gạch (để nhờ cạnh bếp lò của người chủ nhà khi đi làm), đến tối về, bọc báo, để xuống giường cho đỡ lạnh. Thời gian này, Nguyễn Ái Quốc thường chỉ đi làm buổi sáng, còn buổi chiều Người đến thư viện, hoặc đi dự các buổi mítting, các buổi nói chuyện chính trị để nâng cao hiểu biết. Tại các buổi mít tinh, các buổi sinh hoạt chính trị, Nguyễn Ái Quốc cũng tham gia phát biểu ý kiến, tranh luận và Người thường khéo léo lái sang vấn đề thuộc địa, nhằm lên án chủ nghĩa thực dân.

Ngày 12-12-1921, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội Đảng bộ Quận Xen (Seine), nơi Người cư trú và được bầu là đại biểu chính thức dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp diễn ra từ ngày 25 đến ngày 30-12-1921 tại Mácxây. Đại hội bầu

Nguyễn Ái Quốc làm phụ tá của Chủ tịch Đại hội. Nguyễn Ái Quốc phát biểu cảm ơn các đại biểu đã quan tâm đến những người bản xứ, qua đó khẳng định: chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản người ta mới thấy tình hữu ái thực sự và quyền bình đẳng và cũng chỉ có nó chúng ta mới có thể thực hiện sự hoà hợp và hạnh phúc cho nhân dân lao động ở chính quốc và ở các thuộc địa.

Với những hoạt động tích cực tại Đại hội, chiều ngày 29-12-1921, Nguyễn Ái Quốc được mời trình bày dự thảo *Nghị quyết về chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa* - văn kiện mà Người tham gia dự thảo. Người nhấn mạnh: Điều mà người ta có thể trông đợi ở Đại hội Mácxây, trước hết là Đại hội tán thành nguyên tắc thành lập một cơ quan đặc biệt phụ trách chính sách về thuộc địa của Đảng, tiếp đó là uỷ quyền cho Ban Lãnh đạo thấy rõ:

1- Tiếp tục và mở rộng nhiệm vụ chuẩn bị đã được khởi đầu.

2- Trình bày ở Đại hội sau của Đảng một luận cương về thuộc địa đã được nghiên cứu nghiêm túc để Đại hội thảo luận đến nơi đến chốn sao cho từ đó Đảng có một chính sách thuộc địa rõ ràng, có phương

pháp và thiết thực¹.

Sau Đại hội, Nguyễn Ái Quốc đề nghị Ban Lãnh đạo Đảng thành lập Ban Nghiên cứu thuộc địa, có nhiệm vụ giúp Đảng cập nhật thông tin về tình hình các thuộc địa, đề xuất các chính sách đấu tranh với giai cấp tư sản và bọn thực dân, thiết thực giúp đỡ và phối hợp đấu tranh với các dân tộc thuộc địa, v.v.. Ý kiến này được chấp thuận và Nguyễn Ái Quốc được chỉ định tham gia Ban đó.

Tiếp đó, Người được cử đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Cộng sản Pháp, họp ở Pari, từ ngày 21 đến ngày 24-10-1922. Tại Đại hội này, vấn đề thuộc địa vẫn không có trong chương trình nghị sự. Trên diễn đàn của Đại hội, Nguyễn Ái Quốc lên tiếng phê bình Đảng Cộng sản Pháp chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa. Theo đề nghị tích cực của Người, Đại hội biểu quyết thông qua *Lời kêu gọi những người bản xứ ở các thuộc địa* do Ban Nghiên cứu thuộc địa đệ trình, và nhấn mạnh: "Vì hòa bình thế giới, vì tự do và sự no ấm của mọi người, những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống, chúng ta hãy đoàn kết lại và đấu tranh

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 445.

chống bọn áp bức"¹. Sau đó, lời kêu gọi đã được viết rút gọn bằng tiếng Việt, in thành truyền đơn và bí mật gửi về Việt Nam.

Những hoạt động tích cực, có hiệu quả của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ I và lần thứ II của Đảng Cộng sản Pháp đã góp phần đánh dấu một bước tiến mới trong nhận thức và trong hoạt động của Đảng Cộng sản Pháp về vấn đề thuộc địa, đồng thời thúc đẩy Đảng Cộng sản Pháp đi đúng tư tưởng chỉ đạo của Lênin về vấn đề thuộc địa.

Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc tham gia sinh hoạt câu lạc bộ Phôbua do Lêô Pônđex (Léo Poldes), một trí thức tiến bộ Pháp sáng lập và lãnh đạo, với nhiều nội dung phong phú và bổ ích. Người tham dự khá đều đặn các chương trình sinh hoạt của câu lạc bộ và tham gia các hội: Hội nghệ thuật và khoa học, Hội những người bạn của nghệ thuật, Hội du lịch. Nhờ đó, Người có thể đi tham quan các bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, và nhiều nơi ở Italia, Thụy Sĩ, Đức, có điều kiện khảo sát thực tế và tăng thêm sự hiểu biết. Câu lạc bộ Phôbua, nơi Người thường xuyên tham gia sinh hoạt đã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 460.

từng tổ chức trình diễn vở kịch *Con rồng tre* do Người sáng tác, nhằm đả kích tên vua bù nhìn Khải Định, khi hấn sang Pháp dự Hội chợ thuộc địa tại Mácxây (6-1922).

Tham gia đều đặn các buổi sinh hoạt và các hoạt động ngoại khóa của câu lạc bộ Phôbua, nhận thức chính trị và xã hội của Nguyễn Ái Quốc ngày một nâng cao. Từ những hoạt động phong phú đó, Người có điều kiện hiểu sâu sắc hơn về đời sống chính trị, xã hội, về mô hình tổ chức bộ máy của nhà nước tư sản ở Pháp, về cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản Pháp và những bất công trong lòng xã hội Pháp. Đồng thời, Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ hơn về con đường, mục tiêu và những phương thức thực hiện cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ở các thuộc địa. Từ thủ đô nước Pháp, Người đã từng bước vạch trần những tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp trên các phương tiện truyền thông.

Với nhiều bài viết, bằng thể loại khác nhau đăng trên các báo *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, tạp chí *Cộng sản*, v.v., Nguyễn Ái Quốc tập trung tố cáo nền khai hóa giết người, sự phung phí tiền của, sự bóc lột nhân dân thuộc địa của bọn thực dân; kêu gọi các

đảng cộng sản ở chính quốc phải giúp đỡ các phong trào đấu tranh giải phóng ở các thuộc địa; phân tích những điều kiện và chỉ rõ chủ nghĩa cộng sản có thể thực hiện được ở châu Á, đặc biệt là cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước, không hoàn toàn phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc.

Cũng trong những năm tháng hoạt động ở Thủ đô Pari, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện tiếp thu đời sống, văn minh Pháp để làm giàu cho vốn tri thức của bản thân mình. Người tìm thấy trong văn hóa Pháp, trong nền triết học Ánh sáng Pháp, tâm hồn Pháp và phong cách sống của người Pháp tinh thần "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" và những tinh hoa văn hóa nhân đạo, dân chủ tiến bộ của phương Tây. Với trí tuệ mẫn cảm và vốn văn hóa rộng lớn của mình, với tinh thần không chỉ cởi mở "tiếp thu", mà còn biết "vượt gộp", Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao và kết tinh của văn hóa nhân loại, để trở thành một nhà hoạt động và sáng tạo văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam.

Sau đó, được sự đồng tình và ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với đại biểu thuộc địa của Pháp đứng ra

vận động thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* - một hình thức mặt trận của các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân Pháp thống trị, cùng liên minh với giai cấp vô sản ở chính quốc, đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Hội Liên hiệp thuộc địa là một liên minh chống chủ nghĩa thực dân ra đời và hoạt động ngay tại chính trung tâm chính trị của nước Pháp thực dân. Hội đã thông qua *Tuyên ngôn* do Nguyễn Ái Quốc viết và nhấn mạnh: "Chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em. Hội Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy... Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại"¹.

Từ những hoạt động và đóng góp của mình, Nguyễn Ái Quốc đã được bầu vào Ban Chấp hành Hội Liên hiệp thuộc địa. Thời gian đầu (1922-1923), Hội Liên hiệp thuộc địa có khoảng 200 hội viên, hoạt động mạnh mẽ, sôi nổi và có ảnh hưởng rộng rãi. Hội những người Việt Nam yêu nước là một đoàn thể trong Hội Liên hiệp thuộc địa. Tuy nhiên, sau đó, do sự cản trở và phá hoại của Bộ Thuộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 128.

địa, sự eo hẹp về tài chính... nên hoạt động của Hội giảm dần. Đến tháng 6-1926, Hội Liên hiệp thuộc địa ngừng hoạt động.

Trong thời gian tồn tại, Hội Liên hiệp thuộc địa ra báo *Người cùng khổ* (Le Paria) làm cơ quan ngôn luận do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút của tờ báo. Trong số đầu tiên ra ngày 1-4-1922, báo *Người cùng khổ* đăng lời kêu gọi, nêu rõ tôn chỉ, mục đích và nhấn mạnh: "*Le Paria* đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, mục đích của báo chắc chắn sẽ đạt được: đó là giải phóng loài người"¹. Từ khi ra đời đến khi đình bản, báo *Người cùng khổ* ra được 38 số, trong những điều kiện hết sức khó khăn về tài chính và phương tiện hoạt động, lại luôn bị cảnh sát theo dõi, đe dọa, gây khó dễ. Nguyễn Ái Quốc là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của báo, đóng góp nhiều công sức cho sự tồn tại của báo bằng cách viết nhiều bài cho báo, thậm chí còn dành cả phần tài chính eo hẹp của mình cho báo.

Nguyễn Ái Quốc phụ trách tờ báo từ số 1 đến số 15 (6-1923). Trước khi rời Pháp đi Liên Xô, Người viết bài để lại cho các số sau.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 456.

Nội dung các bài viết này tập trung vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v. đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Đông Dương và các thuộc địa khác. Từ đó, giúp người đọc nhận thức rõ hơn về bộ mặt thật, về sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân nói chung và thực dân Pháp nói riêng; về mâu thuẫn giữa chủ nghĩa thực dân với nhân dân lao động tại các thuộc địa; về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc, v.v.. Cũng từ những bài báo của mình, Người đã giúp người đọc hiểu rõ: chủ nghĩa thực dân ở đâu cũng tàn bạo và người dân thuộc địa, tùy theo từng địa danh mà có những tên gọi miệt thị khác nhau, nhưng đều bị tước đoạt mọi quyền tự do, quyền sống của con người.

Mặt khác, cũng từ những bài báo đó, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân ở các thuộc địa, thức tỉnh tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Thông qua nội dung các bài báo, Người từng bước chỉ ra yêu cầu cần thiết của việc thực hiện đoàn kết giai cấp và đoàn kết quốc tế; đoàn kết giữa nhân dân các thuộc địa; đoàn kết giữa thuộc địa với chính quốc và coi

đó là những điều kiện bảo đảm cho cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã vận động Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp ra báo *Việt Nam hồn*. Nhưng do Người rời Pháp đi Liên Xô nên dự định ra báo này chưa kịp thực hiện. Sau đó, báo *Việt Nam hồn* ra đời vào tháng 1-1926, nhưng dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thế Truyền.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp cùng với những đóng góp của Người tại Đại hội lần thứ I và lần thứ II của Đảng Cộng sản Pháp, tại Hội Liên hiệp thuộc địa cùng với việc xuất bản báo *Người cùng khổ* được Đảng Cộng sản Pháp đánh giá cao, cho nên Người được Đảng Cộng sản pháp cử đi Mátxcova (Liên Xô) dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản.

Ngày 13-6-1923, từ ga Đuy No (Du Nord), Nguyễn Ái Quốc rời Pari bằng tàu hỏa đến Béclin (Đức). Từ Hămbuốc (Đức), Người đi tàu thủy đến Pêtơrôgrát (Liên Xô), quê hương của Cách mạng Tháng Mười (30-6-1923). Sau đó, Người đi xe lửa về Mátxcova, bắt đầu một thời kỳ hoạt động, học tập và nghiên cứu về học thuyết Mác - Lênin, về chế độ xã hội chủ nghĩa ngay trên

đất nước của Lênin vĩ đại.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, khi Liên Xô đang thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Liên Xô. Mặc dù mới trải qua chiến tranh, nhưng tinh thần và niềm tin tưởng vào một chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp hiện rõ trên khuôn mặt những người dân Xôviết. Tháng 7-1923, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Pháp nêu lại ý nghĩa và tác dụng của Nghị quyết Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa, lưu ý Đảng Cộng sản Pháp chưa coi trọng vấn đề thuộc địa trong các chương trình hành động của mình, vì rằng: những nghị quyết ấy chỉ được tô điểm trên mặt giấy; đồng thời, Người cũng đề xuất với Đảng Cộng sản Pháp tóm nhiệm vụ cụ thể cần được triển khai ngay, nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa.

Tiếp đó, theo sáng kiến và đề nghị của đồng chí Đôm Ban (Thomas Dombal), Quốc tế Cộng sản đã ủng hộ việc thành lập một tổ chức nông dân quốc tế. Tháng 10-1923, Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân được triệu tập. Tham dự hội nghị có 158 đại biểu, trong đó có 122 đại biểu chính thức, đại diện

cho nông dân của 40 nước trên thế giới. Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự hội nghị với tư cách là đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương.

Tại phiên họp đầu tiên, Hội đồng đã bầu Nguyễn Ái Quốc vào Đoàn Chủ tịch, gồm 11 người. Là đại biểu duy nhất của nông dân thuộc địa, khi được mời phát biểu, Người nói: "Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một Quốc tế thật sự khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn các đồng chí, đều tham gia Quốc tế của các đồng chí"¹. Hội nghị bầu ra Hội đồng Quốc tế Nông dân gồm 52 ủy viên, thông qua các văn kiện và kết thúc vào ngày 16-10-1923. Trong thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài cho tạp chí *Quốc tế Nông dân* (Krestianskii International), đề cập đến các vấn đề của nông dân Việt Nam, Trung Quốc và Bắc Phi; tố cáo chế độ áp bức, bóc lột dã man của bọn thực dân, đế quốc; chỉ rõ phương hướng đấu tranh cho những người nông dân thuộc địa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 212.

và nửa thuộc địa để thực hiện khẩu hiệu: "Tất cả ruộng đất về tay nông dân". Sau khi rời Liên Xô, Người được giao nhiệm vụ phụ trách phong trào nông dân các nước châu Á với tư cách Ủy viên Đoàn chủ tịch Quốc tế Nông dân.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản, nhưng do Lenin ốm nặng, nên đại hội hoãn họp. Trong khoảng thời gian đó, Người tham gia lớp học ngắn hạn của Trường Đại học Phương Đông và Người cũng là người Việt Nam đầu tiên vào học ở trường này. Được học ở ngôi trường này, Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc đào tạo lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ của phong trào cách mạng Việt Nam. Sau đó, khi về Trung Quốc, Người đã gửi nhiều chiến sĩ cộng sản Việt Nam sang đây học tập. Sự đào tạo này có mục đích rất thiết thực là bồi dưỡng xây dựng những cán bộ cốt cán cho Đảng, rất cụ thể và thiết thực, không mơ hồ và bấp bênh như phong trào Đông du của cụ Phan Bội Châu trong những năm 1905-1907.

Ngày 2-4-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự lễ kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập trường. Trong thời gian học tập ở trường,

Nguyễn Ái Quốc đã trao đổi với những thanh niên Trung Quốc, tập hợp tư liệu do họ cung cấp và chủ biên cuốn sách *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc* (bằng tiếng Pháp, xuất bản năm 1925), trình bày rõ tình hình nước Trung Quốc đương đại và nhiệm vụ chủ yếu của thanh niên Trung Quốc trong cách mạng dân tộc dân chủ.

Trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc gặp và trả lời phỏng vấn nhà báo Liên Xô Ôxíp Mandenxtam và Người đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng nhà thơ: "Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai... Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, "chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới"¹. Cảm nhận của nhà báo Ôxíp Mandenxtam đã góp phần làm cho dư luận và bạn bè quốc tế chú ý hơn đến người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc của Đông Dương thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô khi Lênin đang ốm nặng. Ngày 21-1-1924, Lênin qua

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 478-479, 236.

đời. Vô cùng thương tiếc Lenin, ngày 23-1-1924 Nguyễn Ái Quốc đã có mặt trong dòng người vào vĩnh biệt Lenin ở Hội trường lớn của trụ sở Các công đoàn Liên Xô. Sau đó, Người viết bài *Lenin và các dân tộc thuộc địa*, đăng báo *Sự thật* (Pravda), ngày 27-1-1924. Từ trái tim mình, Người viết, tin Lenin qua đời "đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các bình nguyên phì nhiêu ở châu Phi và các cánh đồng xanh tươi ở châu Á"², bởi rằng không chỉ giải phóng nhân dân Nga khỏi cuộc sống lầm than, những người dân thuộc địa cũng "coi Lenin là người giải phóng cho họ" khỏi ách áp bức bóc lột của kẻ thống trị. Lenin là người đầu tiên đánh giá đúng vị trí, vai trò của nhân dân thuộc địa trong sự nghiệp giải phóng xã hội, giải phóng con người, và chính Lenin "đã không quản thời gian và sức lực chăm lo đến sự nghiệp giải phóng" của nhân dân ở các thuộc địa. Lenin đã mất, nhưng Quốc tế Cộng sản do Người sáng lập để lãnh đạo phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và khẩu hiệu: "Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại" vẫn sống mãi trong lòng nhân dân thế giới.

Với ý nghĩa đó, trong bài viết *Lenin và*

các dân tộc phương Đông, đăng báo *Người cùng khổ* (số 27, tháng 7-1924), Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi"¹. Vì vậy, "khi còn sống, Người là cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội. Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta"².

Nửa năm sau ngày Lênin mất, học xong lớp ngắn hạn tại Trường đại học Phương Đông, trong khi chờ đợi Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản khai mạc và trở về châu Á, Nguyễn Ái Quốc được nhận vào làm cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản (giấy xác nhận do Pêtorốp ký ngày 14-4-1924). Nhân ngày Quốc tế Lao động 1-5-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời đến Hồng trường nói chuyện với những người đi biểu

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.295, 237.

tình và được Tư lệnh thành phố Mátxcova cấp giấy phép tự do đi lại trên Hồng trường trong ngày quốc tế của những người lao động. Những hoạt động tích cực của Người trên đất nước Xôviết, sự có mặt của Người trong những nghi lễ quan trọng cho thấy vai trò và uy tín của Nguyễn Ái Quốc ngày càng được khẳng định ở trung tâm phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản diễn ra từ ngày 17-6 đến ngày 8-7-1924, tại Mátxcova, để tổng kết tình hình, rút ra những bài học kinh nghiệm của các cuộc đấu tranh giai cấp trong những năm 1918-1923, đồng thời nêu lên ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bôn-sê-vích hoá các đảng cộng sản. Tại Đại hội, vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đặc biệt lưu tâm là điểm thứ năm của chương trình nghị sự. Trong buổi khai mạc Đại hội, Nguyễn Ái Quốc phát biểu: Tôi muốn biết Đại hội có gửi *Lời kêu gọi* đặc biệt đến các dân tộc thuộc địa không? Và trước khi biểu quyết thông qua *Lời kêu gọi*, Người đề nghị bổ sung mấy chữ: "Gửi các dân tộc thuộc địa". Sau đó, tại phiên họp thứ tám, ngày 23-6-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời phát biểu

ý kiến. Thắng thắn phê bình một số đảng cộng sản đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, Người nói: "Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa... các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng cho rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa. Vì vậy, tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được, sẽ gọi ra những vấn đề và nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa"¹. Tiếp tục chương trình nghị sự, được phát biểu về vấn đề dân tộc và thuộc địa, ngày 1-7-1924, Nguyễn Ái Quốc nhắc lại luận điểm của Lênin và khẳng định tầm quan trọng, vị trí của cách mạng thuộc địa: "Cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch"². Kết luận, Nguyễn Ái

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 273, 277.

Quốc đề ra năm yêu cầu đối với Đảng Cộng sản Pháp, đó là:

"- Báo Đảng thường xuyên đăng những bài về vấn đề thuộc địa.

- Tăng cường tuyên truyền và kết nạp vào Đảng những phân tử tốt ở những thuộc địa có chỉ bộ Đảng.

- Gửi một số đảng viên ở các thuộc địa đến Mátxcova học.

- Tổng Công hội (thống nhất) Pháp kết nạp những công nhân thuộc địa ở Pháp vào hội, để giáo dục họ.

- Đặt nhiệm vụ cho các đảng viên phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa"¹.

Tại phiên họp thứ 25, ngày 3-7-1924, Nguyễn Ái Quốc phát biểu về vấn đề ruộng đất và nông dân ở các thuộc địa của Pháp. Nói về sự thất bại của nông dân bản xứ, Người nhấn mạnh: "Họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng".

Với danh nghĩa đại biểu Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr. 25-26.

lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ, họp từ ngày 7 đến ngày 22-7-1924. Trong bài tham luận tại Đại hội, Người trình bày những vấn đề liên quan đến giai cấp vô sản ở Đông Dương, đồng thời khẳng định giai cấp vô sản Đông Dương chưa có một tổ chức công nhân nào cả. Từ đó, Người đề nghị: "Các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi"¹. Tiếp đó, Người được mời và tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên và Hội nghị của Tổ chức Quốc tế Cứu tế đỏ (MOPR).

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại các đại hội trên đã giúp cho giai cấp công nhân thế giới và nhân dân Xôviết hiểu rõ hơn về tình cảnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam nói riêng và nhân dân Đông Dương nói chung, đồng thời đặt nền móng cho sự liên minh, tình đoàn kết vô sản quốc tế giữa nhân dân Việt Nam và những người lao động thế giới.

Tuy nhiên, khi được sống và hoạt động ở Mátxcova, trung tâm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, điều mà Nguyễn Ái

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr.293.

Quốc nhận thấy rõ nhất, đó là Quốc tế Cộng sản và các đảng ở châu Âu hiểu biết rất ít về tình hình ở các thuộc địa. Đặc biệt, Người nhận thức rõ rằng, không thể áp dụng một cách máy móc, rập khuôn những nguyên lý về đấu tranh giai cấp của học thuyết Mác vào điều kiện cụ thể của các thuộc địa. Vì vậy, Người xác định sẽ tận dụng mọi cơ hội để có thể giúp những người cộng sản ở phương Tây hiểu rõ hơn về thuộc địa.

Cũng từ việc thấu hiểu tầm quan trọng, mối quan hệ chặt chẽ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của cách mạng vô sản, tại các hội nghị quốc tế, đặc biệt là tham luận của Người tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (7-1924) và các bài viết trên các báo, tạp chí, v.v., Nguyễn Ái Quốc tiếp tục tiến hành đấu tranh không mệt mỏi, phê phán những quan điểm sai trái của một số đảng cộng sản trong cách nhìn nhận, đánh giá về vai trò, vị trí của cách mạng thuộc địa. Hơn nữa, Người còn nhấn mạnh rằng: chừng nào Đảng Cộng sản Anh, Đảng Cộng sản Pháp và các đảng cộng sản khác ở các nước tư bản chủ nghĩa chưa thi hành một chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc

địa, thì toàn bộ chương trình rộng lớn của hai đảng đó vẫn không có hiệu quả gì, vì nó trái với chủ nghĩa Lenin. Đặc biệt, Người cũng thẳng thắn rằng: Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản hiểu biết rất ít về thuộc địa, về những gì đã và đang xảy ra ở thuộc địa, dường như chưa làm gì cho thuộc địa và điều đó thật đáng tiếc, thật đáng trách.

Không dừng lại ở đó, Nguyễn Ái Quốc cũng thấu hiểu rằng, chỉ có những luận cương dài, những nghị quyết rất kêu thôi chưa đủ mà điều quan trọng nhất là phải có những biện pháp cụ thể, hữu hiệu như: mở chuyên mục đều đặn trên báo về vấn đề thuộc địa; tăng cường tuyên truyền và tuyển lựa cán bộ, đảng là người bản xứ ở những nước thuộc địa; gửi những người bản xứ vào đào tạo tại Trường đại học Phương Đông; yêu cầu các đảng viên của Đảng quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa, nhằm kết hợp, đoàn kết chặt chẽ hơn mối liên hệ mật thiết giữa sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cuộc cách mạng vô sản của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa nói chung và nước Pháp nói riêng.

Cũng từ những hoạt động về lý luận và thực tiễn đó, theo Nguyễn Ái Quốc, vấn đề

quan trọng đặt ra trước mắt cho các nước thuộc địa ở phương Đông: đó là đấu tranh giành độc lập dân tộc. Phải có độc lập dân tộc mới có thể tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh rằng, độc lập dân tộc ở các thuộc địa không thể chỉ chờ đợi ở những người anh em nơi chính quốc.

Xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa thuộc phạm trù của cách mạng vô sản, là một bộ phận không thể thiếu của sự nghiệp cách mạng thế giới, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự ảnh hưởng, mối liên hệ chặt chẽ giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở chính quốc. Tuy nhiên, khác với Lênin, khác với thời đại trước khi cho rằng, cách mạng ở các thuộc địa phải phụ thuộc vào cách mạng ở các nước tư bản chính quốc và chỉ có thể thành công sau khi cách mạng ở những nước tư bản giành được thắng lợi, Nguyễn Ái Quốc đã từ sự phân tích sâu sắc bản chất của chủ nghĩa thực dân, coi nó như "một con đĩa có hai vôi" một vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc, một vôi nữa bám vào thuộc địa, đi đến khẳng định: *khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc chính là các thuộc địa*. Bởi thuộc địa là nơi tập trung các

mâu thuẫn của thời đại, nơi đó cách mạng vô sản có thể nổ ra trước và sẽ giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc; vì vậy, cách mạng thuộc địa phải có sự chủ động, phải thực hiện sự nghiệp giải phóng bằng sự nỗ lực của chính bản thân mình, phải đồng tâm, đồng sức, đồng lòng đứng lên để tự giải phóng. Coi cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa là một trong hai cái cánh của con chim, cánh này vỗ ở thuộc địa, cánh kia vỗ ở chính quốc, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: sự nghiệp giải phóng dân tộc ở các thuộc địa gắn liền với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng xã hội. Cả hai cuộc giải phóng đó đều là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, là sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tuy nhiên, không chỉ khẳng định mối quan hệ chặt chẽ của cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc, Người còn đồng thời chỉ rõ vai trò và tính chủ động của cách mạng thuộc địa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới. Theo Người: "Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng

không lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"¹.

Sau khi nghiên cứu, xem xét cụ thể cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, đặc biệt là xứ Đông Dương thuộc Pháp, trong tác phẩm *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã viết rằng, ở đây "cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây". Xét về "cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây"; do đó, "cũng không thể cấm bỏ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được", và "xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông"².

Phân bổ sung cơ sở lịch sử, để củng cố học thuyết Mác theo Nguyễn Ái Quốc đó là thuộc địa. Người nói rằng: "chủ nghĩa dân tộc là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.36.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.465, 466.

động lực lớn của đất nước" trong các dân tộc thuộc địa ở phương Đông. Ở nơi đó, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc đã làm cho sự xung đột về quyền lợi được giảm thiểu, và dù là địa chủ hay nông dân, người buôn hay cu li thì họ đều là người nô lệ mất nước. Người viết: "Chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917"².

Trên cơ sở nghiên cứu cấu trúc kinh tế, văn hóa, xã hội và kết cấu quyền lực ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh rằng: những người cộng sản ở các thuộc địa muốn tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi thì không thể bỏ qua những nét đặc thù của điều kiện cụ thể về tự nhiên và xã hội. Phải chuẩn bị kỹ càng để có "tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng" và do đảng cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo. Như vậy, cùng với những hoạt động lý luận và thực tiễn của mình trong những

năm tháng học tập và hoạt động ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã đấu tranh công khai và kiên quyết để góp phần hiện thực hoá khẩu hiệu nổi tiếng của Lênin: "*Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!*".

Có ý nghĩa như một phương hướng chung, có tính chất như một cương lĩnh hành động của cách mạng Việt Nam, *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* tập trung vào ba vấn đề chính: 1- Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản; 2- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam; 3- Dự báo về khả năng một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương và nó phải được sự ủng hộ của nước Nga Xôviết, của giai cấp vô sản toàn thế giới.

Trong điều kiện lịch sử khi đó, những nhận định và ý kiến Nguyễn Ái Quốc được đưa trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* thể hiện một tư duy sắc sảo, một thái độ dũng cảm của Người trong việc khẳng định: thực tiễn là tiêu chuẩn, là sự kiểm nghiệm của chân lý. Mặt khác, báo cáo cũng thể hiện sự nắm vững linh hồn, phương pháp và sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý của học thuyết Mác trong điều kiện cụ thể của Việt Nam của Nguyễn

Ái Quốc. Như vậy, không chỉ nắm vững những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc còn đề xuất nhiều luận điểm và phát triển một cách sáng tạo lý luận về cách mạng thuộc địa của Lênin, làm phong phú lý luận Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo cách mạng vô sản.

Những nghiên cứu về lý luận, những hoạt động thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc trên đất nước Xôviết trong hơn một năm đã giúp Người có điều kiện trang bị cho mình vốn kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin một cách hệ thống. Đồng thời, Người có điều kiện khảo nghiệm, chứng kiến những thành tựu của Nhà nước và nhân dân Xôviết. Những hoạt động sôi nổi của Người, những lời cáo trạng đanh thép tố cáo tội ác thực dân, sự nhận thức và luận giải một cách khoa học những vấn đề về thuộc địa, vai trò cách mạng thuộc địa trong mối quan hệ khăng khít với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới của Người đã góp phần làm cho nhận thức luận của Người nâng cao, uy tín chính trị của Người được củng cố.

Được sống, học tập tại trung tâm cách mạng thế giới, được làm việc tại Quốc tế

Cộng sản, được đấu tranh và rèn luyện trong phong trào cộng sản quốc tế, từ những bài báo viết trong những năm 1921-1924 này, Nguyễn Ái Quốc đã bổ sung, sửa chữa thành cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Cuối năm 1924, trước khi Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng Châu, bản thảo cuốn sách được gửi từ Mátxcova đến Pari cho Hội Liên hiệp thuộc địa và Ban Biên tập báo *Người cùng khổ*. Cuốn sách gồm 12 chương và phần *Phụ lục*, đề cập ba nội dung lớn: 1- Tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp; 2- Sự thức tỉnh các dân tộc thuộc địa; 3- Phương hướng đấu tranh, giải phóng các thuộc địa theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Thông qua tác phẩm này, người đọc có thể thấy rõ:

- Chế độ thực dân tàn bạo và những cái vòi bạch tuộc hút máu nhân dân thuộc địa mà nó đang cai trị.

- Chế độ thuộc địa là nguồn gốc sản sinh những tội ác và những kẻ tội phạm, với những bi kịch thương tâm, v.v.. Nếu muốn được sống như con người, đòi hỏi "nô lệ thức tỉnh", xóa bỏ chế độ thuộc địa.

- Sự vùng lên của nhân dân thuộc địa và cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân thuộc địa là một tất yếu lịch sử. Vì vậy, nó phù hợp

với xu thế của thời đại.

Là một bản án, với những số liệu cụ thể, người thật, việc thật và đặc biệt là bằng những tư liệu của đối phương, Nguyễn Ái Quốc đã kết án tội ác của chủ nghĩa thực dân trước đông đảo nhân dân các nước thuộc địa. Được xuất bản ngay tại thủ đô Pari, *Bản án chế độ thực dân Pháp* là "một quả bom nổ", là "một tiếng sét" đánh trong lòng địch, không chỉ gây ấn tượng trong lòng nhân dân thuộc địa, mà còn làm cho kẻ thù phải run sợ. Với ý nghĩa đó, tác phẩm cũng không chỉ thổi một luồng sinh khí và nhen ngọn lửa tố cáo tội ác thực dân, mà còn vạch ra cho nhân dân thuộc địa con đường đấu tranh để giành lấy thắng lợi, đồng thời cũng góp phần phê phán khuynh hướng cơ hội, coi nhẹ và thờ ơ với phong trào cách mạng thuộc địa.

Đặc biệt, trong phần *Phụ lục* của cuốn sách, Người đã dành những lời tâm huyết để nói với thế hệ thanh niên Việt Nam trước vận mệnh của nước nhà (*Gửi thanh niên Việt Nam*). Từ việc đánh giá đúng vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, Người kêu gọi: "Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già

cối của Người không sớm hồi sinh"¹.

Bằng sự nhạy bén về chính trị, phân tích tình hình thế giới, dự báo những biến động chính trị mới tiềm ẩn ở phương Đông, cũng thông qua các bài báo, Nguyễn Ái Quốc kêu gọi giai cấp vô sản quốc tế hãy cảnh giác với "lò lửa của chiến tranh thế giới mới" và nhấn mạnh: Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải gánh chịu. Đồng thời, Người cũng tuyên truyền về thành tích của nước Nga Xôviết và sự giúp đỡ của nước Nga với các dân tộc thuộc địa. Điều đó đã góp phần chống lại sự xuyên tạc của báo chí tư sản đối với cách mạng Nga và đất nước Nga Xôviết, bởi Người từng nhấn mạnh: nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ con.

Mong muốn được trở về gần Tổ quốc, cuối cùng những đề đạt của Người trong bức thư gửi Quốc tế Cộng sản ngày 11-4-1924 và ngày 11-9-1924: *"Vì lý do này hay lý do khác, việc lên đường của tôi đã bị hoãn hết tuần*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 133.

này sang tuần khác, rồi hết tháng này sang tháng khác" cũng được giải quyết. Người đã bí mật rời nước Nga.

*
* *

Trở thành người cộng sản, không chỉ hoạt động không mệt mỏi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt là phong trào cách mạng thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc còn là một người chiến sĩ cộng sản quốc tế không ngừng đấu tranh và khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc. Đồng thời với những hoạt động và những kinh nghiệm tích lũy được, Người mong muốn được trở về, góp sức mình thực hiện cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong khi chưa thể trở về Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc đã chọn Quảng Châu làm điểm dừng chân.

IV

HOẠT ĐỘNG Ở QUẢNG CHÂU VÀ SÁNG LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1924 - 1930)

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcova, về đến Quảng Châu, Trung Quốc (11-11-1924) - nơi được coi là trung tâm cách mạng của châu Á. Tại đây, bằng những hoạt động lý luận và thực tiễn của mình, Người đã chuẩn bị chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của một chính đảng vô sản kiểu mới - đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Đầu tiên, Người đã kịp thời liên lạc với phong trào, tổ chức và chỉnh đốn lại phong trào, hướng phong trào đi theo quỹ đạo của cách mạng vô sản.

Trong bức thư viết ngày 12-11-1924 gửi một đồng chí trong Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc báo tin: "Tôi đã đến đây hôm qua, và đang ở nhà đồng chí Bôrôđin với 2 hoặc 3 đồng chí Trung Quốc. Tôi chưa gặp ai cả. Mọi người ở đây đều bận về việc Bác sĩ Tôn lên phương Bắc"¹. Trong một bức thư khác gửi cho đồng chí Đôm Ban, Người xin thứ lỗi vì không thể báo trước về chuyến đi về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 2, tr. 4.

châu Á này, và mong đồng chí hãy nói với các đồng chí trong Ban Chấp hành Quốc tế Nông dân rằng: "Tôi sức khỏe yếu, chớ đừng nói tôi vắng mặt, và vì tôi đang hoạt động ở đây". Lúc này, Người làm việc tại cơ quan của đồng chí Bôrôđin cùng một vài người Trung Quốc khác. Tại Văn phòng của phái bộ, nữ thư ký người Nga Akhimôva từng gặp Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này, đã viết trong cuốn hồi ký *Hai năm ở nước Trung Hoa nổi dậy* của mình sau đó (xuất bản ở Liên Xô năm 1980) như sau: "Ở nhà Bôrôđin, tôi có may mắn được làm quen với một trong những con người tuyệt diệu nhất của Quảng Châu lúc đó là Lý Thụy, một người Việt Nam mà về sau chúng tôi gọi đùa anh là Lý An Nam"¹.

Tại Quảng Châu, Người tiếp xúc với những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở đây. Đầu tiên là những thanh niên hăng hái nhất trong tổ chức Tâm Tâm xã, dần dần, Người mở rộng địa bàn hoạt động của mình. Trong một báo cáo gửi cán bộ phụ trách Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, ngày 22-12-1924, Nguyễn Ái Quốc viết: Tôi đã tìm thấy ở đây vài người Đông Dương mà

1. V.V.Visniamôva Akhimôva: *Hai năm ở nước Trung Hoa nổi dậy*, Nxb. Khoa học, Mátxcova, 1980, tr.47.

với họ, tôi hy vọng làm được việc gì đó.

Những hoạt động bước đầu đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm được chỗ dựa, hình thành được nhóm trung kiên để triển khai công việc. Trên cơ sở nắm vững điều kiện thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc khẩn trương, chủ động và cẩn trọng khi tiến hành xây dựng tổ chức cách mạng theo từng bước, có tính chất quá độ. Đầu tiên, Người tiếp xúc và tìm hiểu những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, lập ra nhóm bí mật làm hạt nhân gồm chín hội viên, trong đó có:

"2 người đã được phái về nước.

3 người ở tiền tuyến (trong quân đội của Tôn Dật Tiên).

1 người đang đi công cán quân sự (cho Quốc dân Đảng).

Trong số hội viên đó, có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản"¹.

Tiếp theo, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925), một tổ chức có tính chất quần chúng, nhằm tập hợp những thanh niên yêu nước ở trong và ngoài nước - đó là một tổ chức cách mạng có khuynh hướng mácxít.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.141.

Hội tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiêu số phục tùng đa số, lấy tự phê bình và phê bình làm phương châm phát triển của mình. Hội được tổ chức thành năm cấp: tổng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ và theo quy định, tất cả các hội viên phải hoạt động trong quần chúng, tuyệt đối giữ bí mật hoạt động của Hội.

Mục đích của Hội: Hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại được độc lập cho xứ sở), sau đó làm cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản).

Chương trình hoạt động của Hội: Kết nạp hội viên; tổ chức các đoàn thể như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội Phụ nữ, v.v., thành lập chính phủ nhân dân, đoàn kết với các giai cấp vô sản của tất cả các nước và thành lập xã hội cộng sản, v.v..

Điều lệ của Hội: Quy định cụ thể về điều kiện vào Hội, lễ lối tổ chức, cơ cấu các cấp trung ương, xứ ủy, tỉnh ủy, huyện ủy, chi bộ, vấn đề tiến hành hội nghị thường kỳ của các cấp và hội nghị toàn quốc, kỷ luật và nhiệm vụ của hội viên...

Việc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng*

Thanh niên là một sáng tạo có chủ đích của Nguyễn Ái Quốc. Đây là một tổ chức quá độ, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, tạo điều kiện truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối và phương pháp đấu tranh cách mạng mới vào phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta. Thông qua những hội viên của Hội và phong trào vô sản hóa, luồng tư tưởng mới của thời đại đã xâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, làm thay đổi tính chất, chiều hướng của phong trào đấu tranh cách mạng. Phong trào công nhân đã phát triển từ tự phát lên tự giác, đưa đến sự thắng lợi của khuynh hướng vô sản trong phong trào đấu tranh cách mạng. Từ mục đích, chương trình và điều lệ hoạt động Hội đã thu hút đông đảo các lực lượng vào tổ chức cách mạng của mình, đồng thời có ảnh hưởng tích cực đến các tổ chức chính trị cùng thời khác.

Tiếp theo, Nguyễn Ái Quốc mở *Lớp huấn luyện chính trị*, đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt, làm nhiệm vụ tuyên truyền những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin về trong nước. Lớp học chính thức khai mạc cuối năm 1925 tại ngôi nhà số 13 và 13/1 (nay là nhà số 248 - 250), đường Văn Minh, Quảng Châu, Trung Quốc. Từ

đầu năm 1926 đến tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc đã mở được ba khóa, huấn luyện cho khoảng 75 người. Tuyệt đại bộ phận học viên học xong đều trở về nước và về Xiêm hoạt động. Họ đã trở thành những người tuyên truyền, tổ chức phong trào cách mạng trong nước và Việt kiều ở Xiêm.

Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách lớp và là giảng viên chính. Chương trình học tập của lớp bao gồm cả lý thuyết lẫn thực hành. Thông qua lớp huấn luyện, các học viên được trang bị những vấn đề sơ giản về chủ nghĩa Mác - Lênin, về những nguyên tắc hoạt động bí mật, về kỹ năng thực hành các công tác vận động quần chúng... Với những việc làm cụ thể, thiết thực như vậy, Người đã hoàn thành nhiệm vụ "thức tỉnh" thanh niên - một bộ phận tiên tiến nhất của dân tộc. Tuy nhiên, khác với các vị tiền bối cách mạng, khác với cụ Phan Bội Châu cũng từng hướng đến thức tỉnh lòng yêu nước và ý chí quyết tâm cứu nước của thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã *"vượt gộp" khi không chỉ kêu gọi họ, thức tỉnh họ, mà Người còn hướng họ tới con đường đấu tranh giải phóng dân tộc theo quỹ đạo cách mạng vô sản.*

Với vị thế cán bộ của Ban Phương Đông, với tầm nhìn xa của vị lãnh tụ cách mạng và

hướng tới mục tiêu đào tạo một lớp cán bộ cách mạng kế cận, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thanh niên Việt Nam có khả năng, gửi đi học Trường đại học Cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mátxcova (Trường đại học Phương Đông) và Trường Quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu, đồng thời muốn gửi những thiếu nhi độ tuổi từ 12-15 có mặt ở Quảng Châu, đang là "những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam" sang Mátxcova để đào tạo thành "những chiến sĩ leninnít tí hon chân chính" làm hạt nhân cho Đoàn Thanh niên Cộng sản sau này. Người đã viết *Thư gửi Ủy ban Trung ương thiếu nhi Liên Xô* và *Thư cho đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Pháp tại Quốc tế Thanh niên Cộng sản* (22-7-1926) đề nghị giúp đỡ, gửi một số thiếu niên Việt Nam trong số bảy thiếu niên do Người tổ chức giáo dục ở Quảng Châu, sang Liên Xô học tập. Mục đích của Người là "để các em được tiếp thu một nền giáo dục cộng sản chủ nghĩa tốt đẹp", để các em là những người vừa hồng, vừa chuyên, có thể đảm đương vai trò kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh. Điều này thể hiện rõ tính "rất quan trọng" và "rất cần thiết" trong tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng lực lượng kế cận. Tư tưởng này được Người thực

hiện một cách nhất quán và xuyên suốt, đặc biệt là trong 24 năm sau đó, khi Người là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1969).

Cùng với việc đào tạo cán bộ, Người đồng thời chủ trương xuất bản sách và báo chí làm phương tiện tuyên truyền. Trên cơ sở nắm vững những luận điểm của Lênin về vai trò của báo chí cách mạng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cho rằng, "bước thực tiễn đầu tiên để tiến tới thành lập cái tổ chức mong muốn" đó chính là phải "thành lập tờ báo chính trị" làm nhiệm vụ tuyên truyền, tổ chức tập thể. Tổ chức mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tờ báo làm nhiệm vụ lịch sử đó là báo *Thanh niên*, số đầu tiên ra ngày 21-6-1925. Có 88 số trong khoảng thời gian từ ngày 21-6-1925 đến ngày 17-4-1927 do Người trực tiếp biên soạn, sửa chữa trên tổng số 202 số của tờ báo *Thanh niên*.

Xác định rõ mục đích là "gửi về nước để tuyên truyền cho nhân dân", mà đối tượng chủ yếu là thanh niên, công nhân, nông dân..., Nguyễn Ái Quốc đã chọn lối viết ngắn, dễ hiểu, giản dị, bằng các hình thức phong phú như: tranh vẽ, ca dao, thơ ca, khẩu hiệu... để từng bước đề cập đến những vấn đề

cơ bản nhất của đường lối cách mạng, phương pháp cách mạng và những vấn đề thuộc về lý luận Mác - Lênin, về chủ nghĩa cộng sản, về đảng cộng sản... Từ những nội dung dễ đọc, dễ hiểu trong những chuyên mục như: tin tức trong nước, thế giới, phụ nữ, từ điển cách mạng..., báo *Thanh niên* đã kêu gọi tinh thần yêu nước, truyền thống và ý chí đấu tranh chống giặc ngoại xâm của toàn dân tộc, từ đó mong mọi người hãy xích lại gần nhau hơn, đoàn kết hơn vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Tuy số lượng phát hành không nhiều (100 bản) nhưng với hình thức nhỏ, gọn, được truyền tay nhau đọc, ghi chép lại rồi cho người khác đọc và nhờ có hệ thống giao thông cách mạng hoạt động tốt, báo *Thanh niên* đã đến được khắp ba miền đất nước, sang cả Lào và Campuchia. Mặc dù mật thám Pháp điên cuồng lùng sục, bắt bớ những người cộng sản, huỷ hoại gần hết những tờ báo mà chúng bắt được nhưng báo *Thanh niên* vẫn đến được với đông đảo quần chúng, đến được với những chiến sĩ cách mạng. Những nội dung tư tưởng của báo đã đem đến cho những người dân Việt Nam yêu nước "một đường lối cứu nước mới, một phương pháp cách mạng mới".

Với gần 60 số trên tổng số 88 số báo do

Người trực tiếp chỉ đạo, từ những nội dung cơ bản: Vì sao phải làm cách mạng? Làm cách mạng để làm gì? Vì sao phải đoàn kết?; đến những nội dung cụ thể thuộc về đường lối cách mạng như: đối tượng cách mạng, lực lượng cách mạng, con đường cách mạng, báo *Thanh niên* (số 67, ra ngày 31-10-1926) đã nêu ra tính tất yếu phải có sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Từng bước một, học thuyết Mác - Lênin, học thuyết cách mạng khoa học nhất, chắc chắn nhất của giai cấp công nhân đã đến được Việt Nam, đất nước với hơn 90% dân số là nông dân, đa phần là mù chữ.

Thông qua báo *Thanh niên*, những người dân Việt Nam đang khát khao độc lập, tự do hiểu rõ rằng muốn thực hiện được khát khao đó thì phải làm cách mạng, phải đoàn kết lại, vì "nếu chúng ta đoàn kết, trong tương lai chúng ta sẽ giành được thắng lợi" (số 1, ngày 21-6-1925). Để giành được thắng lợi trọn vẹn, phải xác định rõ đối tượng cách mạng và con đường đi lên của cách mạng. Giải quyết những nội dung cụ thể đó, báo *Thanh niên* nêu rõ, con đường của cách mạng Việt Nam là: "trước làm cách mạng Quốc gia, sau làm cách mạng thế giới" và đối tượng cần phải đánh đổ là bọn đế quốc thực dân cấu kết với các thế lực phong kiến tay sai. Cuộc cách

mạng lâu dài, gian khổ nhằm giải phóng nhân dân Việt Nam, nhân loại cần lao bị áp bức trên toàn thế giới, đòi hỏi phải có sự đoàn kết, tham gia của đông đảo nhân dân lao động. Xác định rõ lực lượng cách mạng là những người yêu nước được giác ngộ cách mạng vì "quốc dân giác ngộ chừng nào thì lực lượng to lớn chừng ấy", báo *Thanh niên* cũng nêu rõ lực lượng nòng cốt là công - nông liên minh (số 73, ngày 12-12-1926).

Không chỉ đăng tải những nội dung thuộc về đường lối, báo *Thanh niên* còn lần lượt đăng tải những nội dung cụ thể về phương pháp tổ chức quần chúng, phương pháp đấu tranh cách mạng. Quần chúng đã được giác ngộ cách mạng, đã sẵn sàng nổi dậy đấu tranh, nhưng nếu không được huấn luyện kỹ, không được tập dượt đấu tranh, công cuộc nổi dậy sẽ thất bại. Tổ chức quần chúng đấu tranh, chớp thời cơ giành thắng lợi là một trong những nội dung cơ bản của phương pháp cách mạng. Từ những hình ảnh cụ thể, dễ nắm bắt như: "Người không có tổ chức thì cũng như một chiếc đũa lẻ loi, ai bẻ cũng gãy. Người có đoàn thể..., thì cột thành một bó, không ai bẻ gãy được" (số 64, ngày 10-10-1926), đến "làm việc phải theo thứ tự" (số 72, ngày 7-12-1926), báo *Thanh niên* đã từng

bước vũ trang cho những người yêu nước Việt Nam phương pháp đấu tranh mới. Phương pháp mới này khác xa với những vụ ám sát cá nhân như "tiếng bom của liệt sĩ Phạm Hồng Thái", cũng khác xa với con đường cứu nước theo khuynh hướng tư sản của hai nhà chí sĩ họ Phan và cuộc khởi nghĩa nông dân của Hoàng Hoa Thám.

Khi quần chúng nhân dân đã được giác ngộ cách mạng, Nguyễn Ái Quốc khẳng định rằng: muốn làm cách mạng thì "trước hết phải có đảng cách mạng". Đảng cách mạng phải đi theo một chủ nghĩa chân chính - đó là chủ nghĩa cộng sản, phải được trang bị vũ khí tinh thần - đó là lý luận Mác - Lênin. Từ những luận điểm về giai cấp và đấu tranh giai cấp, báo *Thanh niên* chỉ rõ: "giai cấp nào có đảng của giai cấp ấy. Đảng là để thay mặt cho giai cấp" (số 66, ngày 29-10-1926, đến số 67 ngày 31-10-1926) và nêu rõ tính tất yếu phải thành lập một chính đảng mácxít cho giai cấp công nhân Việt Nam. Đảng cộng sản phải là tổ chức của những người con ưu tú nhất, trưởng thành trong phong trào quần chúng, vì vậy đảng viên phải là những người mẫu mực, có "tư cách của người cách mệnh", sẵn sàng hy sinh vì quyền lợi của nhân dân và "phải lấy chí công

vô tư mà theo các công việc; phải biết cách mạng cốt nhất là hy sinh" (số 65, ngày 17-10-1926).

Công tác xây dựng Đảng vững mạnh, những bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga, những chuyển biến của tình hình thế giới sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười, vấn đề vai trò và nhiệm vụ của phụ nữ, v.v., cũng là những nội dung được đăng tải trên nhiều số của báo *Thanh niên*.

Báo *Thanh niên*, phương tiện tuyên truyền hữu hiệu nhất về chủ nghĩa cộng sản, về đảng cộng sản, về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, đồng thời cũng hoàn thành "sứ mệnh lịch sử" chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng ta sau đó. Nội dung tư tưởng của báo *Thanh niên* đã đưa ý thức hệ vô sản thấm sâu trong tư tưởng các đảng viên và quần chúng nhân dân. Thắng lợi của phong trào "vô sản hóa" đã dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam - tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

Không chỉ làm nhiệm vụ tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, báo *Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập còn đem đến cho nhân dân Việt Nam một

niềm tin mới, niềm tin vào ngày mai tươi sáng của dân tộc. Ngắn gọn, súc tích, những nội dung tư tưởng của báo *Thanh niên* là tiếng nói của giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình phát triển từ tự phát đến tự giác. Báo *Thanh niên* là khởi nguồn của báo chí cách mạng Việt Nam, là hình ảnh của tình đoàn kết hữu nghị giữa những người yêu nước Việt Nam và những người bạn Trung Quốc.

Chánh mật thám Đông Dương Máctý (Louis Marty), ngay từ hồi đó đã rất chú ý đến tờ báo *Thanh niên*. Trong một bức thư gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa ở Pari, Máctý đã từng nhận xét: "Kẻ làm tờ báo này tỏ ra là một tên cách mạng chuyên nghiệp lão luyện. Suốt 63 số báo đầu y tìm cách hâm nóng tình thân ái quốc, căm ghét người Pháp đô hộ, để rồi từ số 64 y tung ra ý đồ chính của tờ báo: thực hành chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam...".

Tiếp theo tờ *Thanh niên*, Nguyễn Ái Quốc cùng các bạn chiến đấu của mình còn xuất bản ba tờ báo định kỳ khác là: báo *Công nông* (từ tháng 12-1926 đến đầu năm 1928), báo nguyệt san *Lính cách mệnh* (từ đầu năm 1927 đến đầu năm 1928) và *Việt Nam tiên phong* cho những đối tượng hẹp hơn.

Cùng với việc xuất bản báo, Nguyễn Ái

Quốc dành thời gian tập hợp, hoàn thiện những bài giảng của Người tại lớp huấn luyện chính trị trong những năm 1925-1927 và xuất bản thành cuốn sách *Đường cách mệnh*¹. Sách được Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản đầu năm 1927, làm tài liệu học tập và truyền truyền.

Đường cách mệnh đề cập nhiều nội dung, trong đó, phần đầu Nguyễn Ái Quốc tập trung nêu rõ chuẩn mực đạo đức của những chiến sĩ cách mạng, đó cũng là điều mà Người quan tâm trước hết ở người cán bộ cách mạng. Với những thanh niên Việt Nam yêu nước tại lớp huấn luyện chính trị Quảng Châu, khi giảng về *Tư cách người cách mệnh* (trong tác phẩm *Đường cách mệnh*), Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ:

1. Cuốn *Đường cách mệnh* do lão đồng chí Nguyễn Văn Hoan, nguyên Viện trưởng Viện Công tố phúc thẩm Hà Nội sưu tầm được và tặng cho Bảo tàng Cách mạng Việt Nam ngày 26-7-1959. Đặc biệt, cuốn sách này có một tờ giấy, viết loại chữ nôm bằng mực Tàu đen với nội dung được lược dịch: “Tên con là Phó lý Nguyễn Văn Tôn, xã Hạ Trường, xin nộp quan huyện Thanh Hà quyền sách này, con xin làm đơn trình như sau: Bảo Đại ngũ niên, nhị nguyệt, nhị thập cửu nhật. Phó lý Nguyễn Văn Tôn ký. Phụng đệ (Bảo Đại năm thứ 5, ngày 29-2, tức ngày 28-3-1930 theo dương lịch). Cũng theo *Hồi ký của đồng chí Nguyễn Lương Bằng* (Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.182), cuốn sách này do chính ông đem về Việt Nam vào khoảng mùa thu năm 1927 và phát cho nhiều đồng chí của ta đang hoạt động ở khắp nơi, trong đó có mấy đồng chí tỉnh nhà (tỉnh Hải Dương, quê hương của đồng chí).

"Tự mình phải: Cần kiệm. Hoà mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cần thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại. Chịu khó. Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chữ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng ham muốn về vật chất. Bí mật".

Theo Người, 23 điều răn thể hiện rõ ba nội dung (Tự mình phải; Đối người phải; Làm việc phải) là hệ tiêu chuẩn thuộc về tư cách đạo đức cách mạng mà người cán bộ, đảng viên nhất định phải có. Những phẩm chất này là đòi hỏi nghiêm khắc đối với người cán bộ cách mạng, giúp họ gương mẫu, có sức hấp dẫn, quy tụ, lôi cuốn được quần chúng, lãnh đạo được quần chúng, hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao phó.

Tiếp đó, nội dung cuốn sách giới thiệu tính chất, nội dung các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới: Cách mạng Mỹ năm 1776, Cách mạng Pháp năm 1789, Cách mạng Nga năm 1917; Giới thiệu về Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai, Quốc tế thứ ba, v.v.. Thông qua những nội dung này, tư tưởng cách mạng triệt để của Người được thể hiện rất rõ: muốn sống thì phải làm cách mạng và muốn làm cách

mạng thành công phải có Đảng lãnh đạo, có chủ nghĩa Mác - Lênin làm nòng cốt, phải có phương pháp cách mạng, phải gắn cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, v.v..

Cũng trong *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân chứ không phải của một vài cá nhân, vì vậy đoàn kết thống nhất trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là một trong những nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi cho cách mạng Việt Nam... Phần cuối của tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc dành giới thiệu các tổ chức quần chúng của Quốc tế Cộng sản như Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Công hội, v.v., nhằm định hướng phong trào cách mạng theo mô hình đó.

Đường cách mệnh được bí mật chuyển về trong nước theo nhiều ngã đường khác nhau trong những năm 1927-1930. Trong bối cảnh Việt Nam đang khủng hoảng trầm trọng về đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng, đặc biệt là sự khủng hoảng về tổ chức cách mạng; trong khi phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa phát triển, hướng theo khẩu hiệu của Lênin vĩ đại: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn

kết lại!"; và ở Việt Nam với chính sách đàn áp hà khắc của thực dân Pháp, dư luận bị bung bít thông tin, nhân dân bị đầu độc bởi văn hóa thực dân, thì những nội dung quan trọng của *Đường cách mệnh* góp phần trang bị cho nhân dân tư tưởng mới của thời đại, đưa thế giới hội nhập với Việt Nam và đưa cách mạng Việt Nam hoà nhập cùng dòng chảy chung của cách mạng thế giới, càng trở nên có ý nghĩa lớn lao.

Đường cách mệnh là một trong những tác phẩm quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc; đồng thời là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng ta, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối của cách mạng Việt Nam sau đó. Cùng với báo *Thanh niên*, các tờ báo và nguyệt san bí mật được chuyển về Việt Nam, *Đường cách mệnh* có giá trị như một cuốn "Kinh Phúc âm", đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc; đồng thời chuẩn bị những tiền đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản - bộ tham mưu tiền phong của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Tháng 6-1927, Nguyễn Ái Quốc đã báo

cáo tổng kết gửi Ban Phương Đông những công việc mình đã làm như sau: "Mặc dù thiếu thời gian và tiền, nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí người Nga và An Nam, chúng tôi đã có thể: 1) Đưa 75 thanh niên An Nam đến học ở Trường tuyên truyền do chúng tôi tổ chức ở Quảng Châu, 2) Xuất bản 3 tờ tuần báo nhỏ, 3) Phái những người tuyên truyền vừa mới được đào tạo về Xiêm, Trung Kỳ, Bắc Kỳ và Nam Kỳ, 4) Thành lập một liên đoàn cách mạng do một ủy ban gồm 5 ủy viên ở Quảng Châu lãnh đạo, liên đoàn đã bắt rễ khắp nơi trong tất cả các xứ Đông Dương đó"¹. Như vậy, "lời đoán mò cách đây mấy năm trước của "quan thượng thư thuộc địa Pháp"" - Anbe Sarô đã được thực hiện: *phong trào cách mạng từ Pari sang Mátxcova, từ Mátxcova sang Trung Quốc và từ Trung Quốc đã sang Việt Nam.*

Trong những năm 1924 - 1927, Nguyễn Ái Quốc tham gia những hoạt động giúp đỡ phong trào cách mạng Trung Quốc, phong trào cách mạng của các nước trong khu vực, và cùng với các đồng chí Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Miến Điện tích cực vận động thành lập một tổ chức cách mạng có tính chất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.242.

quốc tế. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức (9-7-1925) ra đời, nhằm đoàn kết các dân tộc nhỏ yếu, bị áp bức trong một tổ chức cách mạng để giải phóng đất nước khỏi ách thực dân, đưa các dân tộc bị nô lệ vào con đường đấu tranh giải phóng dân tộc. Những hoạt động tích cực của Người đã thể hiện rõ vai trò của một chiến sĩ cộng sản quốc tế. Thông qua những hoạt động thực tiễn như: bày tỏ thiện cảm, sự quan tâm, ủng hộ và tham gia Hội nghị đầu tiên của đại biểu nông dân Quảng Đông, Hội nghị lần thứ hai đại biểu giai cấp công nhân Trung Quốc; tham gia đội diễn thuyết, ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc với bí danh Lý Thụy và Vương Đạt Nhân..., Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện một cách sinh động tinh thần quốc tế vô sản cao cả của một người chiến sĩ cộng sản quốc tế.

Tình hình Quảng Châu sau cuộc đảo chính phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch (4-1927) có những thay đổi bất ngờ. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Ái Quốc đã đến Hương Cảng, nhưng do mật thám Anh yêu cầu Người rời Hương Cảng, nên Người quyết định đi Thượng Hải. Tuy nhiên, tại đây, Quốc dân đảng cũng đang tiến hành khủng bố gắt gao,

bắt bớ những người cộng sản, vì vậy, Người quyết định rời Thượng Hải trên một chiếc tàu buôn đi Vladivôxtôc.

Tháng 5-1927, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova, tiếp tục làm việc trong Quốc tế Cộng sản. Sau ít ngày nghỉ ngơi trên bãi biển Crum, Người quay trở lại Mátxcova. Người bắt tay viết cuốn sách nhỏ *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân*, đúc kết kinh nghiệm cao trào cách mạng và các đảng cộng sản ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp; nêu tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chính trị, tổ chức và quân sự trong nông dân, đặc biệt là công tác quân sự của Đảng trong nông dân v.v.. Người cũng tìm hiểu, nghiên cứu, và viết nhiều bài về Ấn Độ, đăng trên *Inpreko* và tập san *Thư tín quốc tế*.

Trung tuần tháng 11-1927, Nguyễn Ái Quốc đi Pháp công tác. Đầu tháng 12-1927, từ Pháp, Người đi dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống đế quốc tại Brúcxen (Bỉ). Tuy nhiên, Người quyết định thay đổi hành trình sau khi mật thám Pháp phát hiện sự có mặt của Người tại Pháp. Người bí mật quay trở lại Đức vào trung tuần tháng 12-1927 và nhận làm phóng viên cho tờ báo *Thế giới* (Die Welt). Trong thời gian này,

Người tranh thủ viết cuốn *Những kỷ ức của một nhà tuyên truyền* gồm 51 chương đề cập phong trào nông dân Trung Quốc, chủ yếu là phong trào Hải Lục Phong, nơi có Xôviết nông dân với người anh hùng Bành Bái, vốn là cự dân uỷ nông nghiệp của Xôviết Quảng Châu khi xưa. Sau đó, theo nguyện vọng của Người, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra quyết định đồng ý để Người trở về hoạt động ở Đông Dương (25-4-1928). Ngày 21-5-1928, từ Béclin, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi các đồng chí trong Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, báo tin về việc chuẩn bị lên đường và những việc Người đã làm.

Đầu tháng 6-1928, Nguyễn Ái Quốc rời Béclin, qua Thụy Sĩ đến Italia. Tại biên giới Thụy Sĩ - Italia, mặc dù bị cảnh sát gây khó dễ, nhưng Người đã vượt qua và đi Milan. Sau đó, từ Rôma, Người đến Napôli, đáp tàu thủy Nhật Bản đi Xiêm, trở lại lộ trình Người đã đi qua Tây Âu tìm đường cứu nước 17 năm về trước.

Từ tháng 7-1928 đến tháng 11-1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Xiêm (từ năm 1938 gọi là Thái Lan), xây dựng lực lượng cách mạng trong Việt kiều yêu nước. Từ Băng Cốc, Người đi Bản Đôn (huyện Phì Chít, tỉnh Phítxanuloóc) và cuối tháng 7-1928, Nguyễn

Ái Quốc rời Phì Chịt đến vùng Đông Bắc Xiêm như Udon Thani, Xa Vang, Na Khon Pha Nôm, Noong Khai, v.v., để xây dựng cơ sở, từ đó tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào đấu tranh cách mạng, gây ảnh hưởng về trong nước. Trong thời gian này, Người sử dụng một số bí danh như Thọ, Nam Sơn, Thầu Chín, v.v. và tiếp tục dùng các hình thức hoạt động như ở Quảng Châu.

Ở Xiêm, Việt kiều có tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, luôn nhớ về Tổ quốc và căm thù thực dân. Ở đây, Nguyễn Ái Quốc hoà mình với đông đảo quần chúng, sống đời sống của quần chúng, làm những công việc thường ngày cùng với quần chúng. Cũng trong thời gian này, Người đã đổi tên tờ báo *Đông thanh* thành *Thân ái*; mở lớp đào tạo ngắn hạn cho hội viên của Chi hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; nắm tình hình trong nước và Quốc tế Cộng sản; dịch một sách mácxít phổ thông sang tiếng Việt, v.v..

Thông qua sự hoạt động tích cực của Người, phong trào yêu nước của Việt kiều ở Xiêm đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các tổ chức cách mạng được củng cố và phát triển. Sự đoàn kết trong nội bộ Việt kiều, mối quan hệ thân thiện giữa Việt kiều và người Xiêm được tăng cường. Những hoạt động

cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong phong trào Việt kiều ở Xiêm đã có ảnh hưởng tốt về trong nước.

Cũng trong khoảng thời gian từ tháng 7-1928 đến tháng 11-1929, với tên gọi Thầu Chín, Nguyễn Ái Quốc từng từ Xiêm vượt sông Mê Kông sang đất nước Lào. Người đã đến và ngủ qua đêm nhiều lần ở chùa Inpeng, thủ đô Viêng Chăn; ít nhất hai lần sang thị xã Xavannakhet và bản Xiêng Vang, huyện Noọng Bốc, tỉnh Khăm Muộn của Lào, để nghiên cứu tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân Lào, của bà con Việt kiều và khảo sát thực địa để tìm đường bí mật về nước qua Lào¹. Sau này, trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930, Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo về tình hình Lào, về hai lần cố gắng trở về An Nam không thành nên phải quay trở lại, trong đó nguyên nhân là vì bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cẩn mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam Quốc dân đảng.

Trong những năm 1928-1929, chủ nghĩa Mác - Lênin được những chiến sĩ tiên phong của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

1. Báo cáo kết quả đề tài: *Nghiên cứu, sưu tầm tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt - Lào*, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

truyền bá về trong nước, cùng với phong trào "vô sản hóa" đã góp phần làm cho phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiếp tục phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Phong trào công nhân chuyển biến từ hình thức đấu tranh tự phát, đơn lẻ, chủ yếu đòi quyền lợi về kinh tế sang đấu tranh tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo, có sự phối hợp giữa các ngành và các địa phương. Sự phát triển sâu rộng của phong trào cách mạng trong cả nước đặt ra yêu cầu bức thiết phải có sự lãnh đạo của một chính đảng vô sản kiểu mới. Từ thực tiễn khách quan, những phần tử tiên phong trong phong trào cách mạng đã nhận thức được tình hình và đứng ra thành lập những tổ chức cộng sản đầu tiên vào nửa cuối năm 1929 đầu năm 1930.

Ngày 17-6-1929, tại nhà số 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, các đại biểu tiên tiến trong tổ chức Thanh niên Bắc Kỳ đã họp, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng*; ra *Chính cương, Tuyên ngôn*, nêu rõ đường lối của Đảng là phải làm cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hành công nông liên hiệp. Tiếp đến, *An Nam Cộng sản đảng* đã ra đời vào tháng 8-1929 và đến tháng 10-

1929, An Nam Cộng sản đảng đã họp tại Sài Gòn, cử ra Ban Lâm thời chỉ đạo của Đảng và ra *Điều lệ*.

Trong quá trình chuyển hóa chung, dưới tác động của chủ nghĩa Mác - Lênin - luồng gió cách mạng thời đại - và tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, tổ chức Việt Nam Nghĩa đoàn - một tổ chức yêu nước tiến bộ theo khuynh hướng quốc gia đã tiếp cận và tiếp nhận sự giáo dục chính trị của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đổi tên thành *Tân Việt Cách mạng đảng* (7-1928). Sau đó, trên cơ sở biến thiên và cải tổ theo khuynh hướng tả, càng về sau càng chuyển biến mạnh mẽ, tháng 9-1929, những đảng viên ưu tú trong Đảng Tân Việt ra tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản liên đoàn*¹.

Như vậy, đến cuối năm 1929, trong nước đã xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Sự tồn tại ba tổ chức cộng sản biệt lập, cùng ra Tuyên ngôn, Chính cương và Điều lệ, cùng khẳng định mục tiêu đấu tranh cho lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, đều tuyên bố đi theo chủ

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Hà Nội, 1977, tr. 289.

nghĩa cộng sản và muốn được Quốc tế Cộng sản công nhận là chân chính, đã dẫn đến tình trạng tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, chia rẽ và phân liệt phong trào đấu tranh cách mạng. Yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc này là phải chấm dứt tình trạng chia rẽ đó, thống nhất các tổ chức đó thành một đảng cộng sản duy nhất trong cả nước. Nhận thức sâu sắc về nguy cơ phân liệt sẽ gây bất lợi cho sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đông Dương, ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản đã ra chỉ thị và nêu rõ: "Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một đảng cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương"¹.

Lúc này, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm, chưa nhận được bản chỉ thị nói trên, nhưng chủ động và kịp thời, trên cương vị "phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr. 614.

phong trào cách mạng ở Đông Dương"¹, Người gấp rút đi Hồng Kông; đồng thời gửi thư về nước mời đại diện của các tổ chức cộng sản sang Hồng Kông bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản. Cuối tháng 12-1929, Người đến Trung Quốc, gặp gỡ những chiến sĩ cách mạng Việt Nam để tìm hiểu thêm tình hình và tiếp đó đi Hồng Kông, chuẩn bị công việc cho một hội nghị hợp nhất.

Tại Cửu Long, Hồng Kông, từ ngày 6-1-1930 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã được tiến hành dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Tham dự hội nghị có Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh (Đông Dương Cộng sản đảng); Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm (An Nam Cộng sản đảng) và Hồ Tùng Mậu cùng Lê Hồng Sơn giúp việc Hội nghị. Đông Dương Cộng sản liên đoàn đã thành lập, song chưa có liên hệ, nên chưa được triệu tập đại biểu tới dự. Về sự kiện họp Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng trong cuốn sách *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Người viết: *để giữ bí mật, hôm thì mấy anh em giả đánh "mạt chược" ở khách sạn, hôm thì đến sân*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 12.

vận động xem đá bóng...

Trên tinh thần đoàn kết và thành thật hợp tác, bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, Hội nghị diễn ra khẩn trương, thuận lợi và đạt được sự nhất trí hoàn toàn, với quyết định đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng* do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Các văn kiện này trở thành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*.

Chính cương vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam vạch rõ tính chất, nhiệm vụ, đối tượng của cách mạng Việt Nam, trong đó xác định rõ chủ trương của những người cộng sản là làm "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Nhiệm vụ của cuộc cách mạng lúc này là đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập; dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo công nông hoá; quốc hữu hoá tất cả các xí nghiệp của tư bản đế quốc; dựng ra chính phủ công nông binh; tổ chức ra quân đội công nông; thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thi hành luật ngày làm 8 giờ, v.v..

Sách lược văn tắt của Đảng nêu rõ: Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trức bọn đại địa chủ và phong kiến¹. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng... Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ. Đồng thời, *Sách lược văn tắt* cũng nhấn mạnh nguyên tắc hợp tác giai cấp của Đảng là: khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thỏa hiệp. Đảng phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

Chương trình tóm tắt của Đảng nêu rõ Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản,

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

có nhiệm vụ "tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến"¹; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; liên kết những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới, v.v..

Điều lệ vắn tắt của Đảng nêu rõ tôn chỉ, mục đích của Đảng là lãnh đạo quần chúng đấu tranh để "tiểu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa thực hiện xã hội cộng sản"²; quy định thể thức gia nhập Đảng; hệ thống tổ chức; trách nhiệm của đảng viên; quyền lợi đảng viên; các cấp đảng chấp hành ủy viên; kinh phí; kỷ luật của Đảng.

Khác với các nhà hoạt động cách mạng đương thời, tránh được những rập khuôn máy móc về quan điểm giai cấp của Quốc tế Cộng sản, trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, với mục tiêu trước mắt là giành độc lập dân tộc, ngay ở thời điểm lịch sử đó, Nguyễn Ái Quốc đã xác định rằng ở Việt Nam phải thực hiện "dân tộc cách mệnh" trước. Và cũng theo Nguyễn Ái Quốc, vì "dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp", cho nên trong khi nêu rõ việc phải xác định rõ công nông là gốc cách mạng, thì không được quên "học trò, nhà

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.4, 5.

buôn nhỏ, điền chủ nhỏ" cũng là "bầu bạn cách mạng của công nông". Người chủ trương, muốn giải phóng giai cấp, trước hết phải phóng dân tộc; vì vậy, trong nước không cần kêu gọi giai cấp này chống lại giai cấp khác, mà kêu gọi sự liên hiệp các giai cấp, các tầng lớp yêu nước, trong đó công nông làm nòng cốt hợp thành lực lượng to lớn của cả dân tộc nhằm đánh đổ đế quốc và bọn tay sai.

Như vậy, thông qua *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, có thể thấy rõ mục tiêu: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong đường lối chiến lược của Đảng là mục tiêu cao cả, là ngọn cờ đại nghĩa, là cơ sở khoa học, là tiền đề quan trọng cho việc xây dựng, huy động sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân - một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, quyết định sự thành bại của cách mạng, sự tồn vong và phát triển của dân tộc trong tiến trình lịch sử.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và việc xác định con đường cách mạng đúng đắn của Đảng ngay từ khi mới thành lập, đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, ở vào thời điểm bước ngoặt quan trọng (đầu năm 1930 của thế kỷ XX) của cách mạng Việt

Nam tự nó đã nói lên bản lĩnh chính trị của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, của các đồng chí của Người và đó cũng là bản lĩnh chính trị của Đảng ta. Sự lựa chọn đó đã được kiểm nghiệm bằng thực tế đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong những năm sau đó.

Với điều kiện lịch sử của nước ta, một nước thuộc địa nửa phong kiến, chỉ có độc lập thực sự mới tạo điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, và cũng chỉ có xây dựng chủ nghĩa xã hội thì mới thực sự có độc lập cho Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Đánh giá sự kiện trọng đại này và những quyết định có ý nghĩa lịch sử này của Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết: "Thiên tài của Người chính là ở chỗ đã phát hiện ra con đường đó. Nó tạo ra sức mạnh của Người, sức mạnh của dân tộc, của tất cả chúng ta"¹.

Hội nghị hợp nhất cũng đã thảo luận và quyết định các phương châm và kế hoạch tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, về cách cử ra một Ban Trung ương lâm

1. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990, tr.64.

thời. Trong ngày làm việc cuối cùng, Hội nghị đã quyết nghị về việc xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo để tuyên truyền.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam, viết *Lời kêu gọi* gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột phải đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng để giành được độc lập; thành lập chính phủ công nông binh và tịch thu tất cả các nhà hàng, cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ; tiến tới quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của đế quốc và địa chủ phản cách mạng chia cho nông dân nghèo; thực hiện ngày làm 8 giờ, v.v..

Lời kêu gọi là một trong những văn kiện quan trọng của Hội nghị hợp nhất, cùng với *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã xác định rõ đường lối, mục tiêu, phương châm của cách mạng Việt Nam trước mắt và lâu dài, đó là: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"¹. Đây là kết quả của một tư duy sáng tạo, phù hợp với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.1.

xu thế phát triển của nhân loại, và đây chính là "cái cần thiết cho chúng ta" trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Ngày 8-2-1930, các đại biểu dự Hội nghị thành lập Đảng đã trở về nước. Ngày 24-2-1930, một hội nghị quan trọng được tổ chức tại Sài Gòn để xem xét yêu cầu gia nhập Đảng Cộng sản của Đông Dương Cộng sản liên đoàn và nhất trí công nhận Đông Dương Cộng sản liên đoàn được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ lịch sử trọng đại của mình. Thành công của hội nghị làm cho mọi người tham dự Hội nghị đều vô cùng vui mừng, phấn khởi và "để chúc mừng Đảng ra đời, Bác đãi một bữa Tết Nguyên Đán vừa tiết kiệm, vừa linh đình".

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi, trí tuệ, uy tín và đạo đức cách mạng trong sáng, tính chủ động, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Với uy tín và quyết định chính xác, kịp thời của mình, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, trở thành người sáng lập Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản

Việt Nam thành công tốt đẹp, có giá trị như một đại hội thành lập Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước: *thời kỳ giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó đứng ở vị trí trung tâm, lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước theo con đường cách mạng vô sản.*

*

* *

Cùng với việc tổ chức thành công Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và việc soạn thảo *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và sự sáng tạo của mình trong cả hoạt động lý luận và thực tiễn. Lịch sử xây dựng và trưởng thành của Đảng đã ghi nhận rằng, người cộng sản Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình thành lập một chính đảng vô sản kiểu mới ở Việt Nam, Người còn thành công trong việc xây dựng, thực hiện dân chủ và đoàn kết trong nội bộ

Đảng, để Đảng Cộng sản Việt Nam luôn là đội tiên phong, bộ tham mưu vững mạnh, thực sự là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Sau này, Người viết về sự kiện trọng đại này như sau: Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Ngọn cờ độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội nêu trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng, thực sự là viên ngọc quý và sức hấp dẫn của nó đã góp phần khơi nguồn sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp giải phóng. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh là người đã chỉ rõ cho nhân dân ta thấy kẻ thù chính của cả dân tộc là chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai, và sự cấu kết chặt chẽ của hai thế lực đó là nét đặc trưng của chế độ thuộc địa.

Từ đó, Người khẳng định: phải đánh đổ cả đế quốc, phong kiến và tay sai, phải xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì đất nước mới được độc lập, người dân mới được tự do, mới được giải phóng thực sự. Lịch sử luôn có những thăng trầm, luôn có những khúc ngoặt, song sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cách mạng giải

phóng dân tộc Việt Nam; trong việc sáng lập Đảng Cộng sản; xác định chiến lược, sách lược, nhiệm vụ và con đường cách mạng để thực hiện mục tiêu: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được cụ thể hoá trong các văn kiện của Hội nghị hợp nhất đầu năm 1930 thực sự là những cống hiến to lớn, có giá trị vượt không gian, và thời gian.

V

TỪ NƯỚC NGOÀI
CHỈ ĐẠO PHONG TRÀO
CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC
(1930 -1941)

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cách mạng Việt Nam bước vào một thời kỳ mới, vô cùng oanh liệt trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc. Lúc này, dù đang hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ liên lạc chặt chẽ với Quốc tế Cộng sản, đồng thời theo dõi chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước.

Ngày 27-2-1930, Người viết thư gửi đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản, báo tin Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập, đề nghị công bố trên báo *Nhân đạo* và tập san *Thư tín quốc tế* "*Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*"; yêu cầu Đảng Cộng sản Pháp cho biết tên những con tàu chạy tuyến đường Pháp - Viễn Đông, nơi có các đồng chí cộng sản Pháp đang làm việc, để thuận lợi cho việc bắt liên lạc. Trong thư, Nguyễn Ái Quốc viết: Người chưa thể về nước, không tham gia Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, vì đang chịu "một cái án tử hình vắng mặt" trong phán quyết số 115 của toà án Nam Triều ở

Vinh.

Cuối tháng 2-1930, Người viết thư gửi các đồng chí Liên Xô yêu cầu cung cấp tài liệu để Người viết một cuốn sách tuyên truyền về nước Nga Xôviết với nhan đề: *Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi*. Khoảng cuối năm 1930, cuốn *Nhật ký chìm tàu* (Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi) đã xuất hiện ở Việt Nam, sau đó được in lại, phổ biến rộng rãi trong cao trào cách mạng Xôviết Nghệ - Tĩnh. Nhân dịp đoàn đại biểu Việt Nam sắp đến Liên Xô dự Đại hội Công hội lần thứ V, ngày 5-9-1930, Người viết thư gửi các học sinh Việt Nam ở Liên Xô, nhắc nhở việc xây dựng khối đoàn kết giữa những học sinh ở Liên Xô với các đại biểu, phải giúp đỡ các đại biểu, chớ để người ta trông thấy sự phân biệt trí thức và vô sản¹.

Cuối 1929, Trần Phú rời Liên Xô trở về nước hoạt động và ngày 8-2-1930 đồng chí đã về tới Sài Gòn. Đầu tháng 4-1930, Trần Phú đi Hồng Kông gặp Nguyễn Ái Quốc, báo cáo với Người về nội dung Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản (1928), về nhóm học sinh Việt Nam tại Liên Xô và tình hình Liên Xô hiện tại. Trong cuộc gặp đó, Nguyễn Ái Quốc

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.40.

cũng thông báo với Trần Phú kết quả Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cương vị là đại diện Ban Phương Đông, Người phân công Trần Phú, Ngô Đức Trì về nước hoạt động và gửi thư giới thiệu hai người với Ban Chấp hành Trung ương lâm thời trong nước.

Cũng theo ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, cuối tháng 4-1930, Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm và Malaixia. Đến Đông Bắc Xiêm, Người báo tin cho một số đồng chí ở đây biết các nhóm cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thời gian khoảng chừng một tháng ở đây, Người còn làm những nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao. Đến cuối tháng 5-1930, Người quay trở lại Hồng Kông. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc đã nhận được tin tức về phong trào cách mạng trong nước, cùng những báo cáo về hoạt động của Đảng trong quần chúng công nhân, binh lính và bà con người Việt Nam ở Thượng Hải.

Tại Thượng Hải, Nguyễn Ái Quốc họp với Nguyễn Lương Bằng, Hồ Tùng Mậu, Đỗ Ngọc Du, Lưu Quốc Long¹,... hướng dẫn họ

1. Xem: *Anh cả Nguyễn Lương Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.41.

cách vận động cách mạng trong binh lính, làm báo *Kèn gọi lính*. Người còn giới thiệu đồng chí Nguyễn Lương Bằng với đồng chí Thái Sưống, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, để được giúp đỡ trong công tác binh vận ở Thượng Hải. Cuối tháng 9-1930, Nguyễn Ái Quốc báo cáo với Quốc tế Cộng sản về việc cố gắng thu xếp "một cuộc họp của Trung ương để quyết định mọi việc".

Tháng 10-1930, Người tham dự Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hồng Kông. Hội nghị quyết định thông qua *Dự thảo Luận cương cách mạng tư sản dân quyền* do Trần Phú soạn thảo; đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương; bầu Trần Phú làm Tổng Bí thư của Đảng; ra Nghị quyết thủ tiêu Chánh cương, Sách lược, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua ở Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản với lý do: các văn kiện này "chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm"¹, cùng một số sai lầm khác về việc tổ chức Đảng, về việc phân chia địa chủ thành ba loại: đại, trung và tiểu địa chủ, v.v..

1. Song Thành: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 242-243.

Từ cuộc gặp vào tháng 4-1930 với Trần Phú, Nguyễn Ái Quốc đã nắm được tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản năm 1928 (một nghị quyết chứa đựng yếu tố "tả" khuynh của những người cộng sản, nhất là trong việc không phân biệt chính xác vai trò của giai cấp tư sản dân tộc và những lực lượng yêu nước của các dân tộc thuộc địa) và tinh thần của bản *Chỉ thị về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương* (27-10-1929). Đồng thời, qua Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, Người đã biết việc *những văn kiện của Hội nghị hợp nhất không được Quốc tế Cộng sản chấp nhận*. Cho nên, Nguyễn Ái Quốc không bất ngờ với những kết luận của Hội nghị Trung ương tháng 10-1930.

Trên tinh thần đó, dù đã thấy được những hạn chế và nhược điểm của *Luận cương chính trị* tháng 10-1930; sự thiếu thông tin của Quốc tế Cộng sản về thực trạng đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của các nước thuộc địa ở phương Đông, chưa thấy được khát vọng độc lập, tự do của nhân dân các thuộc địa, nên nghị quyết của Quốc tế Cộng sản chỉ nhấn mạnh tính giai cấp của cuộc đấu tranh mà coi nhẹ vấn đề dân tộc,... nhưng với tinh thần cộng sản, Nguyễn Ái Quốc vẫn tuân thủ,

chấp hành nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và nghị quyết của Hội nghị Trung ương tháng 10-1930.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc viết một báo cáo nhanh, thông tin vắn tắt những vấn đề Hội nghị tháng 10-1930 đã thảo luận và ra nghị quyết. Trung tuần tháng 11-1930, Nguyễn Ái Quốc đưa Trần Phú lên Thượng Hải gặp Hile Nulen, người phụ trách Ban Phương Đông tại Thượng Hải, còn Người quay lại Hồng Kông, tiếp tục theo dõi và chỉ đạo cao trào cách mạng trong nước.

Lúc này, ở trong nước, cao trào đấu tranh cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản phát triển mạnh, mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh. Phong trào bùng nổ từ tháng 5, nhưng phát triển đến đỉnh cao ở Nghệ An, Hà Tĩnh vào các tháng 9, 10-1930 và kéo dài sang đầu năm 1931. Trước sự phát triển của phong trào, Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư, báo cáo cho Quốc tế Cộng sản và Quốc tế Nông dân, đề nghị giúp đỡ các nạn nhân bị khủng bố; đồng thời nhấn mạnh việc phải làm cho nông dân hiểu rõ việc cần tiến hành kết hợp đấu tranh kinh tế với chính trị, làm cách mạng ruộng đất, "chứ không phải để tiến hành một cuộc khởi nghĩa địa phương". Theo Người, bất cứ một hành

động cá nhân hoặc một xu hướng khủng bố nào cũng đều trái với cương lĩnh hành động của Đảng.

Đặc biệt, quan tâm đến việc xây dựng, củng cố và phát triển Đảng, ngày 20-4-1931, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng, yêu cầu phải tăng cường phát triển lực lượng của Đảng đều khắp cả Bắc - Trung - Nam; chú trọng phát triển các tổ chức Công hội, Nông hội, Mặt trận... và gửi thư cho Đảng Cộng sản Đông Dương, phê bình Đảng trong cách khai hội, cách thảo luận, trong vấn đề công tác và vấn đề chậm đổi tên Đảng tại Hội nghị Xứ ủy Trung và Bắc Kỳ. Người yêu cầu: "Tất cả mọi đảng viên và tất cả các chi bộ phải thảo luận Chỉ thị của Quốc tế thứ ba và nghị quyết của Trung ương, rồi phải ra Nghị quyết về những Nghị quyết và Chỉ thị nói trên... Có làm như thế thì mới có thể nâng cao được trình độ đảng viên, tất cả Chỉ thị và Nghị quyết mới được thi hành, tư tưởng và hành động của đảng viên mới thống nhất"¹; đồng thời thẳng thắn phê bình Đảng còn kém về vấn đề bí mật công tác. Người cũng nhắc nhở Đảng phải tìm cách bảo vệ cán bộ, không để địch tìm cách "túm mòn"

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.75-76.

hết cán bộ, và phải biết tự đặt câu hỏi "vì sao mà bị lộ để suy nghĩ, và tìm cách sửa đổi?".

Trong các bức thư gửi Quốc tế Cộng sản và các bài viết kêu gọi ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là Xôviết Nghệ - Tĩnh, Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu tóm tắt tình hình địa lý, nhân văn, hành chính và phong trào cách mạng của hai tỉnh, tố cáo những thủ đoạn đàn áp dã man của thực dân Pháp và phong kiến Nam triều. Không chỉ làm hết sức mình để kêu gọi các tổ chức quốc tế, các đảng anh em có những hình thức đấu tranh phối hợp ủng hộ, giúp đỡ phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh về mọi mặt, góp phần ngăn chặn sự đàn áp đẫm máu của bọn đế quốc đối với phong trào, Người còn đánh giá cao phong trào và nhấn mạnh: *Nghệ - Tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu "đỏ"*.

Từ những báo cáo của Nguyễn Ái Quốc, Quốc tế Cộng sản nắm được tình hình các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đánh giá cao cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân ta, đặc biệt là Xôviết Nghệ - Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng thời khẳng định công lao, uy tín của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này. Tại phiên họp ngày 11-4-1931, Ban Chấp hành

Quốc tế Cộng sản nhất trí quyết nghị: *Công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương từ nay là một chi bộ độc lập thuộc Quốc tế Cộng sản.*

Tuy nhiên, trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Đông Dương và sự cấu kết của bọn đế quốc trong việc bắt bớ, giam cầm Trần Phú, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Lương Bằng và các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam ở trong và ngoài nước, Nguyễn Ái Quốc báo cáo về Văn phòng Ban Phương Đông, đề nghị được chuyển công tác lên Thượng Hải khi tình hình diễn biến ngày càng xấu đi. Song, đề nghị đó chưa kịp thực hiện, thì ngày 6-6-1931, Nguyễn Ái Quốc (tên gọi khi đó là Tống Văn Sơ) bị bắt tại số nhà 186, phố Tam Kung, Cửu Long, Hồng Kông. Ngày 15-6-1931, Hile Nulen, người phụ trách Văn phòng Chi nhánh Ban Phương Đông tại Thượng Hải cũng bị sa lưới kẻ thù.

Trước sự kiện Nguyễn Ái Quốc bị bắt, nhiều tờ báo tại Pháp đưa tin: "Người Anh đã bắt giữ ở Thượng Hải, nhà cách mạng An Nam Nguyễn Ái Quốc", (báo *Nhân đạo*, năm 1931)", "Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Trung Quốc" (báo *Bạo động tại Pari*, ngày 15-8-1931)... Các tổ chức cách mạng của ta ở trong nước qua tờ *Tin nhanh thuộc địa* (La Dépêche Coloniale) và *Dư luận* (Opinion)

cũng đã biết được tin dữ này. Thực dân Pháp rất hí hửng, chúng tăng bóc nhau và tăng bóc đế quốc Anh khi bắt được Nguyễn Ái Quốc.

Hàng loạt các bức điện từ Hà Nội được gửi tới Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp và Bộ Ngoại giao Pháp, can thiệp với chính quyền Anh tại Hồng Kông nhằm dẫn độ Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương để y án tử hình hoặc vô hiệu hóa các hoạt động của Người. Anh và Pháp có kế hoạch mặc cả trong việc giam giữ, dẫn độ không trả tự do cho Nguyễn Ái Quốc, vì theo Toàn quyền R.Rôbanh (R. Robin): "Vụ việc bắt Nguyễn Ái Quốc quan trọng như thế nào đối với an ninh ở Đông Dương", và việc "trả lại tự do cho một người cực kỳ hăng hái và nguy hiểm này là một việc mạo hiểm cần phải tránh bằng bất cứ giá nào"¹.

Tuy nhiên, đế quốc Anh và thực dân Pháp đã không thể thực hiện được kế hoạch đó. Biết Nguyễn Ái Quốc bị bắt, Hồ Tùng Mậu đã cùng đại diện của Quốc tế Cứu tế đỏ đến gặp luật sư Lôđoby (F.H. Loseby), một luật sư tiến bộ người Anh khi đó là Chủ tịch Công ty luật gia ở Hồng Kông nhờ giúp đỡ.

1. Báo cáo của Toàn quyền R. Rôbanh gửi Bộ thuộc địa Pháp, ngày 8-6-1931, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Cũng trong cuốn *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại: "Bác vào trại giam vài hôm, thì đồng chí Hồ Tùng Mậu bị đưa ra nhà giam để "trục xuất cảnh". Nhân dịp đó, đồng chí Mậu báo cho luật sư Lôdoby (Chủ nhiệm Công ty luật sư RUSS của người Anh) biết tin Bác bị bắt và nhờ ông ta giúp Bác. Ông Lôdoby vào nhà giam gặp Bác và nói ông sẽ ra sức cãi hộ cho Bác. Bác nói không có tiền để trả phí tổn cho công ty.

Ông Lôdoby nói: "Tôi biết ông là một lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Tôi cãi hộ ông là vì danh dự chứ không nhất thiết chỉ vì tiền...".

Từ đó, vợ chồng ông Lôdoby hết lòng giúp đỡ Bác về đời sống trong nhà tù cũng như về vụ án kiện. Cũng do ông Lôdoby mà các đồng chí Pháp và Hội Quốc tế Cứu tế đỏ biết rõ tình hình của Bác".

Sau này, trong hồi ký của mình, luật sư Lôdoby cũng đã viết: "Chỉ với sau 30 phút gặp gỡ, Người đã hoàn toàn chinh phục tôi. Ở Người toát ra một sức mạnh cảm hoá kỳ diệu".

Thời gian Tổng Văn Sơ bị giam giữ cũng đồng thời là khoảng thời gian nước rút của cuộc đua giữa một bên là gia đình luật sư và những người bảo vệ Tổng Văn Sơ và một bên

khác là sự cấu kết có điều kiện của mật thám Anh và Pháp muốn hãm hại Người. Dưới sức ép của dư luận, của những phương tiện thông tin báo chí, luật sư Lôđoby đã đưa vụ án Tổng Văn Sơ ra xử trước Pháp viện tối cao. Lần đầu tiên trong lịch sử thuộc địa, toà án tối cao phải xét xử một bản án chính trị.

Tính chất đặc biệt của vụ án, sự giúp đỡ cùng tài trí của luật sư và người cộng sự, sự thông minh và nhất quán trong từng câu trả lời của Tổng Văn Sơ đã buộc toà án phải xét xử Người một cách công khai. Luật sư Lôđoby cùng cộng sự của mình là luật sư Jen Kin đã tố cáo về việc bắt giam trái phép, các cuộc thẩm vấn bị can đều bất hợp pháp với luật pháp của nước Anh; việc thẩm tra trực xuất không đúng thủ tục, bởi hỏi quá số câu hỏi cho phép và chính quyền đưa ra một bản cung giả được đánh máy, v.v..

Vụ án đã trở thành một sự kiện chính trị đặc biệt ở Hồng Kông. Kéo dài tới chín phiên, phiên thứ nhất (1-8-1931) đến phiên cuối cùng (19-9-1931) đều diễn ra trong không khí căng thẳng, quyết liệt, nhưng việc đòi trả tự do cho Tổng Văn Sơ không được giải quyết dứt điểm. Luật sư Lôđoby cùng người cộng sự của mình đã quyết định chống án lên Viện Cơ mật Hoàng gia Anh. Tiền án

phí và những thủ tục bắt buộc cho việc kháng án đã được luật sư lo liệu đầy đủ. Hai người bạn của ông là luật sư Đenit Noen Porit (Denis Noel Pritt) và Stafo Crip (Stafford Cripps) cũng nhận lời giúp đỡ Tống Văn Sơ.

Nhờ sự nỗ lực của luật sư Stafo Crip, Tòa án Viện Cơ mật Hoàng gia Anh đã đồng ý trả tự do cho Tống Văn Sơ. Song khi đi đến Xingapo, lấy cớ Tống Văn Sơ đi vào thuộc địa không có giấy phép, Người lại bị bắt giam. Âm mưu đen tối của các thế lực câu kết hãm hại Tống Văn Sơ một lần nữa được phơi bày, song bản lĩnh chính trị vững vàng, một lần nữa Người đã vượt qua thử thách, đồng thời cảm hoá được những người dù chỉ một lần từng được gặp Người.

Một lần nữa, gia đình luật sư Lôđoby lại bênh vực và cứu Tống Văn Sơ ra khỏi nhà tù. Kế hoạch di chuyển và bí mật tổ chức cho Tống Văn Sơ trốn đã được vạch ra. Sau một thời gian tạm lánh bí mật trong vai một nhà buôn lớn đi nghỉ, khi thì ở tạm trong ký túc xá thanh niên Thiên Chúa giáo Trung Hoa (Chinese YMCA), số 23, phố Oatéclo (Waterloo), Cửu Long, có khi ở ngay trong nhà của luật sư Lôđoby, ngày 22-1-1933, với sự giúp đỡ của gia đình luật sư cùng những người bạn và Thông đốc Hồng Kông, Nguyễn

Ái Quốc - Tống Văn Sơ đã bí mật cải trang như một hành khách đến chậm lên tàu Anhuì, rời Hồng Kông đi Hạ Môn. Đến Hạ Môn (tỉnh Phúc Kiến), Nguyễn Ái Quốc dừng lại ăn Tết âm lịch. Vậy là, "sau khoảng 20 tháng gian lao nguy hiểm, một lần nữa Bác lại thoát khỏi âm mưu độc ác của bọn thực dân Pháp và tạm thời đánh lạc hướng của chúng. Thắng lợi này phần lớn là nhờ sự hết lòng giúp đỡ của ông bà Lôdoby".

Về sự kiện này, gần 30 năm sau sự kiện vụ án Hồng Kông nổi tiếng của những năm 30 thế kỷ XX, để tri ân những ân nhân từng cứu giúp mình, mùa xuân năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời hai vợ chồng luật sư cùng người con gái sang ăn Tết cổ truyền với nhân dân Việt Nam, thăm đất nước mà họ đã từng được nghe qua lời kể của người tù Tống Văn Sơ từ năm 1931. Tại Phủ Chủ tịch, cuộc hội ngộ đầy nghĩa tình của những người bạn chân chính, những cánh tay thân ái ôm chặt, hai mái đầu bạc bên nhau và tấm thịnh tình của người dân Việt Nam tri ân gia đình Lôdoby - những người có công cứu thoát một người con ưu tú của dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hiểm nghèo năm xưa đã làm ấm lòng những vị khách quý của Bác Hồ. Sau chuyến thăm Việt Nam mùa xuân năm ấy, tình cảm

đôn hậu, lòng hiếu khách, những khuôn mặt rạng rỡ, nụ cười thân thiện của mỗi người dân đất Việt dành cho luật sư và gia đình mãi là ấn tượng sâu đậm nhất trong trái tim những người bạn quý của Người. Điều đó thật đúng như luật sư đã từng nói với vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rằng: Ngài nói rằng tôi đã cứu sống Ngài, điều đó có thể đúng, song nếu vậy thì đó chính là việc làm tốt nhất mà tôi từng làm và đó mãi mãi là một việc làm sáng suốt.

Khoảng mùa hè năm 1933, khi tình hình về vụ án Tống Văn Sơ đã lắng xuống, Nguyễn Ái Quốc quyết định rời Hạ Môn lên Thượng Hải, tìm cách bắt liên lạc với những đồng chí của mình. Cũng vào mùa hè năm 1933, được bà Tống Khánh Linh giúp đỡ, Nguyễn Ái Quốc gặp Pôn Vayăng Cutuyariê (một người bạn cũ của Người khi còn hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp), "trong chuyến anh sang Viễn Đông với tư cách đại biểu và người tổ chức Hội nghị vì hòa bình và chống chiến tranh đế quốc". Nhờ Pôn Vayăng Cutuyariê, Người nối được liên lạc với đoàn thể. Tiếp đó, vượt qua những tháng ngày đầy sóng gió, mùa xuân năm 1934, Nguyễn Ái Quốc rời Thượng Hải, đi Vladivôxtôc (Liên Xô), trở về với quê hương của Cách mạng Tháng Mười.

Sau một thời gian dừng lại ở Vladivôxtôc để hoàn thành thủ tục nhập cảnh vào Liên Xô, vượt đường xe lửa xuyên Xibia, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova. Bà Vaxilieva, cán bộ của Quốc tế Cộng sản là người đã trực tiếp đón Nguyễn Ái Quốc những ngày đầu tiên vào tháng 6-1934. Người muốn bắt tay ngay vào công việc, nhưng các đồng chí lãnh đạo Quốc tế Cộng sản đề nghị Người đi an dưỡng một thời gian để phục hồi sức khỏe. Tại nơi nghỉ an dưỡng ở Xôtri, trên bờ Biển Đen, Nguyễn Ái Quốc viết thư nhờ các đồng chí ở Mátxcova gửi cho Người sách báo mới để đọc, nắm được những thông tin về tình hình cách mạng trong nước và thế giới, đồng thời tập luyện để phục hồi sức khỏe. Sau gần hai năm bị giam giữ trong tù, một năm không bắt được liên lạc với tổ chức, lại bị ốm đau cùng những nỗi lo về phong trào cách mạng trong nước, Nguyễn Ái Quốc gần như kiệt sức.

Dù đã trở về trung tâm phong trào cộng sản quốc tế, sống giữa những người đồng chí, nhưng khó khăn dường như vẫn chưa hết đối với Nguyễn Ái Quốc. Có nhiều lý do khác nhau: từ sự xuất hiện những chủ trương mang tính chất "tả" khuynh trong tư tưởng và lý luận của Quốc tế Cộng sản, đặc biệt là và ảnh hưởng của Nghị quyết Đại hội lần thứ VI

Quốc tế Cộng sản (6-1928) với các đảng cộng sản, trong đó có Đảng Cộng sản Đông Dương; đến việc Nguyễn Ái Quốc có phải là người thừa lệnh của Quốc tế Cộng sản trong việc triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam hay không?; vấn đề đặt tên Đảng, vấn đề dân tộc và giai cấp trong đường lối chiến lược và sách lược của Đảng; sự trái ngược về quan điểm giữa Nguyễn Ái Quốc với Quốc tế Cộng sản trong vấn đề dân tộc và nhận định Nguyễn Ái Quốc là một người còn mang nặng tàn dư của chủ nghĩa dân tộc, cùng một số những nghi ngờ chưa được giải toả về việc hình như Nguyễn Ái Quốc được thực dân Anh thả tự do không mấy khó khăn, v.v. đã khiến Người không được giao nhiệm vụ quan trọng nào trong những năm tháng này.

Sau khi nghỉ an dưỡng, mùa thu năm 1934, Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản bố trí cho vào học tại Trường Quốc tế Lênin, đăng ký trong danh sách sinh viên với số hiệu 3751. Người đến học năm 1934 và rời trường năm 1936.

Tuy ở Liên Xô, nhưng Người vẫn đặc biệt

1. Song Thành: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 241.

quan tâm đến phong trào cách mạng trong nước. Trong lá thư đề ngày 16-1-1935, Người tỏ ra lo lắng trước tình trạng nhận thức chính trị còn kém cỏi của phần đông đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương và kiến nghị với Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản rằng: Đại đa số đồng chí của chúng tôi, trình độ lý luận và chính trị rất thấp. Tôi thấy tuyệt đối cần thiết là chúng ta phải giúp đỡ các đồng chí của chúng tôi khắc phục những khó khăn ấy bằng cách tạo điều kiện cho các đồng chí tiếp thụ được những kiến thức sơ đẳng nhất mà mỗi chiến sĩ đều phải có. Với vị trí của mình tại Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tận tình giúp đỡ, chỉ bảo, truyền đạt những kiến thức lý luận và thực tiễn cho các cán bộ, đảng viên của Đông Dương, cũng như của các nước khác trong khu vực.

Sau đó, Người dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản vào tháng 8-1935 tại Mátxcova "với tư cách là đại biểu của Ban Phương Đông của Quốc tế cộng sản"¹. Tuy danh sách đề nghị đại biểu của các đảng đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản của Đảng Cộng sản Đông Dương có tên Nguyễn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr. 767.

Ái Quốc - đề nghị đại biểu chính thức và là đại diện của Đảng Cộng sản Đông Dương bên cạnh Quốc tế Cộng sản, nhưng đã không được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Nguyễn Ái Quốc chỉ được tham gia Đại hội với tư cách là đại biểu tư vấn. Trong thời gian tham dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc được Trường Quốc tế Lênin cho nghỉ học một tháng để tham gia dịch và in ấn sang tiếng mẹ đẻ những văn kiện của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản.

Thời gian này, Người tận tình giúp đỡ các thành viên trong đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương sang Mátxcova dự Đại hội lần thứ VII và tổ chức chu đáo cho chuyến trở về Tổ quốc của các đại biểu Đông Dương, mang theo tinh thần và nghị quyết mới của Quốc tế Cộng sản về chống nguy cơ chiến tranh phát xít, chiến tranh xâm lược. Đặc biệt, Người đã lưu tâm đến vấn đề phải hình thành cho được một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống đế quốc, đòi dân chủ, cơm áo, hòa bình cho phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Đông Dương trong giai đoạn lịch sử mới.

Sau Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục công việc tại Trường Quốc tế Lênin, phụ giảng bộ môn về

Đông Dương tại Trường Đại học Phương Đông và giúp đỡ bà V.I. Vaxilieva trong công việc quản lý bộ phận Đông Dương của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản. Cũng thời gian này, Nguyễn Ái Quốc đã soạn thảo bằng chữ quốc ngữ *Bức thư ngỏ gửi Mặt trận bình dân Pháp*, đòi thực thi những quyền cơ bản về tự do dân chủ (gồm sáu điều và quyền tự do tồn tại cho Đảng Cộng sản Đông Dương). Mặc dù tài liệu này không đề tên tác giả, nhưng khi nghiên cứu hồ sơ của mật thám Pháp, chúng ta khẳng định tài liệu này do chính Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

Từ năm 1935, qua lần trả lời phỏng vấn của một nhà văn Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã nói: Mong ước lớn nhất hiện nay của tôi là sớm được trở về Tổ quốc¹ và khi kết thúc khóa học ở Trường Quốc tế Lênin, Người cũng vẫn mong muốn được trở về nước, được cống hiến cho Tổ quốc. Người đã đề nghị Quốc tế Cộng sản cho trở về Việt Nam hoạt động. Nhưng đến mùa hè năm 1936, sau khi được làm tờ khai lý lịch hộ chiếu, giấy đi đường, chuẩn bị cho sự trở về của mình, Nguyễn Ái Quốc vẫn chưa thể thực

1. Xem: Song Thành: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr.244.

hiện được tâm nguyện của mình. Chuyển đi đã bị hủy bỏ, vì tình hình thế giới có những biến động và vì chưa được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Là lãnh tụ của Đảng, dù sống và làm việc trong bất kỳ hoàn cảnh nào và ở đâu, Nguyễn Ái Quốc cũng dành hết tâm trí và sức lực của mình cho Đảng, cho dân, cho nước, đúng như Tuyên bố của đồng chí Hải An (Lê Hồng Phong) ngày 3-8-1935 khẳng định: "Tôi biết rằng đồng chí Quốc rất tích cực trong hoạt động cách mạng và các vấn đề sự nghiệp của Đảng luôn được đồng chí đặt cao hơn cuộc sống cá nhân. Có thể nói rằng đồng chí ấy luôn sống và làm việc vì Đảng".

Tiếp sau đó, vừa chờ đợi quyết định được về nước từ cấp trên, Nguyễn Ái Quốc vừa nhận công tác tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Theo một số nguồn tư liệu, thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang ở tại Mátxcova, học trường thuộc Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa với tư cách nghiên cứu sinh, là giáo viên của phòng Đông Dương (11-1936) và là một trong 21 người được tuyển chọn vào lớp nghiên cứu sinh của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Kế hoạch nghiên cứu cá nhân của nghiên

cứu sinh Nguyễn Ái Quốc của Viện ghi rõ: Họ tên nghiên cứu sinh: Lin; thời gian thực hiện kế hoạch từ ngày 1-1-1937 đến ngày 31-12-1937... với lời phê: Tôi chuẩn y hoàn toàn kế hoạch cá nhân này, và phiếu điểm cá nhân dự kỳ thi học kỳ I năm 1937-1938 của Người hoàn thành chương trình tối thiểu của nghiên cứu sinh, thi đạt kết quả tất cả các môn học, trong đó có những môn đạt điểm xuất sắc đã xác minh rõ sự kiện này.

Thời gian này, dù không gặp thuận lợi trong hoạt động, nhưng là khoảng thời gian quý báu để Nguyễn Ái Quốc chiêm nghiệm và đúc rút kinh nghiệm hoạt động cách mạng cho bản thân mình. Và thực tế cho thấy rằng, tuy học ở Trường Quốc tế Lênin, làm nghiên cứu sinh ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, nhưng vốn là một người hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, Người luôn mong mỏi được nhanh chóng trở về Tổ quốc lao vào hoạt động thực tiễn.

Sau đó, cùng với thời gian và những đòi hỏi bức thiết của tình hình thế giới và trong nước, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục gửi thư cho những người có trách nhiệm tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa và Quốc tế Cộng sản trình bày nguyện vọng được trở về nước hoạt động. Ngày 6-6-1938, Người

gửi thư cho đồng chí Manuilxki: "Đồng chí thân mến. Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ bảy việc tôi bị bắt giữ ở Hồng Kông. Đó cũng là ngày mở đầu năm thứ tám tình trạng không hoạt động của tôi. Nhân dịp này, tôi viết thư gửi đồng chí để xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này. Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó. Hoặc là giữ tôi ở lại đây. Hãy giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị với đồng chí là đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng. Tôi sẽ rất biết ơn đồng chí, thưa đồng chí thân mến, cho phép tôi được hội kiến. Tôi tin rằng như vậy sẽ tốt hơn. Đã từ lâu rồi đồng chí không gặp tôi".

Và sau khi có ý kiến phê duyệt của cấp trên, đồng chí Lin được dự kiến trở về hoạt động công tác đảng trong nước, ngày 8-6-1938, Phòng tổ chức cán bộ của Quốc tế Cộng sản cũng đã có công văn gửi đồng chí Dimitoróp đề nghị giải quyết dứt điểm cho đồng chí Lin về nước công tác. Với ý kiến phê duyệt ngày 9-8-1938: "Cần đưa tất cả những người Đông Dương về vị trí sắp xếp của Đảng Cộng sản Đông Dương" và ý kiến

của V.I. Vaxiliêva gửi lên Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản: "Đồng chí Lin là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, là người có uy tín trong Đảng Cộng sản Đông Dương, nay từ đây về thì Đảng sẽ chăm chú lắng nghe những ý kiến của đồng chí ấy". Ngày 30-9-1938, Trưởng phòng cán bộ NINKP Nôvicôp của Viện Nghiên cứu của các vấn đề dân tộc và thuộc địa đã ký Công văn số 60 (mật) chứng thực sinh viên mang số hiệu 19 (Lin) đã rời khỏi biên chế của Viện từ ngày 29-9-1938 để trở về nước.

Trong gần 5 năm (1934 -1938), từ khi mới đặt chân lên Mátxcova, cho đến khi Người rời đó trở về nước, Nguyễn Ái Quốc đã phải sống trong bầu không khí nghi ngờ bao trùm, trong những xáo động của Quốc tế Cộng sản, trong cuộc thanh trừng đầy căng thẳng của Đảng Cộng sản Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Stalin, v.v.. Thực tế, dù rất phiền lòng, nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn chấp hành theo quyết định của cấp trên. Nữ đồng chí V.I. Vaxilieva từng nhận định: Anh ấy bình thản tiếp nhận sự chỉ trích trong các mối quan hệ của mình. Trong một hoàn cảnh cụ thể, Người đã biết kiên trì chờ đợi và không vô vọng. Cuối cùng, chỉ đến khi Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô năm

1938, chỉ đến khi những việc Người đã làm, những vấn đề thuộc về tư tưởng và lý luận mà Người nêu ra được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn, thì những hồ nghi này mới thực sự khép lại.

Sau này, đánh giá về những tháng ngày đầy cam go thử thách của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình sống, làm việc để giúp những người đồng chí của mình hiểu đúng bản thân; sự kiên nhẫn của Nguyễn Ái Quốc trong việc chấp nhận hoàn cảnh và ý thức chấp hành quyết định của tổ chức; tinh thần vượt qua những khó khăn của giai đoạn lịch sử này trong cuộc đời hoạt động cách mạng rất đỗi vinh quang, song cũng nhiều thăng trầm của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, J.Lacouture nhận định: Trong những năm 1934-1938, Hồ Chí Minh đã chăm chỉ học tập nhất trong đời mình, tránh những cuộc tranh chấp, thanh trừng đang diễn ra gay gắt trong Đảng Cộng sản Liên Xô và Quốc tế Cộng sản.

Và trong cuốn sách *Hồ Chí Minh những năm tháng lưu lạc (1919 -1941)*, Sôphie Quyn Judge cũng từng nêu ra ý kiến: khó có thể hình dung một người cộng sản lão làng như Hồ Chí Minh có thể lại tiếp tục hoạt động trong thời kỳ điên khùng này. Sự sống sót của

ông qua những tháng năm tồi tệ nhất của cuộc thanh trừng đã không chỉ chứng tỏ sự chịu đựng, mà còn chứng minh bản lĩnh cách mạng phi thường của Nguyễn Ái Quốc. Bằng trí tuệ, phong cách sống, tinh thần làm việc và sự tin yêu giúp đỡ của những người đồng chí, những cấp trên của Nguyễn Ái Quốc ở Quốc tế Cộng sản khi đó; bằng sự kiên nhẫn chờ đợi, với niềm tin mãnh liệt và kiên định của mình, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện được mục tiêu của mình.

Luận giải điều này, dù viện dẫn nhiều lý do: thái độ khôn khéo, biết chấp nhận hoàn cảnh, không thụ động của Nguyễn Ái Quốc; sự giúp đỡ của Manuinxki, một đồng chí lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản và V.I.Vaxilieva, một người đồng chí am hiểu Đông Dương, thẳng thắn trung thực của Quốc tế Cộng sản đối với Nguyễn Ái Quốc, v.v.; song có thể khẳng định rằng: Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một con người đặc biệt. Càng khó khăn và thử thách, Người càng bình tĩnh, tự tin đến lạ thường. Chỉ có sức mạnh nội lực như vậy, chỉ có nghị lực, sự kiên trì đường lối, trực giác chính xác và luôn tìm được lối thoát khi ở vào những hoàn cảnh khó khăn, Nguyễn Ái Quốc mới tránh được những xáo

trộn mạnh mẽ của Quốc tế Cộng sản và sự thanh trừng, để vượt qua thử thách trong những năm 1934-1938.

Đầu tháng 10-1938, Người đáp xe lửa từ Mátxcova, vượt qua biên giới Xô - Trung đến Urumsi (thủ phủ của Tân Cương, Thiểm Tây), rồi đi Lan Châu (thủ phủ của Cam Túc). Tại đây, Người mang tên Hồ Quang, cấp bậc thiếu tá. Từ Lan Châu, Người đã đi Tây An theo đường dây của Đảng Cộng sản Trung Quốc, sau đó đến Diên An. Sau hai tuần ở Diên An, Nguyễn Ái Quốc quay lại Tây An, đi xuống Quảng Tây, tìm cách về gần Tổ quốc. Dừng chân tại Quế Lâm (Quảng Tây), với bí danh Hồ Quang, Người làm việc tại Văn phòng Bát lộ quân số 96, đường Trung Sơn Bắc, Quế Lâm, đồng thời tìm cách liên lạc với trong nước.

Trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, nêu những thông tin tình hình của bản thân và tình hình chính trị ở Đông Dương. Đồng thời, Người viết loạt bài *Thư từ Trung Quốc*, cảnh báo họa xâm lược của bọn phát xít Nhật ở châu Á; nêu rõ những hoạt động phá hoại của bọn tởrớtxkit ở Trung Quốc, gián tiếp báo động về những hoạt động của chúng ở Việt

Nam, nhằm nhắc nhở, giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao tinh thần cảnh giác, không thỏa hiệp với chúng trong bất cứ vấn đề nào.

Tiếp đó, Người cũng gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, trực tiếp truyền đạt tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, đặc biệt là những ý kiến về: khẩu hiệu đấu tranh; công tác mặt trận; vai trò lãnh đạo của Đảng; giáo dục nội bộ; quan hệ quốc tế của Đảng trong thời kỳ thực hiện Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Tháng 2-1939, Nguyễn Ái Quốc rời Quế Lâm, tham gia lớp huấn luyện du kích tại Nam Nhac thuộc Hành Dương, tỉnh Hồ Nam. Sau khi rời Hồ Nam, Người trở về Quế Lâm và đi Long Châu (một huyện nằm ở biên giới Việt - Trung, tỉnh Quảng Tây) để bắt liên lạc với người từ trong nước sang, nhưng không thành. Trong khoảng thời gian từ tháng 10-1939 đến cuối tháng 11-1939, Người di chuyển liên tục từ Quế Lâm đi Liễu Châu, đi Long Châu (Quảng Tây), đi Quý Dương (Quý Châu) và đi Côn Minh (Vân Nam) rồi đến Trùng Khánh. Tại Trùng Khánh, Nguyễn Ái Quốc thường gặp gỡ Chu Ân Lai.

Cuối tháng 11-1939, Nguyễn Ái Quốc tìm đường đi Côn Minh, và tại đây, nhờ sự giúp

đỡ của các đồng chí trong Tỉnh ủy Vân Nam, Người bắt được liên lạc với Ban Chỉ huy ở ngoài nước của Đảng ta. Cuối tháng 2-1940, Nguyễn Ái Quốc gặp đồng chí Phùng Chí Kiên tại nhà ông Tổng Minh Phương, số 77, đường Kim Bích, thành phố Côn Minh. Tháng 4-1940, Người đã cùng đồng chí Phùng Chí Kiên đi thăm một số cơ sở cách mạng dọc tuyến đường xe lửa Côn Minh - Hà Khẩu. Sau đó, với bí danh đồng chí Vương, Người đến Thuý Hồ (6-1940) gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp từ trong nước sang và giới thiệu các đồng chí Cao Hồng Lĩnh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đi học chính trị dài hạn ở Diên An. Tuy nhiên, Người đã kịp thời hoãn lại kế hoạch đó vì tình hình thế giới có nhiều biến động. Đang ở Côn Minh, nhưng khi nghe tin phát xít Đức tấn công Pháp (15-6-1940) và Chính phủ Pétan đầu hàng (22-6-1940), Nguyễn Ái Quốc quyết định triệu tập cuộc họp tại trụ sở báo *Đ.T.* (trước đó là tờ *Truyền tin*) và nhấn mạnh: "Đây là thời cơ thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước để tranh thủ nắm thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng". Hội nghị tán thành ý kiến của Người và quyết định tìm mọi cách về nước.

Cuối tháng 6-1940, Người cử đồng chí Trần Văn Hình đi Diên An để thiết lập mối quan hệ với quốc tế. Còn Người đi Trung Khánh gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, sau đó trở lại Côn Minh, định trở về nước theo hướng Côn Minh - Lào Cai. Tuy nhiên, việc trở về Tổ quốc bằng tuyến đường này đã không thực hiện được. Tháng 10-1940, Nguyễn Ái Quốc lại cùng một số đồng chí rời Côn Minh đi Quế Lâm (Quảng Tây) tìm đường trở về nước. Tại đây, để có danh nghĩa hoạt động, Người cho lập lại *Việt Nam độc lập đồng minh* - tổ chức chính trị chống đế quốc của người Việt Nam (được phép chính quyền Tưởng Giới Thạch cho thành lập từ năm 1935 tại Nam Kinh), và mời ông Hồ Học Lãm làm Chủ nhiệm văn phòng hải ngoại của tổ chức.

Trước những biến động của tình hình thế giới, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (11-1940) họp, đã khẳng định: "Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành

lấy quyền tự do độc lập"¹. Hội nghị quyết định việc tiếp tục duy trì đội du kích Bắc Sơn, hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ, chấp nối liên lạc với Quốc tế Cộng sản và bộ phận hải ngoại của Đảng. Công việc trọng yếu này Đảng giao đồng chí Hoàng Văn Thụ phụ trách...

Hạ tuần tháng 12-1940, Nguyễn Ái Quốc cùng một số cán bộ rời Quế Lâm đi xuống Tĩnh Tây. Vài ngày sau Tết dương lịch năm 1941, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Tân Khư (Tĩnh Tây). Thay mặt Trung ương Đảng, đồng chí báo cáo với Người tình hình trong nước, những công việc đang thực hiện và kế hoạch chuẩn bị cho Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám; đồng thời đề nghị Người nên chọn hướng Cao Bằng để về nước. Một ngày sau, Người cùng Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp được đồng chí Hoàng Sâm dẫn đường, qua Nậm Bo xuống Nậm Quang (sát biên giới Việt - Trung).

Tại Nậm Quang, Nguyễn Ái Quốc mở lớp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 58.

huấn luyện cho 43 cán bộ cách mạng Việt Nam và kết thúc vào khoảng giáp Tết âm lịch. Người cùng Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, Thế An và Hoàng Văn Lộc gấp rút chuẩn bị về nước. Ngày mùng 1 Tết Tân Tỵ (1941), Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí trong đoàn đi chúc Tết nhân dân hai làng Nậm Quang và Ngàn Táy. Ngày hôm sau 28-1-1941 (tức mùng 2 Tết), đoàn rời Nậm Quang trở về nước. Như vậy, sau bao nhiêu năm thương nhớ, đợi chờ, Người đã vượt qua cột mốc biên giới 108, cùng các đồng chí cùng đi về đến xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

*

* *

Sau gần 30 năm bôn ba tìm đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, một lãnh tụ của Đảng Cộng sản Đông Dương, một người chiến sĩ cộng sản quốc tế. Trong những năm tháng gian lao ấy, từng phải chịu cảnh tù đầy, từng bị hiểu lầm, song kiên định con đường đã lựa chọn, kiên nhẫn chờ đợi cơ hội để thực hiện khát vọng của mình, Nguyễn

Ái Quốc đã thể hiện tầm nhìn của một vị lãnh tụ cách mạng không chỉ nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin mà Người còn sâu sát thực tế, vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý cách mạng đó vào điều kiện cụ thể của đất nước mình.

Lịch sử đã lùi xa, song suốt gần 30 năm hoạt động ở nước ngoài, thì những năm 1934 -1938 là một khoảng lặng buồn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh như chính Người đã từng viết cho một người bạn ở Quốc tế Cộng sản: "Xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này". Khoảng lặng đó, với những tác động từ hoàn cảnh bên ngoài, càng giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về con người Hồ Chí Minh, luôn kiên định, vượt lên mọi khó khăn, thử thách và Người đã chiến thắng.

VI

TỪ PÁC BÓ ĐẾN BA ĐÌNH (1941 - 1945)

Về nước và ở lại nhà ông Máy Lý một thời gian ngắn, ngày 8-2-1941, Người bắt đầu sống và làm việc tại hang Cốc Bó, thôn Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Cuối tháng 3-1941, do bị địch lùng sục, Người rời Pác Bó sang Khuổi Nặm. Trong tháng 4-1941, Nguyễn Ái Quốc nhiều lần vượt qua biên giới, trở lại Tĩnh Tây và nhận được sự giúp đỡ quý báu của những người dân nơi biên khu Trung Quốc. Cuối tháng 4-1941, theo đề nghị của Người, một hội nghị cán bộ tỉnh Cao Bằng được triệu tập, để tổng kết kinh nghiệm tổ chức thí điểm các hội quần chúng như: Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc... nhằm tiến tới thành lập Mặt trận Việt Minh trong toàn quốc.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941), với sự tham gia của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, một số đại biểu Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ (Bùi San, Hồ Xuân Lưu) và đại biểu hoạt động ở ngoài nước.

Hội nghị đã bàn và thông qua nội dung "thay đổi chiến lược", "thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân Đông Dương" và xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương, nên phải tập trung vào nhiệm vụ: "Đánh đuổi Pháp - Nhật, làm cho xứ Đông Dương độc lập". Hội nghị nhận định: "Cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"; vì vậy, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia - dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được.

Tiếp tục tinh thần của văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới của Đảng* (10-1936), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương* (11-1939), và *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương* (10-1940), Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian...,

sau này sẽ tiến lên thực hiện đầy đủ chính sách người cày có ruộng. Hội nghị chủ trương giải quyết vấn dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương; bàn về vấn đề chính quyền và nêu khẩu hiệu "thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa", v.v..

Kết luận, Hội nghị khẳng định: "Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang"¹. Và để tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, tranh thủ mọi lực lượng yêu nước có thể tranh thủ, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù, Hội nghị quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

Ngày 19-5-1941, *Mặt trận Việt Minh* chính thức ra đời với *Tuyên ngôn* và *Chương trình* cụ thể. Để nhấn mạnh mục tiêu giải phóng dân tộc, tất cả tên của các tổ chức quần chúng đều được gọi là Hội Cứu quốc, nhằm thực hiện hai mục tiêu của toàn thể quốc dân:

1- Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập.

2- Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do.

Đồng thời, *Mười chính sách lớn* của Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.129.

Minh về đối nội và đối ngoại, thể hiện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và ngoại giao, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân cũng được nêu rõ, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ngày càng phát triển.

Theo đề nghị của Người, Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới, cử đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư và Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt.

Nội dung Nghị quyết Trung ương 8 và sự thay đổi chiến lược cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng trong việc giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và giai cấp, dân tộc và dân chủ trong điều kiện cụ thể của nước ta, chính là sự hoàn chỉnh nội dung các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 và Hội nghị Trung ương 7 trước đó. Sự thay đổi chiến lược một cách kịp thời, đầy sáng tạo của Hội nghị Trung ương 8 đã đáp ứng được khát vọng độc lập, tự do của toàn dân tộc, phù hợp với bối cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. *Điều đó thực chất là sự trở về với tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường của cách mạng Việt Nam đã được nêu ra trong Chánh cương, Sách lược văn tắt từ đầu năm 1930.*

Việc hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, giương cao ngọn cờ độc lập, tự do, thành lập chính thể dân chủ cộng hòa, phù hợp với tình hình mới đã thể hiện tư duy độc lập, tự chủ, tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của Hội nghị Trung ương 8, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc. Những quyết định kịp thời, tài tình của Người và Trung ương Đảng tại Hội nghị đã trở thành một trong những nhân tố quan trọng, góp phần to lớn vào thành công của công cuộc vận động giải phóng dân tộc trong những năm 1941-1945.

Trên cơ sở sự chuyển hướng chiến lược này, trong *Lời kêu gọi đồng bào*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích những nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa trước đây và kêu gọi nhân dân đoàn kết để có sức mạnh đánh đuổi Pháp - Nhật. Sau Hội nghị Trung ương 8, ngày 6-6-1941, Người viết *Kính cáo đồng bào*, nhấn mạnh việc phải đoàn kết lại để đánh đổ bọn đế quốc và Việt gian, dang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng. Việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm, với tinh thần: "Toàn thể đồng bào tiến lên. Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật" và kiến lập chính thể "dân chủ cộng

hòa".

Để góp phần đẩy mạnh tuyên truyền, cổ động quần chúng thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, động viên nhân dân tích cực tham gia các hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, tích cực xây dựng và phát triển căn cứ địa cách mạng, Nguyễn Ái Quốc quyết định xuất bản báo *Việt Nam độc lập*, gọi tắt là *Việt lập*. Số 1 của báo ra ngày 1-8-1941, được đánh số 101, với mục đích kế tục sự nghiệp của các tờ báo cách mạng xuất bản trước đó. Từ ngày 1-8-1941 đến Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, báo ra được 226 số. Sau đó, báo tiếp tục được xuất bản và chuyển thành cơ quan ngôn luận của tỉnh Cao Bằng.

Nội dung của báo nhấn mạnh các vấn đề: đẩy mạnh việc cổ động, tuyên truyền, tổ chức nhân dân vào các hội cứu quốc của Việt Minh; chĩa mũi nhọn đấu tranh vào phát xít Nhật - Pháp và bè lũ tay sai; hướng dẫn cách tổ chức các đội du kích, đội tự vệ; cách vận động binh lính; công tác đào tạo đội ngũ và hướng dẫn phương pháp tự rèn luyện cho cán bộ hội viên. Tuy chỉ in với số lượng vài trăm bản, phát hành trong phạm vi vài ba tỉnh, nhưng báo *Việt Nam độc lập* được quần chúng yêu mến. Cùng nhiều tờ báo cách mạng khác phát hành trong thời kỳ đó, báo *Việt*

Nam độc lập góp phần phát động toàn dân tiến tới Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

Thời gian này, Nguyễn Ái Quốc mở những lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ địa phương. Người yêu cầu chọn một số thanh niên Cao Bằng gửi đi học lớp vô tuyến điện ở Liễu Châu (Trung Quốc), đồng thời giao cho Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm cùng cộng tác mở lớp huấn luyện quân sự, quyết định tổ chức một đội vũ trang, v.v.. Người cũng biên soạn các cuốn sách *Cách đánh du kích*, *Lịch sử nước ta* làm tài liệu phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng.

Lịch sử nước ta được viết bằng thể thơ dân gian lục bát, dễ truyền miệng, dễ nhớ, lan rộng trong nhân dân, trong đó Người trải lòng mình, nêu những mốc quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước, đồng thời tiên tri về thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau đó: "1945: Việt Nam độc lập".

Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn ác liệt và ở Đông Dương, Pháp đã đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật, làm cho mâu thuẫn giữa các phe phái, các lực lượng, đặc biệt là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với bọn phát xít Nhật - Pháp càng thêm gay gắt, thúc đẩy tình thế cách mạng mau chín muồi. Trong bối cảnh đó, ngày 21-12-1941, Trung

ương Đảng ra thông báo về cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng. Tiếp đó, khi cơ hội giải phóng dân tộc đã đến gần, Người đã gửi vào bài thơ xuân Nhâm Ngọ năm 1942 (đăng trên báo *Việt Nam độc lập*, ngày 1-1-1942) khát vọng giải phóng dân tộc của mình:

*"... Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi!
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!..."*¹.

Xuất phát từ thực tiễn và nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề liên minh quốc tế, ngày 13-8-1942, lấy tên mới Hồ Chí Minh, Người đi Trung Quốc với tư cách là đại biểu của phong trào Việt Minh và đại diện của Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội quốc tế chống xâm lược. Tuy nhiên, ngày 27-8-1942, khi đến phố Túc Vinh (Thiên Bảo, Quảng Tây), Người bị bắt với lý do những giấy tờ tùy thân đã quá hạn sử dụng. Trong những ngày bị giam cầm, bị giải qua hơn 30 nhà lao của 13 huyện của tỉnh Quảng Tây và cuối cùng lại trở về Liễu Châu, Hồ Chí Minh đã "gây được cảm tình với vài người lính gác.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.210.

Mỗi bữa ăn xong còn thừa rau bí luộc, họ đưa cho Bác để "cải thiện sinh hoạt" phần nào. Điều tốt nhất là mỗi ngày họ bí mật quẳng vào cho Bác một tờ *Liễu Châu nhật báo*, đó là món ăn tinh thần. Nhờ đó mà Bác theo dõi được tin tức chiến sự"¹. *Ngục trung nhật ký* (Nhật ký trong tù) do Hồ Chí Minh viết bằng chữ Hán, theo thể thất tuyệt, thất luật, ngũ ngôn và tạp thể, chép trên một loại giấy bản, đóng thành tập, ghi lại những sự việc, những cảm nhận, nổi bất bình, tâm tư bị oan ức, ý chí rèn luyện, tinh thần vượt qua mọi khó khăn, niềm hy vọng vào tương lai, v.v. của Người qua hơn một năm trời bị giam cầm thiếu thốn, khổ cực, và bệnh tật đã ra đời.

Với 133 bài, không kể bài *Đề từ* ở ngoài bìa không đánh số, từ bài mở đầu *Khai quyển* (bài 1), đến bài thứ 100 chỉ có tên bài *Liễu Châu ngục* (nhà ngục Liễu Châu, nhưng không có thơ) và bài *Kết luận* (bài 133) cùng những dòng chữ cuối cùng của bài ghi chữ "hoàn", (29-8-1942 - 10-9-1943), *Nhật ký trong tù* vốn là một cuốn sổ nhật ký của Hồ Chí Minh được viết trong những lúc nhàn rỗi, cho khuây khỏa, chứ đó không phải là chủ

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr. 85.

đích sáng tác như Người từng viết:

"Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do"¹.

Là những bài thơ tù giản dị, phản ánh một hiện thực nghiệt ngã, nhưng *Nhật ký trong tù* chứa đựng bao nhiêu điều phong phú, lớn lao như chính cuộc đời Hồ Chí Minh. Nó góp phần làm nên "nhà thơ lỗi lạc Hồ Chí Minh". Tâm tư và nỗi "đã bực lại buồn thay" của Người khi bị oan ức, khi bị giải tới, giải lui: "Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức. Giải đến bao giờ, giải tới đâu?"², v.v. đã lắng lại, để làm nổi lên chân dung một người chiến sĩ cách mạng và tâm hồn, trí tuệ của một nhà văn hóa lớn. Hình ảnh Hồ Chí Minh toả sáng từ vẻ đẹp của những bài thơ, bởi một tâm hồn thơ, bởi sự kiên trung trong ý chí, tinh thần lạc quan cách mạng. Tinh thần nhân đạo, lòng yêu nước, yêu thương con người vô bờ bến của người cộng sản Hồ Chí Minh thấm đẫm qua từng trang viết của *Nhật ký trong tù*.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Nhật ký trong tù*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.85, 215.

Ra đời trong bối cảnh từ cuối năm 1942 đến cuối năm 1943, trước hết, 133 bài thơ này không chỉ ghi lại cuộc hành trình gian khổ "Quảng Tây đi khắp mười ba huyện. Mười tám nhà lao đã trải qua" của người tù Hồ Chí Minh, mà còn phản ánh nhiều sự kiện chính trị của thế giới, của Trung Quốc và Việt Nam diễn ra trong thời kỳ đó, gắn liền với các địa danh của tỉnh Quảng Tây và các nhân vật trong Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu Quảng Tây. Theo GS. Song Thành: *Nhật ký trong tù* phản ánh tâm hồn đại trí, đại nhân, đại dũng của một nhà cách mạng đã vượt lên mọi sự đày ải của kẻ thù, vượt qua mọi thử thách, giữ vững khí phách kiên cường, tinh thần lạc quan và lòng nhân ái vô song của một nhà cách mạng đối với nhân loại đau thương, bất kể họ là ai, nguồn gốc thế nào.

Vì *Nhật ký trong tù* ghi lại những cảnh sinh hoạt trong tù, sự khắc nghiệt vô nhân đạo của chế độ nhà tù Tưởng Giới Thạch, nên rất cẩn thận Hồ Chí Minh đã viết ở ngoài bìa lùi lại 10 năm: 29-8-1932 - 10-9-1933. Tuy nhiên, ở cuối sách, bài *Kết luận* (bài 133) trang 53 (bản gốc), trên chữ "hoàn" (hết), Hồ Chí Minh vẫn đề rõ: 29-8-1942 - 10-9-1943.

Cũng theo ông Hồ Đức Thành và Lê Tùng Sơn, những người đã từng được nghe Hồ Chí Minh đọc thơ hoặc cho xem bản thảo tập *Ngục trung sinh hoạt*, thì sau khi *Nhật ký trong tù* ra công khai, "có một số câu, một số chữ ban đầu có khác với chính bản đã được tác giả sửa chữa và công bố sau này".

Tháng 8-1944, Hồ Chí Minh trở về nước, bắt đầu hành trình lưu lạc và quá trình dịch, công bố tác phẩm này. Đến tháng 5-1960, bản dịch đầu tiên của *Nhật ký trong tù* đã kịp ra mắt bạn đọc rộng rãi nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với số lượng hơn 10 vạn bản. Bản dịch đầu tiên mới chỉ chọn dịch, đưa in có 114 bài trong tổng số 133 bài của *Ngục trung nhật ký*, không kể bài *Mới ra tù tập leo núi* vốn ở ngoài 133 bài của tập *Nhật ký trong tù*. Trong các lần xuất bản sau, bản dịch đã có sự chỉnh lý và bổ sung thêm, đến cuốn *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù* (Nxb. Giáo dục, 1993) thì toàn bộ 133 bài của tập *Nhật ký trong tù* đều đã được dịch, từ bài *Đề từ* không đánh số, bài *Khai quyển* - bài 1 đến bài *Kết luận* - bài 133 (tính cả bài *Mới ra tù tập leo núi* mới là 134 bài, vì bài *Liễu Châu ngục* - bài 100 trong nguyên cáo tuy có đầu đề, nhưng không có

bài thơ).

Vượt không gian và thời gian, ngay từ khi mới được dịch và công bố năm 1960, *Nhật ký trong tù* đã được dịch và xuất bản bằng nhiều thứ tiếng. Đầu tiên, Trung Quốc đã chọn in 100 bài trong nguyên thảo, xuất bản để chào mừng kỷ niệm sinh nhật lần thứ 70 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau đó, *Nhật ký trong tù* đã lần lượt được dịch và xuất bản ở Nga (1960), Mông Cổ (1962), Ba Lan (1962), Pháp (1963), Hunggari (1969), Đan Mạch (1970), Mỹ (1971), Tiệp Khắc (1973), Nam Tư (1975), Cộng hòa Dân chủ Đức (1976), Anh (1962 và 1972), Hàn Quốc (2007) và còn được dịch ra tiếng Nhật, tiếng Ả-rập, quốc tế ngữ, v.v.. Hiện tại, trong kho cơ sở của Bảo tàng Hồ Chí Minh đã có 20 bản sách *Nhật ký trong tù* được dịch và xuất bản ở nước ngoài.

Nhật ký trong tù là một tác phẩm văn học vô giá của Hồ Chí Minh, khi công bố đã gây tiếng vang lớn trên văn đàn quốc tế, đã chinh phục người đọc bởi những cảm xúc chân thật, chất phác, đậm đà của một người chiến sĩ cộng sản, một nhà văn hóa lớn. Dịch giả Phan Nhuận cho rằng, ánh sáng đã phát ra từ sự đau khổ, đã tạo nên lý trí và tình cảm, đã tạo nên con người hoạt động và nhà thơ Hồ Chí Minh. Còn nhà thơ Xuân Diệu, thì khẳng định rằng:

"*Nhật ký trong tù* đứng vô song trong văn học nước ta, vì nó là những tiếng tâm hồn của Hồ Chủ tịch"¹. Vì đó "là một ngọn đèn pha từ ngục tối của ngày xưa đã chiếu sáng cái vĩ đại của Bác Hồ ngày nay là Chủ tịch nước", nên *Nhật ký trong tù* là những bài thơ đẹp nhất của một bản hùng ca, một bài thơ sống, bài thơ vĩ đại của một con người hành động, "đã viết bài thơ hành động, tạo nên bản hùng ca giải phóng nhân dân"².

Không chỉ có thế, Jean Lacouture còn nhận định: "Nhân cách, học vấn và số phận kỳ lạ của Cụ Hồ được thể hiện một cách khác thường trong các bài thơ ấy"³; và trong bài viết cho bản dịch thơ *Nhật ký trong tù* bằng tiếng Đức (Cộng hòa Dân chủ Đức), Echae Secno cũng nhấn mạnh: "*Nhật ký trong tù* là sự bộc lộ bằng văn học của một nhân vật cách mạng sống, có vốn học thức phi thường". Lelio Basso, Giáo sư xã hội học trường Đại học Rôma - Italia viết rằng: viết trong lúc chờ đợi tự do, "những bài thơ trong tập *Nhật ký trong tù* do Người viết bằng chữ Hán trong

1. Xuân Diệu: *Yêu thơ Bác*, Tạp chí *Văn học*, số 5-1996, tr.1-11.

2. Axtorôgindô Pêrêira: *Đọc Nhật ký trong tù*, Báo *Nhân dân chủ nhật*, ngày 21-1-1962.

3. J. Lacouture: *Ho Chi Minh*, Seuil, Paris, 1967, p.62-63.

thời kỳ này và cũng là một trong các hoạt động cách mạng hằng ngày"¹; và nhà thơ lớn Trung Quốc Quách Mạt Nhược khẳng định: "Một trăm bài thơ hầu hết bài nào cũng đều toát ra hết sức sinh động hình ảnh một nhà cách mạng lão thành, thanh thoát, tài trí, ung dung, giản dị, kiên cường - ấy là đồng chí Hồ Chí Minh. Thật là, "thi ư kỳ nhân" - thơ như người vậy... Có một số bài rất hay, nếu như đặt lẫn vào một tập thơ của các thi nhân Đường - Tống thì cũng khó phân biệt"².

Nhật ký trong tù gắn với hành động, tên tuổi của nhà hoạt động cách mạng và người chiến sĩ cộng sản quốc tế Hồ Chí Minh, là sự thể hiện một tư tưởng nhất quán trong con người Hồ Chí Minh: "không tách rời thơ ca với thực tiễn cách mạng, kết hợp người chiến sĩ và nhà thơ cách mạng ở một con người" như Tiến sĩ văn học Nga N.I.Niculin từng viết. Vì vậy, *Nhật ký trong tù* làm sáng ngời chân dung một người cộng sản kiên cường, với ý chí, quyết tâm cao độ và niềm tin mãnh liệt vào tương lai. Những gian truân, vất vả trong

1. *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979, tr.539-542.

2. Quách Mạt Nhược: *Cảm tưởng sau khi đọc tập thơ Nhật ký trong tù*, Báo Nhân dân, ra ngày 13-11-1960.

cảnh lao tù, nỗi lòng Người khi nhớ về Tổ quốc, về nhân dân và các đồng chí hiện lên qua những câu thơ đã hiển hiện ý chí cách mạng, tâm hồn một người chiến sĩ cộng sản đầy bản lĩnh. Được thể hiện bằng ngôn ngữ giản dị mà hàm súc, trong một bút pháp đa dạng và lấp lánh như một viên ngọc quý, *Nhật ký trong tù* gắn với tên tuổi Hồ Chí Minh - nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX.

Ngày 10-9-1943, Hồ Chí Minh được trả tự do, nhưng vẫn bị quản chế. Về sự kiện này, trong tác phẩm *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Người viết: "Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước không được, Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày 10 bước, dù đau mà phải bò, phải lết, cũng phải được 10 bước mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đỉnh núi, Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán như sau:

*"Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân"*¹.

Bài thơ *Tân xuất ngục học đặng sơn* được Hồ Chí Minh viết lên mép của tờ *Quảng Tây*

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr.86.

nhật báo, rồi gửi về nước kèm theo một bức thư, báo tin Người đã được trả tự do, song vẫn bị quản chế với tư cách "cố vấn", để đoàn thể ở trong nước cần có sự vận động tích cực, giúp Người được trả tự do hoàn toàn.

Cuối tháng 10-1943, theo yêu cầu của Trương Phát Khuê, Hồ Chí Minh tham gia một số hoạt động của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội - tổ chức của người Việt Nam tại Trung Quốc, gồm nhiều đảng phái, được sự hỗ trợ của Đệ tứ chiến khu, do tướng Trương Phát Khuê trực tiếp chỉ đạo. Để tranh thủ uy tín, đức độ và tài năng của Hồ Chí Minh, thực hiện kế hoạch hợp tác với Việt Minh, triển khai "Hoa quân nhập Việt", Trương Phát Khuê đề nghị Hồ Chí Minh hợp tác với Nguyễn Hải Thần - lãnh tụ của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, để cải tổ lại tổ chức này.

Trên tinh thần nắm vững chủ trương của Đảng trong việc hợp tác với tổ chức này (Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ngày 25 đến ngày 28-2-1943), nhằm "tập trung lực lượng cách mạng Việt Nam đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp"¹, Hồ Chí Minh đã nhận lời

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.312.

tham gia tổ chức, để vừa tranh thủ, lôi kéo, vừa phân hoá những phần tử yêu nước và tiến bộ về phía cách mạng. Cuối tháng 11- 1943, Hồ Chí Minh đã chuyển đến ở tại trụ sở Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội tại đường Ngự Phong, thành phố Liễu Châu. Tại đây, Người viết bài cho báo *Đồng minh* - cơ quan ngôn luận của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, xuất bản bằng tiếng Việt ở Liễu Châu.

Tại một cuộc họp trù bị của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, theo ý kiến của Hồ Chí Minh, để đi đến thống nhất, Đại hội của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội sẽ được gọi là Đại hội đại biểu các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở hải ngoại. Tham gia Đại hội có đại biểu của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, Việt Nam Quốc dân đảng, Việt Nam Phục quốc quân, Đảng Đại Việt,... đại biểu của Quốc dân đảng Trung Hoa và chính quyền Tưởng Giới Thạch. Tại Đại hội, ngày 16-3-1944, Hồ Chí Minh đọc báo cáo *Về tình hình các đảng phái trong nước* và chỉ rõ dù có nhiều đảng phái, nhưng đảng có ảnh hưởng nhất, tổ chức chặt chẽ nhất và nổi tiếng nhất là Đảng Cộng sản. Người cũng trình bày báo cáo *Về tổ chức và hoạt động của Phân hội Việt Nam*. Sau đó, Đại hội đã bầu lại Ban

Chấp hành và Ban Kiểm tra. Hồ Chí Minh được bầu làm Ủy viên của Ban Chấp hành. Trên cương vị này, Người thảo kế hoạch đưa lực lượng thanh niên trong lớp huấn luyện đặc biệt ở Liễu Châu về nước phát triển lực lượng. Tiếp đó, tranh thủ sự đồng tình của Trương Phát Khuê, ngày 9-8-1944, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu. Cuối tháng 9-1944, Người về đến Cao Bằng.

Ngay sau khi về nước, nhận thấy các điều kiện cần thiết cho một cuộc khởi nghĩa chưa đến độ chín muồi, Người đã kịp thời hoãn chủ trương phát động chiến tranh du kích của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Theo Người, trước tình thế mới, cần phải tìm một hình thức thích hợp thì mới có thể đi tới thành công; vì vậy, quyết định kịp thời của Người không chỉ tránh tổn thất cho phong trào cách mạng của ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng, mà còn vạch ra một hướng đi phù hợp, đúng đắn của một phương pháp đấu tranh trong thời điểm then chốt của lịch sử dân tộc.

Trước tình hình thế giới, những điều kiện thuận lợi và khó khăn của cách mạng Việt Nam, tháng 10-1944, Hồ Chí Minh viết *Thư gửi đồng bào toàn quốc* và dự đoán thời cơ của cách mạng Việt Nam như sau: "Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm

hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!"¹.

Tình thế cách mạng đang chín muồi, cuối tháng 10-1944, Hồ Chí Minh đến kiểm tra Đại đội tự vệ vũ trang² chiến đấu Hồng Phong (tên bí mật của châu Hà Quảng). Sau khi phân tích tình hình và cân nhắc những điều kiện, chuẩn bị cho ngày "vùng lên", Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm kết hợp hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đẩy mạnh phong trào cách mạng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Người chỉ rõ: lực lượng vũ trang muốn phát triển, chủ yếu phải dựa vào nhân dân, dựa vào phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Các đoàn thể cách mạng của quần chúng càng được củng cố và phát triển thì càng tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang. Theo tinh thần đó, Người quyết định thành lập *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân* và giao đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách.

Mục đích và nguyên tắc tổ chức đội được

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 506.

2. Xem: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.2, tr.222.

nêu rõ trong bản chỉ thị thành lập là: "Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền... Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam"¹. Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập tại khu rừng Sam Cao (còn gọi là Trần Hưng Đạo), thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, gồm 34 đội viên do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Thực hiện lời căn dặn "trận đầu phải thắng" của Người, Đội đã lập liên tiếp hai chiến công oanh liệt: hạ đồn Phai Khắt ngày 25-12-1944 và đồn Nà Ngần ngày 26-12-1944, mở đầu truyền thống anh dũng vẻ vang của Quân đội ta. Thắng lợi mở đầu của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân có ảnh hưởng to lớn đối với phong trào cách mạng cả nước.

Sự ra đời và những hoạt động của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là một biểu hiện sinh động của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh. Đây vừa là sự kế thừa, phát triển di sản quân sự truyền thống của cha ông ta trong lịch sử, vừa là sự tiếp thu và vận dụng sáng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 507-508.

tạo tư tưởng lý luận quân sự hiện đại của học thuyết Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Là quân đội của nhân dân do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, trong suốt chặng đường lịch sử xây dựng và phát triển sau đó, Quân đội ta luôn nhận được từ Người sự quan tâm đặc biệt. Theo mỗi bước trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên họ trước mỗi trận ra quân chưa giành được thắng lợi; viết thư thăm hỏi, chia sẻ nỗi đau thương mất mát với những thương bệnh binh và gia đình liệt sĩ, dành huy hiệu, phần quà và cả sổ tiết kiệm của mình tặng cho những người chiến sĩ, đồng thời viết thư khen ngợi và động viên kịp thời những thành tích của bộ đội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm chăm sóc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự nỗ lực đoàn kết của toàn quân, đoàn kết quân dân và đoàn kết quốc tế, Quân đội ta đã góp phần to lớn vào thắng lợi chung của dân tộc, luôn xứng đáng với lời khen tặng của Người: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng

đánh thắng"¹.

Tiếp đó, từ thực tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã có những sáng tạo kịp thời trong việc xây dựng lực lượng cách mạng và căn cứ địa cách mạng để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giành chính quyền. Sự ra đời, phát triển và ảnh hưởng rộng rãi của Mặt trận Việt Minh ở khắp các vùng từ miền núi xuống đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng mở rộng vai trò lãnh đạo trong phong trào quần chúng. Các tổ chức cứu quốc của Việt Minh phát triển, phong trào đấu tranh chống Pháp - Nhật trong cả nước lên cao.

Thanh niên, trí thức, sinh viên được sự giúp đỡ của những người cộng sản đã lập ra *Đảng Dân chủ* và gia nhập Việt Minh. Sự phát triển của đội quân chính trị ngày càng hùng hậu, sự kết hợp của tự vệ cứu quốc, Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành *Việt Nam Giải phóng quân* đã tạo cho phong trào cách mạng Việt Nam một sức mạnh mới. Quá trình xây dựng lực lượng gắn liền với sự phát triển của phong trào quần chúng, với những khẩu hiệu và hình thức đấu tranh thích hợp đã cổ vũ mạnh mẽ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.350.

nhân dân cả nước trong đấu tranh cách mạng và thông qua đấu tranh để phát triển lực lượng. Phong trào kháng Nhật cứu nước phát triển, chiến tranh du kích, chiếm căn cứ địa, mở rộng và phát triển các khu căn cứ địa cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh là phương pháp tích cực nhất để huy động lực lượng của toàn dân cho một cuộc khởi nghĩa dân tộc sắp tới.

Bước sang năm 1945, tình hình thế giới càng có nhiều thay đổi quan trọng. Nhảy cảm trước những chiều hướng phức tạp, sự đan xen của các lực lượng chính trị quốc tế trong vấn đề Đông Dương, đặc biệt là ý đồ đặt Đông Dương dưới sự ủy trị quốc tế do Mỹ và Trung Hoa giữ vai trò chủ yếu (thông qua Tuyên bố của Hội nghị Cairô), Hồ Chí Minh quyết định sang Côn Minh vào tháng 2-1945. Trung úy Sao (Shaw), người được Việt Minh cứu, cùng đi với Hồ Chí Minh để trở về Bộ Tư lệnh Không quân Mỹ ở Côn Minh.

Đến trụ sở Cơ quan Không quân cứu trợ Mỹ (AGAS) tại Côn Minh, Hồ Chí Minh tranh thủ đọc sách báo, tài liệu của Cơ quan Thông tin chiến tranh Mỹ (AOWI) nhằm thu thập thông tin về tình hình thế giới. Trong thời gian ở Côn Minh, Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với S.Phen, đại diện của AGAS, gặp

Thiếu tá Pátti, đại diện Cơ quan Phục vụ chiến lược OSS và gặp Tướng Sênôn (Claire L. Chenault), Tư lệnh Không quân đoàn thứ 14. Trong cuộc gặp gỡ này, Tướng Sênôn cảm ơn Việt Minh đã cứu thoát Sao, còn Hồ Chí Minh thì cho rằng đó là bổn phận của những người chống phát xít, giúp đỡ quân Đồng minh. Hồ Chí Minh được Tướng Sênôn tặng một bức ảnh có chữ ký "*Tướng Sênôn*" và dòng đề tặng: "*Bạn chân thành của ông!*".

Thông qua những cuộc gặp gỡ với Hồ Chí Minh, phía Mỹ đã hiểu hơn về mục đích, tổ chức và hoạt động của Mặt trận Việt Minh và đã có những thoả thuận, cùng lời hứa giúp đỡ vũ khí, thuốc men, điện đài cho Việt Nam, đồng thời huấn luyện cho người của Việt Minh biết sử dụng các phương tiện đó. Sau này, Phelan, một nhân viên AGAS đã viết về Hồ Chí Minh khi gửi thư cho thượng cấp của mình rằng: các ngài đã không hiểu được xu hướng của Việt Minh và "Hồ là một người yêu nước đáng tin cậy và đáng được ủng hộ hoàn toàn". Còn S. Phén thì khẳng định: "Hồ Chí Minh đã trở thành một lãnh tụ tuyệt đối của một đảng cách mạng vững mạnh".

Ngay sau đó, từ Côn Minh, Hồ Chí Minh đi Bách Sắc, một thị trấn nhỏ nhưng quan trọng về chiến lược ở phía Tây Nam tỉnh

Quảng Tây tìm gặp *Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội* (lúc này đã chuyển về đây vì Liễu Châu đã bị quân Nhật chiếm đóng từ ngày 11-11-1944). Người được biết tổ chức này đã có nhiều thay đổi, Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ đã rời Đệ tứ chiến khu và Hội gần như đã ngừng hoạt động, song các nhóm Việt Minh vẫn hoạt động tích cực tại vùng biên giới. Người lựa chọn một số chiến sĩ của các nhóm Việt Minh hoạt động ở đây để cuối tháng 4-1945 cùng Người về nước. Với chuyến trở lại Côn Minh lần này, Hồ Chí Minh đã mang về một số thuốc men, lời hứa của Sênôn, đồng thời giới thiệu hình ảnh, tầm ảnh hưởng, sự lớn mạnh và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của quân Đồng minh đối với cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Trong thời gian Hồ Chí Minh đi Trung Quốc, phát xít Nhật tiến hành đảo chính lật đổ thực dân Pháp (9-3-1945), độc chiếm Đông Dương để rảnh tay đối phó với quân Đồng minh. Ngay sau đó, tình thế mới và những nhiệm vụ cần chú ý trong quá trình chuẩn bị lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành chính quyền được nêu rõ trong bản *Chỉ thị Nhật -*

Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta của Đảng ra đời ngày 12-3-1945 như: vấn đề thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng ở các nhà máy, mỏ, làng, ấp, đường, phố, v.v; thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban công nhân cách mạng ở những vùng quân du kích hoạt động, đặc biệt là việc sẽ thành lập "Ủy ban nhân dân cách mạng Việt Nam theo hình thức một Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam".

Chỉ thị nêu rõ những đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ cách mạng của Đảng và nhân dân ta trong tình thế mới. Chỉ thị đã đem đến cho phong trào cách mạng một luồng sinh khí mới. Trong cả nước, không khí gấp rút chuẩn bị sẵn sàng khởi nghĩa vũ trang, giành chính quyền khi thời cơ đến đã sẵn sàng. Dưới ánh sáng của bản chỉ thị, một cao trào đấu tranh cách mạng rộng khắp, kết hợp đấu tranh chính trị với khởi nghĩa từng phần đã phát triển khắp nơi. Tại một số nơi thuộc các tỉnh miền núi, trung du Bắc Bộ đã lập Ủy ban nhân dân cách mạng. Phong trào phá kho thóc cứu đói, theo lời kêu gọi của Đảng đã lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thời kỳ tiền khởi nghĩa đã diễn ra sôi động trong cả nước.

Cùng đó, Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp từ

ngày 15 đến ngày 20-4-1945 cũng "đề nghị triệu tập một cuộc đại biểu đại hội gồm có các giới, các đảng phái, các thân sĩ toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam". Hội nghị cũng thảo luận và quyết định việc chuẩn bị giành chính quyền, thành lập chính quyền cách mạng theo những hình thức quá độ:

1- Trong căn cứ địa, tổ chức ra Ủy ban nhân dân cách mạng do dân dùng phổ thông đầu phiếu mà bầu lên hay do đại biểu hội nghị các giới bầu lên... Các ủy ban nhân dân cách mạng đó thống nhất đến tỉnh rồi lên đến từng khu một.

2- Ngoài căn cứ địa ta chưa đánh đổ được chính quyền của địch thì tổ chức ra Ủy ban dân tộc giải phóng. Trong chiến khu, Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban giải phóng dưới quyền Bộ Tư lệnh và Ủy ban quân sự cách mạng.

Ngày 16-4-1945, Chỉ thị tổ chức các ủy ban dân tộc giải phóng các cấp của Tổng bộ Việt Minh nêu rõ: "Ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách

mạng"¹ và hướng dẫn khá cụ thể việc thành lập các ủy ban dân tộc giải phóng, ủy ban nhân dân cách mạng và ủy ban khởi nghĩa ở từng cấp, từng địa bàn khác nhau. Chỉ thị cũng đồng thời hướng dẫn cách tổ chức, điều hành ủy ban với tư cách là hình thức tiền Chính phủ trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và giao cho các ủy ban nêu trên nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức cao trào kháng Nhật, cứu nước, chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Những nội dung quan trọng trong các văn kiện nêu trên đã cụ thể hóa chủ trương của Hồ Chí Minh về việc thành lập *Ủy ban dân tộc giải phóng* - một hình thức Chính phủ lâm thời trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ những chỉ dẫn kịp thời này, dưới ngọn cờ cứu nước của Việt Minh, nhân dân ta từ "phá kho thóc giải quyết nạn đói", tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần, từng bước xây dựng chính quyền nhân dân theo các cấp độ:

1- Tại những địa bàn có thôn, xã, tổng, châu "hoàn toàn" do Giải phóng quân làm chủ, Ủy ban nhân dân cách mạng do nhân dân cử lên (thiết chế tiền Chính phủ) làm chức

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.535.

năng chính quyền đã võ trang cho quần chúng, động viên quần chúng, đồng thời dùng phương pháp cách mạng thực thi *Mười chính sách của Việt Minh*, nhằm mang lại các quyền tự do, dân chủ và cải thiện đời sống dân sinh cho quần chúng. Khi có việc đặc biệt, Ủy ban nhân dân cách mạng triệu tập toàn dân địa phương bàn bạc, quyết định. Về thực chất cũng như trên danh nghĩa, đây là một dạng dân chủ trực tiếp về tổ chức và hoạt động của chính quyền nhân dân địa phương.

2- Khu giải phóng gồm sáu tỉnh (Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái) chính thức thành lập ngày 4-6-1945, được xây dựng thành một căn cứ địa cách mạng vững chắc trên các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, v.v.. Hình thức dân chủ trực tiếp nêu trên đã chuyển thành hình thức dân chủ đại diện qua việc đại hội đại biểu toàn dân cử ra Ủy ban chỉ huy lâm thời của khu có nhiệm vụ lãnh đạo toàn khu về mọi mặt.

Hoạt động của các ủy ban, của chính quyền cách mạng ở Khu giải phóng đã đảm bảo quyền lực của nhân dân được thực hiện thông qua các cơ quan đại diện. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc sử dụng quyền lực của nhân dân, về quyền dân chủ của nhân dân không chỉ được thực thi trong thực tiễn,

mà còn khẳng định tính ưu việt, tính cách mạng của các cơ quan đại diện đó, bước đầu mang lại những lợi ích thiết thực cho đồng bào các dân tộc ở khu vực sáu tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ. Những ủy ban nhân dân cách mạng nhận sự ủy thác của nhân dân trong Khu đã dùng những phương pháp cách mạng, không chỉ động viên tinh thần dân chúng đánh Nhật, cứu nước, chinh đồn Giải phóng quân, mà còn bảo đảm những quyền tự do, dân chủ cơ bản cho nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào việc xây dựng và củng cố chính quyền.

Diện mạo của Khu giải phóng thực sự là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam dân chủ mới, bước chuyển tiếp lên chính thể dân chủ cộng hòa. Trong cuốn sách *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, luật sư Vũ Đình Hoè đã viết rằng: Hình thức chính quyền nhân dân được tổ chức và hoạt động trong thực tiễn này là "mầm mống của một chế độ pháp quyền dân chủ tư sản kiểu mới", góp phần tạo điều kiện cho quần chúng tập dượt quản lý và điều hành xã hội, tham gia quyết định những công việc quan trọng của địa phương.

Ngày 6-8-1945, được tin Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hirôsimã, Nhật Bản, Hồ Chí Minh viết nhiều thư hỏa tốc, thúc giục các đại

biểu về nhanh Tân Trào dự Hội nghị toàn quốc của Đảng. Nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của việc chớp thời cơ cách mạng, của cơ hội ngàn năm có một, ngày 10-8-1945, trong khi bàn với một số đồng chí về công tác chuẩn bị tổ chức Hội nghị, Hồ Chí Minh nói: "Nên họp ngay và cũng không nên kéo dài Hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút, tình hình chuyển biến nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội"¹.

Tiếp đó, khi điều kiện cho cuộc Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc giành chính quyền đã chín muồi, khi vua Nhật tuyên bố đầu hàng không điều kiện (14-8-1945), quân Nhật ở Đông Dương mất tinh thần và Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, tê liệt, lãnh tụ Hồ Chí Minh khẳng định: cơ hội và những điều kiện khởi nghĩa đã đến, "dân tộc ta đến lúc vùng dậy cướp lại quyền độc lập của mình".

Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, thi hành *Mười chính sách Việt Minh*. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập để thống nhất

1. Nguyễn Lương Bằng: *Tân Trào 1945-1985*, Hội Văn học nghệ thuật Hà Tuyên, 1985, tr. 52.

chỉ huy cuộc chiến đấu. 23 giờ ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 khẳng định: "Giờ tổng khởi nghĩa đã đến! Cơ hội có một không hai cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!". Vì vậy, "chúng ta phải *hành động cho nhanh*, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!"¹. Trên tinh thần đó, Hồ Chí Minh đề nghị Hội nghị sớm bế mạc để các đại biểu nhanh chóng trở về các địa phương, kịp thời mang mệnh lệnh khởi nghĩa phát động, lãnh đạo quần chúng tổ chức vùng lên giành chính quyền.

Ngay chiều ngày 16-8-1945, Quốc dân Đại hội đã kịp thời họp ở Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Với khoảng 60 đại biểu dự Đại hội, đại diện cho cả ba miền Bắc, Trung, Nam, đại diện kiều bào ta ở Lào và Thái Lan và các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc, các tôn giáo..., Quốc dân Đại hội Tân Trào họp trong đêm trước của Cách mạng Tháng Tám, thực sự là hình ảnh tiêu biểu cho khối đoàn kết nhất trí toàn dân tộc. Đại hội nhất trí việc phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.422.

hiệu triệu nhân dân toàn quốc và các đoàn thể cách mạng kịp thời đứng lên giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh được Đại hội thông qua, đã thể hiện những nội dung cơ bản của chính sách đối nội, đối ngoại và thể chế của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và khẳng định những quyền tự do, dân chủ cho nhân dân. Quốc dân Đại hội quyết định cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ủy ban này cũng như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam trước khi thành lập một chính phủ chính thức, thay mặt quốc dân giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước. Sau đó, quyết nghị của Quốc dân Đại hội cũng nhấn mạnh: khi thời giờ cấp bách, Ủy ban dân tộc giải phóng giao toàn quyền cho Ủy ban khởi nghĩa. Đây là sự thống nhất chỉ huy khởi nghĩa, đồng thời là sự thống nhất về tư tưởng chính quyền nhà nước do Hồ Chí Minh chỉ đạo và thực hiện.

Với những quyết nghị này, Quốc dân Đại hội thực sự là kết quả của một phong trào cách mạng rộng lớn đang phát triển, đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trên ý nghĩa đó, Ủy ban

giải phóng dân tộc tức Chính phủ lâm thời do Đại hội cử ra xuất phát từ lòng dân, do nhân dân, vì nhân dân nên thực sự là "Chính phủ hợp pháp hoá" của toàn dân. Sau đó, tại đình Tân Trào, Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam ra mắt Quốc dân Đại hội và tuyên thệ: "Chúng tôi những người được Quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước. Xin thề".

Như vậy, việc kịp thời quyết định triệu tập Quốc dân Đại hội Tân Trào để thông qua quyết định Tổng khởi nghĩa, thi hành *Mười chính sách của Việt Minh* và cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc là một sáng tạo của Hồ Chí Minh. Đó cũng là một thành công của Người trong việc vận dụng, phát triển và hiện thực hóa tư tưởng dân quyền ngay trong tiến trình đấu tranh cách mạng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: Hoạt động và quyết nghị của Đại hội cho thấy: "Quốc dân Đại hội Tân Trào có ý nghĩa là một Quốc hội lâm thời, hay một tiền Quốc hội bởi vì cách mạng chưa

thành công. Quốc dân Đại hội tạo căn cứ pháp lý cho sự ra đời chế độ cộng hòa dân chủ của nước ta, cho một Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi cách mạng đã thành công"¹.

Quốc dân Đại hội Tân Trào thực sự biểu thị cho ý chí và tinh thần của toàn dân tộc, phản ánh nguyện vọng và quyết tâm của toàn thể nhân dân, đáp ứng được những khát vọng về dân sinh, dân chủ của nhân dân lao động. Việc tổ chức thắng lợi Quốc dân Đại hội là sự thành công đầu tiên, minh chứng cho quan điểm của Hồ Chí Minh: quyền lực nhà nước, dù sơ khai cũng phải nhận được sự uỷ nhiệm từ nhân dân, của nhân dân. Hồ Chí Minh đã kịp thời chuẩn bị những bước đi vững chắc về cơ sở và tính pháp lý, "làm cho mọi người thấy rõ được cả tính hợp pháp lẫn sức mạnh để giữ vai trò lãnh đạo và đà phát triển phong trào cách mạng" của thiết chế tiền Quốc hội. Bên cạnh đó, quyết định kịp thời của Người cũng là cơ sở pháp lý đầu tiên, quan trọng cho sự hình thành, ra đời một cơ cấu, một thể chế của nhà nước mới, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân sau đó. Thực tế đó cũng

1. *Quốc dân Đại hội Tân Trào*, Nxb. Hà Nội, 1995, tr. 27.

cho thấy giá trị sáng tạo và tính thực tiễn tuyệt vời của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền được thực thi trong tiến trình đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Ngay sau Đại hội, ngày 18-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"¹.

Thực hiện nghị quyết trên, chớp đúng thời cơ, toàn dân ta từ Bắc đến Nam, từ miền núi đến đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị đã đứng lên khởi nghĩa giành lấy chính quyền từ tay phát xít Nhật. Sức mạnh của nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đã bùng lên thành bão táp cách mạng, quyết giành lại độc lập, tự do. Ngày 19-8, Tổng khởi nghĩa thành công ở Hà Nội, ngày 23-8 ở Huế, và ngày 25-8 ở Sài Gòn. Trong một thời gian ngắn, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước đã thành công. Chính quyền cách mạng đã về tay nhân dân. Trước khi quân Đồng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 554.

minh kéo vào, chính quyền cách mạng từ trung ương đến địa phương đã được thiết lập, thay thế cho chính quyền của phát xít Nhật và tay sai. Nhân dân ta đã đón quân Đồng minh với tư cách là chủ nhân của nước Việt Nam độc lập.

Nói về quyết định kịp thời Tổng khởi nghĩa, trong cuốn sách *Tại sao Việt Nam*, A.Patti, viên sĩ quan tình báo Hoa Kỳ phụ trách đơn vị OSS từng nói rằng: Ngay sau khi nhận được tin phát xít Nhật đầu hàng, nhận thấy thời cơ đã tới, Hồ Chí Minh "đã hành động một cách kiên quyết và nhanh chóng, vì ông phải bảo đảm chiếm được một chỗ đứng vững chắc ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Ông Hồ biết rằng, ông phải làm cho mọi người thấy rõ cả tính hợp pháp lẫn sức mạnh để giữ vai trò lãnh đạo và phát triển phong trào...".

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đã giáng một đòn quyết định vào tất cả các cơ quan đầu não của bọn thống trị và tay sai. Làn sóng cách mạng và sức mạnh bạo lực cách mạng của quần chúng đã làm tê liệt mọi sự kháng cự của các thế lực thù địch, xóa bỏ bộ máy chính quyền của giai cấp thống trị, thành lập chính quyền cách mạng ở Việt Nam. Khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm

1945 là sự vùng dậy của toàn dân, là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, được rèn luyện, hun đúc qua ba cuộc tổng diễn tập 1930 - 1931, 1936 - 1939 và 1939 - 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sức mạnh đó đã lôi cuốn được cả những người còn đang do dự, phản ánh một cách rõ nét tư duy sắc sảo, trí tuệ của Đảng và sự sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong điều kiện cụ thể của Việt Nam khi giải quyết vấn đề dân tộc và dân chủ trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Như vậy, sau hơn 15 năm chuẩn bị và tập dượt đấu tranh, dưới ngọn cờ độc lập, tự do của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 của nhân dân ta đã giành được thắng lợi. Chính quyền cách mạng đã được xác lập khắp cả nước, "đã được thừa nhận, hợp pháp hóa một cách vẻ vang nhất bởi sự tham gia cuồng nhiệt của toàn thể nhân dân Việt Nam". Thắng lợi này là kết quả tất yếu của việc kịp thời thay đổi chiến lược cách mạng, quy tụ sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và việc từng bước hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân

dân trong tiến trình cách mạng. Thắng lợi này cũng chứng tỏ ngọn cờ dân tộc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh giương cao, chủ trương đoàn kết mọi lực lượng của dân tộc trong đấu tranh giành chính quyền ở Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn.

Ngày 23-8-1945, Hồ Chí Minh về đến làng Gạ (Phú Gia, Từ Liêm, Hà Nội), để cùng Trung ương Đảng giải quyết những vấn đề quan trọng liên quan đến vận mệnh của nước nhà. Sáng 25-8-1945, Người nghe các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh báo cáo tình hình Tổng khởi nghĩa và chủ trương ra mắt của Chính phủ lâm thời. Chiều 25-8-1945, Người vào nội thành. Ngày 26-8-1945, Người mở phiên họp đầu tiên với Ban Thường vụ Trung ương Đảng để thảo luận các vấn đề quan trọng, đặc biệt là việc công bố danh sách thành viên Chính phủ lâm thời và soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập*. Theo Người, việc mít tinh lớn ở Hà Nội, ra mắt Chính phủ, tuyên bố Việt Nam độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hòa phải được gấp rút làm ngay và làm trước khi quân Đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật.

Trên tinh thần đó, ngày 28-8-1945, Ủy ban

dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời. Thực hiện hiện chủ trương của Hồ Chí Minh, một số cán bộ của Đảng và Việt Minh tự nguyện rút lui để nhường chỗ cho các đảng phái khác. Đánh giá hành động cao đẹp này của các đồng chí cán bộ của Đảng và Việt Minh, Hồ Chí Minh khẳng định: đó là "một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân. Đó là một cử chỉ đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học"¹. Cùng ngày, *Tuyên cáo* của Chính phủ lâm thời khẳng định: "Nhiệm vụ của Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam hết sức nặng nề. Làm sao cho Chính phủ lâm thời tiêu biểu được Mặt trận dân tộc thống nhất một cách rộng rãi và đầy đủ. Bởi vậy, Ủy ban dân tộc giải phóng đã quyết định tự cải tổ, mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ đang cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó. Chính phủ lâm thời... thật là một Chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn quốc, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 160.

chủ cộng hòa chính thức"¹.

Tuyên ngôn độc lập đã được soạn thảo ngay giữa lòng Hà Nội, tại ngôi nhà 48 phố Hàng Ngang của nhà tư sản dân tộc Trịnh Văn Bô. Văn bản này đã được Người trao đổi, lấy ý kiến đóng góp của các đồng chí lãnh đạo Đảng, quân chúng nhân dân và ý kiến tham khảo của Patti - Trưởng đoàn Phái bộ Mỹ OSS ở Đông Nam Á, với lòng mong muốn đó thực sự là "giấy khai sinh" Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại Bắc Bộ phủ, Người cũng xin ý kiến của các thành viên Chính phủ lâm thời. Trong cuốn sách *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, luật gia Vũ Đình Hòe từng viết lại sự kiện này như sau: Người nói lời khai mạc, "chào các Ngài Bộ trưởng. Chúc sức khỏe. Tôi xin lỗi, vào hơi chậm... Ta bắt đầu làm việc nhỉ? Thời gian gấp rút, tôi đề nghị đầu tháng 9, Chính phủ ta ra mắt quốc dân, và đọc *Tuyên ngôn độc lập*. Tôi đã chuẩn bị. Xin đưa bản thảo để các vị xét duyệt. Đề nghị duyệt kỹ. Vì ta sẽ đọc không phải chỉ để đồng bào cả nước ta nghe, mà còn cho cả Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp, cho cả các nước Đồng

1. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 1, ngày 2-9-1945.

minh nghe". Thật là gợi ý ngắn gọn và đầy đủ! Một cán bộ văn phòng chuyên đến các bản đánh máy, đặt từng bản trước mặt mọi người. Chúng tôi chăm chú xem từng câu, từng chữ, rồi suy nghĩ... Ai cũng thấy hay quá, sáng sủa, chắc nịch, đơn giản mà hùng hồn, đanh thép, chỉ thêm bớt vài ý nhỏ, sửa mấy chữ lặt vặt; sau đó mọi người ký vào bản của mình theo yêu cầu của Chủ tịch.

Với bản *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh đã sung sướng nói rằng: trong đời Người đã viết nhiều, nhưng đến bây giờ mới viết được một bản *Tuyên ngôn* như vậy. Ngày 31-8, Chủ tịch Hồ Chí Minh bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn độc lập*, hỏi cụ thể về tình hình tổ chức cuộc mít tinh lớn ngày 2-9-1945 tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội) và nhắc nhở Ban Tổ chức một số điểm cần chú ý.

Chiều ngày 2-9-1945, sau những ngày chuẩn bị khẩn trương, một cuộc mít tinh lớn của nhân dân Hà Nội đã diễn ra tại quảng trường Ba Đình. Trong buổi lễ long trọng đó, Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*.

Toàn văn bản *Tuyên ngôn độc lập* chỉ có

1.120 chữ, sắp xếp trong 49 câu, nhưng hàm chứa một nội dung to lớn và sâu sắc. Đó là sự đúc kết cao nhất, cô đọng nhất nội dung cuộc Cách mạng Tháng Tám - cuộc cách mạng đã đem lại một sự biến đổi chưa từng thấy trong lịch sử, cuộc cách mạng đầu tiên ở Việt Nam nhằm dựng lên một xã hội tương lai không có áp bức giai cấp, không có tệ người bóc lột người.

Giống với những áng "thiên cổ hùng văn" do ông cha ta đã để lại trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, như "áng thơ thần bên sông Như Nguyệt" của quân dân nhà Lý, như *Hịch tướng sĩ* thời Trần gắn với Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, hay *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi, *Tuyên ngôn độc lập* gắn với tên tuổi Hồ Chí Minh và thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam mùa thu năm 1945, đã thủ tiêu hoàn toàn chế độ thực dân, phong kiến, tuyên bố về nền độc lập của dân tộc trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới.

Tuyên ngôn độc lập là một văn bản pháp lý hiện đại, mang một giá trị đặc biệt, ra đời khi cuộc đại chiến lần thứ hai kết thúc. Không chỉ giới hạn về quyền tự chủ của dân tộc ta đối với nước láng giềng phương Bắc

như "Nam quốc sơn hà nam đế cư", *Tuyên ngôn độc lập* còn khẳng định với toàn thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam hiện đại, thoát ly chế độ thuộc địa của thực dân Pháp đã đầu hàng và chủ nghĩa phát xít Nhật đã bại trận, đồng thời chấm dứt luôn chế độ quân chủ từng tồn tại cả ngàn năm bằng sự thoái vị của ông vua cuối cùng của triều Nguyễn. *Tuyên ngôn độc lập* được khởi thảo khi những đại diện của Việt Minh đã lên đường vào Huế, để ngày 30-8 nhận lễ thoái vị của vua Bảo Đại. Tại buổi lễ đó, vị hoàng đế cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam đã nói: "Sau 20 năm ngai vàng bệ ngọc, ngậm đắng nuốt cay, từ nay trăm lạy làm vui được làm dân tự do của một nước độc lập"...

Tuyên ngôn độc lập tiếp nối hành trình đấu tranh vì quyền con người, quyền của dân tộc và sự tiến hóa của nhân loại khi Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn và trích dẫn hai đoạn ngắn trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do", và trong *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về

quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi". Và theo Người: "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được". Sử dụng những trích dẫn ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn khẳng định rằng: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam cũng là bước đi tiếp theo, là sự nối tiếp của con đường tiến hóa mà nhân loại đã và sẽ đi trong hành trình giải phóng con người, thực hiện quyền con người như hai bản tuyên ngôn nổi tiếng đã từng khẳng định. Đây là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với dân tộc Việt Nam, đặc biệt khi độc lập dân tộc đang bị các lực lượng thù địch bao vây tứ phía; đồng thời cũng là mối bận tâm lớn nhất trong cuộc đời Hồ Chí Minh như Người từng trả lời các nhà báo ngày 21-1-1946 sau đó: "Ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, nhân dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".

Nâng quyền lợi con người thành quyền lợi dân tộc là một sáng tạo đến bất ngờ của Hồ Chí Minh, thể hiện tâm huyết lớn lao của Người dành cho dân tộc mình và các dân tộc đang đắm chìm trong vòng nô lệ. Đó cũng là cống hiến của Người vào lĩnh vực luật pháp

quốc tế.

Cuối cùng, *Tuyên ngôn độc lập* khẳng định một quyết tâm sắt đá: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"¹. Được công bố ngày 2-9-1945, *Tuyên ngôn độc lập* đã tạo lý, tạo thế và tạo ra lực lượng đồng tình ủng hộ rộng rãi ở trong nước và trên thế giới đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Tuyên ngôn độc lập thực sự là một mốc son, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử Việt Nam hiện đại.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* là "áng hùng văn" bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết tinh yếu tố truyền thống của dân tộc với yếu tố thời đại. Đó là tư tưởng, là tâm nguyện và kết quả của một hành trình tìm đường cứu nước và thực tế đấu tranh cách mạng của Người; kết tinh trong đó những tinh thần của *Yêu sách nhân dân An Nam* gửi Hội nghị Vécxây năm 1919, của *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng năm 1930 và *Chương trình Việt Minh*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 4.

năm 1941, v.v., *Tuyên ngôn độc lập* đồng thời cũng là kết quả của những hy vọng, sự tranh đấu và niềm tin của tất cả những người dân Việt Nam yêu nước trong hành trình phấn đấu vì một nước Việt Nam độc lập và tự do.

*
* *

Từ khi trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước, hoạt động, nỗ lực không mệt mỏi của Hồ Chí Minh cùng những quyết định kịp thời, sáng tạo và nhạy bén của Người trong việc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương tháng 5-1941; triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng; triệu tập Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào, thông qua những nội dung quan trọng liên quan đến sự phát triển của tiến trình cách mạng, v.v., đã góp phần quan trọng vào thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Với thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam mùa thu năm 1945, những luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng thuộc địa, về tính chủ động của cách mạng thuộc địa, về cách mạng giải

phóng dân tộc trong thời đại mới từ những năm 20 thế kỷ XX đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm là đúng đắn. Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc của Người trong điều kiện cụ thể của Việt Nam và những đóng góp của Người vào tiến trình cách mạng thế giới đã góp phần phá vỡ "hệ thống thuộc địa ở khâu yếu nhất của nó", làm tan rã hệ thống thuộc địa kiểu cũ của thế giới.

Với tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường và đoàn kết quốc tế, với việc phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, v.v. thành công của Cách mạng Tháng Tám đã đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận người nô lệ trở thành công dân một nước Việt Nam độc lập; đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Đó "thực sự là giai đoạn đầu tiên mở đầu cho làn sóng xóa bỏ chế độ thuộc địa ở châu Á, tiếp theo là châu Phi", nhằm xóa bỏ chủ nghĩa thực dân, vì mục tiêu độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đồng thời, với những bài học kinh nghiệm được rút ra trong 15 năm đấu tranh cách mạng

dưới sự lãnh đạo của Đảng, nguồn sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần và khát vọng vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu sẽ tiếp tục được phát huy trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc ngay sau đó.

VII

LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THÙ TRONG GIẶC NGOÀI (1945 - 1946)

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa thành lập đã đứng trước vô vàn khó khăn, thử thách. Nền kinh tế kiệt quệ, nạn đói khủng khiếp, ngân khố trống rỗng, trình độ văn hóa rất thấp kém với hơn 90% dân số mù chữ, v.v.. Trong khi đó, ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng, dưới danh nghĩa Đồng minh vào tước vũ khí quân đội Nhật, thực chất là muốn tiêu diệt Đảng Cộng sản, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ phản động làm tay sai cho Mỹ - Tưởng. Còn ở miền Nam, núp sau bóng quân Anh, thực dân Pháp quay trở lại tái đánh chiếm Nam Bộ, Nam Trung Bộ và đi liền cùng đó là việc bọn phản động tay sai nổi lên khắp nơi, tìm mọi cách cản trở công cuộc kháng chiến và kiến quốc của nhân dân ta.

Đứng trước vận mệnh của nước nhà như ngàn cân treo sợi tóc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận trách nhiệm nặng nề trước quốc dân và nói: "Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an

toàn đi đến bến bờ hạnh phúc của nhân dân"¹. Người cùng tập thể Trung ương Đảng đã bình tĩnh, sáng suốt phân tích tình hình, kịp thời đề ra đường lối đúng đắn và những biện pháp hành động khôn khéo để giải quyết từng bước những khó khăn về đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội và những vấn đề cấp bách khác.

Sáng ngày 3-9-1945, tại Bắc Bộ phủ, chủ tọa phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Người đã nêu sáu vấn đề cấp bách cần phải làm ngay:

Một là giải quyết nạn đói;

Hai là thanh toán nạn dốt;

Ba là tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử;

Bốn là xóa bỏ hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới, đạo đức mới, đạo đức cách mạng;

Năm là xóa bỏ ngay những thứ thuế bóc lột vô nhân đạo;

Sáu là thực hiện tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết².

Đồng thời, Người cũng tuyên bố lịch tiếp đại biểu nhân dân và các tổ chức đoàn thể với cách thức cụ thể, rõ ràng, để tạo điều kiện cho nhân dân được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.165.

2. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.7-9.

của mình mà khỏi phải chờ đợi mất công.

Đề cấp bách chống giặc đói, Người đề nghị với Chính phủ phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất, đồng thời mở cuộc lạc quyên, cấp tốc giải quyết từng bước nạn đói, với tinh thần "lá lành đùm lá rách". "Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo"¹. Hưởng ứng lời kêu gọi và tấm gương của Người, cả nước dậy lên phong trào tương thân tương ái, với các hình thức phong phú "Hũ gạo cứu đói", "Ngày đồng tâm nhịn ăn", v.v.. Chỉ sau một tuần quyên góp, cả nước đã có hàng vạn tấn gạo cứu đói. Từ những phong trào ấy, đã có những tấm gương tiêu biểu được nhận tặng thưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là bà Vương Thị Lài được Người tặng Huy chương vàng "đại biểu cho lòng hăng hái và hy sinh cho tất cả phụ nữ Việt Nam", và ông Nguyễn Sơn Hà, người đóng góp nhiều thứ hai cho Quỹ quốc phòng được Người tặng ảnh².

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 31, 37.

2. Xem: Song Thành: *Hồ Chí Minh tiểu sử, Sđd*, tr.336.

Cùng đó, để tiêu diệt giặc dốt, để mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi và bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị mở một chiến dịch chống nạn mù chữ. Người yêu cầu trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ, với phương châm người biết chữ dạy người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ hãy gắng sức học cho biết, đặc biệt phụ nữ lại càng cần phải học, vì "đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử"³. Sau một năm thực hiện theo lời kêu gọi của Người, hơn 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.

Quan tâm đến thế hệ măng non - những chủ nhân tương lai của nước nhà, nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, tự do, Người gửi thư cho các học sinh với kỳ vọng thiết tha: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em". Cùng đó, Người đã ký Sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ, thành lập Hội đồng cố vấn học chính để nghiên cứu và đệ trình

Chính phủ chương trình giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và theo dõi thực hiện chương trình ấy.

Để củng cố và xây dựng nền dân chủ cộng hòa, không chỉ quan tâm và đề nghị Chính phủ mở cuộc vận động thực hiện "đời sống mới", xóa bỏ dần những hủ tục lạc hậu, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ còn mong muốn xây dựng nền tài chính quốc gia độc lập. Thông qua việc ký Sắc lệnh thành lập Quỹ độc lập, phát động "Tuần lễ vàng", gửi thư kêu gọi đồng bào hưởng ứng Tuần lễ vàng, với tinh thần hăng hái yêu nước, hướng về Người, về Đảng và Chính phủ, đồng bào cả nước đã tự nguyện đóng góp được 370 kg vàng và 20 triệu đồng vào Quỹ đảm phụ quốc phòng.

Mặt khác, để từng bước đem lại quyền tự do, dân chủ cho nhân dân, Người và Chính phủ đã ký một loạt sắc lệnh, bãi bỏ chế độ thuế khoá bất công của thực dân Pháp như: thuế thân, thuế chợ, thuế đò, đồng thời ban hành *Luật lao động*, bảo vệ quyền lợi cho công nhân; quy định giảm tô 25% cho nông dân; chia ruộng của bọn thực dân và ruộng công cho nông dân, ban bố Sắc lệnh tự do tín ngưỡng, v.v.. Đặc biệt, trong bối cảnh đầy khó khăn, thử thách của vận nước, lãnh tụ Hồ

Chí Minh vẫn quyết định nhanh chóng tổ chức cuộc Tổng tuyển cử theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, bí mật và bỏ phiếu kín trong cả nước, nhằm mục tiêu "đi đến Quốc hội để quy định *Hiến pháp*, bầu Chính phủ chính thức". Quyết định kịp thời này có ý nghĩa lịch sử như một *tuyên bố lập hiến của Hồ Chí Minh*, đồng thời khẳng định bản chất dân chủ và vị trí pháp lý của Quốc hội trong tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trước sự chống phá điên cuồng của các thế lực phản động, nạn đói, nạn dốt và giặc ngoại xâm đang đe dọa nền độc lập vừa giành được, để tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã điều hành Chính phủ lâm thời một mặt khôn khéo, tận dụng mọi cơ hội để xúc tiến thực hiện cuộc Tổng tuyển cử, mặt khác kịp thời ban hành các văn bản dưới luật tạo cơ sở pháp lý cho mọi công dân Việt Nam đều có thể tham gia vào việc bầu cơ quan đại diện cho mình. Các sắc lệnh quan trọng đầu tiên về xây dựng quyền làm chủ của công dân Việt Nam đối với vận mệnh quốc gia đã được ban hành như: *Sắc lệnh số 14/SL* ngày 8-9-1945 quy định thời hạn hai tháng kể từ ngày ký sắc

lệnh sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử và thành lập một Ủy ban khởi thảo Hiến pháp; *Sắc lệnh số 34/SL* ngày 20-9-1945 thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm: Hồ Chí Minh, Vĩnh Thụy, Đặng Thai Mai, Vũ Trọng Khánh, Lê Văn Hiến, Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Khu; *Sắc lệnh số 39/SL* ngày 26-9-1945 thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử gồm chín người; *Sắc lệnh 51/SL* ngày 17-10-1945 tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia bầu cử và ứng cử của nhân dân; và *Sắc lệnh 71/SL* ngày 2-12-1945 được ban hành nhằm bỏ khuyết Điều 11, Chương V của *Sắc lệnh 51/SL*, v.v.. Những sắc lệnh này đã chứng minh trong thực tiễn: Tổng tuyển cử tức là dân chủ và mọi công dân Việt Nam đều được tạo mọi điều kiện thuận lợi để có thể tham gia ứng cử, bầu cử trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I.

Chính phủ quyết định chọn ngày 23-12-1945 là ngày Tổng tuyển cử, nhưng để các cá nhân, các đảng phái và tổ chức chính trị khác có thêm thời gian đề cử và ứng cử, ngày 18-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký *Sắc lệnh 76/SL*, lùi ngày bầu cử vào ngày 6-1-1946. Cùng với việc chuẩn bị những điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý để mọi người dân Việt Nam đều có thể trực tiếp tham gia vào cuộc

bầu cử Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đồng thời đề cập đến tiêu chuẩn người đại biểu Quốc hội, những người sẽ thay mặt nhân dân hoạt động trong cơ quan quyền lực tối cao qua những bài viết của mình. Theo Người, người đại biểu nhân dân là người phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng; vì vậy, Người nhấn mạnh: mọi công dân Việt Nam hãy thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi thiêng liêng của mình, nhưng đối với "những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu".

Sau đó, tuy bị kẻ thù tìm mọi cách chống phá, nhưng với sách lược mềm dẻo, đối sách linh hoạt và niềm tin vào nhân dân, Người cùng Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh đã lãnh đạo toàn dân tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946, bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chủ tịch Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh thực hiện quyền công dân của mình tại điểm bỏ phiếu số 10, phố Hàng Vôi, Hà Nội và trúng cử với số phiếu cao nhất (98,4%).

Ngày 2-3-1946, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được tổ chức tại Nhà hát Lớn thành phố Hà

Nội. Phát biểu trước Quốc hội, Người khẳng định thắng lợi to lớn của cuộc Tổng tuyển cử, đồng thời để thực hiện sự đoàn kết, tỏ rõ cho thế giới biết toàn dân Việt Nam đoàn kết nhất trí, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Quốc hội truy nhận thêm 70 ghế không qua bầu cử, cho các đại biểu thuộc hai tổ chức Việt Quốc (Việt Nam Quốc dân đảng) và Việt Cách (Việt Nam Cách mệnh Đồng minh).

Quốc hội nhất trí tán thành và ghi nhận những công việc của Chính phủ lâm thời và khẳng định: Chủ tịch Hồ Chí Minh xứng đáng với Tổ quốc. Sau đó, được Quốc hội trao trọng trách, Người đã thành lập *Chính phủ liên hiệp kháng chiến*. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã công nhận *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* gồm 12 thành viên, trong đó Hồ Chí Minh làm Chủ tịch; *Cố vấn đoàn* do Vĩnh Thụy đảm nhận; và *Kháng chiến ủy viên hội* do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch.

Sau khi Quốc hội thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng các thành viên mới của Chính phủ, Đoàn cố vấn, Ủy ban kháng chiến đọc lời tuyên thệ nhậm chức và xin thề "cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền dân chủ cộng hòa Việt Nam, mang lại tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Trong

công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi nỗi khó khăn, dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ".

Cùng với việc ký các sắc lệnh nhằm kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước với chức năng và nhiệm vụ mới, Người đồng thời đề ra những nguyên tắc cơ bản về hoạt động của chính quyền nhân dân, coi cán bộ, nhân viên trong các cơ quan đó là đầy tớ gánh vác công việc cho dân, với tinh thần: "Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta".

Tuy nhiên, ngay từ những ngày đầu đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhận thấy "những lỗi lầm rất nặng nề" của một số cán bộ có chức, có quyền đang tồn tại trong các cơ quan của Đảng và Chính phủ. Theo Người, các căn bệnh trái phép, cậy thế, hủ hoá, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo đang trở thành hiện tượng nhức nhối trong các cơ quan của Chính phủ. Vì vậy, để xây dựng một Chính phủ liêm khiết, Người yêu cầu mỗi người cán bộ, đảng viên phải "ghi sâu những chữ công bình, chính trực vào lòng". Một mặt, Người biểu dương những cán bộ tốt, mặt khác tỏ thái độ nghiêm khắc với những người phạm những lỗi lầm trên, đồng

thời yêu cầu họ "phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung"¹.

Không chỉ viết bài, thường xuyên phê bình, nhắc nhở đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng phải chống chủ nghĩa cá nhân, chống các bệnh chuyên quyền, độc đoán, Người còn là một mẫu mực của tấm gương đạo đức cách mạng. Công khai tự phê bình, nhận lỗi và có tinh thần nghiêm túc tự phê bình, phê bình và sửa chữa, cán bộ chính quyền các cấp đã nhanh chóng khắc phục những sai sót, những khuyết điểm. Vì thế, tuy đội ngũ cán bộ chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý đất nước, nhưng đã thực sự được nhân dân tin yêu và gắn bó, đồng thời góp phần khẳng định bản chất tốt đẹp của chính quyền cách mạng.

Với phương châm "đoàn kết toàn dân, quyết tâm vì chính nghĩa, quyết giữ vững độc lập bằng mọi giá", Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng khối đoàn kết toàn dân, thu hút đông đảo, rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, thông qua việc nhanh chóng phát triển các tổ chức đã có trong Mặt trận Việt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.58.

Minh, đồng thời thành lập thêm các tổ chức mới. Theo sáng kiến của Người, ngày 29-5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập và Người được bầu là Chủ tịch danh dự của Hội. Tiếp sau đó, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (20-7-1946), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20-10-1946), Đảng Xã hội Việt Nam (22-7-1946) ra đời, tự nguyện gia nhập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, làm tăng sức mạnh của khối toàn dân đoàn kết để chống thù trong giặc ngoài.

Quan tâm đến khối đoàn kết toàn dân trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tham dự Lễ khai mạc Hội nghị đại biểu của hơn 20 dân tộc thiểu số ở miền Bắc. Và khi *Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam* họp ở Plâycu ngày 16-4-1946, Người gửi thư cho Đại hội và khẳng định: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt"¹. Từ đó, Người mong mỗi chúng ta phải "quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập", dù "sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 217.

lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt". Đặc biệt, bằng tình cảm thiết tha từ trái tim mình, Người nhấn mạnh: "Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta"². Trong thư, Người cũng nêu rõ, những thiết chế quyền lực đại diện cho quyền lực của nhân dân đảm bảo sức sống cho khối đoàn kết, đó chính là "trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có "Nha dân tộc thiểu số" để săn sóc tất cả các đồng bào.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề tập hợp, đoàn kết đồng bào các tôn giáo vì sự nghiệp chung, với tinh thần: "Dù Công giáo hay không Công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà"¹. Từng nói rằng: "Chỉ sợ lòng mình không rộng, chứ không sợ người ta không theo mình", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những bức thư thăm hỏi giám mục Lê Hữu Từ; mời các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố là những nhân sĩ "đức cao vọng trọng" tham gia Chính phủ; tin tưởng, sử dụng những thượng thư, đại thần của triều đình Huế như các cụ Phan Kế Toại,

1. Báo *Cứu quốc*, ngày 15-1-1946.

Bùi Bằng Đoàn, Phạm Khắc Hoè... vào những chức vụ quan trọng của bộ máy nhà nước, v.v.. Chính sách đại đoàn kết mềm dẻo, linh hoạt với đồng bào các tôn giáo, việc quan tâm, động viên các chức sắc tôn giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho Người trở thành "linh hồn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc" trong suốt những năm tháng gian lao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Song song với việc giải quyết những công việc cấp bách về đối nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã tiến hành nhiều hoạt động đối ngoại khẩn cấp. Ngày 28-9-1945, với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao, Người trình Hội đồng Chính phủ dự thảo *Lời tuyên bố về chính sách ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* dựa trên những nguyên tắc tự do, bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết đã được các nước Đồng minh ghi nhận trong các Hiến chương Đại Tây Dương và Xan Phranxicô. Không chỉ thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi Thông điệp cho Liên hợp quốc và các vị đứng đầu các cường quốc, hoan nghênh việc Liên hợp quốc thành lập Ủy ban tư vấn về Viễn Đông và phản đối việc nước Pháp là thành viên của Ủy ban này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện tới ông Hăngri Xpác (H. Spaak), Chủ

tịch Hội đồng Liên hợp quốc, cùng các vị ngoại trưởng các cường quốc, đề nghị đưa vấn đề công nhận nền độc lập của Việt Nam và kết nạp Việt Nam vào Liên hợp quốc ra trước Hội đồng.

Cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng nhận rõ kẻ thù nguy hại nhất lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Trên nguyên tắc giữ vững chủ quyền và độc lập dân tộc, Người vận dụng sách lược khôn khéo, một mặt phân hoá cao độ kẻ thù, mặt khác kiên nhẫn tận dụng thời gian xây dựng lực lượng, với phương châm biến "đại sự thành tiểu sự và tiểu sự thành vô sự". Quyết sách tạm thời hoà hoãn với quân Tưởng để giữ vững chính quyền, đồng thời có điều kiện đối phó với quân Pháp ở miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trên cơ sở hiểu rõ đối thủ, có đối sách phù hợp với từng đối thủ, từng bước phá tan âm mưu "diệt Cộng cầm Hồ", "phá tan Việt Minh" của Tưởng Giới Thạch bằng cách nhân nhượng cho quân Tưởng một số quyền lợi về kinh tế, tạo điều kiện cho chúng buôn bán gạo và hàng hoá sang Hồng Kông; mở rộng 70 ghế tham gia Quốc hội không qua bầu cử cho Việt Quốc, Việt Cách - tay sai của quân Tưởng, v.v. để xóa đi lý do mà

các thế lực thù địch trong và ngoài nước muốn lợi dụng nhằm chống phá cách mạng.

Ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán, thực chất là Đảng rút vào hoạt động bí mật. Trong bối cảnh đó, một mặt, chúng ta dùng sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân làm thất bại mọi mưu đồ đen tối của các thế lực thù địch, trừng trị bọn tay sai đã lộ mặt phá hoại cách mạng; mặt khác, Người cùng Trung ương Đảng và Chính phủ đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, động viên nhân dân cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam.

Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết tại Trùng Khánh; trong những điều khoản thoả thuận, có việc phía Trung Hoa dân quốc (Tưởng Giới Thạch) để Pháp thay thế mình ở phía Bắc vĩ tuyến 16. Ở Hà Nội, đại diện quân Tưởng giục ta thoả thuận với Pháp. Các nhà thương lượng Pháp càng nộ nóng hơn, vì hiểu rằng muốn đem quân ra Bắc Việt Nam một cách êm thấm, không có đụng độ quân sự, cần phải điều đình và đi tới một thoả thuận với Chính phủ Hồ Chí Minh.

Trước tình hình đó, Người và Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* (3-3-1946). Trên cơ sở phân tích

khách quan những thuận lợi và khó khăn, điều kiện trong và ngoài nước, chúng ta quyết định hoà đàm với Pháp, để phá mưu mô của quân Tưởng và tay sai, nhanh chóng đánh đuổi chúng ra khỏi Việt Nam, bảo toàn lực lượng, dành thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới với tinh thần: "Trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta"¹.

Thực hiện chủ trương này, dự thảo Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp và những điều khoản nhân nhượng cần thiết liên quan đến quyền lợi quốc gia của Hiệp định đã được Hồ Chí Minh thay mặt Hội đồng Chính phủ báo cáo với Ban Thường trực Quốc hội, với Chính phủ, Ủy ban kháng chiến, Cố vấn tối cao tại phiên họp đặc biệt sáng ngày 6-3-1946 và được sự nhất trí của Hội nghị. Đồng thời, để cho sự uỷ quyền này có tính chất chính thức, tất cả các vị đại biểu tham dự phiên họp đều ký vào biên bản đặc biệt. Chính phủ sẽ yêu cầu những vị vắng mặt ký vào biên bản sau. Nói về nội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.8, tr.46.

dung Hiệp định, đồng chí Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: Trước khi cùng đại diện Chính phủ Pháp ký bản *Hiệp định sơ bộ*, Hồ Chí Minh "đã cân nhắc lợi hại gần xa của dân tộc một cách cẩn trọng và trong hai con đường đưa đến độc lập, Hồ Chủ tịch đã chọn con đường đỡ hao tổn mà cũng chắc chắn hơn".

Việc Chính phủ Hồ Chí Minh lựa chọn và ký *Hiệp định sơ bộ* với Chính phủ Pháp trong điều kiện cụ thể của Việt Nam là một sự lựa chọn đúng đắn. Với những điều khoản đã ký, *Hiệp định sơ bộ* đã mở rộng khuôn khổ cho cuộc thương lượng Việt - Pháp tiếp theo, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhân sự kiện này, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Chúng ta trên thực tế đã độc lập từ 8-1945 nhưng cho đến nay chưa có cường quốc nào công nhận độc lập của chúng ta. Bản Hiệp định sẽ dẫn chúng ta đến một vị trí quốc tế ngày càng vững vàng, và đó là một thắng lợi chính trị lớn lao". Giăng Xanh Tony (Jean Sainteny) - người từng đối diện với Hồ Chí Minh trong giai đoạn lịch sử này khẳng định: *Đó là chính sách giành thắng lợi từng phần của Hồ Chí Minh.*

Sau một thời gian tiếp xúc, giao thiệp, các

cuộc đàm phán bí mật diễn ra không đạt kết quả, vì lập trường hai bên còn xa nhau, 16 giờ 30 chiều ngày 6-3-1946, lễ ký kết *Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt* đã diễn ra tại nhà số 38 phố Lý Thái Tổ, Hà Nội (sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra giải pháp: nước Pháp công nhận Việt Nam là một *quốc gia tự do*, trong khi Pháp chỉ muốn Việt Nam là một *quốc gia tự trị* và mong muốn của ta: Việt Nam là một quốc gia *độc lập và thống nhất*). Chứng kiến lễ ký còn có đại diện Bộ Tư lệnh quân đội Trung Hoa ở Bắc Đông Dương, phái bộ Mỹ, lãnh sự Anh và đại diện Phân bộ Đảng Xã hội Pháp ở Bắc Kỳ.

Theo Hiệp định, nước Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có Chính phủ, Quốc hội, quân đội và tài chính riêng, ở trong Liên bang Đông Dương và Khối Liên hiệp Pháp và cam đoan thừa nhận kết quả cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề thống nhất ba kỳ; nước Việt Nam đồng ý để 15 ngàn quân Pháp vào Bắc Việt Nam thay thế quân đội Trung Hoa và sẽ rút hết sau 5 năm; hai bên đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức, trong khi đàm phán, quân đội hai bên giữ nguyên vị trí, v.v..

Bản Hiệp định tuy chưa đem lại nền độc

lập hoàn toàn cho dân tộc ta, song đây cũng là bản Hiệp định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam độc lập ký với nước ngoài, có sự chứng kiến của đại diện các nước Mỹ, Anh và Trung Hoa, điều đó chứng tỏ rằng: Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp. Đó là thắng lợi lớn về chính trị và ngoại giao của ta, đồng thời, loại bớt kẻ thù cho cách mạng Việt Nam, và "đồng bào và đồng chí ở Nam đã khéo lợi dụng dịp đó để xây dựng và phát triển lực lượng của mình".

Tuy nhiên, Hiệp định sơ bộ ký chưa ráo mực, thực dân Pháp đã có những hành động phá hoại, thiếu thiện chí như đòi quân đội ta nộp vũ khí, đánh úp quân ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, di chuyển quân đến những nơi không được phép của ta. Tuy nhiên, đối với nhân dân ta lúc này, thời gian hòa hoãn rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng để củng cố, chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến tranh khốc liệt ngày một lan rộng. Trên tinh thần đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm mọi cách, tranh thủ mọi cơ hội có thể để kéo dài thời gian hoà hoãn thông qua việc xúc tiến nhiều cuộc gặp gỡ, điều đình với phía Pháp.

Ngày 24-3-1946, Người hội kiến với Đácgiăngliơ (D'Argenlieu) (Cao uỷ Pháp ở Đông Dương từ năm 1945 đến năm 1947)

trên chiến hạm Êmin Béctanh (Emile Bertin) ở vịnh Hạ Long. Tại đây, hai bên thoả thuận: sẽ có những cuộc thăm chính thức ngoại giao giữa hai nước; sẽ mở hội nghị trù bị tại Đà Lạt (trước khi có đàm phán chính thức); phái đoàn Chính phủ Việt Nam sẽ sang Pháp để ký hiệp ước chính thức với Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Người cũng được mời làm thượng khách của Chính phủ Pháp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy từ thoả thuận Hạ Long những cơ hội tốt cho chúng ta về mặt ngoại giao, và từ Pari, ta có thể làm cho dư luận Pháp và Tây Âu hiểu tình hình và đồng tình với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Và tiếp đó, do đấu tranh kiên quyết của Chính phủ ta, trực tiếp là Chủ tịch Hồ Chí Minh với Xanh-tony, phía Pháp đã mời phái đoàn của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn sang thăm nước Pháp từ ngày 25-4 đến ngày 16-5-1946. Cũng thời gian đó, tại Đà Lạt, Hội nghị trù bị để chuẩn bị các vấn đề cần giải quyết trong cuộc đàm phán chính thức tại Pháp, trải qua 27 phiên họp chung và các tiểu ban, nhưng do đoàn đại biểu của Pháp có ý gây khó khăn nên Hội nghị đã không đi

đến một thoả thuận nào.

Ngày 31-5-1946, nhận lời mời của Chính phủ Pháp, với vị thế thượng khách, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên đường sang thăm nước Pháp. Trước khi rời Tổ quốc, Người nắm tay nhà cách mạng lão thành Huỳnh Thúc Kháng, quyền Chủ tịch nước và nói: "Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ "dĩ bất biến, ứng vạn biến"¹. Cuộc hành trình đến Cộng hòa Pháp của "vị thượng khách Hồ Chí Minh" phải đi qua các nước: Miến Điện (Mianma), Ấn Độ, Pakixtan, Irắc, Ai Cập, Angiêri, rồi Biarrit (Biarritz) thủ phủ xứ Pirê-nê Atlăngtie (Pyrénées - Atlantiques) và miền Nam nước Pháp.

Chiều ngày 22-6-1946, lễ đón chính thức Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức tại Pari. Quốc kỳ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tung bay trên bầu trời và Quốc ca Việt Nam vang lên hùng tráng ở thủ đô nước Cộng hòa Pháp. Đến Pari với một cương vị mới, một trọng trách mới - Chủ tịch nước Việt Nam độc lập, thượng khách của nước

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 457.

Pháp, sứ giả của tình hữu nghị Việt - Pháp, trong lời đáp từ tại buổi tiệc chiêu đãi của Thủ tướng G. Bidôn (Georger Bidault), Người nói: "Nước Việt Nam và nước Pháp có thể hoà hợp với nhau trong Khối liên hiệp Pháp gồm những dân tộc tự do bình đẳng cùng ôm một lý tưởng dân chủ và cùng say mê vì tự do... đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân* (Điều mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác). Tôi tin rằng trong những điều kiện ấy, hội nghị sắp tới sẽ đi tới những kết quả tốt đẹp".

Trong thời gian lưu lại trên đất Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi thăm nhiều nơi, gặp gỡ và trò chuyện với đại biểu ba chính đảng đang cầm quyền và hầu hết các đoàn thể chính trị lớn tại Pháp. Người cũng đã tiếp xúc với đại biểu các tổ chức quốc tế như Liên đoàn Phụ nữ dân chủ thế giới, Đoàn Thanh niên dân chủ thế giới, Người còn gặp nhiều nhà hoạt động chính trị danh tiếng, các doanh nghiệp, quân nhân, trí thức, nhà văn, nhà báo, v.v.. Thông qua những cuộc gặp đó, Người làm cho họ hiểu rõ khát vọng tự do, ý chí bảo vệ nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam. Người đã để lại những ấn tượng khó phai trong tâm trí những người Pháp bởi sự chân thành, cởi mở và giản dị của

mình. Người cũng dành thời gian tiếp xúc, trò chuyện với các thế hệ Việt kiều đang làm ăn, sinh sống tại Pháp và các nước lân cận. Người kêu gọi lòng ái quốc của bà con Việt kiều hãy giúp đỡ và ủng hộ Chính phủ.

Ngày 12-6-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức cuộc họp báo chính thức tại lâu đài Roayan Môngxô (Royal Monceau), Pari, công bố lập trường sáu điểm của Chính phủ ta, nêu rõ: Việt Nam đòi quyền độc lập trong Khối liên hiệp Pháp, vui lòng cộng tác với Pháp; Việt Nam cũng tán thành Liên bang Đông Dương nhưng không chấp nhận một chính phủ liên bang; Việt Nam bảo hộ tài sản của kiều dân Pháp nhưng họ phải tôn trọng luật pháp của Việt Nam; Việt Nam có quyền mua lại những sản nghiệp có quan hệ đến quốc phòng và sử dụng cố vấn người Pháp khi cần; Việt Nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự tại các nước; Người đặc biệt nhấn mạnh vấn đề Nam Bộ: Nam Bộ là một bộ phận của nước Việt Nam, không ai có quyền chia sẻ, không lực lượng nào có thể chia cắt. Cuộc họp báo đã đưa vấn đề Việt Nam và khát vọng về một nền độc lập của nhân dân Việt Nam ra trước dư luận Pháp và quốc tế.

Trong thời gian ở Pháp, Người có điều kiện theo dõi sát sao và chỉ đạo trực tiếp cuộc

đàm phán của Chính phủ Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn với Chính phủ Pháp tại Fontainebleau (Fontainebleau) khai mạc ngày 6-7-1946. Thông qua các cuộc tiếp xúc rộng rãi, Người tranh thủ mọi cơ hội bày tỏ thiện cảm của nhân dân ta đối với nước chủ nhà, làm cho họ hiểu cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa, đồng thời cũng tỏ rõ thiện chí với nước Pháp. Với ý nghĩa đó, những hoạt động của Người tại nước Pháp đã đem lại cho dân tộc Việt Nam (cuộc tranh thủ độc lập của Việt Nam, lập trường đàm phán, thiện chí hòa bình của Việt Nam) một ảnh hưởng sâu xa và rộng rãi trong dư luận Pháp.

Thái độ ngoan cố, hành động trắng trợn vi phạm những điều khoản *Hiệp định sơ bộ* của phía Pháp đã làm cho cuộc đàm phán tại Fontainebleau bế tắc. Để tránh một cuộc chiến tranh lớn, quyết liệt hơn, nếu đến sớm sẽ gây bất lợi cho ta, trong những ngày lưu lại tại Pháp, Người đã chủ động gặp Bộ trưởng M. Mutê (Marius Moute) và ký với M. Mutê bản *Tạm ước Việt - Pháp* ngày 14-9-1946. Bản Tạm ước định rõ hai bên đình chỉ xung đột, phía Pháp bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ ở Nam Bộ, thả những người bị bắt; phía Việt Nam bảo đảm quyền lợi

kinh tế, văn hóa của Pháp tại Việt Nam; hai bên thoả thuận thời gian mở lại cuộc đàm phán vào tháng Giêng năm 1947. Tuy *Tạm ước* chưa đạt được những yêu cầu như mong muốn, nhưng đã đem lại thắng lợi to lớn về ngoại giao và quỹ thời gian quý báu để chúng ta tích cực chuẩn bị lực lượng khi cuộc chiến tranh lan rộng.

Không chỉ bền bỉ trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam còn kiên trì và nhân nhượng để duy trì nền độc lập, nền hòa bình vừa giành được. Nói đến vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chính Xanhtoni đã nhận xét: Chủ tịch Hồ Chí Minh "còn là một con người thực tế". Với Hồ Chí Minh, chính sách "giành thắng lợi theo từng bậc thang liên tiếp" như trong thông điệp năm điểm của Việt Minh gửi tới Cộn Minh tháng 7-1945 là biện pháp tốt nhất để vừa "đòi độc lập cho đất nước", vừa "tiết kiệm xương máu cho một cuộc chiến tranh". Vì "hiếu mình và hiếu người", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam không chỉ ký với Xanhtoni *Hiệp định sơ bộ* ngày 6-3-1946, mà còn ký với Marius Moute bản *Tạm ước Việt - Pháp* ngày 14-9-1946. Để đạt được mục đích của mình, để duy trì một quỹ

thời gian hòa bình không dài, nhưng rất quan trọng nhằm củng cố và phát triển thực lực của chế độ dân chủ cộng hòa, Người tâm niệm, trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, ắt "không thể có được tất cả trong cùng một lúc".

Ngày 18-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước trên chiến hạm Duymông Đuyécvin (Dumont d'Urville). Ngày 20-10, tàu cập cảng Hải Phòng, kết thúc chuyến đi thăm và đàm phán với Pháp. Ngày 23-10-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với quốc dân về chuyến thăm chính thức nước Pháp. Sau khi khẳng định những kết quả đã đạt được, Người chỉ rõ nhiệm vụ của nhân dân ta trong thời gian tới là phải đồng tâm nhất trí, ra sức tổ chức, công tác để xây dựng nước nhà, phát triển kinh tế... Đối với người Pháp, cần thân thiện, lịch sự, ôn hoà, thật thà hợp tác, để tỏ cho thế giới biết rằng: "Nhân dân ta yêu chuộng hòa bình, Chính phủ ta muốn cho dân được an cư lạc nghiệp. Chúng ta muốn cộng tác thân thiện với nhân dân Pháp mong có ích lợi cho cả hai bên"¹.

Nguy cơ chiến tranh đến gần, ngày 5-11-1946, Người viết Chỉ thị *Công việc khẩn cấp*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 201.

bây giờ, nêu rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân là kháng chiến và kiến quốc. Cả hai việc đều cần phải có nhiều người trên các lĩnh vực quân sự, kinh tế, giao thông... Theo Người, lực lượng đó là đảng viên, thanh niên, là những phần tử hăng hái trong nhân dân, và nếu khéo vận động, khéo huấn luyện, đào tạo, biết đặt đúng việc, thì rất có ích cho đất nước. Cũng theo lời Người, chúng ta phải làm cho toàn dân hiểu cuộc kháng chiến sẽ trường kỳ, rất gay go, cực khổ, nhưng lực lượng địch chỉ có hạn, lại ở xa, cho nên mọi người phải hăng hái tham gia du kích và tăng gia sản xuất khắp nơi, đặc biệt mỗi người phải có tín tâm và quyết tâm, thì nhất định đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, ngay từ những ngày đầu cách mạng mới thành công, Người đã ký sắc lệnh đổi *Vệ quốc quân* thành *Quân đội quốc gia Việt Nam*, kiện toàn bộ máy tổ chức của Quân đội nhân dân cách mạng và mở trường đào tạo cán bộ chính trị, quân sự cho lực lượng vũ trang. Ngày 26-5-1946, Người dự lễ khai giảng khoá đầu tiên của Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn tại Sơn Tây, trao tặng nhà trường lá cờ thêu sáu chữ vàng "trung với nước, hiếu với dân" và căn dặn đó là "bỏn phận thiêng liêng, là mục đích

của anh em, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước ta".

Song song với việc xây dựng quân đội chính quy, Người còn quan tâm chỉ đạo xây dựng dân quân du kích ở nông thôn và tự vệ ở thành phố, huy động toàn dân ủng hộ, xây dựng lực lượng vũ trang. Hiểu rõ lực lượng vũ trang của ta, đa số xuất thân từ nông thôn - những người nông dân mặc áo lính, nên dù bận bịu công việc điều hành nhà nước mới hình thành, với các bút danh Q.Th và Q.T, Người vẫn dành thời gian viết *Binh pháp Tôn Tử* (đăng trên báo *Cứu quốc* từ giữa tháng 5-1946). Đây là tập tài liệu cơ bản, cụ thể và dễ hiểu, về một hệ thống luận văn quân sự phổ thông để giảng giải và giới thiệu nội dung và phương pháp tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân. Người chỉ rõ, muốn chiến thắng kẻ thù, ngoài tinh thần, người chiến sĩ còn cần phải có giác ngộ chính trị cao, được bồi dưỡng về lý luận quân sự, có hiểu biết về chiến thuật, kỹ thuật, v.v.. Nhờ vậy, quân đội nhân dân và dân quân tự vệ đã phát triển nhanh chóng, nhiều đơn vị mới được thành lập, tinh thần sẵn sàng chiến đấu của bộ đội rất cao, thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.

Từ sau ngày Việt Nam tuyên bố độc lập, tận dụng thời gian tương đối hòa bình do kết quả các cuộc đàm phán tạo ra, nhân dân ta đã ra sức củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt. Tình hình đất nước đã có những bước phát triển nhất định. Nước nhà đã vượt qua những khó khăn ban đầu, đẩy lùi nạn đói, từng bước xoá nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục mới, bước đầu xây dựng nền kinh tế, tài chính độc lập và thực hiện đấu tranh chính trị, ngoại giao mềm dẻo. Hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương xuống đến địa phương dần dần ổn định và kiện toàn. Việc xây dựng và phát triển thực lực để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc được tiến hành gấp rút. Trong bối cảnh đó, theo yêu cầu của Chính phủ, Quốc hội khóa I đã họp kỳ thứ hai tại Hà Nội từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946.

Trong diễn văn khai mạc, Trưởng Ban Thường trực Quốc hội Nguyễn Văn Tố khẳng định: "Cuộc tranh thủ độc lập của ta đã được những kết quả tốt đẹp nay đã bước vào một giai đoạn mới, theo một hình thức khác trong khuôn khổ thỏa hiệp tạm thời 14-9-1946... Cứ xem thế đủ rõ Chính phủ Liên hiệp đã dìu dắt nước ta qua các bước khó khăn. Thay mặt Quốc hội, chúng tôi xin trân

trọng cảm tạ Chính phủ Hồ Chí Minh". Ban Thường trực Quốc hội thay mặt cho cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, kể từ ngày được tín nhiệm bầu ra, "lúc nào cũng chú trọng đến quyền lợi của quốc gia và nhân dân và đã giúp Chính phủ trong việc thi hành những phương sách thích hợp để giữ gìn đời sống cho dân chúng", cùng với "sự đồng tâm hiệp lực của quốc dân" đã đưa nước nhà tới một địa vị khả quan.

Tại kỳ họp này, sau khi nghe Bộ trưởng Vũ Đình Hòe và đồng chí Phạm Văn Đồng, Trưởng phái đoàn Quốc hội Việt Nam sang Pháp trình bày báo cáo đặc biệt của Chính phủ về việc giao thiệp với Chính phủ Pháp, các vị bộ trưởng đã trả lời các câu hỏi của các đại biểu Quốc hội trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao, tài chính, nội vụ... Nói về những hoạt động chất vấn tại kỳ họp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định, việc hỏi và trả lời (trả lời chất vấn) tại kỳ họp đã chứng tỏ: Quốc hội đang tập trung giải quyết những vấn đề trọng yếu của quốc gia, thể hiện rõ chức năng quyền lực nhà nước cao nhất và tính chất dân chủ của Quốc hội. Đặc biệt, là người đứng đầu nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ trả lời một số vấn đề lớn, liên quan đến sự trưởng thành về chính trị và xây

dựng đất nước, về các thành viên của Chính phủ liên hiệp đã rời bỏ quốc dân ra đi, về chính sách ngoại giao, về tính liêm khiết của Chính phủ, v.v..

Đồng thời, báo cáo và trả lời trước Quốc hội về việc trước đây có một số thành viên trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến đòi thay đổi Quốc kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Bây giờ thì trừ hai mươi lăm triệu đồng bào ra còn không ai có quyền gì mà đòi thay đổi Quốc kỳ". Thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, Quốc hội đã thảo luận và thông qua các nghị quyết về nội trị, ngoại giao, về việc thành lập Chính phủ mới, v.v.. Ghi nhận những đóng góp to lớn của Chính phủ Hồ Chí Minh với đất nước, tại kỳ họp này, Quốc hội đã quyết nghị tán thành chính sách chung của Chính phủ, nhận sự từ chức của Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Và thực hiện chức năng, quyền hạn của mình, Quốc hội đã ủy quyền cho Hồ Chí Minh đứng ra thành lập Chính phủ mới.

Theo nghị quyết của Quốc hội, *Chính phủ kháng chiến* do Hồ Chí Minh thành lập theo nguyên tắc đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái và thực sự "là một Chính phủ biết làm việc, có gan góc, quyết tâm đi vào mục đích, trong thì kiên thiết, ngoài thì

tranh thủ độc lập và thống nhất của nước nhà". Ngày 3-11-1946, Quốc hội "đã lấy sự tín nhiệm ở sự sáng suốt của Hồ Chủ tịch mà tín nhiệm", biểu quyết tán thành danh sách 14 thành viên Chính phủ kháng chiến do Hồ Chí Minh đề trình là:

Hồ Chí Minh: Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Huỳnh Thúc Kháng: Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Võ Nguyên Giáp: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Nguyễn Văn Huyền: Bộ trưởng Bộ Giáo dục;

Lê Văn Hiến: Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Trần Đăng Khoa: Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính;

Hoàng Tích Trí: Bộ trưởng Bộ Y tế;

Nguyễn Văn Tạo: Bộ trưởng Bộ Lao động;

Vũ Đình Hòe: Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Ngô Tấn Nhơn: Bộ trưởng Bộ Canh nông;

Chu Bá Phượng: Bộ trưởng Bộ Cứu tế;

Một vị ở Nam Bộ: Bộ trưởng Bộ Kinh tế;

Nguyễn Văn Tố: Bộ trưởng không bộ;

Bô Xuân Luật: Bộ trưởng không bộ.

Mời và thu nạp nhiều nhân sĩ, trí thức lớn, không phân biệt đảng phái tham gia Chính phủ, lãnh tụ Hồ Chí Minh thể hiện rõ mục tiêu

thành lập một Chính phủ dân tộc thống nhất, đại đoàn kết toàn dân.

Về vấn đề này, GS. Đoàn Trọng Truyền khẳng định: "Khi lập nên nhà nước mới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh lấy dân tộc làm nền tảng. Đó là một nhà nước của dân tộc, của đại đoàn kết dân tộc". Từ danh sách các thành viên của Chính phủ, chúng ta nhận thấy chủ trương sử dụng, hợp tác thành thật của chính quyền cách mạng và quan điểm nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc chọn đúng người, giao đúng việc, vì lợi ích của quốc gia. Không phân biệt giai tầng, không truy xét quá khứ, Người đã lựa chọn những trí thức danh tiếng, có đạo đức để thành lập một "Chính phủ dân chủ", "một Chính phủ có trí tuệ, có học vấn".

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Chính phủ kháng chiến toàn quốc có đủ nhân tài Bắc, Trung, Nam, "tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới". Ghi nhận những đóng góp của giới trí thức Việt Nam, Người khẳng định: trong các thành viên của Chính phủ có rất nhiều vị trí thức tham gia gánh vác một

phần quan trọng nhiệm vụ bảo vệ và kiến thiết quốc gia. Đó thực sự là những con người mẫn cán, có tinh thần cách mạng, có tri thức và sẵn sàng phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân.

Đồng thời tại kỳ họp này, Quốc hội đã thông qua *Hiến pháp chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (9-11-1946), bản *Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam*, đồng thời cũng là bản *Hiến pháp đầu tiên ở Á Đông*.

Hiến pháp năm 1946 được xây dựng trên nguyên tắc xuyên suốt: "Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo; đảm bảo các quyền tự do, dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân". *Hiến pháp* đã ghi rõ về chính thể: "Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa, tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo" (Điều 1); "Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia" (Điều 2) và "Cờ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nền đỏ, giữa có sao vàng năm cánh; Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô đặt ở Hà Nội" (Điều 3).

Với *Hiến pháp* năm 1946, lần đầu tiên

trong lịch sử, về phương diện pháp lý, nhân dân Việt Nam trở thành chủ thể của quyền lực nhà nước và Nhà nước đó được xác định rõ: "Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa" (Điều 6), "đều bình đẳng trước pháp luật" (Điều 7)... Các chế định này thực sự là bước ngoặt lớn trong sự phát triển của tư tưởng dân chủ, đồng thời khẳng định trong thực tế "nhân dân đã có cơ sở hiến định để được hưởng các quyền tự do dân chủ, được tham gia tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước".

Sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả công dân Việt Nam được *Hiến pháp* thừa nhận, đã thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với Người, đại đoàn kết không dừng lại ở nguyên tắc chính trị, mà trở thành một nguyên tắc hiến định, nhằm huy động sức mạnh của toàn dân trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Nhiều điều của *Hiến pháp* mang nội dung dân chủ sâu sắc, vượt xa thể chế dân chủ của nhiều quốc gia trong thời điểm đó (quyền bầu cử, ứng cử, quyền bình đẳng về giới, bình đẳng về quyền lợi giữa các giai cấp, dân tộc và tôn giáo, v.v.). Những chế

định này đã tạo nên một *Hiến pháp dân tộc, dân chủ và công bằng của các giai cấp*. Và cũng từ những chế định này, giá trị lớn nhất của mô hình tổ chức nhà nước trong *Hiến pháp* là những quy định về tính chất dân tộc của Nhà nước. Đó là Nhà nước dân tộc không phân biệt giai cấp, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, đồng thời cũng chính là thành công của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân tộc, do dân tộc, vì dân tộc ở Việt Nam.

Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được thể hiện rõ trong từng điều văn của *Hiến pháp*: nhân dân là người trực tiếp bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước, để thay mặt mình quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước (ở Trung ương là Quốc hội - Chương III và ở các địa phương là Hội đồng nhân dân - Chương V). Nhân dân là người trực tiếp bầu ra những đại biểu thay mặt mình gánh vác công việc nước nhà (Nghị viện nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp) và phải chịu trách nhiệm trước dân, mà nhân dân còn có thể thực hiện quyền lực của mình thông qua các hoạt động của những tổ chức chính trị - xã hội, thông qua các hoạt động yêu cầu khiếu nại...

Cũng trong *Hiến pháp* năm 1946, Nghị viện nhân dân/ Quốc hội là cơ quan có quyền cao nhất (Điều 22 và Điều 23) do nhân dân bầu ra, gồm đại diện của các giai tầng trong xã hội, có quyền hạn "giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật". Nhưng về hành pháp, Nghị viện chỉ "biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài", còn lại thì giao cho cơ quan hành pháp là Chính phủ, hành động và thực hiện chức năng kiểm soát thường xuyên của mình. Nghị viện cử ra Ban Thường vụ để thi hành sự kiểm soát đó. Đồng thời, Điều 36 *Hiến pháp* ghi rõ: "khi Nghị viện không họp, Ban Thường vụ có quyền: biểu quyết những dự án sắc luật của Chính phủ..., triệu tập nghị viện nhân dân, kiểm soát và phê bình Chính phủ".

Trong điều kiện cụ thể của Việt Nam khi đó, việc soạn thảo và thông qua các chế định về Nghị viện/Quốc hội (Điều 45, 47, 54) của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp Việt Nam là một sáng tạo, vừa phù hợp hoàn cảnh, vừa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của cách mạng. Bởi rằng, dù là cơ quan có quyền cao nhất, quyết định những công việc quan trọng nhất của nước nhà, nhưng Nghị

viện/ Quốc hội không phải là nơi tập trung toàn bộ quyền lực, không phải là cơ quan "siêu quyền lực". Đó là "quyền lực nhà nước của nghị viện khi thực hiện cũng bị kiểm tra lại bởi các thiết chế nhà nước và của chính nhân dân - chủ thể của quyền lực". Cũng từ những chế định này, có thể thấy rõ tính đảm bảo quyền lực của nhân dân thể hiện cụ thể ở chỗ các cơ quan đại diện (Nghị viện) là "cơ quan có quyền cao nhất", cơ quan duy nhất có quyền đặt ra các pháp luật, giải quyết những vấn đề chung của toàn quốc nhưng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Hiến pháp năm 1946 quy định rõ: "Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa" (Điều 43). Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa "chọn trong nghị viện nhân dân và phải được hai phần ba số nghị viên bỏ phiếu thuận" (Điều 45), vừa là người đứng đầu Chính phủ (bao gồm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước và nội các có Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thứ trưởng), vừa là Chủ tịch nước, nắm quyền hành pháp (có những yếu tố giống mô hình cộng hòa tổng thống). Quyền hạn rất lớn của Chủ tịch được ghi trong Điều 49 của *Hiến pháp* và "không phải chịu một trách

nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc" (Điều 50). Chủ tịch nước trong chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân theo Hồ Chí Minh sẽ không được thiết lập bằng con đường truyền ngôi, hay sự suy tôn đương nhiên, mà phải do nhân dân lựa chọn trong cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, đó là Nghị viện/ Quốc hội.

Với điều kiện cụ thể của Việt Nam, với nhiệm vụ của cách mạng khi đó là kháng chiến, giành độc lập dân tộc và kiến quốc, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước được đặt ra trong *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam độc lập là việc "thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân". Chế định này của *Hiến pháp* năm 1946 không chỉ thích ứng với tình thế cách mạng khi đó, mà còn có ý nghĩa thời sự cho sự nghiệp đổi mới hôm nay.

Việc *Hiến pháp* năm 1946 quy định nội các từ Thủ tướng đến các thành viên của Chính phủ đều do Quốc hội biểu quyết, chịu trách nhiệm trước Nghị viện theo quan điểm của Hồ Chí Minh là một chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân, phải chịu trách nhiệm trước cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Tuy nhiên, cũng theo *Hiến pháp* năm 1946, để tăng cường quyền lực, kịp thời giải quyết những công việc cần kíp trong tình

thể nước sôi, lửa bỏng thì quyền định đoạt trực tiếp đã được giao cho Chính phủ - "cơ quan hành pháp" trên cơ sở sự tín nhiệm và uỷ thác trọng trách của quốc dân.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc xây dựng, thông qua những chế định về Nghị viện, Chính phủ và Chủ tịch nước trong *Hiến pháp* năm 1946 đã tạo ra một thiết chế Chủ tịch nước đặc thù Việt Nam, tạo cho Hồ Chí Minh một vị thế đặc biệt. Đó vừa là người đứng đầu Nhà nước, vừa là Chủ tịch Chính phủ, đồng thời là lãnh tụ tối cao của dân tộc và của Đảng, có quyền lực tối cao (quyền phủ quyết - Điều 31, 54), để cùng với Ban Thường trực Quốc hội dựa vào tinh thần của *Hiến pháp* năm 1946 quyết định, điều hành đất nước trong điều kiện có chiến tranh lan rộng và kịp thời thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử tổ chức quyền lực nhà nước của các nước tiên tiến trên thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển một cách sáng tạo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước (Chính phủ, Nghị viện/Quốc hội, Tòa án) một cách phù hợp với

thực tiễn Việt Nam. Những chế định về các cơ quan quyền lực (lập pháp, hành pháp và tư pháp) trong tổ chức bộ máy nhà nước dân chủ cộng hòa được quy định trong *Hiến pháp* năm 1946 không giống nguyên mẫu mô hình tổ chức nhà nước đã từng phổ biến khi đó (Anh, Pháp, v.v.).

Trong bối cảnh đặc thù, yêu cầu xây dựng một nhà nước dân chủ rộng rãi, phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc đòi hỏi lãnh tụ Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp Việt Nam xây dựng những chế định về tổ chức nhà nước phải thể hiện được tính liên hiệp rộng rãi, tránh sự thuần túy chuyên chính công nông. Đó thực sự là một nhà nước của dân tộc, dân chủ. Tuy nhiên, ngay trong những điều kiện vô cùng khó khăn đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn kiên định nguyên tắc tập trung dân chủ và trong thực tế việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước có vận dụng yếu tố phân quyền ở mức độ nhất định. Như vậy, *Hiến pháp* năm 1946 được xây dựng trên tinh thần dân chủ rộng rãi (dân chủ rộng rãi đa dạng các lợi ích, các nhóm xã hội), song vị trí của Nghị viện/ Quốc hội đã được đề cao, đảm bảo quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng (dù Đảng đã

rút vào hoạt động bí mật).

Được soạn thảo phù hợp với Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển của thời đại, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh tụ Hồ Chí Minh, của tập thể những nhà chính trị, những chuyên gia lập pháp thời đó, *Hiến pháp* năm 1946 kết tinh ý chí, nguyện vọng và thể hiện xuyên suốt tư tưởng xây dựng nhà nước cộng hòa dân chủ, mưu cầu nền độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, *Hiến pháp* năm 1946 cũng thể hiện tính độc đáo ở chỗ các thiết chế quyền lực trong Nhà nước không xây dựng và hoạt động theo thuyết tam quyền phân lập, phân chia và kiểm chế quyền lực, mà phân công phối hợp, cùng nhau hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Với các chế định trong *Hiến pháp* năm 1946, chức năng, quyền hạn của các cơ quan quyền lực và mối quan hệ giữa Nghị viện, Chính phủ và các cơ quan tư pháp đã tạo điều kiện cho bộ máy nhà nước vận hành một cách hiệu quả trong điều kiện chiến tranh sau đó.

Hiến pháp năm 1946 ra đời trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, phức tạp, quan hệ đến

sự mất còn của chính quyền cách mạng non trẻ Việt Nam. Với những chế định cụ thể, *Hiến pháp* đã tạo cơ sở pháp lý để nhân dân thực hiện quyền lực của mình. Việc thông qua *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tháng 11-1946, khi mà thời điểm bùng nổ cuộc chiến tranh Pháp - Việt đang tới gần và nhân dân ta đang thực hiện những công việc khẩn cấp do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra, đã cho thấy tính cấp thiết và tầm quan trọng của bản *Hiến pháp*. *Hiến pháp* năm 1946 củng cố cơ sở pháp lý, tính hợp hiến và hợp pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân ta xây dựng một nhà nước độc lập và trở thành người chủ thực sự của Nhà nước đó, vững vàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Hiến pháp năm 1946 mang đậm dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh: độc lập, dân tộc, dân chủ, tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Sự kết hợp tài tình giữa các giá trị phổ biến của chế độ cộng hòa dân chủ đã từng tồn tại trong lịch sử với những đặc điểm cụ thể của Việt Nam trong điều kiện nhân dân lao động (không phân biệt nam nữ, giàu nghèo và thành phần dân tộc) trở thành chủ

nhân của quyền lực nhà nước là một lựa chọn tất yếu khách quan của thời cuộc, phù hợp với lịch sử cách mạng giai đoạn đó, đồng thời cũng phù hợp với trào lưu của thế giới đương đại.

Hiến pháp năm 1946 được viết ngắn gọn, rõ ràng, dứt khoát, đồng thời khẳng định được những nguyên tắc cơ bản của lập pháp. Đây là một bản *Hiến pháp* tiến bộ, vì lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, những nét đặc trưng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, tự do và dân chủ đã được khẳng định. *Hiến pháp* thể hiện cụ thể về mặt pháp lý tư tưởng độc lập tự do, quan điểm lấy dân làm gốc, quan điểm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh.

Hiến pháp "là sản phẩm của một không khí cách mạng và những khát vọng đòi hỏi của toàn xã hội", đưa người dân Việt Nam từ thân phận thân dân trong chế độ phong kiến, từ thân phận người nô lệ trong chế độ thực dân, trở thành công dân của nước Việt Nam độc lập, tự do. Tinh thần dân chủ của *Hiến pháp* góp phần tập hợp mọi lực lượng yêu nước, tạo chỗ dựa về chính trị và pháp lý cho Nhà nước dân tộc dân chủ trong công cuộc kháng chiến,

kiến quốc. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Bản Hiến pháp đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp"¹.

Đánh giá về kỹ thuật lập pháp của *Hiến pháp* năm 1946, các nhà luật học cho rằng: đây thực sự là "một bản Hiến pháp cô đúc, khúc chiết, mạch lạc và dễ hiểu với tất cả mọi người. Đó là một bản Hiến pháp mẫu mực trên nhiều phương diện"², phản ánh trình độ cao của Nhà nước Việt Nam về xây dựng hệ thống pháp luật, đặc biệt là đạo luật cơ bản.

Tuy nhiên, vì điều kiện chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp lan rộng nên *Hiến*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.440.

2. Thái Vĩnh Thắng: *Lịch sử lập hiến Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 26.

pháp năm 1946 chưa được ban hành bằng một sắc lệnh và chưa được thi hành ngay. Việc bầu Nghị viện nhân dân theo quy định của *Hiến pháp* chưa thể tổ chức được, song nghị quyết ngày 9-11-1946 của kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa I đã "ủy nhiệm Chính phủ và Ban Thường trực Quốc hội thi hành *Hiến pháp*". Dựa vào nội dung của từng điều văn của *Hiến pháp* năm 1946, Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ cùng với Ban Thường trực Quốc hội đã có cơ sở pháp lý để tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc sau đó.

Cùng với việc lập Chính phủ mới, thông qua *Hiến pháp*, để chuẩn bị căn cứ địa cho cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân công đồng chí Trần Đăng Ninh và đồng chí Nguyễn Lương Bằng tìm địa điểm cho việc di chuyển các cơ quan của Đảng và Nhà nước khi chiến tranh lan rộng, đồng thời tổ chức lực lượng di chuyển một số trang thiết bị kỹ thuật, gạo, muối về căn cứ Việt Bắc.

Trong những ngày này, tuy bận công việc đại sự của quốc gia, nhưng khi biết tin chị và anh ruột ra thăm, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian để giữ trọn đạo làm em với anh

trai Nguyễn Sinh Khiêm và người chị gái Nguyễn Thị Thanh của mình. Nông hậu trong tình thân, và thông cảm với người em trai đang bận lo việc nước, ông cả Khiêm và bà Thanh đã vui vẻ trở lại quê nhà.

Quân Pháp ngày càng vi phạm nghiêm trọng những thoả ước mà hai bên đã ký kết. Trong khi chúng tấn công quân sự, xâm chiếm ngày càng trắng trợn, liêu lĩnh đối với những địa điểm của ta đóng giữ, thì chúng ta vẫn giữ thái độ hết sức mềm dẻo, mong muốn giải quyết tranh chấp bằng con đường hòa bình. Trả lời phỏng vấn với phóng viên báo *Pari - Sài Gòn*, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách, tuy nhiên nếu người ta buộc chúng tôi phải tiến hành cuộc chiến tranh ấy, thì chúng tôi sẽ làm, và "cuộc chiến đấu sẽ khốc hại, nhưng dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do"¹. Khi người Pháp cứ muốn biến Nam Kỳ thành một xứ Alsace Lorraine mới, khi thực dân Pháp với bộ ba Đắcgiăngliơ -

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 473.

Pinhông - Valuy đã đưa mối quan hệ Việt - Pháp đến gần cuộc "chiến tranh trăm năm", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Tướng quân Raun Xalăng rằng, mặc dù không muốn, nhưng thực tế đã buộc "chúng tôi phải bắt đầu từ con số không, bắt đầu từ mảnh đất tro trụi bảo vệ linh hồn của tổ tiên và đất nước chúng tôi".

Tình hình ngày càng xấu đi nghiêm trọng. Mặc dù Việt Nam đã nhân nhượng để cứu vãn hòa bình, nhưng thực dân Pháp hiểu chiến lại càng lấn tới. Trong điều kiện thực tế đó, ngày 18 và 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ tọa *Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng* tại làng Vạn Phúc, Hà Đông. Tại Hội nghị, sau khi phân tích sâu sắc tình hình của ta, âm mưu của địch, Hội nghị đã quyết định tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

Sau khi Hội nghị thông qua *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo, và sáng sớm ngày 19-12-1946, khi quân Pháp gửi tới hậu thư lần thứ ba (hạn trong 24 giờ đồng hồ, tự vệ Hà Nội phải hạ vũ khí, đình chỉ ngay những hành động chuẩn bị kháng chiến), thì 20 giờ 3 phút ngày

19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Cả dân tộc đồng lòng, quyết tâm kháng chiến theo lời hịch vang dội non sông của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!"¹.

Chỉ với 16 tháng, kể từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, chúng ta đã làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của thù trong giặc ngoài; tranh thủ thời gian chuẩn bị thực lực, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi chiến tranh lan rộng. Những yêu cầu cụ thể và cấp bách của quốc gia đã được tập trung giải quyết. Nạn đói, nạn dốt bị đẩy lùi. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội thắng lợi. Chính phủ chính thức được thành lập. Nền dân chủ cộng hòa được củng cố. Nhà nước dân chủ nhân dân với hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương được xây dựng, cùng việc kịp thời ban hành một hệ thống văn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 480.

bản dưới luật, xây dựng và thông qua *Hiến pháp* - đạo luật cơ bản nhất của nước nhà để tổ chức và điều hành đất nước.

Mùa đông năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc ấy đã 56 tuổi, mang theo chiếc ba lô đựng vài ba bộ quần áo, một chiếc túi đựng tài liệu, cái máy chữ "Héc mét", chiếc đồng hồ quả quýt cùng chiếc gậy trúc và đôi dép cao su lại trở về Việt Bắc cách mạng, cùng dân tộc đồng hành trong cuộc trường chinh chống Pháp.

Tài trí và khôn khéo, linh hoạt và quyết đoán, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta từng bước giành thắng lợi trong "cuộc chiến" chống thù trong, giặc ngoài, đồng thời xây dựng và củng cố nền dân chủ cộng hòa và chuẩn bị thực lực cho cuộc trường chinh chống thực dân Pháp xâm lược. Trong vai trò một người cầm lái, Người đã đưa nhân dân ta vượt qua những hiểm nguy, vượt qua sự bao vây của nhiều loại kẻ thù (giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm), để vững vàng và kiên định trong hành trình đi đến một nước Việt Nam độc lập, tự do và thống nhất.

Yêu chuộng hòa bình, không muốn chiến tranh và đổ máu, song lịch sử đã chứng minh

lời của Christiane Pasquel Rageau trong bài viết *Hồ Chí Minh "Les Justes"*: "Kháng chiến bảo vệ đất nước, đây là một đề tài không bao giờ chấm dứt ở dân tộc nhỏ bé này. Người nông dân Việt Nam cũng là những người chiến sĩ đã từng chiến thắng"¹. Thực dân Pháp đã không thiện chí trước nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam, dù Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không ít lần "đề nghị với nước Pháp một sự hợp tác chân thành trong sự tôn trọng độc lập và những quyền của dân tộc Việt Nam và những lợi ích chính đáng của nước Pháp". Bởi vậy, cuộc chiến tranh Đông Dương sau đó, cũng đúng như trong *Hồ Chí Minh (1890-1969)*, Philipp Devillers đã viết: "Lịch sử đã có thể nói lên được rằng không phải tùy thuộc ông mà những quan hệ Pháp - Việt từ 1946 đến 1953 thực tế chỉ là một cuộc độ sức kéo dài"².

1. Christiane Pasquel Rageau: *Hồ Chí Minh "Les Justes"*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, H29 C6/3.

2. Philipp Devillers: *Hồ Chí Minh (1890-1969)*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, H29 C5/24.

VIII

TRỞ LẠI VIỆT BẮC, LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1954)

Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mình là chính của một dân tộc Việt giàu truyền thống yêu nước, yêu tự do và đoàn kết "muôn người như một" trong suốt hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, để chống lại một đế quốc thực dân luôn có dã tâm xâm lược và thống trị Đông Dương đã được bắt đầu sau rất nhiều nhân nhượng.

Theo những chế định của *Hiến pháp* năm 1946, trong điều kiện chiến tranh ngày một quyết liệt, việc triệu tập thường xuyên toàn bộ Ban Thường trực Quốc hội để cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ kịp thời quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách của đất nước sẽ rất khó khăn, phức tạp. Được trao nhiều quyền hạn lớn và cũng là người lãnh đạo cao nhất, song trong mỗi quyết định của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều tranh thủ ý kiến của cụ Trưởng Ban Thường trực Quốc hội theo quyết định của Ban Thường trực Quốc hội tháng 12-1946:

a) Trong thời kỳ kháng chiến vì tình thế khó khăn thì ít là sẽ có cụ Trưởng Ban Thường trực ở liền với Chính phủ để giúp đỡ và theo dõi đường lối chính trị và cùng với Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

b) Còn các đại biểu Quốc hội thấy đều tùy năng lực và địa vị mà tham gia vào mọi công cuộc kháng chiến.

c) Ban Thường trực thay toàn thể Quốc hội hiệu triệu và nhận các ý nguyện của dân và sửa soạn cuộc đại hội.

Nội dung quyết định trên nêu rõ, trong điều kiện đặc thù của chiến tranh, Trưởng Ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn sẽ thay mặt Ban Thường trực Quốc hội luôn ở bên cạnh Chính phủ, tham dự các phiên họp của Hội đồng Chính phủ, góp ý kiến với Chính phủ trong mọi công việc và thỏa thuận với Chính phủ việc ban hành các sắc lệnh, các đạo luật dựa trên những nguyên tắc đã định trong *Hiến pháp* năm 1946.

Với quyết định sáng suốt của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời kêu gọi cả dân tộc vùng lên kháng chiến để bảo vệ non sông, gấm vóc của tổ tiên. Lời hiệu triệu đầy chất hùng văn chiến thắng hàm chứa trong bài thơ

chúc Tết năm 1947 của Người lại thúc giục lòng người, như khẳng định nội lực và nguồn sức mạnh đồng tâm, đồng chí, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trước họa ngoại xâm. Tết kháng chiến Đình Hội, Tết của lời kêu gọi toàn dân tộc quyết chí, đồng lòng:

"Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non
sông.

Toàn dân kháng chiến, toàn diện
kháng chiến,

Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.

Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!

Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.

Trường kỳ kháng chiến, nhất định
thắng lợi!

Thông nhất độc lập, nhất định thành
công!"¹.

Cuốn cuộn chảy trong trái tim Hồ Chí Minh "chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng

1. Hồ Chí Minh: *Xuân Đình Hội - 1947, Thơ chúc Tết*, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, 1986, tr.9.

được học hành"¹; đó chính là nét giản dị của ngôn từ và tính chất cô đúc thành phương châm, thành khẩu lệnh được kết hợp tự nhiên "không kể đến vị trí và cảnh ngộ" trong lời thơ giục giã và đầy sức mạnh cổ vũ của Người đã tổ chức, lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mấy năm sau đó.

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng, để đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn, một trong những vấn đề quan trọng nhất là phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Từ thực tế và xuất phát từ yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thành một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để; đồng thời thấu hiểu sâu sắc rằng sức mạnh của Đảng chính là sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, là sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tháng 10-1947, tại Thái Nguyên, với bút danh X.Y.Z, Người đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*.

Sửa đổi lối làm việc gồm sáu phần, nêu lên những kinh nghiệm, bài học thực tiễn có tính lý luận, bồi dưỡng tác phong lãnh đạo của người đảng viên cộng sản; 12 điểm về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.161.

xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền và cả nước có chiến tranh và nêu năm điều về rèn luyện đạo đức cách mạng. Trong tác phẩm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Trong lúc dân tộc đang ở trên ngã tư đường, chết hay sống, mất hay còn, mỗi một đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp, làm cho nước được thống nhất và độc lập"¹.

Khẳng định: "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng"², Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu, Đảng - đội tiên phong của dân tộc, bộ tham mưu lãnh đạo cuộc kháng chiến, để có thể hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang của mình, thì nhất định "phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng"³. Nêu ra 12 điều liên quan đến công tác xây dựng Đảng trong *Sửa đổi lối làm việc* như: người cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận, phải gắn lý luận với thực tiễn, phải đặt khẩu hiệu và chỉ thị của Đảng cho phù hợp

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 76, 249.

với thực tế, phải xem những khẩu hiệu và chỉ thị đó được thực hiện như thế nào, v.v., Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh nội dung: "Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng"¹.

Cũng theo Người, "lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng... Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong". Nhận thức sâu sắc rằng, nhân dân có thể giải quyết được nhiều vấn đề một cách mau chóng, đầy đủ và giản đơn, trong khi "những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra", Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò to lớn của quần chúng và sự cần thiết phải tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và quần chúng để tiến hành công tác xây dựng Đảng. Cũng từ việc nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc huy động sức mạnh của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng, Người chỉ ra rằng, "mọi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng. Nếu không vậy, thì chẳng những không lãnh đạo được dân chúng mà cũng không học được dân

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 249.

chúng"².

Xuyên suốt cả sáu vấn đề trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm rõ vai trò, tầm quan trọng của việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, của việc sửa đổi lối làm việc, những điều đang có nguy cơ chia rẽ mỗi liên hệ mật thiết của Đảng với quần chúng; đồng thời khẳng định: "Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng"¹. Từ đó, cùng với việc chỉ ra rất nhiều căn bệnh (hơn 20 bệnh) và hệ quả xấu của nó trong tác phẩm này, Người đồng thời luận giải nguồn gốc của những căn bệnh truyền nhiễm đó và con đường lây lan nhanh của nó, để yêu cầu người cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng đạo đức cách mạng, thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình.

Kết luận về việc tất yếu phải rèn luyện đạo đức cách mạng, phải kiên quyết đấu tranh, khắc phục bệnh quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan công quyền của Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Người cách mạng phải có đạo

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 290, 252-253.

đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"².

Là linh hồn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trong những năm ở chiến khu Việt Bắc, cùng với việc xây dựng Đảng, khẳng định vai trò lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thường xuyên tranh thủ ý kiến của cụ Trưởng Ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn (người chịu trách nhiệm đại diện Ban Thường trực Quốc hội) mỗi khi có quyết định về nhân sự, về việc ban hành các sắc lệnh, về việc tu chỉnh Hiến pháp, v.v.. Theo luật gia Vũ Đình Hòe, "Hồ Chủ tịch không lúc nào sao nhãng việc xin ý kiến của hai cụ Trưởng, Phó ban Bùi Bằng Đoàn và Phạm Bá Trực... Không bao giờ khai hội Chính phủ nếu Chủ tịch Chính phủ thấy hai vị đại diện Quốc hội chưa tới... Trước khi Chính phủ biểu quyết việc gì, Hồ Chủ tịch đều quay mặt sang cụ Trưởng ban xin Cụ phát biểu ý kiến lần chót, rồi nhắc Phan Mỹ ghi biên bản"¹. Người luôn trân trọng ý kiến đóng góp của vị đại diện cơ quan quyền lực: "Việc gì cũng thế, có lý có tình". Sau này (1954), khi linh mục Phạm Bá Trực qua đời, lời điều về linh mục của Chủ

1. Vũ Đình Hòe: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Sđd, tr.362.

tịch Hồ Chí Minh đã lay động biết bao trái tim người dân Việt Nam nói chung và đồng bào Công giáo nói riêng: "Cụ linh mục Phạm Bá Trục đã tỏ rõ tinh thần kính Chúa và yêu nước của đồng bào Công giáo Việt Nam. Cụ luôn luôn cố gắng thắt chặt tinh thần đoàn kết giữa lương và giáo, giữa các tôn giáo với nhau để đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ của đất nước. Cụ linh mục Phạm Bá Trục đã mất nhưng tinh thần đó sẽ được đồng bào Công giáo và nhân dân ta nêu cao mãi"¹. Cũng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, với cương vị là người đại diện cho Quốc hội bên cạnh Chính phủ, "trong mọi việc, Cụ đã kết hợp đạo đức bác ái theo lời Chúa dạy với tinh thần nồng nàn yêu nước của người đại biểu chân chính của nhân dân Việt Nam".

Mặt khác, có những khi Quốc hội không có điều kiện họp, Người thường triệu tập các Hội nghị Quân - Dân - Chính họp thường kỳ ở các khu, các tỉnh để tranh thủ ý kiến. Như vậy, mặc dầu chiến sự ác liệt, nhưng với tinh thần trách nhiệm cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bộ máy kháng chiến hành chính gọn nhẹ vẫn đảm bảo được các nguyên tắc lớn của *Hiến pháp* về một nhà nước của dân, do dân,

1. Báo *Nhân dân*, số 237, ngày 11 – 12-10-1954.

vì dân. Đây không chỉ là một giải pháp thích ứng trong điều kiện đặc biệt của chiến tranh, mà còn là sự sáng tạo trong thực tiễn khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Quốc hội Việt Nam. Đồng thời, việc Chủ tịch Hồ Chí Minh phát huy vai trò, hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất một cách rất linh hoạt cũng cho thấy mối quan hệ chặt chẽ, hiệu quả giữa Quốc hội và Chính phủ trong những năm kháng chiến.

Cùng với *Sửa đổi lối làm việc*, với bút danh Tân Sinh, Người viết tác phẩm *Đời sống mới*. Bằng hình thức hỏi - đáp, cuốn sách giới thiệu vắn tắt, rõ ràng, dễ hiểu nội dung của đời sống mới và nêu yêu cầu cụ thể đối với mỗi người, mỗi gia đình, từng giới, từng ngành. Cuốn sách còn hướng dẫn bộ đội và nhân dân sửa chữa những cái cũ không còn phù hợp, thực hiện những cái mới mà hay trong đời sống, trong cách ăn, mặc, ở, đi lại, cách làm việc. *Đời sống mới* đã thiết thực giúp bộ đội và nhân dân ta biết xử lý một cách đúng đắn mối quan hệ giữa cái cũ và mới, về giữ vệ sinh môi trường, đồng thời thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, để dù gian lao kháng chiến, nhân dân ta vẫn có "vật chất được đầy đủ, tinh thần được vui mạnh hơn".

Không chỉ quan tâm đến vấn đề rèn luyện

đạo đức cho quân nhân, để góp phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp cho quân đội, Người đã biên soạn tài liệu *Cách huấn luyện cán bộ quân sự của Khổng Minh* (do Chủ tịch Hồ Chí Minh biên dịch, Phòng Chính trị Đ.Q.C.V.N Liên khu III xuất bản, tháng 9-1948) gồm 36 vấn đề thuộc về phẩm chất, bản lĩnh và cách thức chỉ huy của người làm tướng. Đó là một bước để quân đội ta tiến dần lên chính quy hoá. Ngày 20-1-1948, Người đã ký *Sắc lệnh 110/SL* phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp và *Sắc lệnh 111/SL* và *Sắc lệnh 112/SL* phong quân hàm Trung, Thiếu tướng cho một số cán bộ cao cấp đang giữ các trọng trách trong quân đội.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị đại tướng đầu tiên của Quân đội ta, mỗi khi nhớ về những kỷ niệm của ngày nhận quyết định được phong Tướng (28-5-1948), vẫn khôn nguôi xúc động trước vinh dự và trách nhiệm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho mình. Tại lễ thụ phong, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp rằng: Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng, để chú điều khiển binh sĩ làm trọn sứ mạng mà quốc dân giao phó. Trong thực tiễn, cả cuộc đời

binh nghiệp của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã luôn thấm nhuần những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức người làm tướng. Hội tụ đủ và phát huy những phẩm chất cao quý của người cán bộ, đảng viên, trong con người Đại tướng, "trí, tín, nhân, dũng, liêm, trung" là những phẩm chất đạo đức nổi bật. Cùng với phương châm hành xử "dĩ công vi thượng", những phẩm chất đạo đức của ông đã trở thành những nhân tố quan trọng, làm lên một vị tướng huyền thoại nhất trong lịch sử Việt Nam cận hiện đại.

Là lãnh tụ của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất coi trọng vai trò của dân quân du kích. Theo Người, đó "là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã"¹. Với phương châm chắc thắng mới đánh, đồng thời chú ý phát huy sức mạnh chính nghĩa, kết hợp quân sự với chính trị, ra sức địch vận để làm tan rã hàng ngũ địch, Người khuyên các lực lượng vũ trang, đặc biệt là bộ đội chủ lực: không nên nóng vội, muốn ăn to đánh lớn khi chưa đủ điều kiện. Bên cạnh đó, để động viên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 132.

tin thần quân và dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh về đặt và quy định thưởng Huân, Huy chương Kháng chiến, Quân công... cho các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong kháng chiến.

Phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, nhân ngày Quốc tế Lao động 1-5-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi thi đua yêu nước*. Nhân kỷ niệm 1.000 ngày toàn quốc kháng chiến, Người đã ra lời kêu gọi, chính thức phát động phong trào "*Thi đua ái quốc*", nêu rõ mục đích, phương châm và khẩu hiệu, cũng như nội dung thi đua cụ thể cho từng giới. Quan tâm đến sự phát triển của phong trào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời cụ Tôn Đức Thắng làm *Trưởng Ban Trung ương vận động thi đua ái quốc*; mời ông Hoàng Đạo Thúy làm *Tổng Bí thư Ban Thi đua Trung ương*, đồng thời tặng một chiếc quạt thước và lời nhắn nhủ: "*Tặng chú chiếc quạt để chú quạt cho phong trào lớn mạnh*".

Được sự quan tâm sâu sắc, sự chỉ đạo sát sao của Người và việc tổ chức, tiến hành thi đua một cách toàn diện, sâu rộng của Ban Trung ương vận động thi đua ái quốc và các cấp, phong trào "*Thi đua yêu nước*" do Người khởi xướng, phát động nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân tộc độc lập, dân quyền tự

do, dân sinh hạnh phúc" đã phát triển mạnh mẽ. Trên tinh thần mỗi người dân Việt Nam đều cần phải trở nên một chiến sĩ tranh đấu trên các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị và văn hóa đều phải tích cực tham gia phong trào "Thi đua yêu nước", phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết, hăng hái thi đua từ những ngày đầu "của nền dân chủ cộng hòa". Nhân dân cả nước, từ "các cụ phụ lão" đến "các cháu nhi đồng", từ "đồng bào phú hào" đến "đồng bào công nông", "đồng bào trí thức", "nhân viên Chính phủ", "bộ đội và dân quân" ai cũng đồng lòng thi đua. Thi đua một cách toàn diện, rộng khắp và thường xuyên trong những năm kháng chiến: "các chiến sĩ kinh tế" thi đua với "các chiến sĩ quân sự"; các nhà văn hóa thi đua "có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế"¹; các "nam nữ trong phong trào Bình dân học vụ hăng hái xung phong, diệt cho hết giặc dốt"; "các cán bộ thi đua thực hành cần, kiệm, liêm, chính", v.v.. Với tinh thần người người thi đua, ngành ngành thi đua, ngày ngày thi đua, trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.464.

những năm kháng chiến và kiến quốc, phong trào "Thi đua yêu nước" đã diễn ra sôi nổi, sâu rộng. Trong sản xuất nông nghiệp, các phong trào "Thi đua tiết kiệm, tránh xa xỉ, phí phạm, để dành lương thực cho bộ đội hoặc cho những lúc túng thiếu" (1-3-1950); thi đua với tinh thần "Ruộng đất là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương" (2-1951); "Thi đua đóng thuế nông nghiệp" (3-1953), v.v., đã thu được kết quả tốt.

Sau gần hai năm kiên trì thực hiện đường lối kháng chiến, quân dân ta đã bước đầu làm thất bại chiến lược đánh "chớp nhoáng" của địch, buộc chúng phải co cụm về các thành phố lớn. Từ nhận định: nhất định thực dân Pháp sẽ mở cuộc tiến công lớn vào thu đông năm 1947, lấy chiến trường chính là Việt Bắc, hòng thực hiện âm mưu tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, nên khi địch cho quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, mở đầu cho cuộc phiêu lưu quân sự lên Việt Bắc (8-10-1947), Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời ra Chỉ thị *Phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp*. Với cách đánh du kích và vận động chiến, quân và dân ta đã làm cho các binh đoàn lớn của Pháp bị chia cắt và hao mòn và sau 40 ngày tấn công Việt

Bắc, ngày 13-11-1947, ba binh đoàn với 2 vạn quân tinh nhuệ của địch đã phải tháo chạy khỏi Việt Bắc. Cuộc tấn công thu đông năm 1947 của thực dân Pháp hoàn toàn phá sản.

Sau chiến thắng Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Việt Bắc anh dũng*, trong đó vạch rõ những thất bại của Pháp, khái quát nguyên nhân quyết định thắng lợi của quân ta trong chiến dịch thu đông vừa qua, đồng thời dự báo âm mưu mới của địch. Trong tác phẩm này, Người cũng nhắc nhở quân và dân ta: chớ chủ quan khinh địch, tự cao tự đại mà phải luôn luôn chuẩn bị, cẩn thận đề phòng, sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, bởi đó là chìa khoá để đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc đã đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta sang một giai đoạn mới, buộc thực dân Pháp chuyển từ chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" sang chiến lược đánh lâu dài và thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Không chỉ xin viện trợ của đế quốc Mỹ, sau một thời gian mặc cả, tháng 6-1948, Cao uỷ Pháp ở Đông Dương còn ngang nhiên ký Tuyên bố chung với đại diện Chính phủ Bảo Đại, theo đó Pháp thừa nhận "độc lập" của Việt Nam, thừa nhận một Chính phủ không đại diện cho

nhân dân Việt Nam, không phải do nhân dân Việt Nam bầu ra.

Về phía ta, đi đôi với thắng lợi về quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền đối ngoại, phá thế cô lập về ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của loài người tiến bộ đối với cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Cũng với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng quyết định đưa quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ cách mạng Lào và Cao Miên, phối hợp chiến đấu cùng quân giải phóng nhân dân Trung Quốc trong chiến dịch Thập vạn đại sơn, giúp bạn giải phóng một vùng rộng lớn ở Quảng Tây. Chiến thắng của quân tình nguyện Việt Nam không chỉ khẳng định sự lớn mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam, mà còn cổ vũ những người chiến sĩ phải luôn xứng đáng với niềm tin mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn gửi trong bức thư gửi bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích ngày 22-12-1949 là: "Quân đội ta luôn giữ gìn và phát huy truyền thống anh dũng của quân đội giải phóng Việt Nam và đạo đức cách mạng gồm trong 10 điều kỷ luật".

Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược là

sự cô vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, nên đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ cùng tình cảm nồng nhiệt của Chính phủ và nhân dân các nước anh em. Trên cơ sở đó, Chính phủ Việt Nam đã đặt cơ quan đại diện thường trú tại Băng Cốc, Rănggun, Praha để tuyên truyền, giúp nhân dân thế giới ngày càng hiểu hơn về cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta. Tiếp đó, ngày 14-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra *Lời tuyên bố* gửi chính phủ các nước trên thế giới: "Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam... Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới"¹. Ngay sau đó, ngày 18-1-1950, Chính phủ Trung Quốc công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 30-1-1950, Chính phủ Liên Xô, rồi chính phủ các nước dân chủ nhân dân Đông Âu lần lượt công nhận và thiết lập quan

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr. 7-8.

hệ ngoại giao với Việt Nam.

Đầu tháng 1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật rời Tân Trào đi Bắc Kinh (Trung Quốc). Đầu tháng 2-1950, Người đến Mátxcova (Liên Xô). Trong những cuộc gặp gỡ với các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước hai nước Trung, Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thông báo tình hình đấu tranh cách mạng và sự phát triển của cuộc kháng chiến anh dũng nhưng rất gian khổ của nhân dân Việt Nam; trao đổi ý kiến về vai trò và vị trí của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam trong trào lưu cách mạng thế giới; về sự giúp đỡ của quốc tế đối với cách mạng Việt Nam. Các nhà lãnh đạo hai nước đánh giá cao cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân Việt Nam, đồng thời coi việc giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là nghĩa vụ quốc tế cao cả. Không chỉ sẽ nhận được từ Liên Xô một trung đoàn pháo cao xạ 37 ly, một số xe vận tải Môlôôva và thuốc quân y, không chỉ nhận được từ Trung Quốc vũ khí trang bị cho một đại đoàn bộ binh, một đơn vị pháo binh và vận chuyển hàng viện trợ của Liên Xô cho ta và lời hứa của Mao Trạch Đông: "tỉnh Quảng Tây sẽ là hậu phương trực tiếp của Việt Nam", v.v.. Việc hai nước lớn nhất thế giới Liên Xô, Trung

Quốc và các nước dân chủ mới công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước ngang hàng trong đại gia đình dân chủ thế giới đã đưa lại thắng lợi to lớn trong lịch sử Việt Nam và "chắc rằng cuộc thắng lợi chính trị ấy sẽ là cái đà cho những thắng lợi quân sự sau này"¹.

Để củng cố và mở rộng vùng căn cứ địa Việt Bắc, phá sự phong tỏa của thực dân Pháp, nối liền nước ta với thế giới dân chủ, tháng 7-1950, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở *chiến dịch Biên giới* (từ ngày 16-9 đến ngày 8-10-1950). Người trực tiếp kiểm tra kế hoạch tác chiến, phê chuẩn quyết tâm của Bộ Chỉ huy chiến dịch và ra trận địa quan sát cứ điểm Đông Khê. Chiến dịch Biên giới toàn thắng, giải phóng 5 thị xã, 13 thị trấn, một dải biên giới dài 750 km với 35 vạn dân, đã nối liền nước ta với hai nước Trung - Xô và các nước dân chủ anh em.

Thắng lợi của chiến dịch Biên giới đã làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo ra thế và lực mới, đưa cuộc kháng chiến của ta đi tới thắng lợi hoàn toàn. Trước yêu cầu của tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 82.

quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II. Trong thư gửi Đại hội trù bị của Đảng (1-1951), Người yêu cầu các đại biểu cần nghiên cứu thật sâu, thảo luận thật kỹ những vấn đề chính trong các văn kiện và nhấn mạnh: "Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Vậy việc thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó"¹.

Từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương chính thức họp tại khu rừng Nà Loáng, thôn Phú An, xã Vinh Quang (nay là thôn Bó Củng, xã Kim Bình), huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 200 đại biểu, thay mặt cho hơn 76 vạn đảng viên thuộc các Đảng bộ Việt Nam, Lào và Campuchia. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Báo cáo chính trị* tại Đại hội. Sau khi điểm những nét chính tình hình thế giới 50 năm qua và tình hình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời, Người khẳng định: đường lối trường kỳ kháng chiến là hoàn toàn đúng đắn; với phương châm đoàn kết, đại đoàn kết

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr.150.

toàn dân và thực hiện biện pháp thi đua yêu nước, cuộc kháng chiến đã thực sự là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, là chiến tranh nhân dân.

Người cũng chỉ ra những khuyết điểm, sai lầm của Đảng như bệnh chủ quan, mệnh lệnh, hẹp hòi, công thần..., đồng thời nêu lên trách nhiệm chính của đảng viên là phải phát triển lối làm việc tập thể, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, nêu cao tinh thần kỷ luật, tính nguyên tắc, mở rộng phê bình và tự phê bình. Đặc biệt, Người nhấn mạnh: để đưa kháng chiến đến thắng lợi cần phải có một đảng hoạt động mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để. Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam.

Đại hội đã nghe, thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị*, bàn về phương hướng, đường lối của cách mạng Việt Nam, về tổ chức và Điều lệ Đảng, về chính quyền nhân dân, về củng cố khối đoàn kết, về xây dựng quân đội nhân dân và quan hệ ngoại giao, v.v.. Trong điều kiện lịch sử mới, phải có một đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và trong nước để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi, Đại hội quyết định

công tác chuẩn bị và tiến tới thành lập chính đảng mácxít ở mỗi nước trên bán đảo Đông Dương.

Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại hội nhất trí Đảng ta lấy tên là *Đảng Lao động Việt Nam*. Đại hội đã bầu 29 đồng chí vào Ban Chấp hành Trung ương, bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*; xác định con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam; đề ra ba nhiệm vụ của cách mạng và 12 chính sách lớn của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở để kiến thiết quốc gia.

Về chính quyền nhân dân, Chính cương của Đảng nêu rõ:

1- Chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính quyền dân chủ của nhân dân nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những tầng lớp nhân dân ấy chuyên chính đối với đế quốc xâm lược và bọn phản quốc. Cho nên nội dung chính quyền đó là nhân dân dân chủ chuyên chính.

2- Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân

tộc thống nhất, lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

3- Nguyên tắc tổ chức của chính quyền đó là dân chủ tập trung. Cơ quan chính quyền ở địa phương là Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính (hiện nay là Ủy ban kháng chiến hành chính). Cơ quan chính quyền tối cao toàn quốc là Quốc hội và Hội đồng Chính phủ¹.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, công cuộc kháng chiến và kiến quốc của nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn. Sự lớn mạnh của chính quyền dân chủ nhân dân, việc thực hiện chính sách dân tộc, sự phát triển của khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận liên hiệp quốc dân Việt Nam gọi tắt là Liên Việt, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân (gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích), v.v., là những nhân tố tạo đà cho việc đẩy mạnh và kết thúc cuộc kháng chiến.

Sau Đại hội lần thứ II, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng tập trung lãnh

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr. 437.

đạo toàn quân, toàn dân ta thực hiện thắng lợi nghị quyết do Đại hội đề ra. Để củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 3-3-1951, Đại hội toàn quốc đã quyết định hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt (Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam) thành một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, lấy tên là *Mặt trận Liên Việt* và Người được bầu làm Chủ tịch danh dự của Mặt trận. Tiếp đến, Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Việt - Miên - Lào cũng được tiến hành, gồm đại biểu Mặt trận dân tộc thống nhất của ba nước được tổ chức thắng lợi đã là minh chứng sinh động phá tan âm mưu chia rẽ trị của thực dân Pháp. Những bức ảnh chụp Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hoàng thân Xuphanuvông và đồng chí Sơn Ngọc Minh, những câu chuyện kể về mối thân tình giữa ba nhà lãnh đạo của ba nước Đông Dương Việt - Miên - Lào, sự sẻ chia, đồng cam, cộng khổ, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân ba nước trong thực tiễn, v.v., như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Với sự đồng tâm nhất trí của ba dân tộc anh em, với sức đại đoàn kết của ba dân tộc anh em, chúng ta nhất định đánh tan lũ thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, chúng ta nhất định làm cho ba nước độc

lập và thống nhất thật sự"¹.

Từng nói "thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên"², trong những năm kháng chiến và kiến quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến lực lượng thanh niên. Để có thể trở thành những người chủ xứng đáng, thực sự có tài và có đức, hoàn thành tốt những trọng trách mà cách mạng giao phó, bên cạnh việc tự trau dồi về mọi mặt của bản thân, thanh niên Việt Nam còn được Đảng ta mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm giáo dục, tổ chức, hướng dẫn tập dượt, từng bước trở thành một "lực lượng to lớn và vững chắc", dũng cảm đi đầu trong mọi nhiệm vụ được giao. Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng, từ cuối năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đồng chí Vũ Kỳ - thư ký giúp việc của Người sang công tác ở Trung ương Đoàn Thanh niên Cứu quốc, để chuẩn bị cho sự ra đời của một lực lượng tham gia kháng chiến mới: *lực lượng Thanh niên xung phong*.

Nhiệm vụ ban đầu của các đội thanh niên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.181.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.185.

xung phong là tham gia công tác làm đường, vận chuyển lương thực, đạn dược cho các chiến dịch lớn. Và Đội thanh niên xung phong 312, đang làm đường ở Nà Cù, thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm tối ngày 20-3-1951 (trong chuyến công tác kiểm tra việc sửa chữa cầu đường từ Thái Nguyên đi Cao Bằng). Tại cuộc gặp đó, Người tặng thanh niên bốn câu thơ:

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên"¹.

Sau những thắng lợi trên chiến trường, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa II) với sự tham dự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, họp từ ngày 27-9 đến ngày 5-10-1951 đã nhận định: ta đã giữ được thế chủ động trên chiến trường, nhưng chưa thay đổi được tình thế ở đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy, ba nhiệm vụ lớn chúng ta phải thực hiện cho tốt là: ra sức tiêu diệt sinh lực địch; phá tan kế hoạch "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" của địch; bồi dưỡng sức kháng chiến của nhân dân, xây

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 95, 178.

dựng căn cứ địa, củng cố hậu phương để phục vụ tiền tuyến, phục vụ kháng chiến. Ba nhiệm vụ đó có mối quan hệ mật thiết với nhau và phải cùng tiến hành với nhau.

Đề tập trung cho tiền tuyến, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Người nêu rõ, sản xuất muốn vững chắc phải đi đôi với tiết kiệm, vì sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống. Vì thế, Người không chỉ kêu gọi nông dân Việt Nam: "Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương"², mà còn khởi xướng cuộc vận động "Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, quan liêu" năm 1952. Nói về ý nghĩa to lớn của cuộc vận động này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, để có thể thực hiện được "trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh", thì tất yếu phải "thi đua giết giặc, thi đua tăng gia, thi đua tiết kiệm, và chống nạn tham ô, chống nạn lãng phí, chống bệnh quan liêu"¹. Người cũng nói, ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó ắt có tham ô, lãng phí và "nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì ở đó càng nhiều lãng phí, tham ô". Dù ở dưới bất kỳ hình thức nào, song

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.484.

mỗi người, đặc biệt là mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng không thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, tất yếu sẽ không thể chống được tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Và không làm được điều đó, thì nhất định nguồn sức mạnh của sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bị rạn nứt, niềm tin của quần chúng nhân dân vào Đảng bị xói mòn.

Trong những năm kháng chiến, những thắng lợi về chính trị, quân sự và kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho văn hóa, văn nghệ, giáo dục phát triển. Nhân dịp Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai họp ngày 15-7-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Hội nghị. Người viết: Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến, kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng. Nhiệm vụ của văn hóa chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến, kiến quốc của quốc dân, mà cũng phải nêu rõ những thành tích kháng chiến, kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy"¹. Những người chiến sĩ, những người trí thức luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 374.

Chính phủ, vì đó là "những người trí thức của nhân dân, vì nhân dân", bởi như Người từng nói: "chính cách mạng, chính chủ nghĩa xã hội mới biết quý trọng trí thức".

Cũng theo Người, tất cả họ đều là một bộ phận trong lực lượng cách mạng, "là vốn liếng quý báu của dân tộc", nên đều có khả năng vươn lên trở thành những chiến sĩ tiên phong trong phong trào cách mạng. Người luôn lấy cái tình, cái tâm của một nghệ sĩ lớn ứng xử với những người nghệ sĩ, trí thức đã làm "rạo rực lòng người". Qua cảm nhận của các văn nghệ sĩ và giới trí thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là vị lãnh tụ của nhân dân, luôn phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho cuộc sống ấm no của nhân dân, mà Người còn là một nhà văn hóa kiệt xuất với những hoạt động và sáng tạo văn hóa không mệt mỏi. Được gặp Người, mỗi người đều cảm nhận được rằng, Người "cao mà không xa", "sáng mà không chói", "gặp lần đầu mà ngỡ như đã gặp từ lâu". Không chỉ quan tâm đến văn nghệ sĩ, trí thức, Người còn luôn cổ vũ, động viên họ đóng góp sức mình cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Trên tinh thần đó, anh chị em văn nghệ sĩ, trí thức đã thực hiện khẩu hiệu "kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng

chiến", thiết thực đóng góp sức mình cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Cùng với văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chăm lo đến công tác tư tưởng. Trong *Báo cáo về tình hình và nhiệm vụ* trình bày tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương ngày 22-4-1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên ba nhiệm vụ lớn và bốn công tác chính, trong đó quan trọng nhất là chỉnh Đảng, chỉnh quân. Theo Người, là một Đảng lãnh đạo, "Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm tròn nhiệm vụ của Đảng"¹.

Người yêu cầu cán bộ và chiến sĩ lập trường phải vững, quan điểm phải vững, tinh thần phải trong sạch, để một lòng một dạ phục vụ nhân dân; cho nên, phải theo dõi chặt chẽ cuộc chỉnh huấn. Người nhấn mạnh rằng: chỉnh huấn là để làm cho mọi người đi vào con đường sáng sủa, tươi đẹp của cuộc đời cách mạng. Người đời ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm. Vì vậy, phải thương yêu nhau, quý trọng nhau, giúp nhau nâng cao tư tưởng cách mạng, củng cố lập trường, rửa gột khuyết điểm, phát triển ưu điểm. Cuộc vận

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr. 480.

động chỉnh huấn, chỉnh quân đã giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao thêm lập trường tư tưởng, tạo ra một khí thế cách mạng mới.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã bước vào thời kỳ quyết liệt, đòi hỏi phải huy động sức người sức của ngày càng nhiều, cho nên càng phải tăng cường và bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân. Trong quá trình tiến hành kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã huy động mọi nguồn nhân lực, vật lực, động viên tất cả để phục vụ chiến trường. Theo Người: "Trong vệ quốc quân và bộ đội địa phương, dân quân du kích số đông là nông dân. Tăng gia sản xuất để nuôi bộ đội, nuôi công nhân và công chức, là nông dân... Nói tóm lại nông dân là lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến kiến quốc thành công, muốn độc lập thống nhất thực sự ắt phải dựa vào lực lượng của nông dân"¹.

Cũng theo Người, động viên nguồn nhân lực tất yếu phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân, trong đó đông đảo nhất là nông dân, và để giải quyết vấn đề này, một trong những chính

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.710.

sách cơ bản của Đảng và Chính phủ là phải từng bước đem lại ruộng đất cho nông dân. Tuy chưa tiến hành cải cách ruộng đất, nhưng quá trình thực hiện chính sách ruộng đất của Chính phủ trong khoảng thời gian từ năm 1946 đến năm 1953 đã đem đến cho nông dân những quyền lợi đáng kể về ruộng đất. Việc thực hiện từng bước khẩu hiệu "người cày có ruộng" cũng đã tạo ra sự thay đổi khá cơ bản về tình hình chiếm hữu ruộng đất ở nước ta.

Trên thực tế, sau chuyến đi thăm bí mật Trung Quốc và Liên Xô đầu năm 1950, đặc biệt là sau cuộc hội kiến với Stalin, vấn đề giải quyết nhiệm vụ dân chủ, đem lại ruộng đất cho nông dân trong thời kỳ kháng chiến đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng xem xét. Một mặt, có thể là dưới tác động của tình hình quốc tế và sức ép từ phía Liên Xô; mặt khác, trước yêu cầu cấp bách của việc bồi dưỡng sức dân, củng cố hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, nên Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 25 đến ngày 30-1-1953 đã quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến tới cải cách ruộng đất, thực hiện "người cày có ruộng".

Quán triệt sâu sắc tinh thần: "Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân"¹, đầu năm 1953, theo đề nghị của Chính phủ, Hội nghị liên tịch giữa Ban Thường trực Quốc hội và Ủy ban Mặt trận Liên Việt toàn quốc được triệu tập. Sau khi thảo luận, Hội nghị đã nhất trí với bản đề án và hiệu triệu quốc dân tích cực thực hiện đề án *Phóng tay phát động quần chúng, triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức* của Đảng Lao động Việt Nam. Sau đó, Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp từ ngày 15 đến ngày 21-11-1953 đã thảo luận chính sách, kế hoạch cải cách ruộng đất và thông qua những văn kiện về cải cách ruộng đất.

Theo Hồ Chí Minh, xóa bỏ chế độ phong kiến, thực hiện thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng" sẽ góp phần đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Cũng theo quan điểm của Người, giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất là một nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp cách mạng, liên quan đến vận mệnh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.16.

của quốc gia, do đó phải được Quốc hội - cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xem xét và chuẩn y. Vì vậy, căn cứ vào các điều khoản của *Hiến pháp* năm 1946, sau khi thống nhất ý kiến, Hồ Chí Minh cùng Ban Thường trực Quốc hội quyết định triệu tập kỳ họp thứ ba của Quốc hội khóa I, "đem theo ý chí, nguyện vọng của toàn dân để quyết định một việc lớn, quan hệ đến kháng chiến, đến hạnh phúc của nhân dân"¹ - Đó là cải cách ruộng đất.

Trong diễn văn khai mạc kỳ họp thứ ba Quốc hội khóa I từ ngày 1 đến ngày 4-12-1953, đồng chí Tôn Đức Thắng nói: "Cuộc kháng chiến của ta đang tiến tới một giai đoạn mới, đòi hỏi ở nhân dân toàn quốc một nỗ lực phi thường. Việc bồi dưỡng sức dân, cung cấp nhu cầu cho kháng chiến là một vấn đề căn bản phải giải quyết"; cho nên, Quốc hội họp kỳ này để "thảo luận bản dự án *Luật cải cách ruộng đất* của Chính phủ và biểu quyết Luật đó", vì "đạo luật này có liên quan đến vấn đề cốt tử là ruộng đất cho dân cày". Trong khi cuộc kháng chiến đang ở giai đoạn quyết liệt,

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.1, tr.43.

việc quyết định triệu tập kỳ họp thứ ba của Quốc hội, "thiệt là một khóa họp lịch sử tiêu biểu cho lòng kiên quyết kháng chiến và ý chí độc lập và dân chủ của nhân dân Việt Nam"¹.

Thay mặt Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản báo cáo về *Tình hình trước mắt và nhiệm vụ cải cách ruộng đất* và nêu rõ: Khẩu hiệu của ta trong thời kỳ kháng chiến là: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng", mà kháng chiến càng phát triển thì đòi hỏi sức người, sức của ngày càng nhiều. Phải bồi dưỡng cho nông dân thì mới động viên đầy đủ được lực lượng to lớn đó, do đó, một nhiệm vụ trung tâm nữa là cải cách ruộng đất. Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã báo cáo với Quốc hội bản *Đề án về Luật cải cách ruộng đất*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã trình bày với Quốc hội *Dự án Luật cải cách ruộng đất* đã được Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ, Mặt trận, các đảng phái anh em nghiên cứu kỹ, mong Quốc hội nghiên cứu, thảo luận và thông qua. Người đã nói: "*Luật cải cách ruộng đất* của ta chí nhân, chí nghĩa, hợp tình hợp lý. Chẳng

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ III*, từ ngày 1-12 đến ngày 4-12-1953, lưu trữ Văn phòng Quốc hội, tr.43.

những là làm cho cô nông, bần nông, trung nông ở dưới có ruộng cày, nhưng đồng thời chiêu cổ đồng bào phú nông, đồng thời chiêu cổ đến đồng bào địa chủ. Ngoài ra chúng ta chiêu cổ đến đồng bào công thương nghiệp, chiêu cổ cán bộ, công nhân, nhân dân lao động khác và đồng bào tản cư. Chúng ta cũng chiêu cổ các chiến sĩ hy sinh xương máu để bảo vệ đất nước, chúng ta cũng chiêu cổ chiến sĩ đã hy sinh một phần xương máu hay tính mạng cho Tổ quốc, đó là thương binh và gia đình tử sĩ"¹.

Ngày 4-12-1953, sau nhiều cuộc thảo luận, "căn cứ vào yêu cầu của kháng chiến và quyền lợi chính đáng của nông dân, theo đề nghị của Chính phủ, Quốc hội đã thông qua *Luật cải cách ruộng đất*, xóa bỏ chế độ phong kiến và chiếm hữu ruộng đất... thực hiện "người cày có ruộng" và nhấn mạnh: "Thực hiện cải cách ruộng đất để đảm bảo thắng lợi hoàn toàn của kháng chiến". Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký *Sắc lệnh 197/SL* ngày 19-12-1953 ban bố *Luật cải cách ruộng đất*. Sau khi nêu rõ mục đích, ý nghĩa của cải cách ruộng đất, với 5 chương, 38 điều, *Luật cải cách*

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 394-395

ruộng đất đã quy định các điều khoản cụ thể để áp dụng việc tịch thu, trưng thu và trưng mua đối với từng loại địa chủ; quy định cách chia ruộng đất, cơ quan chấp hành và phương pháp thực hiện cải cách ruộng đất và các điều khoản thi hành...

Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ, theo dõi sát sao của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất ở giai đoạn đầu đã thu được những kết quả rất to lớn: hàng triệu nông dân có ruộng; khối liên minh công nông được tăng cường; chính quyền và mặt trận được kiện toàn; sự lãnh đạo của Đảng được đề cao. Hậu phương được củng cố và phát triển vững mạnh, nhờ đó sức chiến đấu của quân đội được nâng cao, kháng chiến có thêm sức mạnh mới để bước sang giai đoạn phản công thắng lợi.

Từ đầu năm 1953, dưới bút danh Đ.X, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Thường thức chính trị*, đăng trên báo *Cứu quốc* với bài mở đầu *Giai cấp là gì?* (16-1-1953) đến bài *Kết luận* (23-9-1953). Đây là những bài viết nhằm cung cấp cho cán bộ và nhân dân những kiến thức phổ thông cần thiết về chính trị như: Giai cấp là gì? Phong kiến là gì? Tư bản là gì?, v.v., đến những vấn đề về

đường lối cách mạng và các tổ chức cách mạng như Đảng, Mặt trận dân tộc thống nhất, chính quyền nhân dân, v.v.. Mục đích của những bài viết ngắn này chủ yếu xây dựng lý tưởng và niềm tin, động viên và cổ vũ cho nhân dân vượt qua gian khó, hy sinh, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau chiến thắng ở chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950, để phá vỡ phòng tuyến địch ở đồng bằng Bắc Bộ, từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, ta liên tiếp mở ba chiến dịch lớn: *chiến dịch Trung du*, *chiến dịch Đường số 18* và *chiến dịch Hà - Nam - Ninh*. Ở những địa bàn này, địch mạnh về cả binh lực lẫn hỏa lực, nên tuy đã làm tiêu hao nhiều sinh lực địch; song, quân ta cũng bị tổn thất, không đạt mục tiêu chiến lược. Tại Hội nghị kiểm thảo *chiến dịch Đường số 18*, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, tìm ra khuyết điểm, quyết tâm khắc phục để giành thắng lợi mới. Theo Người, muốn đánh thắng kẻ thù, phải thảo luận kỹ để chủ trương cho đúng, phải đặt kế hoạch cho sát và đặc biệt cán bộ phải thương yêu đội viên, bộ đội phải thương yêu nhân dân, phụng sự nhân dân.

Cuối năm 1951, Tướng Đờlát đờ Tátxinhi

mở cuộc phản công lớn ra Hòa Bình, nhằm cắt đứt đường liên lạc tiếp tế giữa Khu IV với Việt Bắc, hòng tiêu diệt quân chủ lực của ta, nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ. Ngày 24-11-1951, Trung ương Đảng ra chỉ thị về nhiệm vụ phá cuộc tiến công Hòa Bình của địch. Nhân dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các cán bộ, chiến sĩ chủ lực và dân quân du kích tham gia chiến dịch Hòa Bình và nhắc nhở: Muốn thắng, thì ta phải tích cực, chủ động, bí mật, mau chóng, kiên quyết, dẻo dai. Chắc thắng mới đánh. Nhưng tuyệt đối chớ chủ quan, khinh địch và "các lực lượng phải phối hợp nhau chặt chẽ để tiêu diệt sinh lực của địch, để đánh tan kế hoạch thu đông của chúng".

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân ta đã phối hợp đánh địch ở Hòa Bình cả trước mặt và sau lưng. Sau hơn ba tháng bao vây và tiến công quyết liệt, quân ta đã buộc quân Pháp phải rút chạy khỏi Hòa Bình, âm mưu của chúng hoàn toàn bị phá sản. Ta tiêu diệt hơn hai vạn tên địch, giải phóng một vùng Hòa Bình và hai triệu đồng bào. Trong khi địch còn đang hoang mang, bị động đối phó với ta ở trung

du và đồng bằng, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở tiếp chiến dịch Tây Bắc, nơi chúng đang sơ hở, địa hình rừng núi nên không phát huy được sức mạnh, khả năng cơ động của pháo và không quân.

Đến thăm và nói chuyện với *Hội nghị phổ biến kế hoạch chiến dịch Tây Bắc*, Người nói: phía ta có thuận lợi là phát huy sở trường đánh ở vùng rừng núi, nhưng khó khăn về huy động hậu cần tại chỗ. Muốn thắng địch, ta phải quyết tâm rất cao, nên quyết tâm của Trung ương và Tổng Quân ủy là phải đánh thắng trong chiến dịch này. Đề động viên bộ đội, Người đặt giải thưởng một triệu đồng tặng cho những đơn vị và cá nhân lập công xuất sắc. Người nói: "Số tiền tuy nhỏ, nhưng giá trị nó to, vì do tay Bác tự làm ra"¹. Người còn thăm hai đơn vị bộ đội, gửi thư cho các cán bộ, chiến sĩ và dân công phục vụ mặt trận Tây Bắc. Quyết tâm của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền đến mỗi cán bộ, chiến sĩ, dân công tham gia chiến dịch.

Ngày 14-10-1952, *chiến dịch Tây Bắc* mở màn bằng cuộc tiến công của ta vào phân khu Nghĩa Lộ. Sau hai tháng rưỡi chiến đấu, bộ đội ta đã giải phóng 4/5 vùng Tây Bắc bị địch

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 561.

chiếm giữ, gồm 25 vạn dân, mở rộng và củng cố vùng căn cứ địa kháng chiến của ta, phá tan âm mưu lập "xứ Thái tự trị" của địch. Sau chiến dịch Tây Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ ta thỏa thuận với Chính phủ kháng chiến Lào về việc quân tình nguyện Việt Nam với quân giải phóng Pathét Lào mở chiến dịch Thượng Lào. Quán triệt tinh thần "giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình"¹ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bộ đội ta đã cùng quân đội và nhân dân Lào chiến đấu, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phongxalỳ, nối liền vùng giải phóng Thượng Lào với vùng tự do của ta, mở ra một tình thế thuận lợi cho cuộc chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Những thất bại liên tiếp trên các chiến trường làm cho thực dân Pháp ngày càng dần sâu vào thế bị động, nguy khốn. Chính phủ Pháp một mặt xin thêm viện trợ Mỹ, mặt khác thay đổi tướng tá chỉ huy và kế hoạch tác chiến hòng tìm lối thoát danh dự bằng thắng lợi quân sự. Tháng 5-1953, Hăngri Nava (Henri Navarre) - Tham mưu trưởng lục quân NATO, được cử làm Tổng Chỉ huy

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr. 64.

quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Nava vạch ra một kế hoạch có quy mô rộng lớn, nhằm trong vòng 18 tháng sẽ tiêu diệt phần lớn chủ lực của ta, giành thắng lợi quyết định, làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có lợi cho chúng và sau đó tên tuổi của Nava đã gắn liền với một địa danh lịch sử của vùng *Tây Bắc Việt Nam - đó là Điện Biên Phủ.*

Tây Bắc luôn là một vùng đất thiêng của Tổ quốc, luôn được giữ gìn và bảo vệ "như một phần máu thịt" của dân tộc Việt trong suốt tiến trình dựng nước và giữ nước. Khi thực dân Pháp xâm chiếm Đông Dương, Tây Bắc cũng là một địa bàn chiến lược trong bản đồ quân sự Đông Dương. Nằm trong hướng chiến lược phía tây Đông Dương, trải dài từ Tây Bắc Việt Nam qua Thượng Lào, Trung Lào và Hạ Lào, vị trí đặc địa của Tây Bắc ngày càng được chú ý. Điều đó lý giải rằng, vì sao ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đặc biệt là từ những năm đầu của cuộc trường chinh chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã quan tâm đến vị trí và tầm quan trọng của địa bàn chiến lược này. Người từng nhấn mạnh và yêu cầu các đội quân của chúng ta phải kiên trì chiến đấu, bám trụ, xây dựng vững chắc cơ sở cách mạng trong lòng đồng bào các dân tộc

ở Tây Bắc. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm tốt được nhiệm vụ trọng yếu đó, không những chúng ta có thể triển khai tốt thế trận chiến tranh nhân dân và tạo điều kiện phát huy sở trường đánh địch ở vùng rừng núi của quân ta, bảo vệ được Việt Bắc - căn cứ đầu não kháng chiến, tạo thế liên hoàn với hậu phương rộng lớn; mà còn thuận lợi nhiều trong giao lưu quốc tế, đặc biệt là xây dựng khối đoàn kết liên minh chiến đấu Việt - Lào.

Trên cơ sở hiểu rõ về địa bàn Tây Bắc, hiểu rõ thế và lực giữa ta và địch và cùng với sự phát triển của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, sau chiến thắng Việt Bắc thu đông năm 1947, chiến thắng Biên giới năm 1950, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân ta không những đã giữ vững thế chủ động tiến công trên chiến trường, mà còn biết kết thúc đúng lúc. Sau khi "cân nhắc kỹ chỗ dễ và chỗ khó của chiến trường" và so sánh tương quan lực lượng, Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy đã quyết tâm mở chiến dịch Tây Bắc từ ngày 14-10 đến ngày 10-12-1952. Từ kết quả của chiến thắng quan trọng này, so sánh lực lượng giữa quân ta và quân Pháp đã có những diễn tiến bất ngờ.

Các tướng lĩnh thực dân Pháp như Xalăng,

Nava và sau này là tướng lĩnh của Hoa Kỳ cũng đều nhận thức được tầm quan trọng của địa bàn Tây Bắc. Vốn có vị thế đặc địa như là một điểm trụ và xoay quanh nó là Lào, Thái Lan, Miến Điện và vùng Vân Nam Trung Quốc, Tây Bắc tuy hiểm trở có thể làm hạn chế khả năng cơ động, sức mạnh hỏa lực pháo binh và không quân, nhưng nếu không chế được Tây Bắc, chúng có thể khống chế cả "bên sườn và sau lưng ta", chia cắt cả khu vực này với Việt Bắc, với hậu phương kháng chiến, đồng thời có thể che chở cho Thượng Lào và Luông Phabăng. Vì vậy, ngay sau chiến thắng Tây Bắc của quân ta, giới quân sự chớp bu của Pháp trong đó có Tướng Xalăng đã từng nghĩ đến việc phải chiếm lại Điện Biên Phủ, để có thể xây dựng Điện Biên Phủ thành căn cứ "bảo vệ" Lai Châu, yểm trợ cho Luông Phabăng. Tuy nhiên, thực tế đã không cho phép Xalăng thực hiện ý đồ đó. Hơn nữa, cho đến thời điểm đó (khi chúng ta đã giải phóng một vùng đất đai rộng lớn của Tây Bắc), người Pháp vẫn cho rằng dường như Việt Minh chỉ cố gắng tập trung vào lãnh thổ Việt Nam, không quan tâm đến Lào, Campuchia. Chỉ đến khi quân ta và lực lượng kháng chiến Lào phối hợp mở và giành thắng lợi trong chiến dịch Thượng Lào sau đó (8-4-

1953 - 3-5-1953), giải phóng một vùng đất đai rộng lớn, tạo điều kiện cho cách mạng Lào phát triển, chiến trường Đông Dương mới thực sự sôi động.

Tuy nhiên, sự thay đổi lớn cũng chỉ diễn ra nhanh chóng khi Tướng bốn sao Nava được cử thay Xalăng. Vẫn bận tâm đến Điện Biên Phủ, Xalăng cũng không quên "bàn giao" cả những suy nghĩ và những việc làm còn dang dở của mình cho Nava. Tuy nhiên, trong kế hoạch quân sự Nava (1953-1955) được triển khai, với mục tiêu "chuyển bại thành thắng" trong vòng 18 tháng, Điện Biên Phủ dường như không được chú ý đến. Chỉ đến khi Hiệp định giữa Pháp và Lào được ký kết, chỉ đến khi suy nghĩ cần phải bảo vệ Thượng Lào, Nava và cộng sự của ông mới nghĩ đến việc chiếm và xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh. Duy có điều, đội ngũ tướng lĩnh quân sự Pháp đã bỏ sót một điểm quan trọng rằng, địa thế tự nhiên của Điện Biên Phủ tuy rất thuận lợi để xây dựng một căn cứ lực quân - không quân kiên cố, nhưng sẽ trở nên "trơ trọi", dễ bị uy hiếp và khó khăn cho công tác chi viện, hậu cần khi bị bao vây, chia cắt.

Về phía quân ta, trước việc quân Pháp tập trung quân cơ động nhằm tạo nên sức mạnh,

giữ thế phòng ngự trong chiến cuộc 1953-1954, tránh giao chiến với chủ lực của Việt Minh, bảo đảm an toàn và tăng cường sức mạnh cho quân đội viễn chinh; chuẩn bị để có thể chuyển sang thế tiến công trong chiến cuộc 1954-1955, gây cho chủ lực Việt Minh những thất bại quân sự để có thể buộc họ phải đi đến thương lượng hòa giải¹, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ phương hướng chiến lược của quân ta là "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do"².

Tại cuộc họp Bộ Chính trị ở Tân Keo tháng 9-1953, sau khi nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp trình bày tình hình địch, cân nhắc kỹ thế trận giữa ta và địch, thật bình tĩnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bàn tay mình lên bàn và bồng Người giờ lên và nắm lại rồi nói: "Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... Không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó cũng sẽ không còn. Bàn tay Bác mở ra, mỗi ngón trở về một hướng"³. Cũng theo Đại tướng, bản đề án tác chiến của

1. Xem: *Điện Biên Phủ - Nhìn từ phía bên kia*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.8.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.13.

3. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 25.

Tổng Quân ủy được Bộ Chính trị thông qua, trong đó ta chủ trương dùng một bộ phận quân chủ lực phối hợp với các lực lượng địa phương, chủ động mở các cuộc tiến quân lên Tây Bắc, Trung Lào, Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên để phân tán lực lượng địch, nhưng vẫn lấy Tây Bắc làm hướng hoạt động chính, còn các hướng khác chỉ là hướng phối hợp. Người và Bộ Chính trị cũng đồng thời nhận mạnh: hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hoạt động có thể thay đổi. Phương châm hành động là "tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt" và nguyên tắc chỉ đạo tác chiến là "đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt. Chọn nơi địch sơ hở mà đánh, chọn nơi địch tương đối yếu mà đánh".

Với tinh thần chỉ đạo đó, năm đòn chiến lược và cách điều quân được tiến hành một cách cơ động, tài tình: tiến công Tây Bắc, tiêu diệt phần lớn quân địch ở Lai Châu, bao vây Điện Biên Phủ; tiến công vào Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt; tiến xuống Hạ Lào, giải phóng cao nguyên Bôlôven; mở cuộc tiến công lên Bắc Tây Nguyên, giải phóng Kon Tum, nối liền với khu giải phóng Hạ Lào; và bất ngờ tiến công Thượng Lào, uy hiếp Luông Phabăng. Đến hạ tuần tháng 1-1954, chúng ta đã điều động được lực lượng địch, thu hút

quân địch đến những chiến trường có lợi cho quân ta và buộc khối cơ động chiến lược của Nava phải phân tán "thành nhiều nhóm nhỏ". Năm đòn chiến lược đó đã làm cho kế hoạch Nava từng bước bị đảo lộn và phá sản. Nava đã không thể "luôn luôn tiến công", "luôn luôn chủ động" và càng không thể "chuyển bại thành thắng" trong vòng 18 tháng.

Sau ngày 20-11-1953, khi phát hiện quân chủ lực của ta tiến lên Tây Bắc, Nava đã lập tức cho quân nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ, gấp rút xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Khác với kế hoạch Nava và kế hoạch tác chiến của quân ta lúc đầu, với vai trò là một "tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương", từ đây Điện Biên Phủ đã trở thành nơi sẽ diễn ra trận quyết chiến chiến lược giữa quân ta và thực dân Pháp. Như vậy, "số phận của Nava đã được định đoạt từ cuộc họp ở Tỉn Keo"¹ khi Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954; nhất là khi Nava quyết định "tiếp nhận chiến đấu ở Tây Bắc" và "chiến đấu bảo vệ Tây Bắc sẽ xoay quanh căn cứ lực quân, không quân Điện Biên Phủ mà phải được bảo vệ bằng bất cứ

1. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ, Sđd*, tr. 27.

giá nào".

Lựa chọn Điện Biên Phủ, Nava quyết định cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ và xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Việc lựa chọn nơi này làm điểm kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài gần một thập kỷ của người Pháp khi đó đã nhận được nhiều ý kiến phản đối của một số tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp quân đội viễn chinh. Đồng thời, quyết định này của Nava cũng đã làm cho người Mỹ, làm cho Tổng thống Aixenhao (Eisenhower) - người "trước đó chỉ tập trung vào Lào chứ không phải là Việt Nam", đồng thời "tuyên bố Lào là chiếc chìa khóa hiện nay cho toàn bộ khu vực Đông Nam Á"¹ đã ngỡ ngàng đến không ngờ về tầm cỡ lịch sử của Điện Biên Phủ.

Quan tâm đến địa bàn Đông Dương, Hoa Kỳ đã từng viện trợ và tiếp tục ký hiệp định với Pháp về viện trợ quân sự của Mỹ cho Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Tuy nhiên, cục diện chiến trường và việc thay đổi tương quan lực lượng giữa quân ta và quân Pháp trong những năm 1953 - 1954 đã làm cho người Mỹ vốn quan niệm và coi

1. La Côn: *Điện Biên Phủ - Những điều chưa thấy hết*, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 62, 4-1999, tr.9.

vùng đất này "là một bộ phận của cuộc đua tranh giữa phương Đông và phương Tây" càng tham vọng muốn có một cam kết về Đông Dương; muốn có một dấu ấn thực sự để chứng tỏ mình có đầy đủ sức mạnh, niềm tin và quyết tâm đối với địa bàn chiến lược này. Đương nhiên không thể đứng ngoài cuộc chơi, người Mỹ đã buộc bị cuốn hút vào cuộc chiến tranh Việt - Pháp, vào cuộc đọ sức quyết liệt nhất tại địa danh lịch sử vùng Tây Bắc - Điện Biên Phủ.

Trong khi đó, sau những thắng lợi to lớn của quân ta trong giai đoạn 1 của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, kế hoạch tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava đã được Bộ Chính trị hạ quyết tâm vào ngày 6-12-1953. Bước vào giai đoạn 2 của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, với quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, quân ta đã chuyển từ việc "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu" sang đánh trực tiếp vào chỗ mạnh nhất của quân địch.

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của trận quyết chiến chiến lược này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được trao trọng trách là Chỉ huy trưởng Mặt trận và Bí

thư Đảng ủy Mặt trận. Trước khi lên đường, Đại tướng đã nhận được từ Chủ tịch Hồ Chí Minh mật lệnh: "Tổng Tư lệnh ra mặt trận. Tướng quân tại ngoại. Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh"¹. Tháng 12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ, trong đó nhấn mạnh: Người và Chính phủ "chờ tin thắng lợi để khen thưởng". Ngày 22-12-1953, nhân dịp kỷ niệm chín năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định: "cho mỗi Đại đoàn và mỗi Liên khu một lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" để làm giải thưởng luân lưu"².

Từ thực tế chiến trường, từ những khó khăn và thuận lợi của quân ta và quân địch, từ lời căn dặn "đánh chắc thắng" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước khi mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ, trưa ngày 26-1-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời cầm quân của mình. Đó chính là việc thay đổi phương châm

1. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ, Sđd*, tr. 28.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.196.

từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc" và đi liền cùng đó là việc hoãn thời điểm tiến công, kéo pháo quay trở ra.

Quyết tâm mới của vị Tổng Tư lệnh chỉ huy mặt trận được báo cáo ngay về Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau này, trong nhiều hồi ký của các tướng lĩnh, sĩ quan và chiến sĩ từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta điều biết: với địa thế của Điện Biên Phủ, việc kéo pháo vào đã khó, việc kéo pháo ra còn khó hơn nhiều. Tuy nhiên, để tiêu diệt bằng được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, để "chỉ có thắng chứ không được bại, vì bại thì hết vốn"¹, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và toàn thể các lực lượng tại mặt trận Điện Biên Phủ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để thực hiện và thực hiện rất tốt.

Sau đó, khi công việc chuẩn bị chiến dịch theo phương châm "đánh chắc, tiến chắc" đã hoàn thành, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư động viên cán bộ, chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ và nhấn mạnh: Các chú sắp ra mặt trận.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.14, tr.59.

Nhiệm vụ của các chú lần này rất to lớn, khó khăn nhưng rất vinh quang. Ngày 13-3-1954, quân ta mở màn cuộc tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 15-3-1954, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện cho cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ và nhấn mạnh: Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của Quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng. Tuy nhiên, với thắng lợi ở trận đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh cần trọng nhắc nhở: Chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch, phải luôn luôn sẵn sàng làm trọn nhiệm vụ.

Khi nói về triển vọng của cuộc chiến ở Điện Biên Phủ (tại Bộ não chỉ huy ở Việt Bắc), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với nhà báo W.Bócsét (Wilfred Burchett) vào một buổi chiều tháng 3-1954 như sau: Lòng chảo Điện Biên Phủ là "hình tượng một chiếc mũ lật ngược", mà vành mũ là những dãy núi, còn phía dưới là thung lũng Điện Biên Phủ. Nơi dãy núi là nơi quân đội Việt Nam đang ở, còn phía thung lũng là nơi quân Pháp với những đội quân tinh nhuệ nhất đang chiếm đóng. Và Người kết luận chắc chắn rằng: "Họ sẽ không

bao giờ ra được"¹.

Niềm tin của Người đã trở thành sự thật. Ngày 7-5-1954, lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" đã phát cao ở lòng chảo Điện Biên Phủ. Tinh thần gian khổ hy sinh, đoàn kết chiến đấu, quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Với thắng lợi vĩ đại này, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta đã kết thúc, đồng thời mang lại cho chúng ta một vị thế mới trên bàn đàm phán của Hội nghị Giơnevơ.

Điện Biên Phủ là một bài ca chiến thắng của quân và dân ta, của tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu Việt - Lào, sự giúp đỡ đầy tinh thần trách nhiệm của đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc và sự chi viện đầy tình nghĩa của những người anh em xã hội chủ nghĩa Liên Xô, Trung Quốc... Chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc trong niềm vui sướng hân hoan của Việt Nam nói riêng, của nhân dân ba nước Đông Dương nói chung và trong nỗi ngậm ngùi của người Pháp và người Mỹ.

1. W. Bóc-sét: *Hồi ký*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1980, tr.254.

Đề có được chiến thắng "Điện Biên Phủ như là một cái móc chối lợi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lần xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn"¹, không thể không nhắc đến sự kế thừa truyền thống quân sự của cha ông ta trong lịch sử; tinh thần đoàn kết và vượt lên trên hết thảy của quân dân Việt Nam, của nhân dân ba nước Đông Dương. Và điều đó cũng chứng minh sự nhạy bén và chính xác trong từng quyết định của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã cùng Bộ Chính trị lãnh đạo nhân dân ta từ hậu phương đến tiền tuyến đồng tâm, đồng lòng, đồng sức trường kỳ kháng chiến, toàn dân, toàn diện kháng chiến; từng bước đưa thế trận chiến tranh nhân dân và nghệ thuật quân sự của dân tộc Việt Nam lên một đỉnh cao mới và đi đến kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh Đông Dương.

Một trong những thành công của Bộ Chỉ huy tối cao (lãnh tụ Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị) và Bộ Tư lệnh mặt trận do Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy, góp phần

1. C.B - Đ.X - T.L - Chiến sĩ - Trần Lục: *Nói chuyện Mỹ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1972, tr.295.

làm nên thắng lợi vang dội này chính là việc thâm nhuần nghệ thuật quân sự "đánh địch bằng mưu, đánh địch bằng thế", "nhỏ đánh lớn phải dĩ nhu xử cương", "lấy ít địch nhiều", "lấy yếu đánh mạnh", v.v., trên một đất nước Việt Nam nhỏ bé (chiến trường hẹp) nhưng có truyền thống đoàn kết, yêu nước, có bề dày lịch sử chống ngoại xâm. Không chỉ có vậy, những bài học kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước đã được vận dụng một cách linh hoạt, uyển chuyển và lời căn dặn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng: "biết sức ta, biết sức địch thì trăm trận đều thắng" đã được thực hiện.

Trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ kết thúc với thắng lợi thuộc về ta, nhưng từ trước đó, năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Giác ngủ mười năm*. Trong tác phẩm này, Người tiên đoán về "một trận khùng khiếp nhất", trận đánh cuối cùng này sẽ là nơi tập trung lực lượng quân sự mạnh nhất, có quy mô lớn nhất, ác liệt nhất của cả hai bên nhằm mục tiêu kết thúc chiến tranh. Trong trận quyết chiến đó, nước Pháp đã nhận sự giúp đỡ của một nước khác. "Chúng tiếp được viện binh bằng máy bay... xét ra không phải máy bay của Pháp, mà của

một nước ngoài"¹. Đó là điều kỳ lạ không chỉ với mỗi người đất Việt, điều kỳ lạ ấy đã trở thành bất ngờ với cả người Pháp và người Mỹ. Thực tế cho thấy, đằng sau thực dân Pháp là đế quốc Mỹ. Không chỉ công khai viện trợ cho Pháp, Mỹ ngày một can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam và bị cuốn hút vào cuộc chiến tranh đó. Từ chỗ không quan tâm đến Việt Nam, thậm chí chỉ đứng đằng sau, chỉ viện, giúp đỡ Pháp và can thiệp vào Đông Dương, Tổng thống Aixenhao đã bị cuốn hút vào cuộc chiến ở Điện Biên Phủ và Điện Biên Phủ chính là "khúc nhạc dạo đầu" cho trường ca chống Mỹ cứu nước kéo dài 21 năm sau đó. Sau này, khi Hiệp định đình chỉ chiến sự, lập lại hòa bình ở Đông Dương tháng 7-1954 được ký kết, ngang nhiên tuyên bố không bị ràng buộc bởi Hiệp định, trực tiếp nhảy vào Đông Dương và gây ra cuộc chiến tranh ở Việt Nam kéo dài gần 1/4 thế kỷ, chính Hoa Kỳ cũng không ngờ rằng, giấc mộng của học thuyết Đominô (Dominos) và sự lựa chọn của họ trong cuộc chiến tranh này *đã có mầm thảm bại từ Điện Biên Phủ*. Điều này đã chứng minh rằng: "Nếu người Mỹ và người

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 619.

Pháp quan tâm sớm hơn để hiểu những lời kêu gọi của Người (Hồ Chí Minh - TG), thì họ đã cứu được hàng triệu sinh mệnh và những tài sản vật chất cho họ và cho nhân dân Đông Dương"¹.

Cũng trong *Giác ngủ mười năm*, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiên đoán: quân địch bị ta bao vây kín, "chúng không thể cứu viện được nhau, bị ta tiêu diệt gần hết". "Kết quả trận ấy khủng khiếp thật, nhưng khủng khiếp cho giặc chứ không phải khủng khiếp cho ta"². Tiếp đó, nói về sự kết thúc của chiến tranh, Người viết rằng: "Tin thất bại về đến Pháp, cả nước xôn xao, đòi lập tức giảng hoà với ta. Quốc hội Pháp đánh đổ chính phủ cũ, bầu ra chính phủ mới. Chính phủ này liền phái đại biểu qua thương lượng với Chính phủ ta"³.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Tư lệnh mặt trận Điện Biên Phủ đã từng nhận mạnh: Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân ta đã giành thắng lợi ở Điện Biên Phủ, đã biến "cái không thể đã trở thành có thể". Và những điều Hồ Chí Minh suy ngẫm, niềm tin tất thắng Người tiên liệu từ trong *Giác ngủ mười năm* đã trở thành hiện

1. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.63.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 619.

thực sinh động tại Điện Biên Phủ. Tự tin và tự phụ khi đến Đông Dương, nhưng với Điện Biên Phủ như Davit Halberstam đã nói: "một thời đại mới vừa mới chấm dứt đối với người Pháp ở Đông Dương trong mùa hè năm 1954 và một đế quốc đã sụp đổ, chỉ còn lại nỗi đau đón phải thừa nhận"¹.

Thắng lợi quân sự của ta trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ đã giáng đòn quyết định làm tan rã ý chí xâm lược của thực dân Pháp. Ngày 8-5-1954, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc. Phái đoàn ta do Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn, bước vào bàn Hội nghị trong tư thế của người chiến thắng và tuyên bố một giải pháp hoàn chỉnh làm cơ sở cho việc thảo luận vấn đề lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương. Đó là: đình chỉ chiến sự đi đôi với giải pháp về chính trị cho Việt Nam, Lào và Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao cũng diễn ra rất gay go và quyết

1. Davit Halberstam: *Hồ*, Nxb. Randon House, New York, 1971, bản dịch lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, tr.1.

liệt. Ở Pháp, ngày 12-6-1954, Chính phủ Lanien bị đổ, Măngđex Phrăngxơ (Mandès - France), đại diện phái chủ hòa, làm Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, đã dẫn đầu đoàn đại biểu Pháp sang Giơnevơ. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố hoan nghênh nguyện vọng muốn mau chóng thực hiện ngừng bắn ở Đông Dương của ông M. Phrăngxơ và từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954, tại Liễn Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hội kiến với Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai để cùng trao đổi về tình hình và phương án đấu tranh tại Hội nghị Giơnevơ.

Tiếp đó, từ ngày 13 đến ngày 18-7-1954, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) họp. Hội nghị đã nghe và thảo luận hai báo cáo *Về tình hình và nhiệm vụ mới* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và *Để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt* của đồng chí Trường Chinh. Hội nghị khẳng định: Đế quốc Mỹ đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của cách mạng Đông Dương. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục đích "bất di bất dịch" của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta phải vững chắc, nhưng sách lược thì linh hoạt. Vì vậy, nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân lúc này là

tăng cường lực lượng quân sự, xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới; tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất; phục hồi và phát triển sản xuất, chuẩn bị điều kiện xây dựng đất nước.

Trong điều kiện các nước nhân nhượng với nhau, ngày 21-7-1954, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương đã được ký kết. Các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ quy định: các nước thừa nhận và tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; ngừng bắn đồng thời trên toàn chiến trường Đông Dương, Pháp rút quân về nước; vĩ tuyến 17 chỉ là ranh giới quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc Việt Nam và sau hai năm sẽ tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Nội dung và tinh thần của Hiệp định đã không phản ánh đúng cục diện của chiến trường, tuy nhiên đó cũng là một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, đồng thời là thắng lợi của các lực lượng dân chủ trên thế giới đang đấu tranh cho tự do, hòa bình, công lý.

*
* *

Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định

Giờ này năm 1954 không chỉ chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp trên bán đảo Đông Dương, mà còn góp phần quan trọng, mở đầu sự tan rã hoàn toàn của hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp, báo hiệu quá trình sụp đổ không thể đảo ngược của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới. Thắng lợi của cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ sau chín năm kháng chiến, chứng tỏ sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự cố gắng phi thường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và những tiến bộ vượt bậc của Quân đội ta về quân sự, về tổ chức chỉ huy, về chiến đấu, về bảo đảm chiến đấu. Thắng lợi đó chứng minh thiên tài lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những quyết định sáng tạo, linh hoạt và nhạy bén của Người, đồng thời khẳng định trí tuệ Việt Nam, tài thao lược và nghệ thuật chiến tranh nhân dân, quyết tâm và tin tưởng tiến đến thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.

Như vậy, lời Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trước khi rời Việt Bắc về Hà Nội nay đã trở thành sự thật: "Cách mệnh đã do Việt Bắc mà thành công, thì kháng chiến sẽ do Việt Bắc

mà thắng lợi"¹.

Là linh hồn của cuộc kháng chiến, là biểu tượng sáng ngời nhất của tinh thần quyết chiến, quyết thắng của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quy tụ được sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, đồng tâm, hiệp lực cùng Đảng, Chính phủ, Quốc hội lãnh đạo nhân dân ta kiên quyết đấu tranh, chĩa thẳng vào kẻ thù, khiến cho chúng luôn luôn bị động, bất ngờ và thất bại. Dưới sự lãnh đạo của Người và Trung ương Đảng, sức mạnh nội lực của nhân dân ta được nhân lên gấp bội, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới"². Và thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã làm sáng tỏ một chân lý của thời đại ngày nay là: một dân tộc dù nhỏ nhưng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.207.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.12.

đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết chiến đấu theo đường lối cách mạng đúng đắn thì có thể đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù đó là quân đội nhà nghề, thiện chiến, được trang bị hiện đại.

"Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh" trở thành niềm tự hào, niềm tin tưởng và khẩu hiệu chiến đấu của tất cả các dân tộc đang đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng cùng Chính phủ rời Việt Bắc, tiếp tục hành trình lãnh đạo nhân dân cả nước đấu tranh vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất.

IX

TRỞ LẠI BA ĐÌNH,
LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP
XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG
MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT TỔ QUỐC
(1954 - 1969)

1. Trở lại Ba Đình

Sau chín năm trường kỳ kháng chiến, cuộc trường chinh chống thực dân Pháp thắng lợi đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Hoà bình được lập lại ở Đông Dương. Miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng; còn ở miền Nam, đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, chiếm và biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, chuẩn bị gây lại chiến tranh, tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các nước xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh đó, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng trở thành kẻ thù chính, nguy hiểm nhất và hung ác nhất của toàn dân ta. Trước tình hình mới và từ điều kiện cụ thể của nước nhà, từ khát vọng và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của toàn dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời tiến hành, đó là xây dựng miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã

hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Cả hai nhiệm vụ đó đều nhằm củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập, dân chủ và thiết thực tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Trong niềm vui miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng chuẩn bị trở về Thủ đô. Ngày 19-9-1954, trên đường về Hà Nội, Người ghé thăm Đền Hùng, gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân tiên phong chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô. Tại Đền Giếng, Người căn dặn: *Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.*

Ngày 14-10-1954, Người về tới Hà Nội và dù bận nhiều công việc đối nội và đối ngoại, Người vẫn dành thời gian tiếp đón và đi thăm các tầng lớp nhân dân, các đơn vị bộ đội, đặc biệt là đồng bào và chiến sĩ miền Nam vừa mới tập kết ra Bắc. Ngày 31-12-1954, dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ đến đặt vòng hoa tại Đài liệt sĩ Hà Nội, Người kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của các liệt sĩ và nói: Các liệt sĩ đã hy sinh, nhưng công

trạng to lớn của các liệt sĩ đã ghi sâu vào lòng dạ của toàn dân và non sông đất nước. Máu nóng của các liệt sĩ đã nhuộm lá Quốc kỳ vẻ vang càng thêm thắm đỏ. Tiếng thơm của các liệt sĩ sẽ muôn đời lưu truyền với sử xanh và Tổ quốc sẽ đời đời không quên họ.

Tham dự buổi lễ của 25 vạn đồng bào Hà Nội tại quảng trường Ba Đình chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ đô, trong diễn văn đọc tại cuộc mít tinh, Người khẳng định: Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được. Người đồng thời nêu những nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta nhằm kiên quyết thi hành những điều khoản của Hiệp định đình chiến, khôi phục kinh tế, củng cố quốc phòng, tiếp tục cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng nhằm củng cố hòa bình, tiến tới thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Tập trung củng cố miền Bắc về mọi mặt, vì "miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ lực lượng đấu tranh của toàn dân ta"¹, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc trước hết phải khôi phục và nâng cao sản xuất nông nghiệp, để

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 71.

"làm cho đồng bào nông dân ấm no, để cung cấp cho quân đội, để đảm bảo tiếp tế cho các thành thị, để đẩy mạnh việc khôi phục kinh tế nước nhà"¹. Người từng nói rằng, "dân dĩ thực vi thiên", nghĩa là dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn là không có trời, nên "chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi"³. Vì vậy, Người đã phát động phong trào thi đua sản xuất và tiết kiệm mùa xuân, kêu gọi cấy lúa xuân, trồng các loại hoa màu ngăn ngày để cứu đói...

Để tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất, xóa bỏ tàn tích phong kiến, xây dựng đời sống mới, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng", Đảng và Chính phủ đã quyết định tiến hành cải cách ruộng đất đợt 5, đợt cuối cùng của cuộc đấu tranh xóa bỏ giai cấp phong kiến ở miền Bắc. Sau gần nửa năm tiến hành khẩn trương và gian khổ, cải cách ruộng đất đợt 5 đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và 280 xã miền núi. Thắng lợi đó đã tạo điều kiện cho

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 461, 572.

đồng bào nông thôn ta xây dựng cuộc đời ấm no, góp phần xứng đáng vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, củng cố miền Bắc, để miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh, góp phần cùng đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất, một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến, kéo dài về nhiều mặt như: sai lầm về những nguyên tắc, trái với chính sách của Đảng, trái với nguyên tắc và điều lệ của một đảng mácxít, trái với chế độ pháp luật của Nhà nước dân chủ nhân dân, v.v., đã gây ra bầu không khí căng thẳng ở nông thôn, làm ảnh hưởng, tổn thất rất lớn cho tổ chức đảng cơ sở, chính quyền và các tổ chức quần chúng các vùng nông thôn.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Đảng và nghị quyết của Quốc hội, việc tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất, kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong quá trình thi hành *Luật cải cách ruộng đất* và sửa sai ở miền Bắc đã được tiến hành. Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương họp vào tháng 9-1956 đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm trong lãnh đạo và trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất. Hội nghị nhận định: ở các vùng đồng bằng,

trung du, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành, nhưng cũng đã phạm không ít những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài như: không biết tuyên truyền, không chấp hành đúng chính sách về phân định thành phần khi thực hiện cải cách ruộng đất, bắt bớ bừa bãi, quy sai thành phần, bắt nhầm cả người tốt, thậm chí có nơi tạo ra tài liệu giả để bắt người, v.v..

Chế độ pháp trị đã bị vi phạm, việc bắt giam, xử tử và để cho các đội, các đoàn công tác có quyền hành quá rộng đã dẫn đến xâm phạm quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Và "nghiêm trọng hơn nữa là đại biểu Quốc hội cũng bị bắt một cách trái phép..., không những thế nhiều người bị giết oan (nhất là đảng viên, cán bộ của ta), nhiều gia đình ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến bị đả kích mạnh mẽ, nhiều người bị oan ức mà tự tử; đó là một tổn thương lớn cho Đảng ta từ trước đến nay"¹. Từ thực tế đó, Hội nghị đã công khai phê bình trước toàn Đảng, toàn dân và xử lý kỷ luật một số cán bộ lãnh đạo của Đảng giữ vai trò chủ yếu trong quá trình tiến hành cải cách ruộng đất. Tiếp đó, Hội đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr. 523.

Chính phủ họp vào hạ tuần tháng 10-1956, kiểm điểm việc tổ chức thực hiện *Luật cải cách ruộng đất* cũng khẳng định: "*Luật cải cách ruộng đất* hợp tình hợp lý do Quốc hội thông qua không được chấp hành nghiêm chỉnh. Pháp luật nhà nước không được tôn trọng. Chế độ pháp trị dân chủ bị xâm phạm"¹.

Việc không chấp hành nghiêm chỉnh đạo luật quan trọng này, việc không củng cố được chi bộ đảng ở cơ sở, cùng nhiều khiếm khuyết trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất đã tạo ra những sai lầm nghiêm trọng, gây tổn thất trong nhân dân. Sự không nghiêm túc thực hiện đúng mục đích, nội dung và ý nghĩa nhân đạo của *Luật cải cách ruộng đất* đã đụng chạm đến tình cảm và đời sống bình thường của nhân dân, có hại cho chính sách đại đoàn kết của Mặt trận dân tộc thống nhất. Những khuyết điểm đau lòng ấy đã làm "hạn chế những kết quả đã thu được trong cải cách ruộng đất và gây ra cho chúng ta nhiều khó khăn".

Đặc biệt, quan tâm đến vấn đề quan trọng này, tại kỳ họp thứ sáu diễn ra từ ngày 29-12-

1. Trần Đức Cường (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.2, tr. 25.

1956 đến ngày 25-1-1957, Quốc hội khóa I đã nghe và thảo luận nội dung báo cáo về nhiệm vụ cải cách ruộng đất của Chính phủ. Chính phủ đã kiểm điểm trước Quốc hội những sai lầm, thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất. Với tinh thần tự phê bình nghiêm khắc, nhận trách nhiệm trước Quốc hội, trước đồng bào về những sai lầm của Chính phủ mà Ủy ban cải cách ruộng đất đã trực tiếp phạm phải, Chính phủ có quyết định thay đổi về mặt tổ chức và quyết định thi hành kỷ luật một số cán bộ trực tiếp chỉ đạo cải cách ruộng đất trong Ủy ban cải cách ruộng đất của Trung ương, đồng thời đề ra kế hoạch sửa chữa sai lầm với một tinh thần kiên quyết, khẩn trương, có trọng điểm và có chỉ đạo chặt chẽ.

Cùng với việc thảo luận, chân tình góp ý kiến xây dựng, Quốc hội đã nhất trí ra nghị quyết về công tác cải cách ruộng đất, tán thành cách đánh giá của Chính phủ về thành tích, khuyết điểm, sai lầm trong cải cách ruộng đất và những biện pháp để sửa sai. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, những sai lầm trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất là tổn thất nghiêm trọng, trái với quy định đã ghi trong *Luật cải cách ruộng đất* mà Quốc hội đã thông qua, trái với chế độ dân chủ và hệ thống

pháp luật dân chủ của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với chính sách của Mặt trận Tổ quốc và đặc biệt là thực hiện không đúng đường lối giai cấp ở nông thôn của Đảng. Vì vậy, Người đã chỉ đạo Chính phủ tiến hành sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất một cách khẩn trương, từng bước và có trọng điểm.

Sau đó, tiếp thu sâu sắc những ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong quá trình sửa sai, sự đồng lòng, đồng thuận trong việc khắc phục những sai lầm của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân ta đã làm giảm bớt những nỗi đau trong cải cách ruộng đất, củng cố niềm tin tưởng của nhân dân cả nước vào đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước. Trực tiếp theo dõi và kịp thời uốn nắn trong quá trình tiến hành sửa sai, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng đã có những cuộc tiếp xúc với nhân dân, trả lời phỏng vấn các vấn đề liên quan đến chế độ dân chủ nhân dân, quyền hạn và nhiệm vụ của chính quyền dân chủ nhân dân, v.v.. Tất cả những việc làm này đã góp phần ổn định tư tưởng, tránh tình trạng náo loạn về chính trị ở các vùng nông thôn. Những nỗ lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã từng bước làm giảm thiểu

những sai lầm trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ cũng đã động viên nhân dân, cán bộ, đảng viên và cả các đại biểu Quốc hội bị xử lý oan, bị xâm phạm danh dự, tài sản trong cải cách ruộng đất đã vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc không vì sai lầm, khuyết điểm mà bi quan, "trái lại vẫn giữ vững lòng tin tưởng vào Đảng và Chính phủ". Quyết định kịp thời và việc thực hiện về sửa chữa sai lầm, khuyết điểm trong cải cách ruộng đất của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ góp phần làm dịu tình hình, ổn định đời sống ở nông thôn, ổn định lòng dân, thực hiện sự đoàn kết giữa cán bộ cũ và mới. Tiếp đó, cùng với việc đem lại ruộng đất cho nông dân là việc đấu tranh và việc Chính phủ thực hiện cuộc vận động đưa nông dân vào các tổ đổi công, bước đầu của lối làm ăn tập thể.

Còn về phần mình, Quốc hội và Ban Thường trực Quốc hội cũng đã nhận rõ và kiểm điểm phân trách nhiệm của mình là phạm sai lầm nghiêm trọng trong việc thực hiện cải cách ruộng đất như không đi sát nhân dân, tìm hiểu nguyên nhân, kịp thời góp ý kiến với Chính phủ... và xin thành thực tự phê bình và nhận phân trách nhiệm của mình

trước Quốc hội, trước nhân dân. Việc tự kiểm điểm nghiêm khắc trong nhận thức và trong cả hành động của Quốc hội, Chính phủ, Ban Thường trực Quốc hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện sự thống nhất, đoàn kết và tinh thần trách nhiệm trước nhân dân. Đồng thời, sự kiểm điểm và việc sửa sai thấu tình đạt lý đó cũng cho thấy tinh thần tự phê bình nghiêm túc của các đại biểu Quốc hội - những người được nhân dân lựa chọn đã "chịu trách nhiệm" trước sự tin cậy, uỷ thác của nhân dân.

Khi tình hình ở nông thôn đi vào ổn định, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân ta hãy cùng nhau thi đua sản xuất và tiết kiệm để xây dựng đất nước. Tháng 4-1956, tại Hội nghị tổng kết công tác nông, lâm, ngư nghiệp, Người nói: Muốn sản xuất tốt, phải xây dựng tổ đổi công cho tốt. Cần tăng cường số lượng và nhất là củng cố chất lượng tổ đổi công, bởi đây cũng là một hình thức để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Và cùng với việc phát triển nông nghiệp, Người cùng Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm đẩy mạnh và phát triển công nghiệp, bởi theo Người: dùng máy móc trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp sẽ làm cho năng suất lao động lên cao, góp phần không ngừng nâng cao đời sống cho nhân dân

lao động. Tuy nhiên, cũng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để làm được như vậy thì công nhân phải là người chủ và phải hiểu rằng cần phải học hỏi, thi đua sản xuất để tăng năng suất, tăng chất lượng, hạ giá thành. Tóm lại là, "phải làm mau, làm tốt, làm rẻ, làm nhiều" và thực hành tiết kiệm, tiết kiệm thì giờ, nguyên vật liệu, máy móc và cần phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo sức lao động, theo mức sản xuất và chất lượng sản xuất, đó là "làm tốt, làm nhiều: hưởng nhiều, làm xấu, làm ít: hưởng ít"¹.

Trong thời gian này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành thời gian đi thăm và tìm hiểu tình hình sản xuất cũng như đời sống của cán bộ, công nhân các cơ sở sản xuất, nhà máy, xí nghiệp, khu mỏ của các tỉnh Hải Phòng, Hồng Quảng, Nam Định, Lào Cai, Phú Thọ, Nghệ An, Hà Nội, v.v.; thăm triển lãm nông nghiệp toàn quốc; thăm Hội nghị tổng kết cải cách ruộng đất đợt 5 và gửi nhiều thư cho đồng bào Hồng Quảng, cho nhân dân huyện Mỹ Đức, Hà Đông, v.v.. Những lời phát biểu và căn dặn của Người trong những chuyến đi thăm, những lần đến dự các cuộc họp, các hội nghị đã cổ vũ, động viên nhân dân ta trong lao

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr.338.

động sản xuất, học tập và công tác, góp phần to lớn vào những thành tích của nhân dân miền Bắc.

Đi đôi với việc lãnh đạo khôi phục kinh tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng tới việc chỉ đạo phát triển nền văn hóa nước nhà. Người đã đi thăm một số trường phổ thông, các lớp bổ túc văn hóa, bình dân học vụ. Đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ mật thiết giữa kinh tế với giáo dục: "Giáo dục phải cung cấp cán bộ cho kinh tế. Kinh tế tiến bộ thì giáo dục mới tiến bộ được... Giáo dục không phát triển thì không đủ cán bộ giúp cho kinh tế phát triển"¹ và căn dặn: các thầy cô giáo và học sinh phải tìm cách dạy và học, sao cho phù hợp với nhu cầu của dân tộc, của Nhà nước. Cũng theo lời Người, thầy dạy tốt, trò học tốt, cung cấp đủ cán bộ cho nông nghiệp, công nghiệp, cho các ngành kinh tế và văn hóa, thì đó là nhiệm vụ vẻ vang, đồng thời cũng là vinh dự của các thầy giáo, cô giáo.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác giáo dục, để giáo dục ngày càng phát triển và phát huy được vai trò to lớn trong sự nghiệp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr.137-138.

xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, thiết thực phục vụ công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây. Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người". Đây không chỉ là mục tiêu, mà còn là trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang của chiến lược con người, của nhiệm vụ trọng yếu "đào tạo thế hệ cách mạng" kế cận cho tương lai của nước nhà.

Tháng 2-1957, trong buổi nói chuyện với Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II, Người khẳng định những đóng góp to lớn của các văn nghệ sĩ trong việc nâng cao một bước đời sống văn hóa của nhân dân, tẩy trừ dần tàn tích văn hóa xấu của chế độ cũ. Theo nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nền văn hóa mới đang được xây dựng, nhưng vẫn còn không ít những thiếu sót như: văn hóa mới có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng về mặt giải trí mà còn nhẹ về mặt nâng cao tri thức của quần chúng. Trong khi đó, "việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh "phục cổ" một cách máy móc) và học tập văn hóa tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) cũng chưa làm được nhiều"¹. Vì vậy, Người

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 326, 325.

nhấn mạnh rằng, các văn nghệ sĩ muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ thì phải học tập, phải "trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng. Phải đi sát sự thực. Và trong lúc tiến tới thì chúng ta phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức khiêm tốn"².

Quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, trong *Thư gửi Hội nghị cán bộ y tế* (2-1955), Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ sức khỏe cho đồng bào; vì vậy, cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, và "lương y phải như từ mẫu"³.

Không chỉ quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, Người cùng Đảng và Chính phủ còn quan tâm tới việc củng cố, xây dựng và phát triển quân đội và công an nhân dân nhằm bảo vệ đời sống yên bình của nhân dân; bảo vệ nền độc lập của dân tộc, giữ gìn hòa bình, chống thù trong giặc ngoài, chống bọn phá hoại và làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói, công an phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hòa bình lại càng nhiều việc. Còn

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 476.

chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp bóc lột là còn bọn phá hoại, nên muốn làm tròn nhiệm vụ, công an phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và của Chính phủ, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân và phải biết dựa vào dân.

Ngày 5-4-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường Sĩ quan Lục quân. Người nêu hai nhiệm vụ trước mắt của quân đội, đó là xây dựng quân đội nhân dân ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu và thiết thực tham gia lao động sản xuất để góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người tặng nhà trường 100 huy hiệu để làm giải thưởng cho những học viên đạt được những thành tích cao trong học tập. Năm 1959, trong lễ phong quân hàm cấp tướng cho một số cán bộ cao cấp trong quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "Các đồng chí cần phải trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn, giản dị, gần gũi quần chúng và gương mẫu về mọi mặt. Dù ở cương vị nào, chúng ta cũng đều phải cố gắng để xứng đáng là người đầy tớ trung thành và tận tụy của nhân dân"¹.

Sau đó, nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1959), Người gửi thư chúc mừng toàn thể

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 9, tr. 496.

cán bộ và chiến sĩ, khen ngợi những thành tích đã đạt được trong 15 năm qua và căn dặn: phải nâng cao trình độ chính trị, kỹ thuật và văn hóa, ra sức công tác và lao động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; phải trau dồi đạo đức cách mạng, đoàn kết, khiêm tốn, hết lòng vì Đảng, vì dân; phải nâng cao chí khí chiến đấu, luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình. Cùng ngày, Người tới dự buổi chiêu đãi kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Không chỉ biểu dương: "Quân đội chúng ta anh hùng trong kháng chiến mà cũng anh hùng trong hòa bình", Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đồng thời khẳng định: những thắng lợi và thành công đó là nhờ sự giáo dục, lãnh đạo của Đảng và nhờ sự giúp đỡ hết lòng của nhân dân.

Để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, ngày 3-12-1957, Người chủ tọa phiên họp cuối năm của Hội đồng Chính phủ bàn việc tổng kết kế hoạch năm 1957 và kế hoạch ba năm 1958 - 1960 nhằm: đưa miền Bắc vào thời kỳ mới, thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa. Từ ngày 13 đến ngày 19-11-1958, Người dự Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương bàn về tình hình, nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước ba năm 1958-

1960 và tổng kết cải cách ruộng đất. Tiếp đó, Người dự Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương (từ ngày 25 đến ngày 30-4-1959) bàn về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc, về cải cách dân chủ ở miền núi và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, v.v..

Thông qua những lời phát biểu tại các hội nghị, các bài viết, bài nói của mình thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã làm rõ hơn những nội dung cụ thể về đường lối, nhiệm vụ chiến lược và mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược được đồng thời tiến hành ở hai miền Nam, Bắc; đó là: "xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công thì đấu tranh thống nhất nước nhà nhất định thắng lợi"¹.

Kế hoạch ba năm 1958 -1960 nhằm cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa của Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 14 đã được Quốc hội khóa I thông qua. Đường lối chung tiến lên chủ nghĩa xã hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa I (18-12-1959) đã khẳng định: "Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến dần từ chế độ dân chủ

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 10, tr. 64, 31.

nhân dân lên chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến"¹. Thật giản dị, nhưng cũng rất rõ ràng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: mục đích của chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng ấm no, vì vậy muốn đạt mục đích đó, "trước hết phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm"³.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được tiến hành từng bước vững chắc, đi từ thấp đến cao. Cho đến cuối năm 1960, công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc về căn bản đã hoàn thành. Song song với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa với những người làm nghề thủ công, buôn bán nhỏ, với các nhà tư sản công thương và tư sản dân tộc... đã được triển khai và thu được những thành tựu đáng kể, góp phần hoàn thành kế hoạch nhà nước ba năm 1958-1960.

Tối ngày 5-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và đọc lời khai mạc tại lễ kỷ niệm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 9, tr. 588.

30 năm ngày thành lập Đảng. Người tổng kết quá trình rèn luyện, phấn đấu của Đảng ta trong việc lãnh đạo nhân dân anh dũng chiến đấu chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà trong 30 năm qua và khẳng định: "Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: Đảng ta thật là vĩ đại!

...
Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao,
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao
nhiều tình.

Đảng ta là đạo đức, là văn minh,
Là thống nhất, độc lập, là hòa bình ấm no.
Công ơn Đảng thật là to,
Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho
lịch sử bằng vàng"¹.

Sau đó, Người đọc diễn văn bế mạc lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1-9-1960) và khẳng định: với tinh thần hăng hái thi đua yêu nước của toàn dân ta, với sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em thì công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nhất định thắng lợi và sự nghiệp hòa bình thống nhất đất nước nhất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 10, tr. 2-5.

định thành công. Cũng trong bản thảo viết tay của Người tại diển văn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Chúng ta gửi đến đồng bào miền Nam mỗi tình ruột thịt và hứa với đồng bào rằng: ... chậm lắm là 15 năm nữa Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất"¹. Lời tiên tri kỳ diệu này của Người đã trở thành sự thật.

Trong không khí vui mừng kỷ niệm 15 năm thành lập nước, ngày 5-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam khai mạc tại Hà Nội. Hơn 500 đại biểu thay mặt cho 50 vạn đảng viên trong cả nước, tiêu biểu cho truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng ta trong 30 năm qua cùng đại biểu các đảng cộng sản anh em đến từ Liên Xô, Trung Quốc, Anbani, Bungari, Ba Lan, Đảng Xã hội thống nhất Đức, Hunggari, Mông Cổ, Rumania và Triều Tiên đã tham dự Đại hội.

Tại Đại hội, Người đọc Diển văn khai mạc, tổng kết những thành tựu to lớn đã đạt được trong cuộc kháng chiến và kiến quốc hơn chín năm qua. Trong điều kiện miền Nam vẫn còn phải sống trong ách thống trị tàn bạo của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, miền Bắc đang tiếp tục trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã

1. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

hội, Đại hội lần thứ III của Đảng có một ý nghĩa quan trọng, được coi là "*Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà*".

Tại Đại hội, Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đại hội lần thứ III của Đảng đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Sau đó, để cụ thể hoá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng liên tiếp mở các hội nghị trung ương bàn sâu từng chuyên đề: về phát triển nông nghiệp (7-1961), về phát triển công nghiệp (4-1962), về kế hoạch nhà nước (4-1963), về lưu thông phân phối và giá cả (12-1964).

Tháng 7-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ II. Tại Đại hội, Người khẳng định: "Phong trào thi đua yêu nước ở ta ngày càng phát triển vì nhân dân ta đã làm chủ nước nhà"¹. Phong trào thi đua phát triển và những gương anh hùng, chiến sĩ thi đua ngày càng nổi rõ. Trong đó, có người là lao

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.199.

động chân tay và lao động trí óc, là phụ nữ, là chiến sĩ, đồng bào miền Nam tập kết, là người dân các nước anh em lao động trên đất nước ta, là thương binh, bộ đội phục viên, còn có cả gia đình liệt sĩ, v.v.. Tất cả họ, đều là "những người tiên phong trong sản xuất, mà cũng gương mẫu về đạo đức cách mạng" và họ cần phải "tiên mãi không ngừng", để cùng đồng bào và chiến sĩ cả nước "vững bước tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và nhất định thắng lợi trong sự nghiệp thống nhất nước nhà".

Tuy nhiên, từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ chiến khu gian khổ trở về thành phố, đã có một số cán bộ, đảng viên bắt đầu có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, muốn nghỉ ngơi, hưởng thụ. Nhận thức rõ những gian nan, trắc trở, những khó khăn, phức tạp của chặng đường trước mắt và sớm tiên liệu được tình hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đạo đức cách mạng* (12-1958) khẳng định vai trò quan trọng của đạo đức cách mạng, chỉ rõ kẻ thù, những nguy cơ của đạo đức cách mạng, đồng thời nêu rõ những biện pháp để ngăn ngừa và sửa chữa căn bệnh đó.

Mở đầu tác phẩm, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành nói về lịch sử cuộc đấu tranh của con người với giới tự nhiên và lao động sản xuất để sinh tồn. Khẳng định vai trò sức mạnh của

số đông, của tập thể và của xã hội, Người nhấn mạnh: trong thời đại văn minh, "mọi việc càng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội. Do đó, *chủ nghĩa cá nhân* là trái ngược với *chủ nghĩa tập thể* và chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội nhất định thắng, chủ nghĩa cá nhân nhất định phải tiêu diệt"¹. Đồng thời, Người cũng khẳng định: sự phát triển của các phương thức sản xuất và sự tiến bộ của xã hội loài người từ công xã nguyên thủy đến cộng sản chủ nghĩa là một tất yếu khách quan. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của lịch sử, xã hội xuất hiện giai cấp, cuộc đấu tranh giai cấp giữa những người bị bóc lột và những kẻ bóc lột, giữa "bọn phong kiến địa chủ, bọn tư bản và đế quốc" và "những tầng lớp người khác, nhất là công nhân và nông dân" ngày càng quyết liệt. Vì vậy, để giành lấy thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó, cách mạng nhất định phải do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo, vì đó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Điều này đã được lịch sử chứng minh.

Nói về vai trò của đạo đức cách mạng và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr. 282.

kẻ thù của đạo đức cách mạng, nhận thức rõ tính chất quyết liệt, cam go của cuộc đấu tranh giai cấp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Vì vậy, người cách mạng cần phải có đạo đức cách mạng, vì "sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang"¹.

Đề cao vai trò của đạo đức cách mạng, Người nhấn mạnh: người có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước, vì lợi ích chung mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình, thậm chí sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình và "đó là biểu hiện rất rõ rệt, rất cao quý của đạo đức cách mạng"². Đạo đức cách mạng giúp mỗi người khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần vượt qua gian khổ, chât phác, khiêm tốn, "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ", không lo kèn cựa về mặt hưởng thụ,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 283, 284.

không công thân, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hoá, v.v..

Trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, Người khẳng định đã có rất nhiều những người con ưu tú của Đảng như Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai, v.v., đã vì dân, vì Đảng mà oanh liệt hy sinh, nêu gương chói lọi của đạo đức cách mạng, chí công vô tư, thực sự "quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng". Họ luôn "đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình" và "ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ"¹.

Cũng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi người cách mạng phải hiểu sâu sắc rằng: Đảng ta là một đội ngũ tiên tiến nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân, đồng thời là người lãnh đạo cách mạng. Cán bộ, đảng viên phải nhận thức rõ sứ mệnh lịch sử vừa cải tạo thế giới và nhiệm vụ tự cải tạo bản thân mình. Vì vậy, Người nêu rõ: trong bối cảnh nhân dân miền Bắc tiến hành cuộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.9, tr. 285.

đấu tranh lâu dài, gian khổ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời chỉ viện cho miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng, hơn bao giờ hết, càng cần phải có những người cách mạng, thậm chí hy sinh đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Vạch rõ tên của từng kẻ địch, chỉ rõ mối quan hệ, liên minh giữa chúng, Người nhấn mạnh: chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc, thói quen và truyền thống lạc hậu là hai kẻ địch nguy hiểm. Còn chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng tiểu tư sản thường xuyên ẩn nấp trong mỗi con người là đồng minh của hai kẻ địch kia, luôn sẵn sàng chờ dịp ngóc đầu dậy, đẽ bẽ ý chí cách mạng của mỗi người. Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Người hiểu sâu sắc rằng, dù là tập thể của những con người tiên phong nhất, song Đảng cũng là một thực thể xã hội và mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng cũng là những con người cụ thể. Đặc biệt hơn, là một Đảng kiểu mới được xây dựng và phát triển ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, những cán bộ, đảng viên của Đảng, vốn sinh trưởng trong xã hội cũ, nên thường mang trong mình hoặc nhiều, hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen... Đó là những "vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ", đó chính là "chủ nghĩa cá

nhân", là trái ngược với đạo đức cách mạng và nếu còn lại trong mình, "dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng".

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm và đó là kẻ thù của đạo đức cách mạng. Mục đích trước mắt của Đảng ta là lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh để đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và thực hiện thống nhất nước nhà, xây dựng một nước Việt Nam "không còn ai bị bóc lột, trong đó mọi người được sung sướng, ấm no". Để giành được thắng lợi trong chặng đường đầy chông gai, trắc trở này, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải thấm nhuần và thường xuyên tu dưỡng đạo đức, hết sức trung thành phục vụ giai cấp công nhân và nông dân lao động.

Người nhấn mạnh: đạo đức cách mạng "là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu". Theo Người, lời nói và việc làm của đảng viên rất

quan hệ đến sự nghiệp cách mạng, vì nó ảnh hưởng lớn đến quần chúng. Vì vậy, trong bất kỳ tình huống khó khăn nào, người cán bộ, đảng viên cũng phải kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, gương mẫu trước quần chúng, nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân. Từ đó, Người kết luận: Đảng ta đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động. Đảng viên là người thay mặt Đảng, đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động; vì vậy, lợi ích của người đảng viên phải ở trong chứ không thể ở ngoài lợi ích của Đảng, của giai cấp. Và "vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau, thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng".

Nói về vai trò của việc rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, sau khi nêu rõ vai trò của đạo đức cách mạng, chỉ rõ kẻ thù của những người cách mạng là chủ nghĩa cá nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: cuộc sống "thời bình" của miền Bắc trong những năm qua đã làm không ít người

lầm tưởng rằng cách mạng đã thành công, do đó mà để "*chủ nghĩa cá nhân* chớm nở". Bên cạnh những người vẫn thường ngày rèn luyện đạo đức cách mạng, đã có không ít người thoái hoá, biến chất, chỉ lo yêu cầu hưởng thụ, nghỉ ngơi, lựa chọn công tác theo ý thích của cá nhân mình, muốn địa vị cao, nhưng lại sợ trách nhiệm nặng, v.v.. Họ quên rằng: "*tiêu chuẩn số một của người cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng*"; do đó, tinh thần đấu tranh và tính tích cực của họ bị kém sút, chí khí anh dũng và phẩm chất tốt đẹp của người cách mạng cũng kém sút, sự tiên phong, gương mẫu của họ cũng không còn.

Từ những biểu hiện tiêu cực nêu trên, Người nêu rõ: cách thức để gột rửa sạch những vết tích xấu xa của xã hội cũ, chống lại chủ nghĩa cá nhân là phải rèn luyện đạo đức cách mạng phải thường xuyên, liên tục, ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Người quan niệm, trong mọi hoạt động cách mạng, dù đó là thời kỳ hoạt động bí mật, thời kỳ khởi nghĩa, thời kỳ kháng chiến, hay công cuộc xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, tất cả "đều là những trường học rất tốt cho chúng ta rèn luyện đạo đức cách

mạng".

Nêu ra hiện tượng một số cán bộ, đảng viên vì chưa rửa gột sạch *chủ nghĩa cá nhân*, nên còn "kê công" với Đảng, muốn Đảng "cảm ơn", đòi ưu đãi và cho rằng họ "không có tiền đồ", họ "bị hy sinh", Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: đó là những người "dần dần xa rời Đảng, thậm chí phá hoại chính sách và kỷ luật của Đảng". Cùng đó, Người cũng chỉ rõ những biểu hiện khác như: có một số ít đảng viên bị *chủ nghĩa cá nhân* trói buộc mà trở nên kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại. "Họ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình họ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Họ sợ tự phê bình thì sẽ mất thể diện, mất uy tín. Họ không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Họ xem khinh những cán bộ ngoài Đảng", v.v.. Người kết luận: "chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ,... bị quần chúng bỏ rơi. Đó là kết quả tất nhiên của chủ nghĩa cá nhân".

Mặt khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng

nói: hiện nay *chủ nghĩa cá nhân* đang ám ảnh một số đồng chí, họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh và "kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì". Họ trở nên có tội với cách mạng, bởi họ không "*thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình* đồng chí khác để cùng nhau tiến bộ". Họ quên mất rằng, "trong bao nhiêu năm hoạt động bí mật, dù bị bọn thực dân khủng bố gắt gao và Đảng ta gặp rất nhiều khó khăn, nguy hiểm, nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, càng mạnh mẽ và đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Đó là vì Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén *phê bình và tự phê bình*"¹.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam hiện tại là yêu cầu cấp bách của lịch sử nước nhà, đồng thời đó cũng là nhiệm vụ của toàn quân, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bởi chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho nên *phải*

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 289-290, 291.

kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân. Tuy nhiên, trong khi khẳng định phải chống kẻ địch nội xâm là chủ nghĩa cá nhân, Người cũng không quên nhấn mạnh: đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, từ đó Người cũng khẳng định: "Lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn"². Vì vậy, đối với những người cách mạng, lợi ích của cá nhân luôn gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, người cách mạng phải phục tùng lợi ích chung của tập thể.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Cách mạng tiến lên mãi, Đảng tiến lên mãi. Cho nên người cách mạng cũng phải tiến lên mãi"¹. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải cố gắng học tập lý luận Mác - Lênin, bởi "có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 292.

trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình"². Tuy nhiên, đó là "học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn"³, chứ không phải là học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác - Lênin. Đặc biệt, học để trang sức, học không phải để vận dụng vào công việc cách mạng, *đó cũng là chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kết luận: chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng mẹ, đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... trói buộc, bịt mắt những nạn nhân của nó, khuyến khích lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân, không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân. Đó thực sự là kẻ thù nội tâm, "một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó"¹. Cuối cùng, Người khẳng định công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững mạnh cho công cuộc thống

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 292, 293.

nhất nước nhà, là một nhiệm vụ cực kỳ vẻ vang, song cũng đầy gian nan, trắc trở. Vì vậy để bảo đảm cho sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, "tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng"².

Bước sang năm 1959, một mùa xuân mới đầy ý nghĩa: miền Bắc thực hiện năm cuối kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và miền Nam đang chuyển mình, đẩy mạnh cuộc đấu tranh đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công cách mạng. Trong bước chuyển mình ấy, bằng ngôn từ mộc mạc, chân tình và ngắn gọn, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lời đầu bài thơ chúc Tết Kỷ Hợi 1959: "Chúc mừng đồng bào năm mới". Nỗi bận tâm lớn nhất của Người khi đó là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nên Người đặt lên hàng đầu nhiệm vụ sản xuất, xây dựng hậu phương lớn miền Bắc, để miền Bắc thực sự là hậu thuẫn vững chắc cho đồng bào miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng. Cũng không nằm ngoài nội dung mang tính định hướng chiến lược, những nhiệm vụ trọng tâm của một giai đoạn cách

mạng mới đã thể hiện rõ trong bài thơ:

"Đoàn kết thi đua tiến tới

Hoàn thành kế hoạch ba năm

Thống nhất nước nhà thắng lợi"¹.

Rất chú trọng đến việc bồi dưỡng và xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa, trong nhiều bài nói, bài viết của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều nhấn mạnh: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa". Theo Người, con người mới xã hội chủ nghĩa là những người có đạo đức và tri thức, là những người vừa "hồng" vừa "chuyên".

Đề lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi kế hoạch ba năm phát triển kinh tế và văn hóa, nhanh chóng thay đổi bộ mặt xã hội của miền Bắc, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hết sức chăm lo đến công tác xây dựng Đảng, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước dân chủ nhân dân. Người nói: "Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng cần phải mạnh hơn bao giờ hết"², phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

1. Hồ Chí Minh: *Xuân Kỷ Hợi - 1959, Thơ chúc Tết, Sđd*, 1986, tr.18.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 494.

trên mọi lĩnh vực, trước hết là đối với Nhà nước. Người cũng đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao trình độ lý luận của Đảng cho cán bộ, đảng viên, vì đây là một nhiệm vụ quan trọng. Có nâng cao trình độ lý luận thì cán bộ, đảng viên mới có thể hoàn thành tốt công tác của mình, nếu trình độ lý luận thấp kém thì trước những nhiệm vụ cách mạng mới và phức tạp sẽ không tránh khỏi sự lúng túng, dễ mắc phải sai lầm, khuyết điểm.

Trong Diễn văn khai mạc lớp lý luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc, trả lời câu hỏi vì sao phải học tập và nâng cao trình độ lý luận của Đảng, Người nói: chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin "để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta". Theo Người, có làm được như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta¹. Do đó, Đảng cần phải nắm vững khoa học và kỹ thuật, và mỗi cán bộ,

1. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 494.

đảng viên đều phải cố gắng "học tập văn hóa, học tập khoa học và kỹ thuật".

Để điều hành và quản lý xã hội trong bối cảnh đất nước tạm thời chia cắt làm đôi, một trong những nhiệm vụ cần thiết là soạn thảo, thông qua các đạo luật và sửa đổi *Hiến pháp* cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Trên tinh thần đó, kỳ họp thứ sáu Quốc hội khóa I ngày 25-1-1957 đã quyết định thành lập *Ban sửa đổi Hiến pháp* do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban, bởi: "Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta, thích hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đó. Nó đã hoàn thành sứ mệnh của nó. Nhưng so với tình hình mới và nhiệm vụ cách mạng mới hiện nay thì nó không thích hợp nữa. Vì vậy mà chúng ta phải sửa đổi Hiến pháp ấy"¹.

Để tăng cường và bảo đảm thực hiện quyền tự do, dân chủ cho nhân dân, cùng với việc chuẩn bị sửa đổi *Hiến pháp*, Quốc hội khóa I đã thông qua những đạo luật như: *Sắc luật về chế độ xuất bản* nhằm tôn trọng và bảo đảm "quyền tự do xuất bản được sử dụng một cách đúng đắn, để ngăn ngừa mọi sự lợi dụng chế độ tự do xuất bản để làm phương hại đến

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr. 585.

nhân dân, đến chế độ"; *Sắc luật về chế độ báo chí* ra đời cùng với *Sắc luật chế độ xuất bản* không những đã phòng ngừa được những hành động phá hoại của kẻ địch, đảm bảo quyền tự do ngôn luận của nhân dân, mà còn chứng minh trong thực tế, đó là công cụ đấu tranh của nhân dân, phục vụ lợi ích tối cao của dân tộc; *Sắc luật về những trường hợp phạm pháp quả tang và những trường hợp khẩn cấp* "làm phương hướng cho việc xây dựng những luật về các quyền tự do dân chủ, là: một mặt phải bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân, và mặt khác phải thực hiện đầy đủ chuyên chính đối với kẻ thù của nhân dân"; *Sắc luật về cấm mọi hành động đầu cơ* về kinh tế nhằm mục đích bình ổn vật giá, phát triển sản xuất, thực hiện kế hoạch nhà nước, bảo vệ và khuyến khích những người kinh doanh chính đáng, v.v., góp phần "làm cho những kẻ phạm pháp phải dè chừng và đồng thời cũng mở cho họ một con đường để hối lỗi, tự cải tạo"; *Sắc luật về quy định thể lệ bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp* "nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền tự do bầu cử ứng cử, của nhân dân ta, trong khi chờ đợi Hiến pháp mới. Những quy định này góp phần mở rộng sinh hoạt dân chủ, phát huy tính tích cực và năng lực sáng

tạo của nhân dân ta"; *Luật công đoàn* được Quốc hội thông qua ngày 14-9-1957, gồm 4 chương, 22 điều, "sẽ làm cho quần chúng công nhân, viên chức rất phấn khởi, tích cực đẩy mạnh sản xuất, kiến thiết miền Bắc, tiến dần lên xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà".

Việc kịp thời xây dựng, thông qua những sắc luật và luật của Quốc hội đã khẳng định: nền pháp trị của chúng ta tuy mới được chấn chỉnh, song "đã có nhiều hiện tượng tốt đẹp vì chúng ta đã có một cơ sở tốt để củng cố nền pháp trị: đó là chế độ của chúng ta, một chế độ mà trong đó quyền của người dân được phát huy đến triệt để và được hết sức tôn trọng và bảo vệ". Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, việc xây dựng và ban hành các đạo luật đó thể hiện rõ "tinh thần đoàn kết nhất trí và tinh thần dân chủ" của chế độ mới. Điều đó "đã làm cho nhân dân ta cực kỳ phấn khởi, đã làm cho kẻ địch thất vọng", góp phần "đưa lại những thắng lợi to lớn hơn trong sự nghiệp củng cố miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà".

Tiếp đó, qua một thời gian chuẩn bị, lấy ý kiến của đông đảo quần chúng nhân dân và qua 27 phiên họp, ngày 18-12-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Báo cáo dự thảo Hiến*

pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa I. Đây là bản báo cáo quan trọng, có giá trị lớn về lý luận và thực tiễn, ghi rõ những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong những năm qua và nêu lên nhiệm vụ cách mạng mới trong giai đoạn lịch sử mới. Sau khi xem xét và thảo luận, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp mới - *Hiến pháp* năm 1959.

Hiến pháp năm 1959 ghi rõ: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước dân chủ nhân dân "là một khối Bắc Nam thống nhất không thể chia cắt", "một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc"; đồng thời tiếp tục khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân: "Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân" (Điều 4). Các cơ quan quyền lực nhà nước bao gồm các đại biểu, những người có tài có đức được nhân dân tín nhiệm, lựa chọn, bầu ra theo chế độ phổ thông đầu phiếu và thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ. Trên tinh thần cơ bản "nhân dân là chủ", *Hiến pháp* năm 1959 đã có những quy định, thể chế hóa mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân: "Tất cả các nhân

viên cơ quan nhà nước đều phải trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, tuân theo Hiến pháp và pháp luật, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân" (Điều 6). Cách mạng đã chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa, song do đặc thù của tình hình, cơ chế quyền lực nhà nước chưa thể hoàn toàn theo đúng mô hình xã hội chủ nghĩa mà còn có các yếu tố kiểu dân chủ nhân dân. Đó là việc sử dụng nhà nước dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản. Điểm đặc biệt này đã quyết định cơ chế quyền lực nhà nước và vị trí của Quốc hội, của thiết chế Chủ tịch nước trong *Hiến pháp* năm 1959.

Chương II của *Hiến pháp* năm 1959 quy định rõ về chế độ kinh tế - xã hội, trong đó khẳng định: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội. Nhà nước lãnh đạo hoạt động kinh tế theo một kế hoạch thống nhất. Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của nông dân, bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của các nhà tư sản dân tộc, v.v., đặc biệt kinh tế quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân và được ưu tiên phát triển (Điều 9, 10, 12, 14, 16). *Hiến pháp* năm 1959 dành từ Điều 22

đến Điều 42 để nói về quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó khẳng định mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền tự do tín ngưỡng, bất khả xâm phạm về thân thể, có quyền khiếu nại và tố cáo, quyền được nghỉ ngơi, được học tập, làm việc, có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Hiến pháp năm 1959 quy định: Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định những công việc hệ trọng, liên quan đến vận mệnh, đến quốc kế dân sinh của nước nhà và hội đồng nhân dân các cấp quyết định những công việc quan trọng nhất ở địa phương. Trong *Hiến pháp* năm 1959, tính chất, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội và mối quan hệ của Quốc hội với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước cũng đã có sự thay đổi so với chế định về nghị viện nhân dân trong *Hiến pháp* năm 1946. Từ những chế định Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, vị trí, vai trò của Quốc hội theo *Hiến pháp* năm 1959 được đề cao và quyền hạn được quy định một cách cụ thể hơn.

Tính đại diện cao nhất của Quốc hội theo *Hiến pháp* năm 1959 thể hiện trên các yếu tố:

Quốc hội có cơ cấu thành phần đại biểu đại diện rộng rãi, thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ dựa vào sự tín nhiệm của nhân dân, do nhân dân ủy thác và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: "Quốc hội là tiêu biểu cho ý chí thống nhất của dân tộc ta, một ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi". Tính quyền lực cao nhất của Quốc hội được cụ thể hóa thành các chức năng và nhiệm vụ cụ thể như: Chức năng lập hiến và lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao (Điều 43, 44, 46, 50).

Hiến pháp năm 1959 dành từ Điều 51 đến Điều 55 để quy định về Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Là cơ quan thường trực của Quốc hội, do Quốc hội bầu ra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có 18 quyền được ghi cụ thể trong Điều 53 của *Hiến pháp*. Trong số những thẩm quyền này, theo *Hiến pháp* năm 1946, một số quyền trước đây là do Chủ tịch nước thực hiện như: quyền đặc xá, quyết định bổ nhiệm những thành viên của Chính phủ,... (Điều 49, *Hiến pháp* năm 1946). *Hiến pháp* quy định Quốc hội thành lập các ủy ban chuyên trách để giúp Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 56, 57, 58).

Trong những trường hợp cần thiết, Quốc hội không họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể tổ chức các ủy ban điều tra về những vấn đề nhất định (Điều 58). Đó là điểm khác biệt giữa *Hiến pháp* năm 1946 và *Hiến pháp* năm 1959.

Trong khi xây dựng và thông qua các điều về tổ chức bộ máy, hoạt động của các ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp nhận thức rất rõ tầm quan trọng sự uỷ thác của nhân dân vào cơ quan quyền lực, đặc biệt là các ủy ban chuyên trách. Hiến pháp quy định các đại biểu Quốc hội có quyền được chất vấn Hội đồng Chính phủ, chất vấn các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ. Mặt khác, nếu trong thời gian Quốc hội không họp và không được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, "thì không được bắt giam và truy tố đại biểu Quốc hội" (Điều 60). Đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp đều là những người được nhân dân tín nhiệm, uỷ thác, thay mặt mình, nên cũng có thể bị cử tri bãi miễn trước khi hết nhiệm kỳ nếu tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân (Điều 5). Nguyên tắc này đảm bảo quyền kiểm soát của nhân dân đối với các đại biểu đại diện cho mình khi những đại biểu đó tỏ ra không còn xứng đáng, đồng thời khẳng định

quyền lực thực sự của nhân dân trong thực tế.

Là Trưởng Ban Dự thảo Hiến pháp sửa đổi, việc Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng nội dung các điều trên cho thấy, trong tư tưởng của Người, vị trí, vai trò của Quốc hội, cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân được tăng cường, được nâng cao trong tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước. Những chế định này đã khẳng định tính quyền lực tối cao của Quốc hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, bao gồm những đại biểu được bầu ra ở những đơn vị bầu cử. Quyền lực đó được thể hiện trong các luật, các pháp lệnh, các nghị quyết mà Quốc hội thông qua tại các kỳ họp, cho nên các kỳ họp là sinh hoạt quan trọng của Quốc hội. Trong các kỳ họp, các đại biểu Quốc hội có trách nhiệm và quyền hạn ngang nhau trong việc tham gia thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc về thẩm quyền của Quốc hội.

Chương V của *Hiến pháp* năm 1959 dành từ Điều 61 đến Điều 70 quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó là "người thay mặt cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mặt đối nội và đối ngoại" do Quốc hội bầu ra. Những công dân Việt Nam từ 35 tuổi trở lên có quyền ra ứng cử Chủ tịch nước. Các

điều này vừa là sự kế thừa, vừa là sự phát triển giữa *Hiến pháp* năm 1946 và *Hiến pháp* năm 1959. Chủ tịch nước khi xét thấy cần thiết "có quyền tham dự và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ" (Điều 66), và "triệu tập và chủ tọa Hội nghị chính trị đặc biệt" (Điều 67), v.v.. Một số thẩm quyền, trước đó (theo *Hiến pháp* 1946), thuộc về Chủ tịch nước, nhưng đến *Hiến pháp* 1959, đã chuyển về cho Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 50, Điều 53, v.v.).

Thể hiện rõ nội dung xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, *Hiến pháp* năm 1959 cũng quy định tổ chức quyền lực nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc tập trung quyền lực vào Quốc hội. Và Chủ tịch nước có vai trò điều hòa, phối hợp hoạt động của Quốc hội với Chính phủ. Như vậy, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước, dù được quy định trong *Hiến pháp* năm 1946 hay *Hiến pháp* năm 1959, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đó vẫn phải là người luôn có sự tín nhiệm và chịu sự kiểm soát của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Là người chỉ đạo việc xây dựng thiết chế Chủ tịch nước của chế độ cộng hòa dân chủ nhân dân mang những dấu ấn đặc thù của

cách mạng Việt Nam, trong cả hai bản *Hiến pháp* năm 1946 và *Hiến pháp* năm 1959, tư tưởng thống nhất quyền lực nhà nước của Hồ Chí Minh đều nhất quán. Điều đó cũng cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh thực sự không chỉ là một nhà lập pháp am hiểu kỹ thuật lập pháp quốc tế, mà còn là người luôn vận dụng sáng tạo kỹ thuật lập pháp vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đồng thời, cũng từ những chế định đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân (tập trung vào Quốc hội, cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, do nhân dân bầu ra, thực hiện sự uỷ thác của nhân dân) càng trở nên rõ nét hơn, trở thành hiện thực sinh động hơn trong thực tiễn. Từ những chế định này và trong thực tế, cùng với việc khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng tại *Lời nói đầu* của *Hiến pháp* năm 1959, có thể thấy rõ Người tập trung thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một vị Chủ tịch nước, góp phần tích cực tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nâng cao uy tín của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế.

Tổ chức, quyền hạn của Hội đồng Chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính địa phương các cấp, cùng các cơ quan tư pháp, xét xử cũng được *Hiến pháp* năm 1959 quy

định trong các chương VI, VII, VIII. Trong đó, các chế định của *Hiến pháp* cũng thể hiện rõ mối quan hệ giữa Hội đồng Chính phủ với Quốc hội qua các việc như: căn cứ vào Hiến pháp, pháp luật mà "quy định những biện pháp hành chính, ban bố những nghị định,..." (Điều 73); "trình dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác ra trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội" (Điều 74), v.v..

Tóm lại, từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam và hoàn cảnh ra đời của *Hiến pháp* năm 1959, có thể thấy rõ rằng: việc thay thế Nghị viện nhân dân trong *Hiến pháp* năm 1946 bằng Quốc hội trong *Hiến pháp* năm 1959, không chỉ là sự thay đổi tên gọi của cơ quan quyền lực nhà nước một cách thuần túy. Nghị viện nhân dân trong *Hiến pháp* năm 1946 là một thiết chế khẳng định một bước chuyển căn bản từ chế độ thuộc địa, thực dân phong kiến sang chế độ dân chủ cộng hòa và nó thực sự phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam khi đó. Song, đến *Hiến pháp* năm 1959, cùng với việc khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng (tập trung ở Bộ Chính trị và Ban Bí thư), thì việc tổ chức bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân, mà đại diện tập trung là Quốc hội, với chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đã thể hiện rõ sự định hướng phát triển

chế độ nhà nước theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự thay đổi trong tư tưởng Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp Việt Nam không chỉ là một bước tiến trong tư duy lập pháp. Đó còn là việc khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, là kết quả sự ảnh hưởng và sự tác động nhiều chiều của xu hướng tập quyền theo mô hình tổ chức nhà nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ này.

Nói về ý nghĩa của việc ban hành *Hiến pháp* năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: bản *Hiến pháp* mới là kết tinh bao nhiêu thắng lợi của nhân dân ta từ Cách mạng Tháng Tám tới nay và đã được đông đảo nhân dân tham gia ý kiến sẽ là một mẫu mực về tổ chức đời sống của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Việc Quốc hội thông qua *Hiến pháp* mới, "rất thích hợp với những thắng lợi mới, tiến bộ mới của nhân dân ta, là một sự kiện vô cùng quan trọng trong đời sống mọi mặt của nhân dân ta". Sau khi được ban hành, *Hiến pháp* năm 1959 "sẽ phát huy hơn nữa lòng yêu nước và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, sẽ động viên nhân dân ta đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, cố gắng thi đua hơn nữa để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

Cùng với những đạo luật được Quốc hội thông qua, *Hiến pháp* năm 1959 tiếp tục khẳng định tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về Quốc hội của Hồ Chí Minh, thực sự đáp ứng lợi ích của quần chúng nhân dân, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Trên cơ sở *Hiến pháp* năm 1959, Nhà nước sẽ tiếp tục ban hành nhiều đạo luật và các văn bản dưới luật để quản lý đất nước. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc thông qua chức năng lập hiến và lập pháp, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quốc hội đã giữ vai trò trực tiếp thúc đẩy mạnh mẽ đời sống kinh tế, xã hội nước ta trong từng giai đoạn phát triển của cách mạng. Soạn thảo, ban hành bản *Hiến pháp* năm 1959 và các đạo luật dân chủ thực sự vì nhân dân, có thể thấy được bước tiến trong tư duy lý luận, tư duy chính trị về hoạt động lập hiến, lập pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Là người được trao trọng trách trước Quốc hội - cơ quan lập pháp và Chính phủ - cơ quan hành pháp, "Hồ Chí Minh đã đoàn kết quanh mình các đại biểu, các đảng phái giai cấp, tôn giáo, dân tộc đoàn kết, thống nhất, với một nguồn sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội". Cùng với những hoạt động có

hiệu quả của Người trong việc lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ nội trị, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hoạt động đối ngoại mềm dẻo, với một Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh, một Quốc hội được tập trung quyền lực, hoạt động theo định kỳ, một Chính phủ hành pháp mạnh mẽ, sáng suốt dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người đầy bản lĩnh và hướng toàn bộ tâm lực, trí lực cho nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn này đã có những bước phát triển.

Tiếp đó, ngày 1-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 1, công bố *Hiến pháp mới - Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở nước ta*. Ngày 21-7-1960, Người ký lệnh công bố các luật: *Luật tổ chức Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Luật tổ chức Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*.

Để tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, từ ngày 5 đến ngày 10-9-1955, tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc, thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận đã thông qua cương lĩnh mới để tập hợp đông đảo các tầng

lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trên cơ sở nông cốt là liên minh công nông do Đảng ta lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự Đại hội và được tôn vinh làm Chủ tịch danh dự của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nói về *Cương lĩnh* của Mặt trận, Người nói, đó là "Một cương lĩnh đại đoàn kết, mục đích của nó là đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước"¹.

Trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là kiên quyết tiếp tục đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Nước Việt Nam ta nhất định phải thống nhất. Đồng bào Nam và Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"²; vì vậy, "thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta. Đại đoàn kết là một lực lượng tất thắng"².

Đặc biệt, trước những diễn biến mới của tình hình cách mạng miền Nam và nhằm đưa cách mạng miền Nam tiến lên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ tọa Hội nghị Trung ương 15

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 66.

2. 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 197, 198.

mở rộng (1-1959) bàn về nhiệm vụ cách mạng miền Nam và vai trò của miền Bắc đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Nghị quyết Trung ương 15 về đường lối của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới đã khẳng định: "Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện dân tộc độc lập và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh"³. Nghị quyết nêu rõ: "Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"⁴.

Ra đời khi tình thế cách mạng và những điều kiện cho cuộc khởi nghĩa từng phần tại các địa phương đã chín muồi, như Ngô Đình Nhu từng nhận định: chế độ miền Nam đang ngồi trên ngọn núi lửa sắp phun. Nghị quyết Trung ương 15 đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam,

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 20, tr. 81, 82.

đưa phong trào cách mạng phát triển nên một nấc thang mới. Cho nên, có những nơi dù chưa nhận được văn bản chính thức, chỉ lĩnh hội tinh thần của Nghị quyết "cho phép tiến hành đấu tranh vũ trang", đã nhanh chóng phát động khởi nghĩa. Hình thức đấu tranh "mang tính bạo lực" của quần chúng ở nhiều nơi đã có sự tham gia của lực lượng vũ trang, nửa vũ trang ở những mức độ khác nhau. Các trận đánh đầu tiên của lực lượng vũ trang và tự vệ miền Nam đã diễn ra ở Tây Ninh, Thủ Dầu Một, v.v., tiếp đến là Bắc Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi).

Bằng nhiều phương thức đấu tranh sáng tạo, phong phú, những cuộc khởi nghĩa ở miền núi Liên khu V, ở cực Nam Trung Bộ và đặc biệt là các cuộc khởi nghĩa của đồng bào các tỉnh miền Trung Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ có đà phát triển và ngày càng lan rộng từ giữa năm 1959 đến cuối năm 1960. Phong trào "Đồng khởi" của nhân dân miền Nam đã làm tan rã từng mảng bộ máy kìm kẹp của chế độ nguy quyền cơ sở ở nông thôn, làm lung lay tận gốc bộ máy chính quyền thực dân kiểu mới, đẩy dịch vào thế bị động. Quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết Trung ương 15, trên cơ sở xác định đúng phương châm chỉ đạo đồng khởi, đề ra

chủ trương và giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương, tạo yếu tố bất ngờ, đảm bảo chắc thắng cho đồng khởi. Từ trong phong trào "Đồng khởi", quyền làm chủ của nhân dân được xác lập ở "1.383 trong tổng số 2.627 xã"; lực lượng vũ trang, bán vũ trang được xây dựng và từng bước trưởng thành.

Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" đã khôi phục lại các căn cứ địa cách mạng, tạo điều kiện cho vùng giải phóng được mở rộng, thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng ở các đồn điền, nhà máy, ở các trung tâm đô thị phát triển mạnh. Thắng lợi đó đã làm phá sản chiến lược chiến tranh đầu tiên của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam, góp phần đưa đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20-12-1960.

Với phong trào "Đồng khởi", cách mạng miền Nam đã có bước nhảy vọt, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công cách mạng. Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam mở đầu bằng phong trào "Đồng khởi" đã làm phong phú thêm nghệ thuật quân sự của cha ông ta trong lịch sử. Khởi sự bằng "đồng khởi", quân dân miền Nam đã chứng minh nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng rằng: "Thế lực của Mỹ

ngày nay trên thế giới ngày càng sa sút, thế lực của chúng ở miền Nam căn bản không phải mạnh. Tình hình ngày càng chuyển biến bất lợi cho chúng, có lợi cho ta"¹ là hoàn toàn đúng đắn.

Nghị quyết Trung ương 15 thực sự "đã tạo ra một phương thức mới, tạo đột biến cho tình hình, đưa cách mạng chuyển sang bước nhảy vọt thần kỳ", khẳng định tầm vóc trí tuệ, bản lĩnh và tư duy của Hồ Chí Minh và Đảng ta về cách thức mở đầu cuộc chiến tranh nhân dân chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Quyết định của Người và Trung ương Đảng về đường lối, nhiệm vụ, phương pháp của cách mạng miền Nam thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 15 cũng cho thấy quyết tâm tiến hành chiến tranh cách mạng của cả dân tộc Việt Nam trong cuộc đọ đầu lịch sử với đế quốc Mỹ để giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp, trong hoàn cảnh cách mạng đang chuyển sang giai đoạn đấu tranh, nội dung của Nghị quyết Trung ương 15 về cách mạng miền Nam đã phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, khẳng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr. 28.

định quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng về giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm đó thể hiện tư tưởng độc lập, tự chủ, táo bạo của Đảng ta và lãnh tụ Hồ Chí Minh trong bối cảnh đầy khó khăn, thử thách, dù không được sự ủng hộ của một số đảng anh em.

Quan tâm đến miền Nam, hướng về miền Nam ruột thịt và luôn dành tình cảm yêu thương cho cách mạng và đồng bào miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các cán bộ và các cháu trường học sinh miền Nam, thăm nơi an dưỡng dành cho đồng bào miền Nam tập kết ra Bắc, thăm trại thiếu nhi miền Nam, v.v.. Tin tưởng vào một ngày mai thống nhất, ngay từ tháng 9-1954 trong thư gửi bộ đội, cán bộ và gia đình cán bộ miền Nam ra Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đến ngày hòa bình đã được củng cố, thống nhất được thực hiện, độc lập, dân chủ đã hoàn thành, đồng bào sẽ vui vẻ trở về quê cũ. Lúc đó rất có thể tôi sẽ cùng đồng bào vào thăm miền Nam yêu quý của chúng ta"¹.

2. Hoạt động đối ngoại

Cũng trên cơ sở đã xác định cuộc đấu tranh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 356.

củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước, hoàn thành độc lập, dân chủ của nhân dân ta theo tinh thần của Hiệp định Giơnevơ là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, nên Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh: "Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương", mà còn kêu gọi toàn thể nhân dân, cán bộ, quân đội ở cả hai miền Nam - Bắc cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí, để kiên trì thực hiện cuộc đấu tranh chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ và tay sai. Theo Người, mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta phải vững chắc, nhưng sách lược phải linh hoạt. Vì vậy, cùng với việc hướng các hoạt động của Đảng, Chính phủ và Quốc hội vào việc thực hiện những nhiệm vụ nội trị, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật và tiến hành sửa đổi *Hiến pháp*, Người còn kiên trì thực hiện đường lối ngoại giao có định hướng, có trọng tâm, vừa biểu hiện sự tôn trọng và gắn kết với phe xã hội chủ nghĩa anh em, vừa khẳng định sự đánh giá đúng đắn vai trò của Liên Xô và Trung Quốc.

Từ chủ trương này, tại cuộc họp Bộ Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Củng cố không ngừng tình đoàn kết hữu nghị với

Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, thực hiện việc phối hợp chặt chẽ với các nước anh em trong hoạt động quốc tế và đấu tranh ngoại giao"¹. Trên tinh thần đó, đồng thời với việc gửi và sẽ tiếp tục gửi các đoàn đại biểu của Đảng, Nhà nước và các đại diện ngoại giao của Nhà nước ta, những đoàn đại biểu nhân dân sang các nước bạn, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã thông qua việc mời Thủ tướng Ấn Độ J. Nêru (10-1954), Thủ tướng Miên Điện Unu (11-1954), Thủ tướng Lào Xavana Phuma (5-1956), v.v. sang thăm Việt Nam, nhằm tranh thủ sự đồng tình của dư luận quốc tế đối với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đặc biệt, nhằm thắt chặt thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, theo đúng tinh thần về quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước và Chính phủ được ghi rõ trong *Hiến pháp* năm 1946, Người đã dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ nước ta đi thăm hữu nghị chính thức Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ từ ngày 22-6 đến ngày 22-7-1955. Sau đó, báo cáo về hoạt động đối ngoại của Chính phủ

1. Biên bản Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa II), ĐVBQ 29, Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

trước Quốc hội, Người khẳng định: "Mục đích cuộc đi thăm là nhằm củng cố thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn và phát triển thêm sự hợp tác về chính trị, kinh tế, văn hóa giữa các nước bạn và nước ta. Mục đích ấy đã hoàn toàn đạt được".

Tháng 7-1957, nhằm tiếp tục thắt chặt và tăng cường hơn nữa tình đoàn kết quốc tế, tình hữu nghị giữa các dân tộc anh em và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè thế giới, Người và các đại biểu lên đường đi thăm chín nước: Triều Tiên, Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ Đức, Ba Lan, Hunggari, Nam Tư, Anbani, Bungari, Rumani. Báo cáo trước kỳ họp thứ bảy Quốc hội khóa I về chuyến đi thăm chín nước xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: qua chuyến đi, Người và các đại biểu đón nhận được tình đoàn kết sâu sắc của các nước anh em đối với nhân dân Việt Nam. Do sự đồng tâm nhất trí giữa Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các nước anh em "về những vấn đề trọng yếu có quan hệ đến nước ta, đến các nước anh em, đến tình hình quốc tế", cho nên cuộc đi thăm chín nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đại biểu đã thu được kết quả tốt đẹp, thiết thực trong việc phát triển, củng cố thêm tình

hữu nghị giữa ta và các nước anh em, góp phần nâng cao thêm nữa địa vị quốc tế của nước ta và thắt chặt thêm tình đoàn kết giữa các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, v.v..

Theo Người, kết quả của những hoạt động ngoại giao này là biểu hiện của tinh thần ngoại giao hòa bình, là sự tiếp thêm sức mạnh của bạn bè quốc tế đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa vì hòa bình, thống nhất, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ta. Đồng thời, "sự đi lại thăm nhau giữa các đại biểu của nhân dân các nước rất có ích lợi, vì nó làm cho cảm tình giữa nhân dân các nước thêm gắn bó nồng nàn". Đánh giá về chuyến đi thăm hữu nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bức điện của Liên Xô nêu rõ, cuộc đi thăm các nước châu Âu vừa qua của Người "đã làm tăng thêm uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế, mở rộng và củng cố thêm những mối quan hệ quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa". Còn Trung Quốc thì khẳng định: những cống hiến của nước Việt Nam, nhất là cuộc đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa của Hồ Chí Minh gần đây, "nhất định sẽ có lợi cho việc giữ gìn hòa bình châu Á và thế giới".

Trong thời gian này, Chủ tịch Hồ Chí

Minh đã đón tiếp một số nguyên thủ của các nước sang thăm Việt Nam như: Chủ tịch K. E. Vôrôsilốp - Liên Xô (5-1957), Tổng thống Praxat - Ấn Độ (2-1959), Chủ tịch Hátghi Lêsi - Anbani (6-1960), Tổng thống Xêcu Turê - Ghinê (9-1960), v.v.. Người cũng tiếp các đoàn đại biểu quốc tế sang thăm và làm việc tại Việt Nam như: Đoàn đại biểu Thanh niên Dân chủ thế giới (23-10-1956), Đoàn Thương mại Ai Cập (1-1-1958), Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp (8-1-1958), Đoàn đại biểu Công đoàn Thái Lan (11-1-1958), Đoàn đại biểu Ghinê và Kênia (22-3-1959), Đoàn đại biểu phụ nữ Tuynidi và Angiêri (8-1959). Người đã tiếp bà Idaben Blum, Ủy viên Chủ tịch đoàn Hội đồng hòa bình thế giới (22-9-1959); Đoàn đại biểu Thanh niên Camơrun (16-1-1960), v.v.. Người đã trả lời phỏng vấn một số nhà báo nước ngoài như: chủ bút Hãng U.P. L.Hanxen của Mỹ ở khu vực châu Á (26-12-1955), nhà báo Nhật Sira Isi Bôn về tình hình Việt Nam, về quan hệ của Việt Nam với các nước trên thế giới (5-10-1959), v.v.. Người tiếp ông Uyliam Uôbi - Nghị sĩ Quốc hội Công đảng Anh; tiếp Đoàn đại biểu Viện Hàn lâm khoa học Ba Lan và Tiếp Khắc sang Việt Nam ký kế hoạch hợp tác khoa

học giữa Việt Nam - Ba Lan và Việt Nam - Tiệp Khắc, v.v..

Theo nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước thời gian này đã đạt được mục đích cả về chính trị và kinh tế. Nước ta và các nước bạn "đều nhất trí nhấn mạnh sự quan trọng của việc hiệp thương giữa Chính phủ ta và chính quyền miền Nam theo đúng Hiệp định Giơnevơ để bàn về việc chuẩn bị tổng tuyển cử tự do trong cả nước nhằm mục đích thống nhất đất nước Việt Nam". Điều này có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Trong những năm sau đó, cũng bằng các hoạt động đối ngoại của mình, với vị thế nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có đóng góp tích cực vào việc tăng cường sự đoàn kết và thống nhất giữa các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới. Tuy nhiên, trước thực trạng quan hệ Xô - Trung rạn nứt ngày càng gay gắt, với trọng trách của mình trước Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Người vừa phải kiên định về nguyên tắc, vừa phải mềm dẻo về sách lược, để góp phần củng cố mối quan hệ Việt - Trung - Xô, đồng thời tranh thủ được sự giúp đỡ của hai nước bạn

đôi với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta.

Như vậy, chính sách nội trị mềm dẻo, chính sách ngoại giao hòa bình của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và những chuyến đi thăm hữu nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đoàn đại biểu Chính phủ đã có tác dụng to lớn để củng cố thêm tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước anh em, vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Những hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước đã mang lại sự ủng hộ rất quý báu, thiết thực của các nước bạn, của bè bạn quốc tế cho nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chính trị cũng như trong việc khôi phục kinh tế và văn hóa, hàn gắn vết thương sau những năm chiến tranh.

Bên cạnh đó, những bức điện mừng quốc khánh các nước, bức điện chúc thọ, điện cảm ơn, những lời đáp từ trong các lễ trình quốc thư của đại sứ các nước trong thời gian này của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã thu hút sự chú ý của dư luận thế giới; góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các nước; làm cho các nước hiểu hơn về đất nước và con người Việt Nam, về cuộc đấu tranh cho hòa bình, thống

nhất, độc lập và chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt Nam, đồng thời đặt cơ sở cho đường lối vận động Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược sau đó: "Các nước anh em thì đều hết sức ủng hộ ta trong công cuộc củng cố miền Bắc tiến dần lên xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình trên cơ sở *Hiệp nghị Giơnevơ*". Thông qua những hoạt động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn liền cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bước vào những năm sau, cũng trên tinh thần kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, các hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh với vai trò Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục được mở rộng và tăng cường. Những hoạt động của Người, của Chính phủ và Quốc hội đã hướng dư luận quốc tế, tranh thủ sự đồng tình của quốc tế đối với sự nghiệp đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Thông qua các bài phát biểu, các bài trả lời phỏng vấn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ lập trường của Nhà nước ta, nhân dân ta trong việc đòi chính quyền miền Nam phải: chấm dứt

hành động khủng bố, trả thù những người kháng chiến, chấm dứt những hành động tăng cường lực lượng quân sự trái với các điều khoản của Hiệp nghị Giơnevơ và thi hành các điều khoản chính trị về mở hiệp nghị, hiệp thương để bàn tổng tuyển cử tự do nhằm thống nhất đất nước, v.v..

Người cũng quyết liệt chỉ ra rằng: việc chính quyền Oasinhton và chính quyền Sài Gòn cố tình chia cắt đất nước Việt Nam đã xâm phạm nặng nề đến ý chí thống nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam. Nguyên vọng thiết tha, đòi hỏi bức xúc của toàn dân Việt Nam là nước nhà mau chóng thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ như Hiệp định Giơnevơ đã quy định. Vì vậy, Người nhấn mạnh: "chủ trương đoàn kết tất cả các lực lượng yêu nước ở miền Bắc và miền Nam, ra sức phấn đấu chống sự can thiệp của bọn đế quốc thực dân, để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

Đánh giá về chuyến đi thăm Ấn-đô-nê-xi-a (3-1959) và tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương thực hiện thống nhất đất nước Việt Nam bằng phương pháp hòa bình trên cơ sở độc lập và dân chủ, như Hiệp định

Gionevơ đã quy định", Quốc hội khóa I khẳng định: "Việc Hồ Chủ tịch đi thăm Indônêxia là một thành công rực rỡ. Nhân dân và Chính phủ Indônêxia đã đón tiếp Hồ Chủ tịch rất thân ái và rất nồng nhiệt, tiêu biểu mỗi cảm tình sâu sắc giữa nhân dân hai nước". Những hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho thấy, cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà của nhân dân Việt Nam đang ngày một phát triển và ngày càng nhận được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân tiến bộ trên thế giới, đúng là "những thuận lợi to lớn kể trên mở cho nhân dân ta, cho đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam những triển vọng vô cùng tốt đẹp".

Đối với nước Mỹ và những kẻ đang gây ra cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu Mỹ phải tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh những nội dung của Hiệp định Gionevơ. Còn đối với nước Pháp, Người thể hiện rõ mong muốn lập những mối quan hệ kinh tế và văn hóa trên cơ sở bình đẳng, hai bên đều có lợi, cộng tác thẳng thắn và tin cậy lẫn nhau. Riêng với các nước trong khu vực, đặc biệt hai nước Lào và Campuchia anh em, Chủ tịch Hồ Chí Minh

luôn luôn nhấn mạnh tới ý nghĩa quan trọng của mỗi liên minh chiến lược, tình đoàn kết quốc tế giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ nền hòa bình ở Đông Dương và trong công cuộc xây dựng đất nước.

Tiếp tục tăng cường và mở rộng các hoạt động đối ngoại với Liên Xô, tháng 11-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang dự Lễ kỷ niệm lần thứ 43 Cách mạng Tháng Mười Nga. Sau đó, Người dự và ký Tuyên bố chung tại Hội nghị đại biểu 81 đảng cộng sản và công nhân quốc tế họp ở Mátxcova. Những hoạt động ngoại giao và thiện chí hòa bình của "vị thiên sứ cách mạng" Hồ Chí Minh đã góp phần giảm bớt sự căng thẳng, bất hòa giữa Liên Xô và Trung Quốc, tăng cường tình đoàn kết quốc tế, sự thống nhất giữa các đảng cộng sản và công nhân các nước anh em.

Cũng tiếp tục các hoạt động quốc tế, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế với cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, ngày 23-10-1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời chào mừng các đoàn đại biểu Công đoàn quốc tế sang dự Hội nghị của Ủy ban Công đoàn quốc tế đoàn kết với lao động

và nhân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội nghị đã thông qua những nghị quyết thiết thực để ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam cả về tinh thần và vật chất. Sau đó, tại Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống Mỹ và bảo vệ hòa bình (từ ngày 25 đến ngày 29-11-1964), Người nhấn mạnh rằng: cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã được nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ, vì "mỗi thắng lợi của nhân dân thế giới là một thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Và mỗi thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng là một thắng lợi của nhân dân thế giới".

Đối với Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh hoan nghênh những chủ trương tích cực của Liên Xô trong việc ủng hộ và viện trợ cho Việt Nam chống Mỹ. Người chỉ đạo việc mời và đón tiếp thân tình nhiều đoàn đại biểu cao cấp của Đảng và Nhà nước Liên Xô sang thăm nước ta. Từ những đóng góp của Người vào việc củng cố và tăng cường tình hữu nghị vĩ đại với Liên Xô, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, Đoàn Chủ tịch Xôviết tối cao Liên Xô quyết định tặng Người Huân chương Lênin - huân chương cao quý nhất của Liên Xô. Nhân sự

kiện đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện cảm ơn, xin tạm hoãn việc trao tặng phần thưởng cao quý ấy với lý do: "Đến ngày nhân dân chúng tôi đánh đuổi được bọn đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn đất nước Việt Nam, tôi sẽ đại biểu cho toàn thể đồng bào tôi, trân trọng và vui mừng lãnh lấy Huân chương mang tên Lênin vĩ đại"¹.

Tiếp đó, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (1917-1967), Người viết bài *Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, đăng trên báo *Sự thật* (Liên Xô), bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của nhân dân Việt Nam với Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, sự giúp đỡ to lớn của nhân dân Liên Xô trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta.

Trong quan hệ với đất nước Trung Quốc anh em, láng giềng, Chủ tịch Hồ Chí Minh có mối thâm tình đặc biệt. Người đã nhiều lần sang thăm, nghỉ ngơi, chữa bệnh tại Trung Quốc. Để cảm ơn về sự giúp đỡ to lớn và củng cố hơn nữa mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết Việt - Trung, nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc (1-7-

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 312-313.

1921 - 1-7-1961), Người viết bài *Cách mạng Trung Quốc và cách mạng Việt Nam*, nêu lên mối quan hệ gắn bó, sự giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng và nhân dân hai nước Việt - Trung.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, chủ quyền của các dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng bày tỏ sự ủng hộ của mình, đồng thời lên án các hành động can thiệp, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc (ủng hộ đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước Ả-rập chống lại cuộc xâm lược của Ixraen; ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập của nhân dân Cônggô và nhân dân Đôminích; ủng hộ phong trào đoàn kết nhân dân Á - Phi chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, v.v.).

Phối hợp với những hoạt động ngoại giao tích cực của một vị Chủ tịch nước, Người còn chỉ đạo nhiều hoạt động của Đảng và Nhà nước ta nhằm thiết lập mối quan hệ rộng rãi với nhiều quốc gia, với nhiều tổ chức quốc tế, nhiều nhân sĩ, trí thức, chính khách, nhà văn hoá có tên tuổi để hình thành một mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược. Nhân dịp

năm mới 1966, Người gửi lời chúc mừng xuân mới đến nhân dân Mỹ, cảm ơn nhân dân Mỹ đã đấu tranh đòi Chính phủ Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam và nói rằng: Nhân dân Việt Nam rất quý trọng tình hữu nghị với nhân dân Mỹ vĩ đại đang tiếp tục những truyền thống của Hoa Thịnh Đôn và Lincôn đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ.

Ngày 24-1-1966, trong thư gửi các vị đứng đầu các nước xã hội chủ nghĩa, các nước liên quan tới Hiệp định Gionevơ năm 1954 về Việt Nam, các nước dân tộc chủ nghĩa và nhiều nước khác quan tâm đến tình hình Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về tình hình nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra ở miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia. Cực lực phản đối những tội ác man rợ của đế quốc Mỹ gây ra ở miền Nam, Người khẩn thiết yêu cầu các chính phủ và nhân dân yêu chuộng hoà bình toàn thế giới hãy kiên quyết chặn tay bọn tội phạm chiến tranh Mỹ và khẳng định: Ngày nào còn đội quân xâm lược Mỹ trên đất nước chúng tôi, thì nhân dân chúng tôi kiên quyết chiến đấu chống lại chúng.

Những hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần khẳng định

lập trường và thiện chí của Đảng, Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam và cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Đồng thời, khẳng định niềm tin, ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ của nhân dân Việt Nam vì mục tiêu: hoà bình, thống nhất, độc lập dân tộc, dân chủ và góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Những hoạt động đó không những nêu cao thiện chí hoà bình, chính sách láng giềng thân thiện của Việt Nam, nâng cao địa vị và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, mà còn tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta, làm cho nhân dân thế giới hiểu hơn về những đau thương, mất mát do cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ gây ra ở miền Nam Việt Nam.

Sự đoàn kết, đồng tình và ủng hộ chí tình của nhân dân thế giới đối với cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam đã mang đến cho nhân dân Việt Nam nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn, góp phần vào thắng lợi của nhân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược. Chủ tịch Hồ Chí Minh, với vị thế một

nguyên thủ quốc gia, đã thay mặt nhân dân Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi lời cảm ơn sâu sắc đến nhân dân và Chính phủ các nước anh em.

3. Xây dựng hậu phương miền Bắc, thiết thực ủng hộ miền Nam

Tập trung lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, trong suốt những năm 1960-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng, Chính phủ và Quốc hội lãnh đạo nhân dân miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn cho cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc "phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính" vì nông nghiệp chiếm bộ phận lớn trong nền kinh tế, ngày 22-7-1961, tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa III) bàn về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "chúng ta phải tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc trong công cuộc phát triển nông nghiệp", vì nông nghiệp cung cấp lương thực và nguyên liệu để phát triển công nghiệp, để đảm bảo công nghiệp hoá chủ nghĩa xã hội. Quan tâm

đến tình hình sản xuất nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ về thăm các địa phương, thăm đồng bào chống hạn, làm thủy lợi, Người còn theo dõi việc củng cố và phát triển cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Năm 1966, Người viết thư khen các hợp tác xã Nam Tiến (Phú Thọ), hợp tác xã thôn Thượng (Vĩnh Phúc), hợp tác xã Thắng Lợi (Thanh Hóa), v.v.. Nhân dịp Người về thăm cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Bình, Người cho rằng, nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng và toàn dân ta lúc này là sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi để cùng miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và "các hợp tác xã nông nghiệp là đội quân hậu cần của quân đội chiến đấu ngoài mặt trận... Vì vậy, nhiệm vụ của các hợp tác xã nông nghiệp, của bà con xã viên, của cán bộ công tác ở nông thôn là rất quan trọng"¹.

Coi trọng việc phát triển công nghiệp, coi công nghiệp là một trong hai chân của nền kinh tế, ngày 16-4-1962, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (khóa III) họp bàn về phát triển công nghiệp, Người nói: "công nghiệp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr.193.

và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế... hai chân đi khỏe và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh và nhanh chóng đi đến mục đích. Thế là thực hiện liên minh công nông để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân"¹. Người dành thời gian đến thăm và nói chuyện với cán bộ, công nhân Nhà máy bóng đèn, phích nước Rạng Đông; với Hội nghị phát động cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô lãng phí quan liêu"; thăm triển lãm "Sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất" toàn quốc. Khi đến thăm Nhà máy sứ Hải Dương, Người ghi dòng chữ "*Phải cố gắng, tiến bộ*" trên một lọ hoa sứ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đến thăm và nói chuyện với Hội nghị ngành công nghiệp nhẹ, với Đại hội thi đua "Năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều" toàn miền Bắc, dự lễ khánh thành Nhà máy dệt 8-3, thăm Nhà máy cơ khí Duyên Hải ở Hải Phòng, v.v.. Và trong thư khen công nhân và cán bộ mỏ than cốc 6 (7-9-1968), Người căn dặn mọi người "chớ vì có thành tích mà tự mãn, cần phải đoàn kết chặt chẽ và luôn luôn cố gắng hơn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.544-545.

nữa".

Quan tâm, ưu tiên cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, những bài viết, bài trả lời phỏng vấn các cơ quan thông tấn báo chí của lãnh tụ Hồ Chí Minh thời kỳ này, cùng hoạt động và những quyết nghị của Đảng, Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại các kỳ họp Quốc hội về việc thông qua kế hoạch nhà nước, ngân sách hằng năm; thông qua năm nội dung cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) về phát triển nền kinh tế quốc dân (công nghiệp, nông nghiệp, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế), về văn hóa xã hội, về cải thiện một bước đời sống vật chất của nhân dân cùng với củng cố nền quốc phòng và tăng cường an ninh trật tự, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã thiết thực góp phần tăng cường, củng cố lực lượng mọi mặt của miền Bắc.

Đặc biệt, quan tâm đến thiếu niên, nhi đồng, nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Đội Thiếu niên tiên phong (15-5-1961), Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho thiếu niên, nhi đồng toàn quốc, căn dặn các cháu thực hiện tốt năm điều Bác dạy. Luôn coi trọng chiến lược giáo dục, đào tạo, Người đã gửi thư cho cán bộ giáo dục, học sinh, sinh viên các

trường và các lớp bổ túc văn hóa, nhân dịp năm học mới 1960-1961; đến thăm các trường Chu Văn An, trường Đại học Nhân dân Việt Nam, lớp học vỡ lòng phố Hàng Than, Hà Nội; gửi thư cho các thầy cô giáo, học sinh và quyết định tặng giải thưởng cho các cháu học sinh giỏi năm học 1962-1963 và mong năm học 1963-1964 có nhiều học sinh giỏi hơn nữa. Đặc biệt, ngày 16-10-1968, Người gửi thư cho các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên ngành giáo dục và căn dặn: *"Dù khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt và học tốt"*.

Ngày 20-2-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có dịp trở lại thăm Cao Bằng, quê hương đã đón Người trở về sau gần 30 năm bôn ba ở nước ngoài. Ngày 9-12-1961, Người trở về thăm Nghệ An - quê hương đã sinh ra Người, nơi Người sống những năm tháng thời niên thiếu. Sau nhiều năm xa cách, khi trở lại, Người xúc động và ân cần thăm hỏi bà con, căn dặn đội ngũ cán bộ, đảng viên, những người lãnh đạo của hai tỉnh phải luôn đoàn kết, nhất trí, phải đồng tâm hiệp lực chăm lo đến lợi ích của nhân dân.

Ngày 1-9-1962, tại Hội nghị cán bộ miền núi, Người nói về hai điều quan trọng nhất trong chính sách của Đảng và Chính phủ ta

đôi với miền núi, đó là đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào. Để đời sống nhân dân ngày càng được ấm no hơn, mạnh khỏe hơn, văn hóa cao hơn, giao thông tiện lợi hơn, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi thì nhiệm vụ của đồng bào miền núi là phải "ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm". Dù đến thăm nơi đâu và dưới hình thức nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn luôn động viên nhân dân ta hãy cùng nhau đoàn kết, cố gắng và nỗ lực phấn đấu để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam. Thông qua nhiều bài viết, bài phát biểu của mình đối với đồng bào miền núi, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết đồng bào các dân tộc anh em là nền tảng của quan hệ dân tộc, là mục tiêu và cũng là chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam để giữ gìn và bảo vệ đất nước Việt Nam "là nước chung của tất cả chúng ta" được thể hiện một cách sinh động trong thực tiễn.

Thực hiện tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thông qua chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và những hoạt động thực tiễn của Người, chiến lược đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số, "chú ý đến đồng bào vùng cao và ngày càng

hết sức chú ý giúp đỡ đồng bào nhiều hơn nữa" được thực hiện xuyên suốt trong mọi thời điểm cách mạng. Đó không phải là một thủ đoạn chính trị, đó cũng không phải là đoàn kết một cách mơ hồ, chung chung, gò ép, "xóa bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra", mà là cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở *bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau*.

Trên tinh thần đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn những lời tâm huyết: trong khi tuyên truyền cho đồng bào các dân tộc thiểu số, người cán bộ, đảng viên phải thấu hiểu phong tục, tập quán, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, phải hiểu "đồng bào các dân tộc rất thật thà và rất tốt. Nếu nói đúng thì đồng bào nghe, đồng bào làm và làm được"¹; do đó, phải "xuất phát từ nhiệt tình cách mạng, thương yêu chân thành đồng bào các dân tộc, từ tinh thần phục vụ đồng bào các dân tộc"² để giúp đỡ, cổ vũ đồng bào đoàn kết. Người cũng nói, đoàn kết là sức mạnh vô địch, đoàn kết làm nên thành công, vì vậy đồng bào các dân tộc "cần phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Đoàn kết giữa dân tộc mình, đoàn kết giữa các dân tộc", "đoàn kết

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.138.

chặt chẽ với đồng bào cả nước", nâng cao tinh thần cảnh giác, ngăn chặn bọn phản cách mạng âm mưu phá hoại cách mạng, phá hoại sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân cả nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hơn một lần nói rằng, dù thuộc nhiều dân tộc, nhiều địa phương khác nhau, nhưng nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc anh em gắn bó ruột thịt với nhau, sống trên một lãnh thổ chung và trải qua một lịch sử lâu đời cùng nhau lao động và đấu tranh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nên "đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ". Đồng bào các dân tộc anh em "đều là con em của đại gia đình chung: là gia đình Việt Nam; đều có một Tổ quốc chung: là Tổ quốc Việt Nam"³. Vì vậy, muốn tiến bộ, muốn phát triển, "phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà"⁴.

Không chỉ tập trung xây dựng, củng cố và bảo vệ miền Bắc, Người luôn cùng Đảng, Chính phủ, Quốc hội hướng về miền Nam, theo dõi sát sao cuộc đấu tranh anh dũng của

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.496.

đồng bào miền Nam. Nhìn rõ mối tương quan lực lượng cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi toàn thế giới, thấy rõ thế tiến công của ba trào lưu cách mạng trong thời đại ngày nay, và từ thực tế của Việt Nam, Người và Trung ương Đảng khẳng định quyết tâm đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong khi đó, hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về miền Bắc xã hội chủ nghĩa, dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương 15 (1-1959), Nghị quyết Đại hội lần thứ III (9-1960) của Đảng, nhân dân miền Nam đã đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị đồng thời với đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang, tiến công địch trên cả hai mặt trận chính trị và quân sự và đã giành được thắng lợi ngày càng to lớn. Trên đà thắng lợi, tháng 3-1961, các lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam đã được hợp nhất lại, thành lập *Quân giải phóng miền Nam Việt Nam*.

Tập trung sức lực, trí tuệ chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, Người cùng Bộ Chính trị chú trọng đặc biệt việc tổ chức chi viện cho cách mạng miền Nam. Đầu tháng 5-1961, Người tiếp đồng chí Bông Văn Dĩa từ miền Nam ra để nhận nhiệm vụ lái con tàu mở

đường "Hồ Chí Minh trên biển", đưa vũ khí vào miền Nam; tiếp đồng chí Võ Bẩm, Đoàn trưởng Đoàn vận tải quân sự 559 và căn dặn: Đoàn phải làm tốt, làm nhiều hơn nữa, phải giữ được bí mật, bất ngờ, để con đường huyết mạch đó "hoàn thành tốt nhiệm vụ tiếp sức" cho cách mạng miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng.

Dành cho đồng bào miền Nam những tình cảm thân thương nhất, Người nói: Ngày nào đế quốc Mỹ chưa rút khỏi miền Nam nước ta, ngày nào miền Nam chưa thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm, chưa được giải phóng, thì Người và toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta vẫn chưa thể ăn ngon, ngủ yên. Người dành thời gian tới thăm triển lãm tranh tượng của các họa sĩ điêu khắc miền Nam tập kết ở miền Bắc, v.v.. Xúc động ôm hôn GS. Nguyễn Văn Hiếu và Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần đầu ra thăm miền Bắc (20-12-1962), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt tay lên ngực mình và nói: *"Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi"*. Người tin rằng với tinh thần đoàn kết, bền bỉ, anh dũng chiến đấu và quyết thắng của nhân dân miền Nam, được nhân dân yêu chuộng hòa bình, chính nghĩa trên thế giới ủng hộ, được sự hậu thuẫn

của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhất định cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam của đồng bào ta sẽ giành được thắng lợi.

Dưới sự lãnh đạo, cổ vũ của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhân dân miền Nam đã giành được những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh kết hợp chính trị với vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tiến công địch bằng cả ba mũi: chính trị, quân sự và binh vận, từng bước phá vỡ các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, đẩy đế quốc Mỹ vào tình thế "tiến thoái lưỡng nan". Và trong những ngày tháng đó, những ngày tháng đồng bào miền Bắc đang hăng hái trên công trường xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng bào miền Nam anh dũng trên đường chiến thắng, Quốc hội đã quyết định trao tặng Người Huân chương Sao Vàng. Phát biểu tại kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa II, ngày 8-5-1963, Người từ chối nhận Huân chương Sao Vàng với lời tâm sự: "Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ

sung sướng, vui mừng"¹.

Trên cương vị Chủ tịch nước, cùng với việc tham dự các hội nghị Bộ Chính trị, quyết định những vấn đề cơ bản về đường lối chiến lược, sách lược của Đảng, Người đặc biệt quan tâm đến tình hình chiến sự của tiền tuyến lớn miền Nam. Khát vọng và tâm trí của Người luôn hướng về miền Nam và quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Người là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong khi đó, càng thua đau ở miền Nam, đế quốc Mỹ ngày càng tăng cường lực lượng và thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, đe dọa hòa bình, an ninh khu vực, chuẩn bị và đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Trước tình hình mới, trước yêu cầu phải tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, để phát huy nguồn sức mạnh nội lực của khối toàn dân đoàn kết nhằm chống lại âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta của đế quốc Mỹ, ngày 27-3-1964, Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì *Hội nghị chính trị đặc biệt*. Tham dự Hội nghị có 327 đại biểu, thay mặt cho những cán bộ lão thành, cho các

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 11, tr. 62.

chính đảng, tiêu biểu cho các ngành, các giới, các tôn giáo, dân tộc, thay mặt cho đồng bào miền Nam và kiều bào ta ở nước ngoài.

Hội nghị đã nghe và thảo luận *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá về những thành tích to lớn của nhân dân ta trong 10 năm qua (1954-1964), về tình hình hiện tại và nhiệm vụ trước mắt, về đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng và Chính phủ ta. Đánh giá về những thành tựu của miền Bắc, Người khẳng định: "dưới chính quyền của nhân dân, 17 triệu đồng bào ta ở miền Bắc đều đoàn kết một lòng, ra sức xây dựng đất nước, xây dựng một đời sống mới, tăng cường lực lượng về mọi mặt. Những thành tích to lớn của miền Bắc ngày càng tỏ rõ chế độ xã hội chủ nghĩa là rất tốt đẹp và đang cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam"¹.

Đối với cách mạng miền Nam, báo cáo của Người nêu rõ: "Tình hình ở miền Nam hiện nay chứng tỏ một cách rõ rệt sự thất bại không thể tránh khỏi của đế quốc Mỹ trong cuộc "Chiến tranh đặc biệt"". Tuy nhiên, càng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.25, tr.92.

thua đau, để quốc Mỹ càng điên cuồng leo thang chiến tranh, và cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam để giành hòa bình và thống nhất Tổ quốc càng trở nên bức thiết và ác liệt. Đề cập vấn đề giải quyết cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, tuyên bố trước dư luận thế giới và dư luận ở chính nước Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chủ trương và nhấn mạnh rằng: "Giải pháp duy nhất đúng đắn về vấn đề miền Nam là phải thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản cơ bản của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương". Đồng thời, Người "hoàn toàn ủng hộ những đòi hỏi rất đúng đắn của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, đòi chấm dứt sự can thiệp của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đòi quân đội và vũ khí của Mỹ phải rút khỏi miền Nam, để công việc nội bộ của miền Nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết lấy theo tinh thần *Cương lĩnh* của Mặt trận".

Hội nghị chính trị đặc biệt do Người triệu tập và chủ trì là một sự kiện quan trọng, được nhân dân cả nước và dư luận quốc tế đặc biệt quan tâm. Những ý kiến phát biểu trong Hội nghị và những văn kiện của Hội nghị thực sự đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân, khẳng định sự nhất trí của toàn thể nhân

dân về chính trị và tinh thần của xã hội miền Bắc. Đồng thời, các văn kiện đó cũng chứng tỏ sự nhạy bén, kịp thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi quyết định triệu tập và chủ trì Hội nghị quan trọng này trong điều kiện chiến tranh có nguy cơ lan rộng, đe dọa hòa bình của miền Bắc và khu vực. Điều này càng chứng tỏ những hoạt động đối nội sâu sát, những quyết định kịp thời, nhạy bén của vị nguyên thủ quốc gia Hồ Chí Minh luôn nhất quán mục tiêu: Vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì sự tín nhiệm của cử tri và Quốc hội, "luôn cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình, quyết không phụ lòng tin cậy của đồng bào và Quốc hội".

Ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: tôi muốn nói với dư luận nhân dân ở nước Mỹ và toàn thế giới sự căm phẫn của toàn thể nhân dân Việt Nam trước những hành động xâm lược có tính toán từ trước của Chính phủ Mỹ đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi cũng muốn nói lên ý chí của toàn thể nhân dân Việt Nam, với sức mạnh được tăng cường gấp bội, quyết đấu tranh chống bọn xâm lược cho đến thắng lợi.

Tiếp đó, Người nêu biện pháp duy nhất để giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam, đó là: "Đế quốc Mỹ phải tôn trọng Hiệp định Giơnevơ, phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, phải chấm dứt ngay những cuộc tiến công vào miền Bắc"¹.

Thực hiện đường lối của Đảng, thể hiện trong các nghị quyết Hội nghị Trung ương 11 và 12, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đánh thắng chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, đồng thời ra sức hoàn thành nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam. Tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa III, Người khẳng định: "Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước", đồng thời kêu gọi: "Tất cả chúng ta hãy đoàn kết nhất trí triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!"².

Trước sự xâm phạm trắng trợn chủ quyền, độc lập của Việt Nam, ngày 10-4-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịch liệt lên án đế quốc Mỹ "đưa hàng trăm máy bay, hàng chục tàu chiến liên tiếp đến bắn phá miền Bắc, phơ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 433.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 435, 433.

trần bộ mặt ăn cướp của chúng". Người tuyên bố lập trường trước sau như một của Chính phủ và nhân dân Việt Nam là: kiên quyết bảo vệ nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Đế quốc Mỹ phải tôn trọng Hiệp định Giơnevơ, phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, phải chấm dứt ngay những cuộc tiến công vào miền Bắc - "Đó là biện pháp duy nhất để giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam"².

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã đề ra những chủ trương, đường lối mới trong điều kiện đế quốc Mỹ leo thang trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, tăng cường ném bom phá hoại miền Bắc. Ngày 16-1-1966, Người nói: "Chúng ta phải ra sức cố gắng giành cho được thắng lợi quyết định ở miền Nam, bởi vì cuộc chiến tranh này căn bản là ở miền Nam. Mỹ thua ở miền Nam tức là nó thua, ta thắng ở miền Nam tức là ta thắng". Vì vậy, chúng ta phải "giành thắng lợi quyết định trong một thời gian, ta không nói mấy năm, mấy tháng, mấy ngày, nhưng trong một thời gian càng ngắn càng tốt". Còn ở miền Nam, quân dân ta phải "tiêu diệt và phá tan được quân nguy, tiêu diệt được nhiều quân Mỹ, đó là ta giành được thắng lợi quyết

định"; đồng thời, đồng bào và chiến sĩ cả nước phải tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến của chúng ta, vì đó là cuộc chiến tranh của nhân dân, vì độc lập, tự do của nhân dân và do toàn dân tiến hành.

Dưới sự lãnh đạo và động viên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì miền Nam ruột thịt, các phong trào thi đua yêu nước nở rộ. Trong những năm cả nước thi đua chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, *phong trào thi đua của phụ nữ* ở miền Bắc với các nội dung: cần kiệm xây dựng Tổ quốc, cần kiệm xây dựng gia đình đã được thực hiện (8-3-1960); "Vững tay cày, chắc tay súng" (1961); "Năm tốt" (30-4-1964); "Ba đảm nhiệm" (18-3-1965) về sau đổi thành "Ba đảm đang" với ba nội dung: 1- Phụ nữ đảm đang sản xuất và công tác; thay thế cho chồng con đi chiến đấu; 2- Phụ nữ đảm đang việc gia đình cho chồng, con, anh em tòng quân và phục vụ lâu dài trong quân đội; 3- Phụ nữ đảm đang phục vụ chiến đấu, tham gia dân quân tự vệ, tập luyện quân sự đề sẵn sàng chiến đấu; phục vụ bộ đội, công an, dân quân tự vệ khi chiến đấu, v.v., đã diễn ra rất sôi nổi và bền bỉ. Họ là những người phụ nữ Việt Nam thật xứng đáng với tám chữ vàng Chủ tịch Hồ Chí Minh trao

tặng: "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang", thực sự là "hậu phương lớn" vững chắc cho những người cha, người anh, người em, người chồng, người con ở tiền tuyến yên tâm nắm chắc tay súng, diệt quân thù.

Không chỉ có phụ nữ thi đua sôi nổi và hào hùng, thế hệ trẻ (thanh thiếu niên và nhi đồng) cũng hăng hái tham gia phong trào thi đua yêu nước. *Phong trào thanh niên* "Ba sẵn sàng" (2-1965) của thanh niên hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng với ba nội dung: 1- Thanh niên sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu dũng cảm và gia nhập các lực lượng vũ trang; 2- Thanh niên khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, học tập trong bất kỳ tình huống nào; 3- Thanh niên sẵn sàng đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần; phong trào thanh niên "Xung phong tình nguyện" vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) ở miền Bắc và phong trào "Năm xung phong" của tuổi trẻ cả nước trong những năm 1961-1965. *Phong trào thiếu nhi* "Làm nghìn việc tốt" (1963) cũng góp phần làm cho thi đua yêu nước ở miền Bắc trong những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thêm sôi động. Từ phong trào thi đua yêu nước đã xuất

hiện các phong trào xung phong đi xây dựng kinh tế miền núi của nhân dân các tỉnh đồng bằng, xây dựng các đơn vị sản xuất, các ca sản xuất của thanh niên trong các nhà máy, xí nghiệp; thực hiện tốt năm điều Bác Hồ dạy trong thiếu niên, nhi đồng, v.v..

Phong trào thi đua trong ngành công nghiệp của giai cấp công nhân, với các mục tiêu thi đua sản xuất "nhanh, nhiều, tốt, rẻ" (30-5-1957); thực hiện cuộc vận động "3 xây, 3 chống": nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu (27-7-1963). Trong các xí nghiệp, nhà máy, phong trào thi đua đạt: năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều (3-4-1964) sau gọi thành thi đua ba cao điểm (12-2-1965), v.v. cũng diễn ra sâu rộng và liên tục. Giai cấp công nhân đã thi đua đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, giữ đúng kỷ luật lao động, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân và thiết thực chi viện cho đồng bào miền Nam đánh Mỹ. Điển hình của phong trào là Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng) đã có nhiều thành tích trong thi đua hợp lý hóa sản xuất và cải tiến kỹ thuật (1961). Thành tích toàn diện và vượt mức kế hoạch năm 1961

của Nhà máy cơ khí Duyên Hải đã có tác dụng cổ vũ, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua trong toàn ngành công nghiệp, với tinh thần "Học tập Duyên Hải, thi đua với Duyên Hải". Nói chuyện tại Hội nghị sơ kết phong trào thi đua "Phấn đấu trở thành người lao động tiên tiến, tổ tiên tiến, đơn vị tiên tiến", Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "phong trào thi đua yêu nước, phong trào cải tiến quản lý xí nghiệp, phong trào "tiên tiến" (20-6-1960), ba phong trào đó kết hợp chặt chẽ với nhau"¹, cùng nhằm mục đích xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. *Phong trào thi đua trong ngành thủ công nghiệp* đã xuất hiện Hợp tác xã Thành Công (Thanh Hóa) với những thành tích đạt được như: tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng hợp tác xã (12-1961). Thi đua với Hợp tác xã Thành Công, hơn 8.000 hợp tác xã thủ công nghiệp phát huy được 56.000 sáng kiến², góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 1961 của ngành thủ công nghiệp.

Cùng với công nhân, nông dân miền Bắc thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý hợp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.162.

2. Theo số liệu của Viện Thi đua khen thưởng Trung ương.

tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất toàn diện. Cùng *phong trào thi đua đạt năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng* (3-4-1964), là các *phong trào thi đua làm thủy lợi* trong hai năm 1964-1965, *phong trào thi đua trồng cây, gây rừng, v.v..* Trong thi đua, đã xuất hiện những tập thể điển hình, được các phương tiện truyền thông nêu gương. Đó là Hợp tác xã Đại Phong thuộc xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đơn vị đã có thành tích đi đầu trong phong trào cải tiến quản lý hợp tác xã; cải tiến kỹ thuật; đẩy mạnh sản xuất. Noi gương Hợp tác xã Đại Phong, hơn 10.000 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc² hăng hái thi đua, tỏ rõ sức mạnh to lớn của nông dân nước ta trên con đường hợp tác hóa, xây dựng đời sống hạnh phúc ấm no.

Phong trào thi đua trong quân đội, như cò "Ba nhất": đạt thành tích nhiều nhất, đều nhất, giỏi nhất và phong trào thi đua thuộc ngành hậu cần: tiến nhanh vượt mức kế hoạch, vươn lên hàng đầu, v.v. đã phát huy được truyền thống và bản chất tốt đẹp của Quân đội ta. Trong từng đơn vị, phong trào thi đua đã cổ vũ tinh thần phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện của cán bộ và chiến sĩ để tăng

nguồn sức mạnh đánh thắng mọi kẻ thù.

Trong ngành giáo dục, phong trào thi đua "Hai tốt": dạy tốt, học tốt trong các nhà trường theo gương điển hình Bắc Lý (Nam Hà) (1961) cũng được nhân rộng. Thực hiện nội dung giáo dục toàn diện, gắn nội dung giảng dạy với thực tế lao động sản xuất, thầy và trò ngành giáo dục đề ra khẩu hiệu "Học tập Bắc Lý, đuổi kịp và vượt Bắc Lý". Hoà cùng phong trào thi đua yêu nước, *giới trí thức cũng có phong trào thi đua "Ba quyết tâm"*: quyết tâm phục vụ sản xuất và chiến đấu; quyết tâm đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng văn hóa tư tưởng; quyết tâm xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa (6-1-1966), biểu thị ý chí quyết tâm, mang hết tài năng trí tuệ của giới trí thức cách mạng trên các mặt trận lao động sản xuất và chiến đấu, cống hiến cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Thi đua yêu nước, thi đua trong tất cả các ngành, các giới, trên mọi lĩnh vực và thi đua ở cả hai miền Bắc - Nam đã không chỉ xuất hiện nhiều anh hùng và chiến sĩ thi đua, mà còn có nhiều bông hoa người tốt, việc tốt toả sáng trong thực tiễn. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những cuốn sách viết về tám gương

"người tốt, việc tốt" (6-1968) đã từng được báo chí, bản tin nêu gương sẽ được xuất bản để nhân rộng những hạt giống đỏ, những bông hoa đẹp trong vườn hoa của chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà sức lan tỏa trong quần chúng vô cùng sâu sắc. Và đi liền đó là *phong trào thi đua noi gương "người tốt, việc tốt"* cũng được thực hiện.

Hướng về miền Nam, *phong trào thi đua mỗi người làm việc bằng hai* của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt (28-3-1964), đã góp phần tăng cường sức mạnh, củng cố quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Từ hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa, theo lời kêu gọi thi đua vì miền Nam "Thành đồng Tổ quốc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khẩu hiệu thi đua *"Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"* đã được thực hiện. Tinh thần thi đua yêu nước trong lao động sản xuất, trong học tập và đặc biệt là trên trận tuyến đánh quân thù của quân dân cả nước trong những năm xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chống Mỹ, cứu nước, với biết bao anh hùng, chiến sĩ thi đua, bao dũng sĩ diệt Mỹ, bao tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, v.v. được tuyên dương tại Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn

quốc lần thứ III (1962), lần thứ IV (1966) và nhiều hội nghị khác. Cùng với đó, bao tâm gương "người tốt, việc tốt" cũng được nhận quà tặng, giấy khen và huy hiệu của Người. Thi đua yêu nước thực sự trở thành động lực tinh thần của toàn xã hội, góp phần to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, trong toàn Đảng cũng đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ vững mạnh, gắn liền với việc chỉnh Đảng. Trước mỗi bước ngoặt của cách mạng, Đảng lại thường xuyên tự đổi mới và giữa những năm tháng đầy khó khăn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước, *phong trào thi đua xây dựng chi bộ và Đảng bộ cơ sở "Bốn tốt"* sau ba năm thực hiện đã được tổng kết (4-1966). Tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận mạnh: "đảng viên tốt thì chi bộ mới tốt. Muốn đảng viên tốt thì chi bộ phải thường xuyên giáo dục... đồng thời giúp đỡ đảng viên hăng ngày tự kiểm điểm mình"¹, để ngày càng có nhiều hơn chi bộ đạt "bốn tốt", lãnh đạo nhân dân hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước.

Tất cả những phong trào *thi đua yêu nước* trong suốt những năm miền Bắc xây dựng chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.80.

nghĩa xã hội và kiên cường trở thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam theo lời kêu gọi thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không chỉ góp phần làm nở rộ những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên mọi lĩnh vực, mà còn thiết thực góp phần đánh Mỹ và thắng Mỹ cùng đồng bào miền Nam ruột thịt.

Ngày 15-2-1965, giữa bận bịu công việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian về thăm Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, nơi thờ vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Người nghỉ trưa tại đây, xem rất kỹ văn bia trong đền thờ Nguyễn Trãi. Đó là cuộc gặp gỡ giữa Người và tiền nhân, cuộc gặp gỡ của hai nhà chính trị và quân sự kiệt xuất, hai nhà thơ lớn, hai nhân cách lớn cùng chung một tấm lòng vì nước, vì dân, vì một nền hòa bình nhân nghĩa, thấm đẫm phẩm cách và đạo đức tâm hồn Việt.

Chiến tranh ngày càng ác liệt, ngày 17-7-1966, qua làn sóng của Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*. Người nói: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể

bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!"¹. Đồng thời, Người khẳng định: "Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt Nam thì hòa bình sẽ trở lại ngay lập tức. Lập trường của Việt Nam đã rõ ràng: đó là bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và năm điều của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, không có cách nào khác!".

Xuân Đình Mùi 1967, trong niềm vui chiến thắng của quân dân hai miền Nam - Bắc, lời thơ chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh reo vui một bài ca chiến đấu và chiến thắng:

"Xuân về xin có một bài ca,
Gửi chúc đồng bào cả nước ta:
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi,
Tin mừng thắng trận nở như hoa!"².

Ngày 2-1-1967, trong buổi tiếp đại biểu các đơn vị anh hùng và chiến sĩ thi đua chống

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr. 108.

2. Hồ Chí Minh: *Xuân Đình Mùi - 1967, Thơ chúc Tết, Sđd*, tr. 26

Mỹ, cứu nước, Người nói: Các cô, các chú được tuyên dương là anh hùng, phải nhận rõ rằng vinh dự đó là vinh dự chung của tập thể, chứ không chỉ là của riêng từng người. Nếu không có Đảng, không có nhân dân, không có tập thể thì mọi người không thể trở thành anh hùng được. Có anh hùng là vì có tập thể anh hùng. Có tập thể anh hùng là vì có nhân dân anh hùng, dân tộc anh hùng, Đảng anh hùng. Sự nghiệp anh hùng của nhân dân ta gắn liền với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới¹.

Sau bốn năm chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân miền Bắc anh hùng đã giành được thắng lợi vẻ vang, đã bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy hàng trăm tàu chiến lớn nhỏ, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa vô cùng quan trọng, phá vỡ được âm mưu làm suy yếu miền Bắc và hy vọng về việc "làm giảm sút sức chi viện cho miền Nam" của đế quốc Mỹ. Song, không hề chủ quan, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói "hòa bình",

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.198.

"thương lượng" nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng. Hơn một triệu quân Mỹ, quân nguy và quân chư hầu còn đang hằng ngày gây ra biết bao tội ác dã man đối với đồng bào miền Nam ta. Vì vậy, Người chỉ ra nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là: "Phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"¹.

Đề động viên tinh thần của quân và dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên gửi thư, điện khen ngợi những thành tích đã đạt được trong lao động sản xuất, học tập, và chiến đấu. Những bức thư Người gửi cán bộ và nhân viên quân y đã có nhiều thành tích trong việc cứu chữa thương, bệnh binh cũng như trong việc giữ gìn sức khỏe bộ đội; khen Tiểu đoàn I pháo cao xạ Quân khu IV; khen quân và dân Hà Nội đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.600; Hợp tác xã Tân Phong, tỉnh Thái Bình, Hợp tác xã Nam Tiến, tỉnh Phú Thọ đạt năng suất lúa cao, v.v., những lần Người dành thời

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.407.

gian đến thăm Đại hội "Ba sẵn sàng" của Đoàn Thanh niên Lao động các cơ quan Trung ương; thăm Đại hội những người xuất sắc trong phong trào "Phụ nữ ba đảm đang" của phụ nữ Hà Nội; tiếp Đoàn đại biểu Đại hội nữ công nhân cầu đường, đơn vị anh hùng của Bộ Giao thông Vận tải; tặng hoa phong lan cho các đại biểu nữ dân quân Quảng Bình và Vĩnh Linh, v.v. đã cổ vũ, động viên quân dân miền Bắc hăng hái thi đua lập thành tích trên mọi lĩnh vực, để vừa xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa thiết thực chi viện cho đồng bào miền Nam trên chiến trường đánh Mỹ.

Theo dõi từng tin thắng trận của quân và dân miền Nam, nhân dịp kỷ niệm lần thứ năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1965), Người gửi điện chúc mừng, khen ngợi những chiến thắng vang dội ở Vạn Tường, Plâyme, Đà Nẵng, Chu Lai, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Sài Gòn, v.v. và khẳng định: "Quân và dân ta ở miền Nam có đủ khả năng đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ dù chúng đưa thêm vào miền Nam mấy chục vạn

quân nữa"¹. Cùng với sự chi viện của hậu phương miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, quân và dân miền Nam đã làm thất bại cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất 1965-1966 và phá sản hoàn toàn kế hoạch "tìm diệt" và "bình định" của Mỹ trong mùa khô 1966-1967.

Tháng 12-1966, khi Phái đoàn thường trực của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và thăm hỏi những người con ưu tú của miền Nam, đồng thời thân ái gửi lời chúc mừng đồng bào và chiến sĩ miền Nam anh hùng. Người gửi thư cho Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và các vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, chúc mừng miền Nam giành thắng lợi trong chiến dịch Đông Xuân 1966 - 1967. Người khẳng định: thắng lợi đó có ý nghĩa chiến lược rất to lớn về quân sự và chính trị trong các cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta. Tiếp đó, Người gửi điện mừng Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua và dũng sĩ các lực lượng vũ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr.562.

trang nhân dân giải phóng miền Nam lần thứ II (9-1967), khen ngợi những thành tích trong hơn hai mươi năm chiến đấu vô cùng anh dũng, bền bỉ, vượt mọi gian khổ, hy sinh, quyết giành lại độc lập, tự do của đồng bào và chiến sĩ miền Nam và nhấn mạnh: "Đại hội anh hùng lần này là Đại hội của những người sẽ đánh thắng "Chiến tranh cục bộ" của chúng, thực hiện Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam"¹.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta còn gặp nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng nhất định sẽ giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống giặc Mỹ xâm lược và bẻ gãy tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc. Và khi cục diện chiến trường đã có những thay đổi nhất định, ngày 28-12-1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh họp Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Người cũng đồng thời chỉ thị cho cán bộ chỉ huy các chiến trường: kế hoạch phải thật tỉ mỉ, hợp đồng phải thật

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 292.

khốp, bí mật phải thật tuyệt đối, hành động phải thật kiên quyết, cán bộ phải thật gương mẫu.

Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang chữa bệnh tại Trung Quốc (Ngọc Tuyền Sơn, Bắc Kinh, từ ngày 1-1-1968 đến ngày 21-4-1968). Lấy cảm hứng từ nhiệm vụ cách mạng, từ quyết tâm của Bộ Chính trị về chủ trương Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 trên khắp các đô thị miền Nam và những tin thắng trận ở tiền tuyến cùng những thành tựu của hậu phương miền Bắc, trong bài thơ chúc Tết xuân 1968 của Người khẳng định:

"Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ.
Tiến lên!

Toàn thắng ắt về ta!"¹.

Vẫn rất ngắn gọn, dễ hiểu, vẫn là những dự cảm thiên tài về tính tất thắng của cuộc chiến tranh nhân dân như đồng chí Nguyễn Lương Bằng từng nói: "Thơ chúc Tết của Bác Hồ còn mang tính chất như những câu sấm, tiên đoán trước sự việc xảy ra". *Thơ chúc Tết Xuân 1968* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.328.

bài ca khẳng định thắng lợi hào hùng của quân và dân ta. Từ trong chiến tranh gian khổ, vào những phút giao thừa linh thiêng, đồng bào và chiến sĩ cả nước mong đợi lời chúc của Người, mong đợi những lời tiên tri, để nhân niềm tin chiến đấu và chiến thắng. Đặc biệt hơn, không chỉ thôi thúc, động viên, khích lệ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiến lên "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", bài thơ chúc Tết đó còn là tấm lòng, tình cảm và sự mong tin chiến thắng ở quê nhà của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mặc dù khi đó tình hình sức khỏe của Người có chiều hướng xấu đi.

Hằng ngày phải tiêm kháng sinh (lúc đầu ngày tiêm bốn mũi, sau đó giảm dần xuống ba mũi, rồi hai mũi), phải chạy điện cuống phổi, chạy điện cổ, điện tim, điện tay nhiều đợt, phải châm cứu, v.v., nhưng khát vọng được vào thăm miền Nam luôn thôi thúc Người. Không chỉ chấp hành nghiêm ngặt việc chữa bệnh theo yêu cầu của bác sĩ, Người còn tích cực tập luyện, rèn luyện sức khỏe để có thể vào thăm quân dân miền Nam. Xúc động mỗi khi xem phim về cuộc sống, chiến đấu của đồng bào miền Nam: *Bên bờ Bến Hải, Vĩ tuyến 17 ngày và đêm, Rừng o Thảm*, v.v., hình ảnh miền Nam yêu quý càng

thôi thúc "nỗi nhớ nhà" trong trái tim Người. Và cùng với việc quân dân ta ở miền Nam đồng loạt mở cuộc tổng tấn công trên khắp các chiến trường, tại Trung Quốc, Người cũng liên tiếp nhận được tin chiến thắng từ Việt Nam báo sang. Dù đang ở xa, dù không thể trực tiếp theo dõi và chỉ đạo sát sao, nhưng Người luôn yêu cầu các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước báo tin mỗi ngày hai lần về tình hình chiến sự miền Nam. Thắng lợi của cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân của quân và dân miền Nam làm đồng bào cả nước phấn khởi, tự hào, bạn bè thế giới vui mừng. Trong niềm vui đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện mừng và căn dặn: "Thắng lợi đầu Xuân của quân và dân miền Nam đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta đến một tình thế mới rất có lợi! Không có gì cứu vãn nỗi sự sụp đổ hoàn toàn của giặc Mỹ và tay sai! Càng gần thắng lợi, càng nhiều gian nan. Quân địch như con thú dữ đến bước đường cùng càng giãy giụa điên cuồng, quân và dân ta càng phải tăng cường đoàn kết, kiên trì chiến đấu, đánh mạnh, đánh liên tục, giành nhiều thắng lợi to

lớn hơn nữa!"¹.

Ngày 26-2-1968, khi đồng chí Lê Đức Thọ sang Trung Quốc, Người đã đến gặp và nghe đồng chí Thọ báo cáo tình hình. Vui niềm vui chiến thắng của quân dân miền Nam, khát vọng và ý chí quyết tâm vào thăm miền Nam trước ngày giải phóng hoàn toàn càng trở nên mãnh liệt. Ngày 10-3-1968, Người gửi đồng chí Lê Văn Lương chuyển tới đồng chí Lê Duẩn bức thư, trong đó đề nghị Bộ Chính trị bố trí để Người vào thăm đồng bào miền Nam. Tuy nhiên, vì địch đánh phá ác liệt, vì không đảm bảo an toàn và vì sức khỏe Người đã yếu, nên nguyện vọng vào thăm miền Nam của Người đã không thể thực hiện được.

Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Giônxon đã tuyên bố ném bom hạn chế nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước tình hình đó, ngày 3-4-1968, trong thư gửi Bộ Chính trị *Mấy ý kiến về tuyên bố của Giônxon*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Đối với tuyên bố của Giônxon, chúng ta phải cân nhắc kỹ, không nên vội trả lời... cần củng cố tư tưởng quyết chiến quyết thắng và chớ mất cảnh giác.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 332.

Tuyệt đối chớ chủ quan và vì địch có thể bất thành linh đánh lại"¹.

Rời Trung Quốc, Người trở về nước. Tại Hà Nội, nhớ tới đồng bào miền Nam đang ngày đêm anh dũng chiến đấu, Người đến thăm Phái đoàn đại diện thường trực của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tiếp các đoàn đại biểu miền Nam ra thăm miền Bắc, các anh hùng và chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, các cháu thiếu nhi dũng sĩ miền Nam, hỏi thăm tình hình chiến sự và cuộc sống của đồng bào và chiến sĩ. Tình cảm và sự quan tâm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và đồng bào miền Bắc là nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn, góp phần vào những chiến công vang dội của quân và dân miền Nam.

Mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng cả nước đều gắn liền với việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; với việc xây dựng các tổ chức quần chúng và chiến lược đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Trong những năm cuối đời, Người càng đặc biệt quan tâm chỉ đạo công việc trọng yếu

1. Tài liệu lưu tại kho Bảo tàng Hồ Chí Minh.

này. Người từng nói: "Chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu trên con đường muôn dặm. Sự nghiệp cách mạng còn lâu dài gian khổ. Đảng ta còn có trách nhiệm nặng nề đối với 30 triệu đồng bào cả nước ta và phải tích cực gánh vác phần trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng thế giới"¹ và tỏ ý phê bình một số cán bộ mãi làm công tác hành chính, sự vụ, mà không dành nhiều tâm sức để xây dựng con người, xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng.

Nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng, bồi dưỡng con người mới xã hội chủ nghĩa, trong các bài nói, bài viết của mình thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ những tiêu chuẩn của con người mới xã hội chủ nghĩa. Theo Người, đó là những người có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa, có ý thức làm chủ Nhà nước, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa "mình vì mọi người, mọi người vì mình", phải chí công vô tư, chống chủ nghĩa cá nhân, phải có đạo đức của người cộng sản, cần kiệm xây dựng nước nhà.

Không chỉ dành thời gian đến thăm và nói

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.372.

chuyện với Hội nghị chỉnh huấn do Trung ương triệu tập (26-1-1965), Hội nghị tổng kết ba năm xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở "Bốn tốt" (19-4-1966), Người còn phát biểu, đề cập nhiều vấn đề rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Đảng, Người viết bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, đăng báo *Nhân dân*, số 5409, ngày 3-2-1969. Trong tư tưởng của Người, không thể có một Đảng luôn trong sạch, luôn vững mạnh, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, tiến lên chủ nghĩa xã hội, nếu không có một đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng luôn thấm nhuần sâu sắc tinh thần "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân".

Không phải ngẫu nhiên, khi mở đầu tác phẩm, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại viết: "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau"¹. Thực tiễn cho thấy, trong những tháng năm đầu tranh gian khổ để giành và giữ chính quyền, thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đồng thời thực hiện hai chiến

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.438.

lược cách mạng ở cả hai miền Nam - Bắc, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng đã không ngừng phấn đấu, sẵn sàng hy sinh tất cả vì thắng lợi của cách mạng, vì độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Trên mọi lĩnh vực, người cán bộ, đảng viên "gái cũng như trai" đều gương mẫu đi đầu, đều trở thành mực thước cho nhân dân noi theo. Là những người cộng sản chân chính, luôn thấm nhuần "tư cách người cách mạng", nên dù bị bắt giam, bị tù đầy, bị tra tấn dã man, thậm chí phải hy sinh cả tính mệnh, các cán bộ, đảng viên của Đảng vẫn một lòng kiên trung, bất khuất. Đúng như Người từng nhấn mạnh: "Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào vì có những người con xứng đáng như thế"¹.

Cùng với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền và một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng được giao trọng trách giữ những chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước và các cơ quan của Đảng. Tuy nhiên, quyền lực, danh vị, những đặc quyền, đặc lợi cùng nguy cơ thoái hoá, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng đã xuất hiện và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.438.

xuất hiện ngày càng nhiều. Ngay khi miền Bắc bước vào cải tạo xã hội chủ nghĩa, bắt đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng, chúng ta có ba kẻ địch: chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù số một nguy hiểm; thói quen cổ hủ là kẻ địch to thứ hai; còn chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch thứ ba luôn ẩn náu trong mỗi con người, là đồng minh của hai kẻ địch kia. Trong đó, kẻ địch thứ ba tuy không nhìn rõ hình dạng, nhưng luôn rình rập quanh ta, dễ phá ta.

Vì thế, trong tác phẩm này, Người nói rất rõ rằng, do cá nhân chủ nghĩa mà không ít người mang trong mình những căn bệnh, những thói hư tật xấu như: "không lo mình vì mọi người" mà chỉ muốn "mọi người vì mình"; "ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa"; "tham danh trục lợi" nên chỉ thích địa vị quyền hành, họ chỉ mong nhận được bổng lộc mà quên đi kỷ luật của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Họ "tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền", "xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh" mà trở thành xa lạ với nhân dân; "không có tinh thần cố

gắng vươn lên, không chịu khó học tập để tiến bộ" nên trở thành người "thoái bộ". Họ thực sự là những kẻ phản bội, có tội với cách mạng và nhân dân. Là những người đã từng quen thử thách của ném mìn, nằm gai trong 15 năm đấu tranh giành chính quyền và những gian khổ hy sinh trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giờ đây họ lại ngại khó, ngại khổ, ngại sự phấn đấu, hy sinh, ngại học tập để tiến bộ, tự cho mình quyền được hưởng thụ, quyền được "làm cha mẹ của dân", không phải là đầy tớ của nhân dân như lãnh tụ Hồ Chí Minh từng mong muốn.

Đã từng một thời là đồng đội, đồng chí và gần bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin yêu, che chở, nhưng vì mang nặng chủ nghĩa cá nhân, họ tự cho mình là cấp trên, họ ưa mệnh lệnh, chụp mũ người khác. Không thích tự phê bình và phê bình, họ sợ mất thể diện trước quần chúng, không thực hiện dân chủ trong Đảng, càng không lắng nghe ý kiến của quần chúng và do "cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết", "làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân"¹. "Do cá nhân chủ nghĩa mà phạm nhiều sai lầm", họ là những người

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.439.

chỉ biết nghĩ đến mình, đến lợi ích của gia đình, dòng tộc mình mà ưa những người cánh hẩu, địa phương chủ nghĩa, kéo bè, kéo cánh, rời xa và coi thường quần chúng. Người vô tình, người hữu ý, song tất cả họ đều là những "con sâu mọt" đã làm xói mòn lòng tin của quần chúng với Đảng, làm tan vỡ mối quan hệ máu thịt Đảng - Dân.

Thực trạng này vô cùng nguy hại, không chỉ làm rạn nứt khối đại đoàn kết thống nhất trong Đảng, làm giảm đi nguồn sức mạnh của Đảng, tính tiên phong của đội ngũ cán bộ, đảng viên, mà còn đe dọa sự tồn vong của một Đảng cầm quyền. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhận thức rõ những nguy cơ thoái hoá biến chất trong nội bộ của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không chỉ nêu ra những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chỉ rõ tên kẻ địch nội xâm nguy hiểm này, Người còn đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ: "Phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên"².

Chỉ rõ rằng, "phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng", và "phải hoan nghênh khuyến khích quần chúng

thật thà phê bình cán bộ, đảng viên", Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đó là phương thuốc đặc hiệu để chữa bệnh "cá nhân chủ nghĩa" đang tiềm ẩn trong mỗi người, để thiết thực giúp tất cả các cán bộ, đảng viên đều tiến bộ, góp sức nhiều hơn cho sự nghiệp cách mạng. Cũng theo Người, không chỉ dừng lại ở tinh thần tự phê bình và phê bình một cách chân thành trên cơ sở của "tình đồng chí thương yêu lẫn nhau", để xây dựng một Đảng chân chính, chắc chắn, mạnh khỏe, thì "chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ"¹. Đó là những yêu cầu bắt buộc, đó là sự nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng theo những nguyên lý của học thuyết Mác - Lênin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng". Nhất quán trong việc tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên của Đảng trong mọi thời điểm cách mạng, hàm ý sâu xa của Người thể hiện rõ: Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù chiến tranh hay thời bình, để xây dựng và chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.439.

xứng đáng là đại biểu của giai cấp, của nhân dân và của dân tộc; để làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự là những chiến sĩ cách mạng vừa tài vừa đức, là tấm gương mẫu mực cho quần chúng noi theo thì nhất định phải tiêu diệt kẻ địch nội xâm, "phải bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật". Mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng không thể vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân nếu lòng dạ không còn trong sáng, nếu họ không "đi sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng", tự mình cắt đứt mối liên hệ với quần chúng, đặc biệt là không lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, ý kiến và tôn trọng quần chúng, "phát huy quyền làm chủ" của quần chúng.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng nguy cơ và tác hại của căn bệnh cá nhân chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: người cán bộ cách mạng sẽ không thể làm mực thước trước nhân dân, không thể được nhân dân tin yêu, quý trọng và càng không thể hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân với tinh thần "mình vì mọi người", "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ", "chí công vô tư" nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Vì vậy, Người yêu cầu: người cách mạng phải kiên quyết

tiêu diệt nó. Luôn lo lắng và quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, từ nỗi bận tâm và trăn trở của mình về nhiệm vụ trọng yếu này, mùa xuân cuối cùng cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta đã để lại một di huấn thiêng liêng cho toàn thể cán bộ, đảng viên của Đảng, đó là tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*. Đây không chỉ là lời nhắc nhở, là khát vọng của Người về việc rèn luyện đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, đó còn là thông điệp vĩnh hằng của Người, là lý luận của Người về xây dựng một Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ cách mạng mà Tổ quốc và nhân dân giao phó.

Không chỉ quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, Người còn rất chú trọng đến công tác giáo dục thanh niên, nhằm "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau". Người tham dự nhiều hoạt động của thanh niên như: nói chuyện tại các lễ kỷ niệm ngày thành lập Đoàn, các đại hội thi đua, hội nghị mừng công, đại hội thanh niên "Ba sẵn sàng", v.v.; kịp thời biểu dương những tấm gương anh hùng, dũng cảm, sáng tạo của đoàn viên thanh

niên cả nước trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Người tỏ ý tin tưởng với một thế hệ thanh niên hăng hái và kiên cường, chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Người yêu cầu các cấp uỷ đảng, chính quyền phải mạnh dạn giao việc cho những cán bộ trẻ đã được rèn luyện, thử thách, kèm cặp họ, giúp họ kinh nghiệm hoạt động thực tiễn để họ ngày càng trưởng thành.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công cuộc xây dựng hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa và cuộc chiến đấu ở tiền tuyến lớn miền Nam đã xuất hiện nhiều tấm gương anh hùng, chiến sĩ thi đua, nhiều tấm gương người tốt, việc tốt. Dù bận bịu công việc, Người vẫn dành thời gian theo dõi rất kỹ những bản tin, bài viết về tấm gương những người tốt đã làm những việc tuy nhỏ nhưng rất đẹp, rất "mình vì mọi người". Người từng nói rằng: "Các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"¹. Vì vậy, để nhân những hạt giống đỏ gương mẫu trong việc làm, gương mẫu trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr. 263.

đạo đức lối sống, và đề "cả dân tộc ta là một rừng hoa đẹp", đầu tháng 6-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc với một số đồng chí cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng về việc xuất bản sách *Người tốt, việc tốt*, nhằm phổ biến, nhân rộng trong nhân dân và phát động phong trào thi đua học tập, làm theo tấm gương người tốt, việc tốt.

Thấm nhuần quan điểm mácxít, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng không phải của riêng một vài cá nhân anh hùng và đề nhiệt tình cách mạng của quần chúng được bắt nguồn vững chắc từ nhận thức tình hình, nhiệm vụ cách mạng một cách sâu sắc, đồng thời chuyển nhiệt tình cách mạng thành hành động cách mạng chung của mọi người Việt Nam yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh trân trọng hết thảy những việc làm tốt, những công việc nhỏ nhưng vô cùng có ý nghĩa trong đời sống thường ngày. Người hiểu rằng, bên cạnh những tấm gương anh hùng của những chiến sĩ thi đua, anh hùng dũng sĩ làm nên những việc anh hùng, còn biết bao những con người bình thường khác mà những việc họ đã làm vẫn ngời sáng đạo lý cao cả, ích nước lợi dân, có sức lan tỏa, thấm sâu trong cộng đồng. Người từng nói rằng: sự nghiệp đấu tranh giải

phóng dân tộc, thống nhất đất nước đã đặt chúng ta đứng trước những thử thách lớn và truyền thống anh hùng đang được nhân dân ta phát huy đến cao độ. Từ trong thực tiễn đó có những người, những tập thể đã được Đảng và Chính phủ tuyên dương là anh hùng, dũng sĩ. Tuy nhiên, đó "vẫn chỉ là số ít" trong quần chúng hằng ngày, hằng giờ "góp gió thành bão", gánh vác việc nước, việc nhà. Vì thế, những điển hình tiên tiến nảy sinh trong thực tiễn, dù ở đâu và làm bất cứ công việc gì, thì bằng những việc làm cụ thể của mình, cũng sẽ "hữu xạ tự nhiên hương", góp phần lôi kéo mọi người xung quanh cùng làm việc tốt.

Xuất phát từ phương pháp nêu gương, lúc đầu Người đề nghị các báo của Đảng, của các đoàn thể "mở ra mục *Người mới, việc mới* nhằm nêu lên những gương người tốt, việc tốt trong phong trào thi đua yêu nước ở các cấp, các ngành"¹. Không chỉ động viên, Người còn quan tâm và tặng huy hiệu của Người cho những tấm gương tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong chiến đấu, học tập, lao động

1. Thành Duy: *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.128.

sản xuất nhằm thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước. Sau đó, trong những năm 1968-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ thị cho toàn Đảng noi theo tám gương người tốt - những bông hoa đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng để làm những việc tốt.

Thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước trong những năm đấu tranh giành chính quyền, qua hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đã xuất hiện biết bao nhiêu tấm gương những con người tốt với những việc làm tốt. Trong thời kỳ gian khổ kháng chiến chống thực dân Pháp, những tấm gương làm "việc nhỏ, bình thường thôi, nhưng ích nước lợi dân" được Người động viên, thưởng huy hiệu là những tấm gương làm sáng ngời đạo đức cách mạng: trung với nước, hiếu với dân, gương mẫu đi đầu, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, v.v., đã góp phần không nhỏ vào chiến thắng chung của dân tộc. Tiếp tục phát huy sức mạnh của phong trào thi đua yêu nước, trong những năm cả nước cùng đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ

quốc, thì những bông hoa tươi thắm của vườn hoa người tốt, việc tốt càng nở rộ hơn bao giờ hết. Đó là những Lê Mã Lương, Nguyễn Văn Trỗi trên trận tuyến đánh quân thù, những Phạm Thị Vách, Đào Thị Hào trên mặt trận lao động sản xuất và còn biết bao những tấm gương người tốt, làm những việc tốt như công bạn đi học, nhặt được của rơi trả lại người mất, quên mình cứu bạn, có nhiều sáng kiến để tăng năng suất lao động. Đó thực sự là những tấm gương sáng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về đạo đức xã hội chủ nghĩa như: tinh thần tập thể, mình vì mọi người, thương người như thể thương thân và luôn cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, v.v.. Đó đồng thời cũng là những người Việt Nam đẹp nhất, mang đậm trong mình những yếu tố truyền thống, bản chất cao quý của tâm hồn Việt và cũng là "cái nền" góp phần tạo dựng nên lâu đài: nước Việt Nam mới độc lập, tự do, hạnh phúc. Những em nhỏ như Thái Đình Hoàn cứu sống ba bạn nhỏ bị bom vùi ở Đô Lương, Nghệ An¹, cô đội trưởng thủy lợi Nguyễn Thị Vương ở Thạch Thất, Hà Tây có nhiều sáng kiến trong công tác, đạt thành tích cao²,

1. Xem: Báo *Nghệ An*, ngày 17-6-1966.

2. Xem: Báo *Hà Tây*, ngày 18-6-1966.

Nguyễn Văn Minh ở Thanh Liêm, Nam Hà dừng cảm cứu sống ba người thoát chết đuối¹, v.v., đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc và đề nghị thưởng huy hiệu của Người, thì với họ, đó không chỉ là vinh dự khi làm được một việc tốt, đó còn là trách nhiệm và hạnh phúc trước món quà nhỏ của Người để từ đó càng hăng hái thi đua, tiếp tục phấn đấu, rèn luyện làm nhiều việc tốt hơn nữa.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, noi gương và thi đua học tập, làm theo những tấm gương người tốt, việc tốt để cả xã hội cùng đổi mới và phát triển tốt đẹp là ý nghĩa lớn nhất của những việc làm, những hành động bình thường mà vĩ đại của hàng chục triệu người trong xã hội. Và cũng theo Người, việc lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân để giáo dục quần chúng là cách làm tốt nhất, sinh động và sâu sắc nhất, nhằm nhân rộng những điển hình, kích thích phong trào thi đua yêu nước phát triển: "lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới"².

1. Xem: Báo *Nam Hà*, ngày 20-8-1966.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.558.

Trong 15 năm đứng đầu sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng sáng suốt đề ra đường lối đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng: đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta chống lại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam và chiến tranh phá hoại của chúng ở miền Bắc là một cuộc đọ sức đầy cam go và ác liệt ấy, với bản lĩnh chính trị, nghị lực phi thường và trí tuệ uyên bác, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng đã từng bước xử lý một cách tài tình, sáng tạo mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của hai miền; mối quan hệ giữa dân tộc và thời đại; đồng thời chú trọng những nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ ấy (xây dựng Đảng, Nhà nước vững mạnh, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân ta thi đua yêu nước, tăng cường đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới), góp phần đưa cuộc đấu tranh của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác,

nâng vị thế và uy tín của dân tộc ta lên một tầm cao mới.

Và cũng từ trong khói lửa của chiến tranh, từ thực tiễn và những thay đổi của cục diện chiến trường, Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng chắc chắn rằng: dù kẻ địch còn rất ngoan cố, dù còn phải vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Những ngày tháng cuối đời và bản Di chúc lịch sử

Trong những năm cuối đời mình, dù tuổi cao và sức khỏe giảm nhiều, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn rất sáng suốt. Người tập trung cao độ, cố gắng làm việc, cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân ta đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bước sang năm 1969, sức khỏe của Người sút kém nhiều, nhưng Người vẫn tranh thủ quỹ thời gian đang ít dần đi để làm việc, gặp gỡ, đi thăm cán bộ, nhân dân và chiến sĩ.

Mừng xuân năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư chúc mừng đồng bào và chiến sĩ

cả nước. Cũng giống như mọi năm, bài thơ chúc Tết Xuân Kỷ Dậu của Người thể hiện tinh thần, ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", và khát vọng "Bắc Nam sum họp một nhà" của toàn dân tộc. Giản dị và khúc chiết, những lời thơ chúc Tết của Người cũng đồng thời là khẩu lệnh tiến công giã thiết tha, truyền đến nhân dân ta sức mạnh, niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

*"Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!"¹.*

Đêm 30 Tết Kỷ Dậu năm 1969, trong giây phút trù tịch, tại Phủ Chủ tịch, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng các đồng chí phục vụ và bảo vệ vui văn nghệ. Đầu năm mới, Người dành thời gian gặp gỡ các cháu thiếu nhi dũng sĩ miền Nam ra thăm miền Bắc; tiếp các gia đình có công với cách mạng; thăm và chúc Tết đơn vị bộ đội Phòng không -Không quân và trồng cây đa ở đồi Vật Lại, Ba Vì, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội) - đó cũng là cây đa cuối

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.426.

cùng Người để lại cho đời sau.

Ngày 27-4-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân tại khu phố Ba Đình, Hà Nội. Sau đó, Người gặp đại biểu các đơn vị anh hùng, các đơn vị quyết thắng, chiến sĩ thi đua Khu IV, tiếp các anh hùng và dũng sĩ miền Nam.

Trong những ngày tháng 5-1969, dịp sinh nhật cuối cùng của cuộc đời mình, Người dành sự quan tâm của mình cho thế hệ măng non. Người gửi thư cho các cháu thiếu niên Hợp tác xã Măng non, thôn Phú Mẫn, xã Hàm Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc, khen ngợi thành tích chăm sóc trâu bò, giúp đỡ thiết thực hợp tác xã. Người gặp gỡ các cán bộ cao cấp toàn quân và ngày 22-5-1969, Người tham dự Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn về tình hình và nhiệm vụ mới.

Tiếp đó, ngày Quốc tế thiếu nhi, Người gặp gỡ các cháu thiếu nhi và xem các cháu học sinh lớp 1, Nhạc viện Hà Nội biểu diễn nghệ thuật tại Phủ Chủ tịch và viết bài *Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng*, đăng báo *Nhân dân* (1-6-1969), mong mỗi toàn xã hội có trách nhiệm trong việc chăm sóc và giáo dục thiếu niên,

nhì đồng - thể hệ tương lai của nước nhà. Ngày 12-6-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh chúc mừng Phái đoàn đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hà Nội, nhân dịp thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Gần hai tháng trước khi Người qua đời, trong bài trả lời phỏng vấn nữ đồng chí Mácta Rôhát, phóng viên báo *Granma* (Cuba), trở về khát vọng giải phóng miền Nam, Người đã nói về tình cảm và trách nhiệm của mình với nhân dân hai miền Nam - Bắc: "Tôi yêu đồng bào ở miền Bắc cũng như yêu đồng bào ở miền Nam. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi... Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi. Tôi nghĩ rằng tôi chưa làm tròn nghĩa vụ cách mạng của tôi đối với đồng bào miền Nam; mặc dù như vậy, tôi biết rằng đồng bào miền Nam vẫn yêu quý tôi cũng như tôi luôn luôn yêu quý đồng bào. Ở miền Nam, tôi không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là Bác Hồ".

Sau đó, giữa lúc nhân dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc đang giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ,

cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu lâm bệnh. Tháng 8-1969, sức khỏe của Bác đã giảm sút nhiều. Chiều ngày 12-8, Người bị cảm lạnh sau khi đến thăm phái đoàn ta trở về từ Hội nghị Pari. Từ ngày 18-8, theo đề nghị của bác sĩ, Người không làm việc ở nhà sàn nữa mà chuyển xuống căn phòng nhỏ, xây năm 1967, phía sau nhà sàn. Hằng ngày, Người vẫn theo dõi tin tức và báo chí đều đặn. Trưa ngày 25-8, Người nghe diễn ca về *Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp* qua Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam và sau đó tiếp vợ chồng Đại tướng Võ Nguyên Giáp tới thăm.

Từ lúc Người lâm bệnh, Trung ương Đảng, Chính phủ đã tập trung mọi khả năng và phương tiện để săn sóc sức khỏe của Người. Một tập thể giáo sư và bác sĩ giỏi ngày đêm túc trực bên giường bệnh để chạy chữa cho Người, nhưng do tuổi cao, bệnh nặng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qua đời lúc 9 giờ 47 phút, ngày 2-9-1969, tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta bản *Di chúc* lịch sử. Người bắt đầu viết bản *Di chúc* ngày 10-5-1965, khi còn rất minh mẫn và hằng năm vào dịp sinh nhật của mình (năm 1966, 1967, 1968 và 1969), Người đều

dành thời gian để xem lại, sửa chữa và bổ sung vào bản *Di chúc*. Năm 1966, Người bổ sung thêm một câu vào phần nói về tự phê bình và phê bình trong Đảng: "*Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*". Năm 1967, Người xem lại, nhưng không bổ sung gì. Năm 1968, Người bổ sung thêm sáu trang viết tay, gồm một số đoạn nói "*Về việc riêng*", về một số công việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi. Ngày 10-5-1969, Người xem và viết lại toàn bộ phần mở đầu *Di chúc*, gồm một trang viết tay. Có rất ít người được biết rằng, bản viết tay ngày 10-5-1969 này của Người lại được viết vào mặt sau của một tờ bản tin tham khảo đặc biệt của Thông tấn xã Việt Nam. Bản *Di chúc* thiêng liêng được hoàn tất và đi vào lịch sử từ đây.

Trong lịch sử hiện đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người đặc biệt trong số các vị lãnh tụ cách mạng trên thế giới. Những người yêu chuộng tự do, hòa bình trên thế giới đều gọi Hồ Chí Minh là Bác Hồ. Người đã hoàn thành sự nghiệp của đời mình, cũng chính là sự nghiệp của dân tộc Việt Nam và góp phần vào cuộc đấu tranh vì tự do, hạnh phúc của loài người tiến bộ. Vượt lên tất cả, khi mất đi, Hồ Chí Minh không phải là một kỷ niệm

của quá khứ, Người sống mãi. Người cùng những cống hiến và phẩm cách cao quý của mình gắn liền với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa của loài người mà đỉnh cao là học thuyết Mác - Lênin - ánh sáng tư tưởng của thời đại trở nên diệu kỳ trong ký ức tất cả mọi thời đại. Cùng với thời gian, di sản tư tưởng của Người và bản *Di chúc* "hiện nay và mai sau, không chỉ là của riêng nhân dân Việt Nam, mà còn dành cho tất cả các dân tộc, các Đảng đấu tranh về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, dù ở châu Á, châu Âu hoặc bất cứ nơi nào trên các lục địa"¹.

Di chúc - Lời dặn lại đầy tâm huyết của vị lãnh tụ cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, một trong những vĩ nhân của thế kỷ XX đã yên nghỉ 40 năm, song di sản tư tưởng, tinh thần lớn lao hàm chứa trong từng trăn trối của Người vẫn đang cùng dân tộc Việt Nam đồng hành trong những thiên niên kỷ mới. Một trong số những di sản đó chính là lời dặn lại đầy tâm huyết, tiếng nói khiêm nhường của một người cộng sản, thấm đẫm chất nhân văn,

1. Xã luận báo *Tự do nhân dân*, Budapét, Hunggari, ngày 11-9-1969.

đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc và thời đại có giá trị vượt không gian và thời gian - bản *Di chúc* lịch sử.

"Tài liệu tuyệt đối bí mật" thể hiện rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời tận tụy, phấn đấu cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, mà còn mang theo khát vọng về một đất nước Việt Nam độc lập, hòa bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, cùng một thế giới hạnh phúc cho con người vào cõi vĩnh hằng. Chuẩn bị cho chuyến đi xa vĩnh viễn của mình, khi còn anh minh, tỉnh táo, Người đã dành mỗi ngày khoảng từ 1 đến 2 giờ của những ngày tháng 5 đẹp trời (từ năm 1965 đến năm 1969) để viết "Tài liệu tuyệt đối bí mật" gửi lại cho mai sau. Và cũng trong những năm cuối của đời mình, trong lúc đang bận bịu công việc, giữa những ngày miền Bắc đang chống chọi cùng mưa bom, bão đạn của giặc Mỹ (1965), Người bỗng về thăm tiền nhân, tưởng nhớ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn. Thăm đền thờ, dừng lại hồi lâu đọc những dòng chữ trên văn bia, leo lên Thạch Bàn, Người dường như đã lường trước được quy luật khắc nghiệt của tạo hóa. Tự ý thức một cách tích cực về bản thân mình, với phong cách ung dung, tự tại vốn bắt nguồn từ chỗ

nắm được quy luật vận động của cuộc đời, biết rõ điều gì ắt sẽ qua đi, điều gì ắt sẽ đến và điều gì là trường tồn phải còn mãi, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi những suy tư trăn nặng của tiền nhân "là theo đức hiếu sinh để toàn vẹn cho sự sống còn của nhân dân" của mình vào những lời cuối cùng để lại cho hậu thế.

Giờ đây, mỗi khi lật giở lại những trang bản thảo, những bút tích chỉnh sửa, bổ sung của Người trong bản *Di chúc* thiêng liêng như một cương lĩnh hành động ngày nào, dường như vẫn thấy Người đang cân trọng, cân nhắc từng ý, từng việc, để cô đọng nhất những trăn trở, những điều cần phải dặn lại. Đó là những vấn đề quan trọng, cần thiết phải làm, nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo cách mạng của một Đảng cầm quyền, đồng thời đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh chung, vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Đó cũng chính là những dòng chữ cuối cùng của người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, người chiến sĩ quốc tế nặng lòng vì Đảng, vì dân, vì tình đoàn kết giữa các đảng anh em và các dân tộc đang đấu tranh cho công lý.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho "một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài", Người hiến dâng cuộc

đời mình cho cuộc chiến đấu vì phẩm giá và quyền của con người, cho sự giải phóng hoàn toàn. Trong tư tưởng và tình cảm của Người, nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý, nhân dân tiến bộ thế giới là anh em của nhau: "Tất cả những người có lương tri trên thế giới đều nhìn thấy ở Nguyễn Ái Quốc - "Người yêu nước", ở Hồ Chí Minh - "Người chiếu sáng", ở Bác Hồ - "Vị Chủ tịch kính mến"¹. Vì vậy, Người và *Di chúc* của Người tuy kết tinh tư tưởng, văn hóa, tâm hồn, đạo đức Việt, song "vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc"², nhằm thực hiện khát vọng làm người cao cả nhất.

Di chúc - Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước.

Thâu thái những hiểu biết quý báu của các bậc tiền nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn cởi mở tiếp thu để làm giàu vốn tri thức của bản thân mình và đã không chỉ trở thành "một nhà tiên tri châu Á báo trước công cuộc giải phóng của các dân tộc bị áp bức", khổ đau, Người còn nhìn thấy và dẫn lại trước những

1, 2. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.55, 42.

công việc cần thiết phải thực hiện để xây dựng lại một nước Việt Nam đàng hoàng hơn, to đẹp hơn trong tương lai.

Trong *Di chúc*, khát vọng và niềm tin tất thắng của lãnh tụ Hồ Chí Minh về cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, góp phần vào sự nghiệp hòa bình thế giới dồn nén, chứa chất chỉ trong mấy lời, và niềm tin đó không phải chỉ được nhắc một lần: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn"¹ và dù phải hy sinh nhiều của, nhiều người nhưng "Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất", "đồng bào Nam Bắc nhất định sum họp một nhà". Tiên tri về thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, theo lời Người: thắng lợi đó của dân tộc ta là vinh dự, vì "đã anh dũng đánh thắng 2 đế quốc to - là Pháp và Mỹ và góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc".

Tiếp đó, với phép xử thế của một nhà văn hóa lớn, là biểu tượng kết tinh truyền thống lịch sử và văn hóa của dân tộc Việt có hàng ngàn năm văn hiến, Hồ Chí Minh "có ý định

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.506.

đến ngày đó" sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc chúc mừng đồng bào và chiến sĩ cả nước, và thay mặt nhân dân Việt Nam "đi thăm và cảm ơn" bè bạn quốc tế đã "tận tình ủng hộ và giúp đỡ" cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Tuy nhiên, là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, bằng dự cảm của riêng mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn liền với sự trưởng thành ngày càng vững mạnh của Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, nên đã dành những điều "trước hết nói về Đảng" và yêu cầu "việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng".

Ghi nhận nguồn sức mạnh nội lực làm nên sức mạnh của Đảng chính là sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, Người và tất cả mỗi người cán bộ, đảng viên của Đảng đều nhận thức được rằng: đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết và đoàn kết làm nên thành công, nên đã luôn cố gắng giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Tuy nhiên, cũng đã có những thời điểm, những con người, vì nhiều lý do khác nhau, đã quên đi lý tưởng và lời thề cộng sản, xa rời đạo đức cách mạng, phá hoại khối đoàn kết "muôn người như một" của

Đảng. Vì vậy, Người nhấn mạnh: "Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"¹; đồng thời, yêu cầu "trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình". Theo Người, đó không chỉ là nhiệm vụ trọng yếu, là yêu cầu bức thiết của Đảng cầm quyền trước mỗi bước chuyển của cách mạng, mà còn là cách tốt nhất để "củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng", để Đảng trong sạch, khỏe mạnh, để "dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi".

Những lời dặn thiết tha, đậm chất nhân văn trong *Di chúc* chứa đựng những giá trị tư tưởng, tinh thần cao quý của cuộc đời Hồ Chí Minh, từ cuộc đời Hồ Chí Minh. Theo Người, dù đã có những đóng góp nhất định, song để thật sự trong sạch, "xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân", mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên và thanh niên phải hết lòng tận trung với nước, tận hiếu với dân, phải thấm nhuần và nâng cao "đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.510.

liêm chính, chí công vô tư", và vượt lên hết thảy là phải sống với nhau có tình, có nghĩa, có "tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Và cũng theo Hồ Chí Minh, để rời xa những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, để làm mực thước cho dân, cán bộ, đảng viên nhất định phải thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình.

Song, cũng theo Người, phê bình và tự phê bình phải trên cơ sở "tình đồng chí" thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho điều thiện sinh sôi, điều ác thui chột, để tiến bộ và vững vàng trước mọi cám dỗ, thử thách. Đó không phải "đập" cho toi bời, hảm giận, đó chính là có lý, có tình, chân thành, thẳng thắn, là văn hóa Đảng, là bản chất tâm hồn và đạo đức dân tộc Việt mà Hồ Chí Minh mong mỏi và gửi lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Sau những điều tâm huyết về Đảng, người cộng sản đầy kinh nghiệm Hồ Chí Minh đã nhắc đến việc chăm lo lực lượng kế cận của cách mạng. Người dành những dòng thiết tha cho thế hệ trẻ, khen ngợi đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi, v.v. đã đóng góp công sức của mình trong sự nghiệp cách mạng và yêu cầu: "*Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành

những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên"". Theo Người, "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết"¹, bởi không chăm lo cho thế hệ trẻ, không tạo dựng một lực lượng kế tục có đức và có tài, sẽ không có những con người xã hội chủ nghĩa để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản như Lênin từng khẳng định.

Tư tưởng và mục đích cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ con người và cuối cùng trở về với con người. Bởi vậy, như một lẽ tự nhiên, trong những lời để lại, Người đặc biệt quan tâm đến con người và những "công việc với con người". Người cũng chỉ rõ, khi đất nước đã trải qua những năm dài chiến tranh, việc hàn gắn những vết thương của thời hậu chiến là công việc đầy nặng nề, phức tạp nhưng cũng rất vẻ vang, nên Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân lao động ở miền núi cũng như miền xuôi. Những đề nghị của Người về miễn thuế nông nghiệp một năm, để "đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.498

xuất"; về xây dựng lại thành phố, làng mạc; về xây dựng những vườn hoa, bia tưởng niệm các liệt sĩ, "để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta", v.v. thực sự thiết thực, cụ thể, đầy tính nhân văn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người đầy bao dung nhân ái, mà lòng thương yêu đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi đã dành tình thương yêu của mình cho hết thảy mọi người. Đó là những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình; những liệt sĩ, cha mẹ vợ con của thương binh, liệt sĩ; những chiến sĩ trẻ, những phụ nữ, những thanh niên xung phong, v.v.. Với họ, Người mong mỗi Đảng và các cấp chính quyền chăm lo, tạo điều kiện giúp họ được sống yên ổn, có công việc làm ăn thích hợp, để góp sức mình cho công cuộc xây dựng lại đất nước. Còn đối với những con người từng lầm lỗi, lạc đường, hoặc là nạn nhân của chế độ cũ (như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v.), Người tâm niệm, dù là ai, họ cũng mang dòng máu Việt, cũng có nguồn cội, nên lấy lòng nhân, khoan dung độ lượng, hướng về lẽ phải chân chính mong mỗi "cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện".

Như một cương lĩnh hành động của một

Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ cách mạng được giao phó, những chỉ dẫn của Người trong "Tài liệu tuyệt đối bí mật" không mang tính áp đặt, nhưng vẫn được toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đồng tâm, đồng lòng thực hiện. Bởi rằng, đối với một Đảng cầm quyền, việc quan tâm đến những lợi ích thiết thực hằng ngày của mỗi người dân, cổ vũ họ, chia sẻ với họ, cũng chính là chăm lo đến quyền con người, phát huy quyền làm người của mỗi người. Hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng, động lực để thực hiện khát vọng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chính là nhân dân lao động. Lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại khổ đau của Người trong *Di chúc* dành lại cho muôn đời con cháu mai sau thể hiện sự quan tâm của Người đến lợi ích của từng con người và lợi ích của cả cộng đồng. Đó cũng chính là sự biểu đạt đặc sắc của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, của nhà văn hóa lớn Hồ Chí Minh, suốt đời không màng danh lợi, chỉ khôn nguôi một hoài bão: độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho đồng bào.

Di chúc - Lời dạy khiêm nhường của người cộng sản.

Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, Người còn "là một nhà cách mạng trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản và đã đóng góp to lớn vào sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa, vào việc củng cố và phát triển phong trào cộng sản"¹. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một người cộng sản Việt Nam mẫu mực, Người còn là người chiến sĩ cộng sản quốc tế trong sáng, thủy chung, luôn quan tâm đến sự phát triển chung của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Khó rút sớ trong hồi ký của mình từng viết: Hồ Chí Minh là "vị thiên sứ cách mạng", là "vị thánh cộng sản", bởi những hoạt động không mệt mỏi của Người cho phong trào cộng sản quốc tế.

Không phải ngẫu nhiên, trong *Di chúc*, khi viết về phong trào cộng sản quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!"². Người chiến sĩ cộng sản quốc tế

1. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.115.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.511.

Hồ Chí Minh đã có những đóng góp tích cực cho phong trào cách mạng thế giới. Người đã từng nhiều lần cảnh báo sự không quan tâm đúng mức về mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa với phong trào cách mạng vô sản ở chính quốc tại các diễn đàn quốc tế. Người cũng từng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình, hết lòng hàn gắn những mâu thuẫn trong phe xã hội chủ nghĩa, bởi Người nhận thức sâu sắc rằng: mỗi bất hoà, mâu thuẫn Xô - Trung và sự rạn nứt trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là một tổn thất to lớn của sự nghiệp cách mạng thế giới. Theo Người, những bất đồng, chia rẽ đó không chỉ làm giảm đi nguồn sức mạnh của sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng con người, mà còn chia rẽ khối đoàn kết, nhất trí của các lực lượng dân chủ, yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới; đồng thời tạo điều kiện để đế quốc Mỹ lợi dụng tình hình, mở rộng cuộc chiến tranh ở Đông Dương và sự không thống nhất trong hành động ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Do đó, trước khi đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất đau lòng trước những tồn tại đang

diễn ra trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Và cũng biết rằng mình không thể tiếp tục làm vị "thiên sứ cách mạng", vị thánh Hồ Chí Minh đã gửi những ưu phiền vào *Di chúc* và mong ước: đó là một nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Đảng, để "góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết" quý báu giữa các đảng anh em. Với tinh thần quốc tế vô sản cao cả đó, "Bác Hồ cùng với bản *Di chúc* của Người là thuộc về tất cả phong trào cộng sản, công nhân và cách mạng trên thế giới. Người được liệt vào những bậc mà thân thể và sự nghiệp đã vượt ra ngoài phạm vi biên giới của Tổ quốc mình"¹.

Khiêm nhường trong vị thế một nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất giản dị trên cương vị một lãnh tụ của nhân dân Việt Nam. Bao giờ và ở đâu, Người cũng vẫn ngồi sáng tấm gương về đạo đức cách mạng, chí công vô tư. Phút cuối của đời mình, sau khi dành tâm tư, tình cảm cho Đảng, cho dân, cho phong trào cách mạng thế giới, ung dung và thư thái, Người để lại mấy dòng cuối cùng trong *Di chúc* để viết về việc riêng của

1. Báo *Quyền lợi đồ*, Praha, Tiệp Khắc, ngày 9-9-1989.

mình.

Trước Chủ tịch Hồ Chí Minh, lịch sử thế giới đã có nhiều bản di chúc. Nhà khoa học Nôben của Thụy Điển trước khi từ giã cõi đời đã di chúc lại: Toàn bộ tài sản của ông sẽ được gửi vào nhà băng quốc tế, số tiền lãi dành tặng thưởng cho những cá nhân có đóng góp cho hòa bình và sự tiến bộ của nhân loại. Nhà thơ Ba Lan Adam Măcxkiêvích mong muốn rằng, quả tim dù đã ngừng đập của ông sẽ được đưa về Thủ đô Vácxava, với mong ước giản dị: để nó được sống mãi cùng nhịp đập của hàng triệu triệu trái tim người dân Ba Lan. Vua Lý Nhân Tông - một anh quân thời Lý, vốn sống kiệm ước, khi sắp mất cũng có lời di chúc thật khiêm nhường: Ta đã ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên vui, làm sao khi chết đi lại để cho nhân dân mình mặc xơ gai, sớm tối khóc than, vì vậy, việc an táng cần phải tiết kiệm, không xây lăng mộ riêng, nên chôn ngay cạnh Tiên đế.

Một người suốt đời yêu thương nhân dân, vốn giản dị, rất "sáng mà không chói", khi ra đi, tiếc nuôi lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: "Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi

không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"¹. Vì vậy, Người mong "chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân"² và yêu cầu được hoả táng. Sau đó ba phần tro cốt của Người để vào ba hộp sành, như tình yêu thương tha thiết của Người dành cho đồng bào ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam...

Sau Hồ Chí Minh, một trong những người bạn thân thiết của Người, nguyên Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai trước khi vĩnh biệt thế giới đã dặn lại rằng: Khi mất đi, ông muốn được hoả táng. Tư tưởng và tình cảm ông dành cho đất nước, nên mong muốn tro cốt của mình sẽ được nhồi vào đại bác, bắn đi bốn phương tám hướng, để ông được sống cùng non nước Trung Hoa rộng lớn. Và Đức Giáo hoàng John Paul II, trong di chúc của mình cũng dặn lại: Ta không có sản vật gì lưu lại và xin được "chôn táng dưới đất, chứ không phải trong thạch mộ nổi".

Như vậy, dù sinh ra ở những hoàn cảnh, thời điểm khác nhau, làm những công việc khác nhau, nhưng giữa họ đều có một điểm

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.501.

chung nhất, đó chính là tư tưởng, tình cảm và tấm lòng của những người con luôn hướng về quê hương, đất nước, về con người, hướng về những điều tốt đẹp, thức tỉnh mọi tâm hồn. Với ý nghĩa đó, những điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn lại trong *Di chúc* chứa đựng giá trị tư tưởng và tinh thần, kết tinh từ cuộc đời hoạt động cách mạng không mệt mỏi của một con người "đã trở thành huyền thoại ngay từ khi còn sống". Tư tưởng và tình cảm đó không chỉ mang lại sự đổi đời cho một dân tộc Việt Nam, mà còn đem lại niềm tin tưởng mãnh liệt và khát vọng vào một ngày mai tươi đẹp cho tất cả các dân tộc yêu chuộng tự do, công lý trên toàn thế giới; vì vậy, "Di chúc của Người đặc biệt có ý nghĩa đối với các lực lượng cách mạng và toàn thế giới tiến bộ"¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không còn với chúng ta theo nghĩa vật chất, nhưng Người rất gần bó với chúng ta về mặt đạo lý, tinh thần. Dùng những ngôn từ giản dị nhất để biểu đạt cái lớn lao của tư tưởng, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh "là một áng văn tuyệt bút" không dài, là những lời cuối đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc và thời đại, hội tụ trong đó

1. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sđd, t.III, tr.67.

hoài bão và tình cảm của một nhà văn hóa lớn. Mỗi điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh trân trọng, dặn lại trong *Di chúc* đều chứa chan tâm lòng của một hiền nhân đối với con người, với thiên nhiên, với quê hương đất nước, phản ánh tư tưởng, tình cảm, đạo đức và tâm hồn một người con ưu tú của dân tộc Việt; hiện thân tinh thần, tài năng và tâm hồn của người dân Việt; hiện thân của tinh thần yêu tự do tha thiết, bình dị mà vĩ đại, dân tộc mà thời đại. Đó là di sản bất hủ, đậm đà bản sắc dân tộc và thời đại, "là sự thức tỉnh của nhân tâm, của trí tuệ, của dũng khí" mà Người gửi lại cho các thế hệ mai sau. Cuộc đời Người, với những gì Người đã đi, đã đến và chiến thắng; với tất cả những gì Người đã làm, đã nêu gương và để lại, có lý và có tình, sẽ sống mãi qua các thời đại.

Dù Người đã đi xa, song trên các trang của lịch sử, cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh vẫn sẽ vinh quang chói lọi như sao Bắc Đẩu. Mưu cầu hạnh phúc cho hết thảy mọi con người, hướng dẫn loài người đi đến một tương lai tốt đẹp hơn, Người và bản *Di chúc* gửi lại "tiếp tục là nguồn cảm hứng" cho hậu thế, "để không yếu đuối trong đấu tranh giành lấy tương lai, để không dừng lại ở điều đạt được mà luôn luôn

tiến lên phía trước"¹.

Ngày 9-9-1969, tại Hà Nội, Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã diễn ra rất trọng thể. Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc *Diếu văn*. *Diếu văn* đã khái quát toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng vĩ đại và tấm gương đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng và những cống hiến của Người cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới.

Dù đã rời xa chúng ta, nhưng tư tưởng, đường lối chỉ đạo của Người cùng với tình thương yêu bao la, sự quan tâm sâu sắc của Người đến thân phận mỗi con người, mỗi giai tầng trong xã hội và thiên nhiên, môi trường vẫn còn sức sống bất diệt. Tấm gương đạo đức của Người, tư tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của Người luôn luôn là nguồn ánh sáng dẫn đường, cổ vũ, động viên nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, nhưng Người để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ

1. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.54.

nhất trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước oai hùng của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn từ mùa xuân năm 1930 và được chính Người, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta kiên định thực hiện. Người đã đi xa, nhưng Người luôn dẫn dắt chúng ta. Chúng ta vẫn cảm thấy Người luôn luôn bên cạnh, bởi vì chúng ta vẫn đi theo con đường của Người, bởi vì "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta"¹ và "tên tuổi, hình ảnh của Người ngày càng khắc sâu trong trái tim, khối óc của mỗi chúng ta"².

Thực hiện lời thề, thực hiện *Di chúc* của Người và biến đau thương thành hành động cách mạng, kế tục sự nghiệp của Người, chúng ta thề: "Giương cao mãi mãi ngọn cờ độc lập dân tộc, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thoả lòng mong ước của Người". Quyết tâm thực hiện khát vọng lớn nhất của Người là giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, nhân dân cả

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.516, 520.

nước đã đoàn kết một lòng, thi đua đánh thắng giặc Mỹ và bẻ gãy tay sai, phá tan chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Tiếp đó, cùng với những thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam và yêu cầu hợp lý của ta, đế quốc Mỹ buộc phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pari từ tháng 5-1968. Tháng 12-1972, quân dân miền Bắc phá tan kế hoạch bắn phá miền Bắc lần thứ hai của Mỹ, làm nên một trận "Điện Biên Phủ trên không" lừng lẫy. Chiến thắng có tính quyết định này đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari ngày 27-1-1973, chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã qua đời, nhưng tình cảm của Người dành cho đồng bào miền Nam ruột thịt, sự quan tâm, săn sóc của Người đối với cuộc đấu tranh kiên cường, anh dũng của đồng bào miền Nam được thể hiện thông qua những lời phát biểu, những bức thư, những quyết định chiến lược trên các diễn đàn đã sưởi ấm và động viên đồng bào miền Nam hăng hái tiến lên, "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Và tiếp tục thực hiện khát vọng của Người, trong những năm sau, các kế hoạch nhà nước hằng năm đã thể hiện rõ nhiệm vụ xây dựng và phát triển miền Bắc, tăng cường chi viện cho cuộc đấu tranh giải

phóng miền Nam.

Sau sáu mùa xuân (kể từ mùa xuân năm 1969), đồng bào và chiến sĩ cả nước hăng hái tiến lên trong niềm hoài vọng không được nghe thơ chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh mỗi dịp Tết đến xuân về, chúng ta mới thực hiện được hoài bão của Người. Vẫn kiên trì thực hiện lý tưởng của Người, vẫn có Người bên cạnh nâng bước chúng ta đi, mùa xuân năm 1973, cùng với những thắng lợi của quân dân Việt Nam trên các chiến trường và thắng lợi trên mặt trận ngoại giao, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đã được ký kết (1-1973). Đế quốc Mỹ đã rút quân khỏi Việt Nam. Mùa xuân năm 1975, cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã thắng lợi. Miền Nam đã được giải phóng, Nam - Bắc sum họp một nhà, non sông liền một dải.

Khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ý chí quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân Việt Nam về một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ sau những năm dài trường kỳ kháng chiến đã trở thành hiện thực. Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới: Đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, cùng đi lên xây dựng chủ

nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

*
* *

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những anh hùng vĩ đại nhất của lịch sử dân tộc, bởi mỗi bước đi của nhân dân ta và của Đảng ta trong những năm qua "đều gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng sôi nổi và đẹp đẽ của Hồ Chủ tịch. Toàn bộ hoạt động của Người cùng với sự nghiệp của nhân dân ta và của Đảng ta là một thiên anh hùng ca bất diệt của cách mạng Việt Nam"¹.

Người là Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, là anh hùng dân tộc vĩ đại; được sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động của đất nước - giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhưng phải mất một chặng đường dài đấu tranh và đi tìm, Người và dân tộc mới tìm thấy con đường giải phóng, đưa Việt Nam trở thành một nước độc lập, tự do, có tên, có vị trí trên trường

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 35.

quốc tế. Từ một sự lựa chọn đúng đắn, vượt qua hạn chế của các bậc tiền bối, *Người đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam, con đường cách mạng vô sản*. Đó là con đường kết hợp chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với chủ nghĩa quốc tế chân chính - con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, để đưa nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của một Đảng chân chính cách mạng, tiến lên giành được những thắng lợi rất đồ sộ và hào hùng. "Con người đó là Hồ Chí Minh. Dân tộc đó là dân tộc Việt Nam, nhưng cũng là Hồ Chí Minh"¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là *người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam*, luôn chăm lo xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh thành đội tiên phong, bộ tham mưu vững vàng, sáng suốt của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - *Người bắt nhịp bài ca Kết đoàn*, là *linh hồn của Mặt trận dân tộc thống nhất*, của khối đại đoàn kết toàn dân

1. Christiane Pasquel Rageau: *Hồ Chí Minh "Les Justes"*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, H29 C6/3.

vững chắc, góp phần tạo nên nguồn sức mạnh vô địch với khẩu hiệu nổi tiếng: *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công"*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Quân đội nhân dân Việt Nam thành một đội quân cách mạng, luôn "Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á - Nhà nước của dân, do dân, vì dân, cũng là người đã góp phần đưa dân tộc Việt Nam sánh vai cùng các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới, đấu tranh cho một xã hội công bằng, tiến bộ, văn minh, cho một sự giải phóng hoàn toàn, triệt để.

KẾT LUẬN

Một hành trình dài từ *làng Sen đến Ba Đình*, và với 79 mùa xuân cuộc đời mình, khi từ biệt thế giới này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng ra đi từ Ba Đình. Căn phòng của người thợ điện, ngôi nhà sàn đơn sơ, với vườn hoa, ao cá, nhà H67, bếp ăn, v.v., những nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và làm việc từ khi về tiếp quản Thủ đô năm 1954, cho đến khi Người từ biệt chúng ta năm 1969 và giờ là *Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch*, Người luôn sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam, mãi là ánh sáng của lương tri, trí tuệ của thời đại.

1. Độc lập, tự do không chỉ là khát khao ngàn đời, mà còn là tiêu chí hàng đầu của mọi

dân tộc trên mỗi chặng đường xây dựng và phát triển. Độc lập, tự do là khát vọng được quy nạp bởi khát vọng của nhiều thế hệ, của tất cả các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình và công lý đã trở thành khát vọng của thời đại. Mang trong mình tình yêu đất nước, thương dân vô bờ bến và "chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do", Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ quy tụ, người lãnh đạo cuộc đấu tranh giành và giữ vững độc lập, tự do và thống nhất của dân tộc ta.

Cậu bé Nguyễn Sinh Cung sinh ra và lớn lên khi đất nước Việt Nam đắm chìm trong đêm trường nô lệ, nhân dân bị áp bức, bóc lột và không biết thế nào là quyền tự do dân chủ. Yêu nước, thương nhân dân đói khổ lầm than và khâm phục các vị tiền bối cách mạng, nhưng người thanh niên Nguyễn Tất Thành không tán thành con đường cứu nước của họ. Tuy nhiên, Nguyễn Tất Thành cũng hiểu rằng, chỉ yêu nước thương dân, chỉ có mong muốn không thôi thì không thể đòi lại được độc lập, tự do từ tay những kẻ thống trị. Vì vậy, cùng với bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ và một hướng đi mới, Người rời Tổ quốc, bắt đầu hành trình

tìm đường để giành lại độc lập, tự do cho chính mình và đồng bào mình.

Đi qua nhiều châu lục, vừa kiếm sống, vừa khảo nghiệm thực tiễn và lựa chọn con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đến với con đường cứu nước trong thời đại cách mạng vô sản. Có ánh sáng của học thuyết tiên tiến nhất của thời đại soi đường, Người đã sáng lập *Đảng Cộng sản Việt Nam* - một tổ chức chính trị tiên phong; soạn thảo *Cương lĩnh chính trị* - một đường lối cách mạng đúng đắn, đáp ứng nhu cầu của lịch sử và hợp quy luật của thời đại; đào tạo *đội ngũ cán bộ, đảng viên* - những người công sản gương mẫu đi đầu; sáng lập *Mặt trận Việt Minh* - một hình thức tập hợp rộng rãi, đoàn kết những người Việt Nam yêu nước; sáng lập *lực lượng vũ trang nhân dân* - công cụ bạo lực để giành và bảo vệ chính quyền cách mạng, v.v.. Tiếp đó, giương cao ngọn cờ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam do Người đứng đầu đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Độc lập, tự do và thống nhất nước nhà là những giá trị thiêng liêng và cao đẹp của một dân tộc; vì vậy "toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất

cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Buộc phải quyết định tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong một tương quan lực lượng vô cùng chênh lệch, trong thế bị bao vây và giữa muôn vàn khó khăn, thử thách, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: mục đích của cuộc kháng chiến để bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng Tháng Tám, đó là *hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ*. Quyết định đó của Người và Trung ương Đảng hợp với ý chí của những người Việt Nam yêu nước, phù hợp xu thế của thời đại là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giải phóng những thân phận nô lệ, nên được toàn dân Việt Nam và nhân loại yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý ủng hộ. Vì rằng như Người đã nói, "không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta".

Sau chín năm kháng chiến, cùng với thắng lợi của trận Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, cùng với những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã kết thúc. Tuy nhiên, với giới tuyến quân sự tạm thời, hòa bình mới chỉ có

ở miền Bắc, còn ở miền Nam, đồng bào ta lại tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng. Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải và những khắc khoải bờ Bắc, bờ Nam không chỉ làm đau nhói trái tim Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà còn làm mất đi niềm hy vọng được đoàn tụ của những gia đình buộc phải chia lìa vì chiến tranh, vì ước nguyện *thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc* đã chưa trở thành hiện thực trọn vẹn.

Khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tâm trí của Người luôn dành cho miền Nam ruột thịt "Thành đồng Tổ quốc" đã phải "đi trước về sau". Và không cam tâm trước nỗi đau đất nước bị chia cắt, không cam tâm để một nửa khúc ruột miền Nam phải tiếp tục sống đọa đày dưới ách thống trị tàn bạo của kẻ thù, Hồ Chí Minh - lãnh tụ của nhân dân, ngọn cờ và linh hồn đoàn kết toàn dân tộc đã khẳng định chắc chắn rằng: *Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta. Đại đoàn kết là một lực lượng tất thắng!*

Có sức mạnh của chính nghĩa, có sức mạnh nội lực của tình đoàn kết Bắc Nam, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại, nhân dân miền Nam đã từng bước giành

thắng lợi. Các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ từng bước bị phá sản. Dù tiến hành "*Chiến tranh đơn phương*", "*Chiến tranh đặc biệt*", "*Chiến tranh cục bộ*" hay "*Việt Nam hóa chiến tranh*", dù máu chảy, đầu rơi, thì tất cả cũng không thể ngăn nổi sức mạnh của cả một dân tộc đang chiến đấu và khát khao chiến thắng, được bắt đầu bằng "*Đồng khởi*"...

Với tinh thần và ý chí "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" của cả một dân tộc có truyền thống bất khuất, kiên cường trong hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968 và tư tưởng "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" của Người đã được thực hiện thắng lợi bằng Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, nhưng cuộc đời hoạt động cách mạng đầy thăng trầm nhưng rất đổi vinh quang và những trước tác của Người vẫn hiện hiện trong trái tim, khối óc những con dân đất Việt, trong lòng nhân dân các dân tộc yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý. Có thể nói rằng: "Những người trên thế giới này, ngay trong một nước cũng như từ nước này sang nước khác, có biết bao nhiêu điều không giống nhau, thậm

chí trái ngược nhau về cảnh ngộ sống và lý tưởng sống, về trình độ hiểu biết, về xu hướng chính trị, xã hội hay tôn giáo. Nhưng miễn là không phải bọn áp bức, bóc lột, bọn xâm lược và tay sai của chúng, thì mỗi người đều có thể thấy ở cuộc chiến đấu và cuộc sống của Hồ Chủ tịch những điều mà mình hằng mong mỏi, những giá trị tinh thần mà mình thiết tha, những mục tiêu mà mình khao khát muốn vươn tới"¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ quốc tế mẫu mực, "một vị thiên sứ cách mạng", "một vị thánh cộng sản" đã có cống hiến to lớn vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức; vào việc củng cố phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; vào việc đoàn kết các lực lượng vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Là người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa trong thế kỷ XX, một trong những người chiến sĩ kiên cường, thủy chung, trong sáng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời là người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho hòa bình, tự do,

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Sđd, tr.95-96.

công lý, tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp văn hóa cao cả. Bởi hơn bao giờ hết, giải phóng con người khỏi thân phận nô lệ, khỏi đói nghèo và ngu muội, đưa họ trở thành chủ nhân của một nước tự do, độc lập là một sự nghiệp văn hóa có ý nghĩa cao quý nhất, đồng thời cũng là ước mơ ngàn đời của nhân loại. Trí tuệ uyên bác của Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cùng những hoạt động văn hóa, đóng góp và sáng tạo văn hóa của Người, đưa Người trở thành nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam.

3. Với hành trình 79 mùa xuân từ làng Sen đến Ba Đình, những nơi Người từng sống vẫn hiển hiện những câu chuyện truyền kỳ về tình yêu thương dành cho hết thảy, lòng bao dung nhân hòa, sự chỉ bảo ân tình, nỗi cảm thông, nếp sống giản dị, tinh thần vượt khó, và chuyện kể về đôi dép cao su huyền thoại, bộ quần áo nâu giản dị, bữa cơm ăn nhiều rau hơn thịt cá, đời sống vật chất của vị nguyên thủ quốc gia luôn giản dị và tiết kiệm, nhưng đời sống tinh thần thì vô cùng phong phú và khoáng đạt.

Rời xa trần thế tại Ba Đình Tâm, song tâm hồn Người thanh cao, lồng gió bốn phương, gắn kết truyền thống, hiện tại và tương lai của

nước nhà, cùng ngôi nhà sàn, rừng hoa giấy, con đường xoài, ao cá, v.v. đã làm nên nét đặc sắc văn hóa Hồ Chí Minh ở Phủ Chủ tịch tại Ba Đình vẫn còn lại mãi trong ký ức những người đương thời. Bởi rằng, cũng tại nơi đây, Ba Đình đây này, vẫn cốt cách phương Đông, vẫn lịch thiệp và tế nhị của một nhân cách lớn, không cần phòng khánh tiết trang trọng, ngay dưới giàn hoa giấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp những vị khách quý của mình. Khách của Người là chính khách, là nhà báo, nhà văn, là các đồng chí lãnh đạo, là những anh hùng, dũng sĩ, bà con nông dân, các em nhỏ, v.v. đều được đón tiếp chân tình và cởi mở, lịch lãm và khoan dung. Tất cả đều cảm thấy gần gũi, thân thiết lạ thường.

Dường như với Chủ tịch Hồ Chí Minh, với một con người mà văn hóa ứng xử đạt đến tầm nghệ thuật, thì không chỉ bạn bè mà ngay cả những người bất đồng chính kiến, những người ở phe đối lập từng một lần được gặp Hồ Chí Minh (dù trong hoàn cảnh nào, ở một nơi nào đó giữa châu Âu, châu Á, hay ở giữa Ba Đình) cũng đều không thể thù ghét Người, vì rằng "Hồ Chí Minh là một con người suốt đời không có kẻ thù riêng".

Khiêm nhường nhưng không tự ti, tự nhiên mà không điệu bộ, "gặp lần đầu mà ngỡ như

đã gặp từ lâu", đến với Người, đến với khung cảnh thiên nhiên trong lành của Phủ Chủ tịch tại Ba Đình lịch sử, từ các đồng chí lãnh đạo cao cấp đến những người dân lao động bình thường, từ chính khách đến em nhỏ mồ côi đều cảm thấy tự tin và ấm lòng. Trước một Hồ Chí Minh hiền hậu như một nhà hiền triết phương Đông, trong một khung cảnh thiên nhiên đầy hoa thơm và cá lội, phần tốt trong mỗi con người được nhân lên, cái ác không còn chỗ để chung sống nữa.

Từ ngôi nhà sàn đơn sơ ở Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng ngày dành thời gian đọc sách, đọc báo, đánh dấu kỹ những gương *người tốt, việc tốt* để kịp thời biểu dương và thưởng huy hiệu. Cũng từ nơi đây, Người nghe tin chiến sự miền Nam, quốc tế, đọc thư và trả lời từng người mỗi khi nhận được lời yêu cầu hay câu hỏi, v.v. bằng những lời lẽ, ngôn từ dễ hiểu, dễ nhớ mà lắng sâu lòng người. Và cũng tại nơi đây, Người đón tiếp những vị nguyên thủ quốc gia, những chính khách, những người bạn, trả lời phỏng vấn của các nhà báo, v.v. giúp họ hiểu hơn về truyền thống, về đất nước, con người Việt Nam trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước.

Đến với Hồ Chí Minh là đến với một cuộc

đời giản dị, thanh cao, suốt đời "tận trung với nước, tận hiếu với dân" mà bao trùm lên tất cả là chủ nghĩa nhân văn cao cả. Với hết thảy những gì Người để lại, dấu ấn một vị lãnh tụ hết lòng yêu thương nhân dân ở Phủ Chủ tịch tại Ba Đình làm sáng ngời tấm gương đạo đức của một con người luôn thống nhất giữa lời nói và việc làm, luôn mặn cảm về chính trị và đặc sắc trong văn hóa. Cuộc đời Hồ Chí Minh gắn liền với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, của nhân loại vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người không có của riêng, chỉ có tình thương yêu đồng loại, gắn bó với tự nhiên và Người thuộc về nhân dân, để lại ân tình sâu nặng trong lòng nhân dân. Bà Giôdophin Stenson đã từng đến thăm nơi ở, làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch ở Ba Đình đã nói: Đến mái nhà sàn của Người lục tìm của riêng thì, vĩ đại thay, Người thật chẳng có gì là riêng cả. Người và thiên thần thoai về Người tại nơi đây đã trở thành thú vị.

Ba Đình, Phủ Chủ tịch, nơi đây ấp những kỷ niệm, những câu chuyện về cây đa kiên trì, về cháu gái dân quân người Quảng Bình được Bác Hồ tặng hoa, về các anh hùng dũng sĩ miền Nam được chụp ảnh cùng Người ở đường xoài, về cháu nhỏ được vuốt chòm râu

Bác Hồ, v.v. sẽ còn lại mãi, sẽ lưu dấu Chủ tịch Hồ Chí Minh - "Người là tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam suốt bốn nghìn năm lịch sử"¹.

Hồ Chí Minh là đỉnh cao của cốt cách, tâm hồn Việt Nam, một biểu tượng của bản sắc dân tộc Việt. Ở Hồ Chí Minh, tinh thần cách mạng cao cả, đạo đức cách mạng trong sáng, tư tưởng sâu sắc của triết lý phương Đông đã hoà quyện cùng nhau làm nên một triết lý nhân sinh. Những địa danh tại Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Phan Thiết, Quy Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, và cuối cùng lại trở về Hà Nội, v.v., sẽ là những nơi góp phần hiện hiện hành trình 79 mùa xuân cuộc đời Hồ Chí Minh - Con người mà "mặc dầu trong thế giới ngày nay có khác biệt và xung đột, nhưng được gặp Bác Hồ, chúng ta sung sướng được thấy lòng tốt của con người... tình bạn, lòng nhân ái sẽ vượt qua tất cả"².

Vì vậy, thế giới dù có đổi thay, nhưng sự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.516.

2. Trích lời phát biểu của Thủ tướng Ấn Độ Nêru trong tiệc chiêu đãi Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 7-2-1958 khi Người sang thăm Ấn Độ.

nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh còn sống mãi. Chân dung của Người "đã được giương cao không những trong các cuộc biểu tình vì hòa bình ở Việt Nam mà còn xuất hiện trong các cuộc bãi công, hoặc tại những cuộc chiếm giữ các trường đại học và trong các hoạt động của công nhân, sinh viên và những nhà hoạt động cách mạng lão thành của phong trào công nhân, cũng như những người Thiên Chúa giáo, từ những người trong các nghiệp đoàn cho đến các nhà hoạt động vì hòa bình. Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ thống nhất cho nhân dân thuộc mọi thế hệ khác nhau có chính sách chính trị và quan điểm khác nhau nhưng đã liên hiệp với nhau bằng sự khâm phục chủ nghĩa anh hùng của Việt Nam và bằng mối tình đoàn kết của họ với Việt Nam"¹.

Tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự bất tử của Người trong trái tim nhân dân Việt Nam và trái tim nhân loại yêu chuộng hòa bình tự do, công lý và cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, tấm gương đạo đức cách mạng của Người là "một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của

1. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Sđd, t.III, tr.66-67.

nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội", và "Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau"¹ như UNESCO từng ghi nhận.

1. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sđd*, tr.5-6.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Anh cả Nguyễn Lương Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
2. Axtorôgindô Pêrêri: *Độc Nhật ký trong tù*, Báo Nhân dân chủ nhật, ngày 21-1-1962.
3. *Bác Hồ với Trường Dục Thanh*, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Bác Hồ với Thuận Hải, Thuận Hải với Bác Hồ*, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.
4. Báo *Cứu quốc*, ngày 15-1-1946.
5. Báo *Hà Tây*, ngày 18-6-1966.
6. Báo *Nam Hà*, ngày 20-8-1966.
7. Báo *Người Dân tộc*, (Tandania), ngày 6-9-1969.
8. Báo *Nghệ An*, ngày 17-6-1966.
9. Báo *Quyền lợi đỏ*, Praha, Tiệp Khắc, ngày 9-9-1989.
10. Nguyễn Lương Bằng: *Tân Trào 1945 - 1985*, Hội Văn học nghệ thuật Hà Tuyên, 1985.

11. Mai Văn Bộ: *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
12. Christiane Pasquel Rageau: *Hồ Chí Minh "Les Justes"*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, H29 C6/3.
13. La Côn: *Điện Biên Phủ - Những điều chưa thấy hết*, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 62, 4-1999.
14. C.B - Đ.X - T.L - Chiến sĩ - Trần Lực: *Nói chuyện Mỹ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1972.
15. Trần Đức Cường (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
16. Daniel Hémerý: *Hồ Chí Minh từ Đông Dương đến Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2004.
17. Davit Halbetstam: *Hồ*, Nxb. Randon House, New York, 1971, bản dịch lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.
18. Xuân Diệu: *Yêu thơ Bác*, Tạp chí *Văn học*, số 5-1996.
19. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.

20. Thành Duy: *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, 6, 7, 8, 14, 17, 20.
22. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
23. *Điện Biên Phủ - Nhìn từ phía bên kia*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.
24. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990.
25. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
26. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
27. Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976.
28. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

29. Vũ Đình Hòe: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa thông tin và Trung tâm lưu trữ văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2001.
30. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.37.
31. J. Lacouture: *Ho Chi Minh*, Seuil, Paris, 1967.
32. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
33. Nguyễn Đình Lộc: *Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
34. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12.
35. Hồ Chí Minh: *Xuân Đình Hợi - 1947, Thơ chúc Tết*, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, 1986.
36. Hồ Chí Minh: *Nhật ký trong tù*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
37. *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979.
38. Quách Mạt Nhược: *Cảm tưởng sau khi đọc tập thơ Nhật ký trong tù*, Báo Nhân

- dân, ra ngày 13-11-1960.
39. Philipp Devillers: *Hồ Chí Minh (1890 - 1969)*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, H29 C5/24.
 40. Nguyễn Ái Quốc: *Bài thăm một chiến sĩ cộng sản*, Báo Ogoniok, số 39, ngày 23-12-1923.
 41. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
 42. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ III*, từ ngày 1-12 đến ngày 4-12-1953, lưu trữ Văn phòng Quốc hội.
 43. *Quốc dân Đại hội Tân Trào*, Nxb. Hà Nội, 1995.
 44. Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
 45. Thu Trang: *Nguyễn Ái Quốc tại Pari 1917 - 1923*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1989.
 46. Thái Vĩnh Thắng: *Lịch sử lập hiến Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
 47. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn

- học, Hà Nội, 1970.
48. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
49. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 1, ngày 2-9-1945.
50. V.V. Visniamôva Akhimôva: *Hai năm ở nước Trung Hoa nổi dậy*, Nxb. Khoa học, Mátxcova, 1980.
51. Xã luận *Báo Tự do nhân dân*, Buđapét, Hunggari, ngày 11-9-1969.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
I- Từ làng Sen đến Bến Nhà Rồng (1890 - 1911)	15
II- Sự hình thành một chọn lựa (1911 - 1920)	59
III- Hành trình từ người cộng sản Việt Nam đầu tiên đến người chiến sĩ cộng sản quốc tế (1920 - 1924)	87
IV- Hoạt động ở Quảng Châu và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1924 - 1930)	117
V- Từ nước ngoài chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước (1930 - 1941)	149
VI- Từ Pác Bó đến Ba Đình (1941	177

- 1945)	
VII- Lãnh đạo cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài (1945 - 1946)	219
VIII- Trở lại Việt Bắc, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)	263
IX- Trở lại Ba Đình, lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1954 - 1969)	317
- <i>Kết luận</i>	445
- <i>Tài liệu tham khảo</i>	456

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
PGS, TS. LÊ VĂN YÊN
Biên tập nội dung: VĂN LÊ
VÕ TÚ OANH
Trình bày bìa: NGUYỄN PHƯƠNG
MAI
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH
LAN
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ
THUẬT
Độc sách mẫu: VÕ TÚ OANH

Mã $\frac{3K5H6}{CTQG -}$
số: 2010

In 530 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại ...
Số đăng ký kế hoạch xuất bản:
Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2010.